



# LỜI MỞ ĐẦU

*Ba mươi năm bão táp (1945-1975), Việt Nam cao như cột chống trời. Một mảnh đất kiên cường, Đồng Nai vững như vàng thử lửa. Mảnh đất kiên cường, vững như vàng thử lửa ấy là quê hương của em, vùng đất đã hơn 320 năm hình thành và phát triển, nơi lưu dấu những bước chân tiền nhân không ngừng khắc ghi các giá trị văn hóa, lịch sử. Vùng đất kiên cường “mà biết bao khu rừng, ngọn núi, khúc sông đã trở thành tên gọi của những chiến công hiển hách”. Là một người con của vùng đất Đồng Nai, em cảm thấy tự hào về những giá trị Văn hóa - Lịch sử của quê hương mình nên luôn tâm niệm phải rèn luyện, phấn đấu sao cho xứng đáng với sự hy sinh của các thế hệ cha anh trước, xứng đáng với “Hào khí Đồng Nai” trong trang sử vàng của dân tộc.*

*Tham gia cuộc thi Tìm hiểu Giá trị Văn hóa - Lịch sử Đồng Nai năm 2018, em càng thấm thía những giá trị, sự hy sinh lớn lao của các thế hệ cha anh qua hơn 320 năm xây dựng và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Xin trân trọng cảm ơn Ban tổ chức hội thi “Tìm hiểu giá trị Văn hóa - Lịch sử Đồng Nai năm 2018” đã tổ chức một cuộc thi vô cùng ý nghĩa, đây là sân chơi bổ ích để mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ như em có cơ hội để tìm hiểu và ôn lại lịch sử của quê hương Đồng Nai, vùng đất địa linh nhân kiệt; biết trân trọng để gìn giữ những công lao, sự hy sinh quả cảm của những bậc tiền nhân, qua đó em càng ý thức hơn về trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp xây dựng mảnh đất Đồng Nai ngày càng phát triển, văn minh và giàu đẹp. Em cũng xin chân thành cảm ơn những tác giả, các báo, đài, các webside trong quá trình làm bài thi em đã sử dụng tư liệu, hình ảnh để biên soạn và minh họa.*

*Trân trọng !*





# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhiều tác giả. Biên Hòa - Đồng Nai: 300 năm hình thành & phát triển. NXB Tổng hợp Đồng Nai, 1998.
2. Nhiều tác giả. Địa chí Đồng Nai. NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2001.
3. Lâm Hiếu Trung chủ biên, Bùi Quang Huy, Trần Quang Toại,... Biên Hòa - Đồng Nai xưa và nay. Nxb. Đồng Nai, 2005.
- 4- PGS.TS Huỳnh Văn Tới; Bản sắc dân tộc và văn hóa Đồng Nai. Nxb. Đồng Nai, 1999.
- 5- Ban Thường vụ Thành ủy Biên Hòa; Biên Hòa xưa.Nxb. Đồng Nai, 2012
- 6- Đại tá, PGS.TS Hồ Sơn Đài (Ch.b); Đỗ Tâm Chương, Nguyễn Quang Hữu... Lịch sử Chiến khu Đ. Nxb. Đồng Nai, 1997.
- 7- Th.S Trần Quang Toại (Ch.b). Đồng Nai di tích lịch sử văn hóa. Nxb. Đồng Nai, 2004.
- 8- Mai Sông Bé. Đồng Nai từ mở cõi đến mở cửa. Nxb. Đồng Nai, 2009.
- 9- Lâm Hiếu Trung (Ch.b); Hồ Sơn Đài, Trần Quang Toại,... Lịch sử Lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai (1945-1995). Nxb. QĐND, 1999.
- 10- Địa chỉ truy cập điện tử:
  - <https://dost-dongnai.gov.vn>
  - <http://dongnai.vncgarden.com>
  - <http://www.thuviendongnai.gov.vn>
  - <http://thegioidisan.vn>
  - <http://tuyengiao.dost-dongnai.gov.vn>
  - <http://ditichlichsuvanhoa.com>
  - <http://www.baodongnai.com.vn>





# MỤC LỤC

**CÂU 1:** Trong 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, Nhân dân Đồng Nai đã trải qua những cuộc kháng chiến nào? Hãy trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai?

## A.- THỜI KỲ ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1861 - 1945).

I- Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai những ngày đầu chống Pháp.

II- Đảng lãnh đạo nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 giành chính quyền thắng lợi.

## B.- THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 - 1954).

I- CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN.

1. Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng.

2. Xây dựng Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu.

3. Trận tấn công đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa.

II- PHONG TRÀO TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN.

1. Thống nhất lực lượng vũ trang, bước đầu hình thành ba hình thức tổ chức vũ trang.

2. Công nhân cao su với “Mặt trận cao su chiến”.

3. Những trận đánh giao thông

3.1. Đánh đường sắt:

3.2- Trận phục kích La Ngà.

4. Căn cứ địa cách mạng.

5. Biên Hòa - nơi hình thành cách đánh đặc công.

6. Diệt cọng ba móng ở chiến khu Đ.

III- Vượt qua thiên tai, xây dựng lực lượng, bố trí chiến trường đánh địch.

1. Bố trí lại chiến trường, lực lượng.

2. Vượt qua thiên tai.



3. Phối hợp chiến trường cả nước, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

### C- THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 - 1975)

I- Đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai.

1-. Đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Genève.

2. Nổi dậy phá khám Tân Hiệp (12/1956).

3. Trận đánh Mỹ tại Nhà Xanh (BIF).

II- Biên Hòa từ Đồng Khởi đến phá Ấp chiến lược (1961 - 1965).

1. Đồng Khởi.

2. Phá ấp chiến lược.

3. Đánh sân bay Biên Hòa.

4. Phối hợp chiến dịch Bình Giã.

III- Đánh Mỹ diệt Ngụy trong chiến lược Chiến tranh cục bộ.

1. Thế trận mới.

2. Âm mưu mới của địch.

3. Lập vành đai diệt Mỹ ở Biên Hòa.

4. Những cuộc tiến công tiêu biểu.

4.1. Đặc công đánh tổng kho Long Bình - sân bay Biên Hòa.

4.2. Tập kích bằng pháo binh vào sân bay quân sự Biên Hòa.

4.3. Đánh địch trên sông Lòng Tàu.

4.4. Phối hợp đánh địch ở Sài Gòn.

5. Cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

IV- Góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh Việt Nam hóa.

1. Đợt tiến công xuân Kỷ Dậu (1969) trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, Long Khánh.

2. Bám trụ địa bàn, khôi phục lực lượng tạo thế và lực mới.

2.1- Vượt qua khó khăn, chống địch càn quét.

2.2- Phá lòng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch vùng trọng yếu.

3. Cuộc đấu tranh trong vùng địch.

4. Chiến dịch Nguyễn Huệ 1972.







4.1- Tiến công địch đều khắp trên các địa bàn.

4.2- Đánh phá kho tàng, hậu cứ sân bay địch.

V- Chống địch lấn chiếm bình định - thu hồi mở rộng vùng giải phóng.

1. Địch vi phạm Hiệp định Paris.

2. Chống địch lấn chiếm, bình định.

3. Thu hồi và mở rộng vùng giải phóng.

VI- Tham gia chiến cuộc mùa khô 1974 - 1975 giải phóng toàn tỉnh.

1. Chiến dịch lộ 3 - Mở rộng địa bàn Đông Bắc Xuân Lộc.

2. Chiến dịch Xuân Lộc giải phóng thị xã Long Khánh.

3. Tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng toàn tỉnh.

#### D.- CẢM NHẬN CỦA BẢN THÂN VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI.

1- Kế thừa truyền thống của dân tộc, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai có tinh thần yêu nước nồng nàn.

2- Trung thành với Đảng, với Tổ quốc, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai đấu tranh cách mạng đến cùng.

3- Tinh thần đoàn kết quân dân gắn bó là sợi chỉ đỏ trong phong trào cách mạng của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai

4- Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai anh dũng, kiên cường trong đấu tranh cách mạng; cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất; nghĩa tình trong cuộc sống.

5- Nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để bảo vệ và xây dựng quê hương.

**CÂU 2:** Hãy cho biết và nêu cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai; từ đó giới thiệu một hoạt động tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội mà anh (chị) từng biết hoặc tham gia? Để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay anh (chị) sẽ làm gì?

#### A.- NHỮNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

##### I- LỄ THỨC VÀ TẬP QUÁN TRONG MỘT VÒNG ĐỜI NGƯỜI

1. Việc sinh, dưỡng.

2. Việc hôn nhân





3. Việc tang chế

II- TỤC THỜ CÚNG TRONG NHÀ

1. Thờ cúng ông bà, tổ tiên
2. Thờ cúng thần độ mạng
3. Thờ cúng các thần bản gia
4. Thờ cúng khác

III- CÁC LỄ TIẾT CỦA GIA ĐÌNH TRONG NĂM

1. Tết
  - 1.1- Tết Nguyên Đán
  - 1.2- Tết giữa năm
  - 1.3- Tết Trung thu
2. Những ngày rằm
3. Những ngày vía

IV- TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

1. Đình và lễ hội cúng đình
2. Miếu và lễ hội cúng bà

V- CẢM NHẬN VỀ TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN Ở BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI

B.- LỄ HỘI KỶ YÊN ĐÌNH XUÂN LỘC, LONG KHÁNH NĂM 2018

1. Đình Xuân Lộc
2. Lễ kỷ yên đình Xuân Lộc năm 2018
  - 2.1- Lễ Tinh sanh
  - 2.2- Lễ Khán sắc
  - 2.3- Lễ Túc yết
  - 2.4- Lễ Hậu bồi

C.- NHỮNG VIỆC LÀM CỦA EM ĐỂ PHÁT HUY VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.





## Câu 1:

*Trong 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai đã trải qua những cuộc kháng chiến nào? Hãy trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai?*







Cách mạng tháng Tám 1945 là một sự kiện vĩ đại, mở ra một bước ngoặt cho cách mạng Việt Nam. Từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, Việt Nam thành một nước độc lập, nhân dân ta từ một cuộc sống nô lệ trở thành người dân tự do. Với nhân dân Đồng Nai, không khí độc lập, tự do cuốn hút mọi người dân từ nông thôn, thị xã, đồn điền vào việc xây dựng cuộc sống mới. Nhân dân ta đã được hưởng 73 năm độc lập, thế nhưng trong suốt quãng thời gian 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, để có được độc lập, tự do thực sự như hôm nay, cùng với cả dân tộc, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai phải trải qua 2 cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

## **A.- THỜI KỲ ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1861 - 1945).**

### **I- Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai những ngày đầu chống Pháp.**



Liên quân Pháp-Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng

Năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha chính thức xâm lược nước ta với trận tấn công vào cửa biển Đà Nẵng. Do sức kháng cự của quân dân Đà Nẵng, liên quân bị sa lầy ở đây nên chỉ để lại một đại đội và vài tàu chiến, còn đại bộ phận kéo vào đánh chiếm Nam kỳ. Ở cửa biển Vũng Tàu, chỉ sau một ngày tấn công, 10/2/1859, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã phá tan hệ thống phòng thủ của ta, mở ra cửa ngõ quan trọng để tiến sâu vào lãnh thổ Nam kỳ. Ở Nam kỳ, sau trận đại chiến với quân Pháp tại đồn Chí Hòa, lực lượng quân ta tổn thất nặng nề, đồn Chí Hòa rơi vào tay quân Pháp. Các tướng Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển cùng quân sĩ rút về Biên Hòa. Triều đình phái Nguyễn Bá Nghi giữ chức Khâm sai đại thần cùng Đề đốc Tôn Thất Đính mang 4.000 quân vào Biên Hòa tiếp viện, mộ thêm binh lính để giữ các tỉnh còn lại: Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

Những con đường dẫn đến Biên Hòa đều được quân ta phòng thủ chặt chẽ. Cách Biên Hòa khoảng 8 km về phía Tây Nam có chiến lũy Mỹ Hòa với 3.000 quân trấn đóng. Ở phía Nam Biên Hòa có tiền đồn Gò Công và một số ồ đề kháng phòng thủ. Dưới sông Đồng Nai, từ Nhà Bè đến Biên Hòa có chín cản gỗ đóng cừ và một cản đá hàn rất vững chắc. Dưới sông chỗ nào có cản thì trên bờ được xây dựng pháo đài, bố trí súng thần công yểm trợ khi cần thiết. Ngày 13/12/1861, Bonard gửi tới hậu thư cho Nguyễn Bá Nghi đòi quân triều đình triệt thoái các pháo đài và các vật cản trên sông Đồng Nai. Sáng 14/12, Bonard ra lệnh tấn công Biên Hòa. Quân đội triều đình chống cự rất quyết liệt, dũng mãnh. Nhưng sau những trận kịch chiến đẫm máu, quân ta phải bỏ lũy Mỹ Hòa rút chạy. Trong đêm 17/12, Nguyễn Bá Nghi ra lệnh cho quân đội rút khỏi thành Biên Hòa. Ngày 18/12/1861 quân Pháp vào





chiếm thành bả ngổ thu nhiều chiến lợi phẩm. Quân triều đình rút chạy về hướng Bà Rịa. Quân Pháp truy đuổi, tại Long Thành, Lãnh binh Nguyễn Đức Ứng chỉ huy quân lính và nghĩa quân địa phương chặn đánh nhằm ngăn cản bước tiến của địch nhưng bị tổn thất nặng nề trước kẻ thù áp đảo về vũ khí. Nguyễn Đức Ứng hy sinh và được nhân dân chôn trong một ngôi mộ cùng với 27 nghĩa binh. Ngày 28/12/1861, Long Thành hoàn toàn rơi vào tay giặc.

Chiếm đóng tỉnh lỵ Biên Hòa, với mục đích ngăn chặn các cuộc nổi dậy của phong trào kháng chiến và đề phòng những cuộc tiến công của quân triều đình, quân Pháp xây dựng các hệ thống đồn lũy kiên cố, cùng các tiền đồn trọng yếu trên địa phận Biên Hòa. Chúng tàn phá nhiều làng mạc dân cư, hủy nhiều công trình văn hóa, tín ngưỡng ở Biên Hòa như Văn miếu Trấn Biên, Miếu Hội đồng, các di tích đình, chùa. Biên Hòa dưới bàn tay xâm lược tàn bạo của quân Pháp trở nên tiêu điều. Trước cảnh nước mất nhà tan, nhân dân Biên Hòa đoàn kết tụ họp đông đảo theo nghĩa quân Trương Định, tôn ông làm Bình Tây đại nguyên soái. Nghĩa quân Trương Định đồng thời tiến công các đồn Phước Tuy, Bình An, Thuận Kiều, Tây Thái, Mai Sơn... và liên tục quấy rối không để địch yên. Đêm 17 rạng ngày 18/12/1862, khoảng 1.200 nghĩa quân Trương Định mở hai mũi tiến công diệt đồn Long Thành. Bonard phái bộ binh, kỵ binh và hai khẩu sơn pháo chiếm lại đồn này.



Trưa ngày 18/12 nghĩa quân đốt cháy chiến thuyền Lorcha số 10 đang do thám gần phủ Phước Tuy. Khoảng 100 nghĩa quân trang bị đầy đủ vũ khí tập kích diệt gọn một toán tuần tra địch. Ngày 1/1/1863 viên tiểu đoàn trưởng lính thủy đánh bộ Coquet dẫn 12 pháo thủ trang bị 1 khẩu pháo dã chiến, 13 kỵ binh và hiến binh đi tuần tra và bắt liên lạc với một nhóm người theo đạo Thiên Chúa. Trên đường từ



Nhà phía Tây thành cổ Biên Hòa sau khi trùng tu

Bà Rịa đến Long Lập, toán quân này bị phục kích ở Thạnh Mỹ, trận đánh diễn ra ác liệt, gây cho chúng thiệt hại nặng. Ngày 20/1/1863 Coquet bị vây chặt ở Bà Rịa, tình hình nguy ngập đến nỗi Bonard phải đưa quân ở Sài Gòn ra tiếp viện. Cuối tháng 1/1863 nghĩa quân Kinh - Thượng ở Biên Hòa, Bà Rịa phục kích toán lính hành quân từ Bà Rịa đi chợ Bến (Long Điền) và liên tiếp tập kích các căn cứ giặc. Người Stiêng ở Biên Hòa và Thủ Dầu Một cùng đồng bào Choro ở Bà Rịa lập thành vành đai bao vây phía Bắc và Đông Bắc Sài Gòn. Họ lấy núi rừng làm căn cứ kháng chiến, lúc ẩn lúc hiện, lúc đánh lúc rút làm địch hoang mang. Từ đại ngàn,





nghĩa quân Kinh - Thượng tiến công các cứ điểm địch rồi lại biến vào rừng. Quân Pháp phải vất vả bình định lại các vùng đã bình định trước đó vì tinh thần bất khuất và ý chí độc lập của nhân dân Biên Hòa, tình đoàn kết giữa đồng bào Kinh - Thượng trong cuộc đấu tranh với kẻ thù xâm lược.

Nhiều đồn lũy của Pháp ở Biên Hòa bị tấn công, nhiều nơi quân Pháp phải bỏ đồn rút về Sài Gòn, khiến Đô đốc Bonard phải lấy thêm viện binh từ Tuy Hòa để giải vây tình thế cho thành Biên Hòa, tái lập các đồn lũy và nhất là tấn công vào trung tâm hoạt động của nghĩa quân Trương Định ở Gò Công. Biên Hòa được xem như một trung tâm xuất phát của phong trào quần chúng nổi dậy đánh vào quân Pháp xâm lược và lan tỏa về các tỉnh khác ở Nam kỳ. Ngày 20/8/1864, Trương Định hy sinh, một số thủ lĩnh của ông không thống nhất hành động, Quân Là tự phong đại nguyên soái đóng ở Cần Giuộc. Phan Chánh xưng là Bình Tây phó nguyên soái, hội với Trương Quyền lập căn cứ Giao Loan tại vùng Rừng Lá (xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc). Nhiều người yêu nước ở Biên Hòa, Gia Định, Định Tường nghe tiếng đến xin gia nhập. Nghĩa quân mộ binh, tổ chức tích trữ lương thảo, vũ khí, đúc súng đạn, rèn dao mác. Từ căn cứ Giao Loan, nghĩa quân bung lực lượng đi quấy rối giặc ở Biên Hòa, Bà Rịa. Nghĩa quân còn xây dựng căn cứ kháng chiến Bàu Cá (xã Đông Hòa, huyện Thống Nhất), đánh nhiều trận gây cho chúng nhiều tổn thất.



Một người đàn ông Stiêng với vũ khí làm bằng nỏ  
(ảnh: Belleindochine.free.fr)

Cuộc kháng chiến của nhân dân Biên Hòa cũng như nhân dân miền Đông Nam kỳ đến năm 1865 tạm thời lắng xuống, các phong trào đấu tranh dần dần bị thất bại và chuyển sang một hình thức mới. Đó là tổ chức Hội kín được thành lập



Đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh

nhiều nơi ở Nam kỳ, phát triển khá mạnh và cuốn hút nhiều người tham gia, đặc biệt ở các vùng Biên Hòa, Gia Định, Chợ Lớn, Thủ Dầu Một, Bến Tre... làm cho thực dân Pháp hết sức lo lắng và tổ chức các cuộc truy quét. Đoàn Văn Cự đã khéo léo dùng hình thức hoạt động tôn giáo để thu phục nhân tâm, qua đó tuyên truyền thức tỉnh lòng yêu nước, tinh thần xả thân vì đại nghĩa của dân tộc. Tổ chức hội kín do ông thành lập quy tụ nhiều hảo hớn, tinh thông võ nghệ, coi trọng việc nghĩa, một lòng vì nước, vì dân. Lợi dụng địa thế rừng, ông xây dựng Bưng Kiệu thành căn cứ tập hợp lực lượng ngày một lớn mạnh, tích trữ lương thảo, rèn đúc gươm dao để chuẩn bị cho việc dấy binh. Tháng 5/1905, Hội kín tổ chức lễ tế cờ, luyện



quân ở suối Linh. Ngày 11/5/1905, chính quyền thực dân cho một tiểu đội lính bí mật đến bao vây thôn Vĩnh Cửu. Đoàn Văn Cự đã triệu tập hàng trăm nghĩa quân tổ chức mai phục sẵn sàng đánh địch. Phục kích cả ngày không thấy địch đến, tưởng địch đã rút lui, đến tối, ông cho nghĩa quân rút về căn cứ. Lúc này giặc mới ập đến, vây chặt căn cứ Bung Kiệu. Quân Pháp tấn công vào doanh trại của nghĩa quân và đốt phá kho lương thực. Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa quân hy sinh anh dũng, Hội kín Đoàn Văn Cự tan rã

Tại Biên Hòa, một nhóm người yêu nước đã thành lập ra Trại Lâm Trung, căn cứ đóng tại Gò Mọi, xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu). Nghĩa quân tham gia trại phần lớn là thanh niên trai tráng các tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ, Chánh Mỹ Trung... một số hương chức hội tề và nhiều gia đình khá giả. Đêm 24/1/1916 nghĩa quân chia ra



Miếu cô hồn thờ nghĩa sĩ Trại Lâm Trung

làm nhiều toán, nổi dậy tiến công các nhà hội (trụ sở hội tề) Tân Trạch, Tân Khánh, Tân Lương... đã làm hương chức hội tề các làng bỏ chạy tán loạn. Chiều 25/1/1916 các ông Mười Sóc, Mười Tiết, Cao Văn Lệt chỉ huy phá khám lớn Biên Hòa. Nghĩa quân tước được một số súng của lính gác nhà tù, dùng súng bắn vào dinh chủ tỉnh. Đêm 26/1, một toán nghĩa quân chừng 50 người xông vào phá chợ Tân Uyên, giết một tên lính, đánh bị thương viên kiểm lâm. Sau cuộc nổi dậy chống bắt lính và phá khám Biên Hòa, giặc Pháp tập trung lực lượng đàn áp hội. Tháng 3/1916, thủ lĩnh Lâm Trung Trại sa vào tay giặc Pháp, nhằm khủng bố nhân dân hòng dập tắt ý chí bất khuất của họ, chúng xử bắn chín người cầm đầu ở dốc Sỏi gần đình Bình Thành. Năm 1918, nhân dân xây dựng một miếu thờ dưới gốc cây đa ở ngã ba Dốc Sỏi (thường gọi là miếu Cô hồn) để tưởng nhớ gương nghĩa liệt của các ông.

Kể từ khi đặt chân xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của nhân dân ta. Từ khởi nghĩa vũ trang cho đến hoạt động tổ chức các Hội kín, nhân dân Biên Hòa đã liên tục tiến hành cuộc kháng chiến cứu nước. Do nhiều nguyên nhân của lịch sử, phong trào kháng Pháp của nhân dân Biên Hòa trong bối cảnh chung của cả nước không đạt đến mục tiêu đánh bại quân xâm lược, nhưng tinh thần chiến đấu bất khuất của họ đã tô thắm trang sử hào hùng truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta.

## **II- Đảng lãnh đạo nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 giành chính quyền thắng lợi.**

Từ những năm 1925 trở đi, tỉnh Biên Hòa cũng như nhiều địa phương khác ở Nam bộ bắt đầu xuất hiện một phong trào yêu nước được soi sáng bởi đường lối cách mạng vô sản do Nguyễn Ái Quốc tiếp thu và truyền bá vào Việt Nam. Phong





trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh dấy lên ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào đấu tranh của công nhân ở các đồn điền cao su. Đêm 28/10/1929, tại khu rừng sau lưng làng 3 của đồn điền Phú Riềng, chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập gồm có 6 đồng chí do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm bí thư. Cùng với Phú Riềng, trong những tháng cuối năm 1929 đầu năm 1930, một số cơ sở Đảng cũng được tổ chức xây dựng ở đề pô xe lửa Dĩ An, nhà máy cưa BIF, đồn điền cao su Cam Tiêm, đồn điền cao su Courtenay.

Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Ở Biên Hòa nhiều thanh niên tiên bộ đã sớm giác ngộ đã đứng vào hàng ngũ của Đảng, làm người chiến sĩ tiên phong đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc. Đêm 28/4/1930, hàng trăm tờ truyền đơn kêu gọi thợ thuyền và dân cày đoàn kết đứng dậy đấu tranh chống các chính sách bóc lột, đàn áp của thực dân Pháp và bè lũ tay sai như bãi bỏ chế độ bắt xâu, đòi giảm thuế được rải ở nhiều khu vực trong thị xã Châu Thành, Biên Hòa. Ngày Quốc tế lao động 1/5/1930, toàn bộ công nhân hãng cưa BIF và đề pô xe lửa Dĩ An nhất loạt đình công với các yêu sách: ngày làm 8 tiếng, không được cúp phạt, đánh đập công nhân, không được bắt công nhân làm việc ngày chủ nhật. Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu đã vận động thành lập chi bộ Đảng đầu tiên lấy tên là chi bộ Bình Phước - Tân Triều đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở tỉnh Biên Hòa. Đây là chi bộ Đảng đầu tiên đã được thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện nay, là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương và là nòng cốt để hình thành tổ chức Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa sau này.

Ngày 15/8/1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện. Ngọn lửa cách mạng bùng lên mạnh mẽ. Ngày 19/8/1945, cuộc khởi nghĩa giành được thắng lợi rực rỡ ở thủ đô Hà Nội. Ngày 23/8/1945, tại xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa, đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa giành chính quyền tại tỉnh lỵ Biên Hòa do đồng chí Hoàng Minh Châu phụ trách. Ngày 23/8/1945, công nhân và nhân dân các ấp Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị đã nổi dậy làm chủ các ấp đồng thời tập hợp lực lượng xung kích để làm nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa ở tỉnh lỵ Biên Hòa. Trong nội ô tỉnh lỵ, nhân dân đã treo cờ đỏ sao vàng, cờ búa liềm, dán khẩu hiệu khắp các phố chợ. Ở huyện Long Thành, Ủy ban khởi nghĩa huy động công nhân cao su, nhân dân các xã quanh thị trấn kéo về quận lỵ giành chính quyền trong ngày 24/8/1945. Đêm 24/8/1945, tại rạp hát Trần Điền,







một cuộc mít tinh được tổ chức với hàng trăm quần chúng tham gia. Các đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa tỉnh đã công khai diễn thuyết, kêu gọi đồng bào tham gia Mặt trận Việt Minh, tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền. Nội ô tỉnh lỵ Biên Hòa, và các xã vùng ven như Tam Hiệp, Tân Mai, Tân Phong, Bửu Long, Bửu Hòa, Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, lực lượng cách mạng hoàn toàn làm chủ.



Sáng sớm ngày 26/8/1945, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa tập hợp hàng trăm quần chúng tiến vào Tòa bộ Biên Hòa treo lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên tại dinh tỉnh trưởng. Đến 11 giờ, các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn đến Tòa bộ buộc tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý cùng những viên chức đứng đầu các công sở trong tỉnh bàn giao chính quyền cho cách mạng. Sáng sớm ngày

27/8/1945, tại Quảng trường Sông Phố, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức. Gần một vạn người từ khắp các quận về dự lễ. Đồng chí Hoàng Minh Châu - Trưởng ban khởi nghĩa tuyên bố chính quyền về tay nhân dân và công bố thành phần Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa gồm các đồng chí: Hoàng Minh Châu - chủ tịch; Huỳnh Văn Hớn - phó chủ tịch kiêm trưởng ban tuyên truyền; Nguyễn Văn Long - phụ trách cảnh sát tỉnh; Ngô Hà Thành - phụ trách quốc gia tự vệ cuộc; Nguyễn Văn Tàng - phụ trách Ban quản trị tài sản quốc gia tỉnh.

Kết thúc cuộc mít tinh là lễ tuyên thệ. Hơn một vạn người đã long trọng giơ cao nắm tay tuyên thệ, sẵn sàng hy sinh tánh mạng, tài sản, kiên quyết bảo vệ nền độc lập tự do cho Tổ quốc. Quân chúng hô vang các khẩu hiệu: “Việt Nam độc lập muôn năm” “Việt Minh muôn năm”... Cả Biên Hòa, từ phố thị cho đến các xã thôn, các đồn điền cao su thực sự là một ngày hội lớn, khắp các nẻo đường đâu đâu cũng sôi động cả một rừng người và cờ, ai ai cũng hân hoan và cảm động đến trào nước mắt. Từ thân phận nô lệ lầm than, nhân dân tỉnh Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng đã cùng cả nước vùng đứng dậy đập tan bộ máy thống trị của giặc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

## **B.- THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 - 1954).**

### **I- CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN.**

#### **1. Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng.**

Cách mạng tháng Tám mới thành công, thực dân Pháp liên tục gây hấn và khiêu khích. Ngày 2/9/1945, giữa lúc nhân dân Sài Gòn và các tỉnh họp mít tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp xả súng bắn chết 47 người và nhiều người khác bị thương. Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng tiến công Sài Gòn mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa. Tin thực dân Pháp xâm lược ở Sài



Gòn làm nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai sục sôi ý chí chiến đấu “thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”. Tình hình cũng đặt ra cho lãnh đạo tỉnh phải gấp rút xây dựng bộ máy, sẵn sàng lãnh đạo nhân dân chiến đấu chống xâm lược. Tối 23/9/1945, đồng chí Hà Huy Giáp thay mặt Xứ ủy triệu tập Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa tại nhà hội xã Bình Trước, quận Châu Thành, thành lập Ban chấp hành lâm thời Tỉnh ủy Biên Hòa gồm 11 người do Trần Công Khanh làm bí thư. Hội nghị đã quyết định những vấn đề: Củng cố chính quyền cách mạng từ tỉnh xuống quận, xã; Thực hiện những chính sách cấp bách nhằm sớm ổn định đời sống cho nhân dân, để có điều kiện huy động sức cho kháng chiến; Thành lập các quận ủy, nơi chưa có điều kiện thì tăng cường cán bộ về vận động thành lập; Chuẩn bị các điều kiện, xây dựng địa

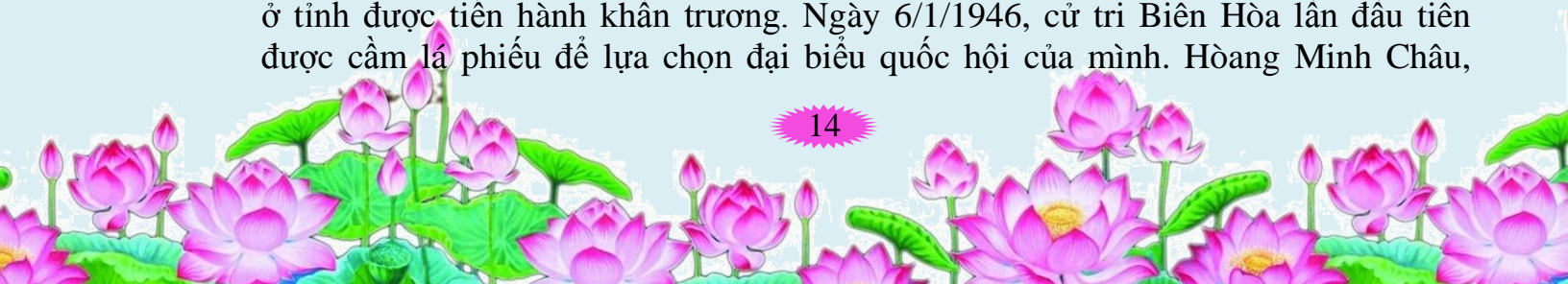


Nhà hội xã Bình Trước, quận Châu Thành

bàn và lực lượng vũ trang để kháng chiến khi giặc Pháp trở lại; và xây dựng Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc làm nòng cốt, tập hợp mọi giai cấp, tầng lớp trong tỉnh tham gia chiến đấu.

Từ hội nghị Bình Trước, UBND tỉnh được thành lập do Hoàng Minh Châu làm chủ tịch. Các quận ủy gồm: Quận ủy Châu Thành do Hồ Văn Leo, bí thư; Quận ủy Tân Uyên do Lê Thái, bí thư; Quận ủy Long Thành do Trịnh Văn Dục, bí thư. Tỉnh ủy cử đồng chí Lê Ngọc Liệu làm trưởng đoàn cán bộ về Xuân Lộc chuẩn bị thành lập quận ủy, nhanh chóng tiến hành các mặt công tác phục vụ kháng chiến. Thành lập Mặt trận Việt Minh tỉnh do Hồ Hòa làm chủ nhiệm, Huỳnh Văn Lũy làm Phó chủ nhiệm kiêm Hội trưởng Nông dân cứu quốc. Ngày 25/9/1945 Thành lập đoàn Thanh niên Cứu quốc do Hoàng Bá Bích làm đoàn trưởng. Công đoàn cứu quốc do Trịnh Trọng Tráng phụ trách. Các xã tổ chức lực lượng tự vệ làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương. UBND tỉnh đã ban hành một số chủ trương để ổn định đời sống và sản xuất của dân như: Bãi bỏ thuế thân, thuế chợ và nhiều thuế khác không hợp lý; Đóng cửa các tiệm rượu, tiệm hút thuốc phiện; Tịch thu ruộng đất của địa chủ phản động, đồn điền của tư bản thực dân, đất vắng chủ để phân cấp cho dân; và giảm thuế, giảm tô 25% để khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất.

Phong trào “tuần lễ vàng” được phát động rộng rãi trong nhân dân để mua sắm vũ khí. Nhân dân Biên Hòa không tiếc tiền của, xương máu, vàng, bạc, tư trang, vật dụng đem đến ủy ban xã ủng hộ. Các cơ sở công nghiệp như nhà máy BIF, các đồn điền cao su công nhân tháo gỡ máy móc chuyển ra rừng để sản xuất vũ khí. Phong trào xóa mù chữ được toàn dân tham gia. Công tác điều tra nắm tình hình dân cư, lập danh sách cử tri chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên ở tỉnh được tiến hành khẩn trương. Ngày 6/1/1946, cử tri Biên Hòa lần đầu tiên được cầm lá phiếu để lựa chọn đại biểu quốc hội của mình. Hoàng Minh Châu,







Phạm Văn Búng, Điều Xiển được nhân dân bầu đại biểu Quốc hội khóa I của tỉnh Biên Hòa.

## 2. Xây dựng Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu.

Trong Hội nghị Bình Trước, đồng chí Phan Đình Công, Thường vụ Tỉnh ủy, ủy viên quân sự tỉnh trình đề án xây dựng trường huấn luyện cán bộ quân sự và được Tỉnh ủy chấp nhận, gọi là “Trại du kích Vĩnh Cửu”, nằm tại ấp Vĩnh Cửu, xã Tam Hiệp thuộc quận Châu Thành, do Phan Đình Công, phụ trách. Đây là khu vực rừng chồi, xen lẫn ruộng, rẫy; cư dân độ vài chục hộ. Ngôi nhà của thầy giáo Hồ Văn Thế được dùng làm văn phòng của trại



Xưởng quân giới trong kháng chiến chống Pháp

du kích, khoảng đất trước nhà và ruộng xung quanh được lấy làm sân tập. Ngày 26/9/1945, trại du kích Vĩnh Cửu khai giảng khóa học đầu tiên. Học viên được tổ chức làm 4 phân đội khoảng 100 người, gồm thanh niên, nông dân các xã ở quận Châu Thành, công nhân nhà máy cưa BIF, thanh niên Sài Gòn, Biên Hòa..., đặc biệt có một tiểu đội lính Nhật rã ngũ tham gia kháng chiến gia nhập trại làm nhiệm vụ hướng dẫn sử dụng vũ khí, dạy chiến thuật tác chiến. Trại có 78 khẩu súng gồm: 54 khẩu súng trường, 4 khẩu súng phóng lựu, 20 khẩu súng săn 12 ly, 16 ly, một số lựu đạn, mìn chống tăng. Học viên được huấn luyện quân sự và chính trị. Tài liệu huấn luyện chủ yếu dựa vào quyển “chiến thuật du kích” của Nguyễn Ái Quốc và Infanterie militaire (ky binh) của quân đội Pháp. Học viên được học về đội ngũ, cách sử dụng vũ khí (gồm súng, lựu đạn, mìn), chiến thuật chiến đấu cá nhân, chiến đấu



Một đơn vị Nam tiến tại ga Hàng Cỏ, trước khi lên đường vào Nam chiến đấu

tiểu đội, trung đội, võ judo, kỹ thuật đánh cận chiến. Nội dung chương trình chính trị bao gồm: năm bước công tác, đạo đức cách mạng, chương trình Mặt trận Việt Minh, cách mạng dân chủ mới, lịch sử Việt Nam.

Tháng 10/1945, trại chuyển về An Hảo, đình Bình Đa, được chi đội Nam Long (lực lượng Nam tiến) tăng cường thêm một số cán bộ quân sự, chính trị. Ngoài công tác huấn luyện quân sự, chính trị, trại còn phối hợp với Chi đội Nam Long đánh địch ở cầu Bình Lợi (Thủ Đức) khi chúng định mở rộng lấn chiếm; nhiều lần tổ chức đánh các tàu địch thăm dò trên sông Đồng Nai. Sau ngày 25/10, khi Pháp đánh chiếm Biên Hòa, trại chuyển về Sở Tiêu Đất Cuộc (Tân Uyên) tiếp tục mở lớp huấn luyện và trở thành một đơn vị của Vệ Quốc đoàn Biên Hòa. Trong thời gian một tháng, trại du kích Vĩnh Cửu đã mở được hai khóa huấn luyện (mỗi khóa 15 ngày) với khoảng 100 học viên tốt nghiệp. Hầu hết cán bộ



ra trường sau này đều trở thành những chỉ huy giỏi của nhiều đơn vị vũ trang khắp miền Đông Nam bộ như: chi đội 10, trung đoàn 310 Biên Hòa, trung đoàn 812 Bình Thuận, chi đội 16, trung đoàn 307 Bà Rịa..., giữ vai trò nòng cốt xây dựng phong trào du kích chiến tranh ở các địa phương. Trại huấn luyện Vĩnh Cửu là trường huấn luyện quân sự chính trị đầu tiên ở Biên Hòa và miền Đông.

### **3. Trận tấn công đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa.**

Cuối tháng 10/1945, thực dân Pháp phá vỡ vòng vây quanh Sài Gòn. Trước tình hình đó, UBND tỉnh Biên Hòa quyết định chuyển các cơ quan lãnh đạo về Tân Uyên và các vùng ven thị xã như Bình Đa, Hồ Cạn, xây dựng các căn cứ du kích để chiến đấu lâu dài đồng thời hạ lệnh “tiêu thổ kháng chiến”, thực hiện “vườn không nhà trống”. Công nhân cao su chặt phá cây, đốt lương thực, tháo gỡ máy móc ra khu kháng chiến, công nhân nhà máy gỗ BIF đã đốt các kho gỗ ván sàn, gỗ thành phẩm, tháo máy tiện, máy bào và nhiều thiết bị chuyển về Bình Đa. Nhân dân vùng ven thị xã được Mặt trận Việt Minh vận động tự phóng lửa đốt nhà và một số đình chùa quyết không để giặc Pháp chiếm làm đồn bót. Ngày 25/10/1945, quân Anh - Ấn vượt cầu Gành đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa rồi giao lại cho thực dân Pháp. Chúng rải quân chiếm giữ các đầu mối giao thông, các cơ quan, công sở, xây dựng bộ máy tay sai ở thị xã.

Ngày 10/12/1945, hội nghị Xứ ủy lâm thời Nam bộ mở rộng tổ chức ở Bình Hòa Nam (Chợ Lớn) kiểm điểm tình hình và bàn công tác tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy, hội nghị chia Nam bộ làm ba chiến khu 7, 8, 9. Khu 7 do Nguyễn Bình làm khu trưởng xây dựng căn cứ ở Lạc An (Tân Uyên). Tư lệnh khu 7 quyết định huy động lực lượng tổ chức trận tập kích vào tỉnh lỵ Biên Hòa.

Phân đội 4, phân đội 5 Vệ Quốc đoàn Biên Hòa được lệnh đột nhập nội ô nghiên cứu, vẽ sơ đồ các địa điểm đóng quân của địch, lên phương án tấn công. Cuối tháng 12/1945, các lực lượng vũ trang từ Tân Uyên, Gia Định, Rừng Sác bí mật điều quân áp sát tỉnh lỵ Biên Hòa trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa... Đêm 1 rạng sáng ngày 2/1/1946, các lực lượng vũ trang đồng loạt tấn công vào thành Sắn Đá, các công sở như Tòa bố, bưu điện, nhà ga, đốt cháy nhà thông tin và các đồn địch ở đầu cầu Gành... Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu cụ thể nào, nhưng trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ đã gây một tiếng vang chính trị rất lớn. “Tiếng súng Biên Hòa” đập tan lời tuyên truyền huênh hoang của thực dân là Việt Minh đã bị tiêu diệt, thu hút nhân dân vùng địch tạm chiếm, hội tụ về Biên Hòa, chiến khu Đ để tham gia kháng chiến.







## II. PHONG TRÀO TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN.



Bộ đội và công nhân phục kích quân Pháp

Pháp chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa nhưng không thể mở rộng lấn chiếm ra khỏi khu vực xã Bình Trước do các hoạt động vũ trang rất tích cực của đội Xung phong cảm tử, Vệ Quốc đoàn Biên Hòa, Vệ Quốc đoàn quận Châu Thành. Năm 1946, được tăng cường thêm binh lực, quân Pháp mới bắt đầu thực hiện hành quân lấn chiếm khu vực huyện Vĩnh Cửu và Tân Uyên, Long Thành, Xuân Lộc. Từ các bàn đạp căn cứ du kích như Bình Đa, Hồ Cạn (Tân Phong)..., Vệ Quốc đoàn Châu Thành chặn đánh địch ác liệt ở cầu Rạch Gốc (Bình Hòa), Tân Phong; bộ đội quận Long Thành chặn đánh địch ở dốc 47... Trên quốc lộ 1 và 20, 15, tự vệ chiến đấu của công nhân cao su các đồn điền Trảng Bom, Dầu Giây, Suối Tre, Cốc Rang, Bình Lộc, Túc Trung, Cây Gáo, Bình Sơn, An Viễn... làm chướng ngại vật trên đường và liên tục chặn đánh địch. Tại núi Thị, núi Tung (An Lộc), tự vệ chiến đấu, công nhân cùng bộ đội Nam tiến chặn đánh và làm bị thương trên 100 lính Anh, Pháp, Nhật. Trong các cuộc hành quân, Pháp vào làng bắn giết hàng loạt dân lành vô tội, vì nghi họ là Việt Minh. Đồng chí Điều Xiển, bị địch bắt tại Rừng Lá, địch đã man cột ông vào phía sau xe jeep kéo chạy đến chết nhưng đồng chí vẫn giữ vững tinh thần, khí tiết cộng sản.

Thực hiện lời kêu gọi kháng chiến của Tổng công đoàn cao su Nam Bộ, công nhân cao su ở Biên Hòa đã thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”. Hàng trăm thanh niên công nhân thoát ly gia nhập bộ đội Biên Hòa, du kích xã, quận, từng đồn điền, từng phân sở cao su, đều xây dựng được các tổ tiếp tế lương thực, nắm tình hình địch để báo tin cho lực lượng kháng chiến. Trong các vùng đô thị, tạm chiếm, việc xây dựng tổ chức cơ sở bên trong rất được chú trọng. Tại nhà máy cửa BIF, Công đoàn Cứu quốc tỉnh cử cán bộ Phan Văn Thời, Nguyễn Văn Ký, Nguyễn Văn Biên vào làm thợ để xây dựng cơ sở trong nhà máy và các ấp xung quanh Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị, Gò Me. Tổ chức Công đoàn cứu quốc của nhà máy được thành lập. Công đoàn xây dựng được 43 tổ công đoàn bí mật, qua đó công nhân BIF chuyển được rất nhiều nguyên liệu tiếp tế cho kháng chiến.

Trong nội ô tỉnh lỵ, ta xây dựng được cơ sở bí mật để liên lạc giữa chiến khu và nội thành ở tiệm cơ khí Trần Bùi, chuyển các hàng hóa thiết yếu như bàn máy đánh chữ, giấy, bút... và nắm tin địch trong nội thành cho kháng chiến. Tại Bệnh viện tâm thần Biên Hòa, ta tổ chức nhiều cơ sở bên trong, chuyển bông băng, thuốc kháng sinh... ra căn cứ; đồng thời bảo vệ, che giấu nhiều cán bộ Việt Minh ngay trong bệnh viện. Chùa Long Thiền vận động thanh niên nam nữ Phật tử thoát ly kháng chiến, vận động đồng bào Phật tử làm cơ sở tiếp tế nuôi quân, liên lạc và



trình sát cho kháng chiến. Xứ đạo Công giáo Mỹ Hội, vận động tín hữu thoát ly kháng chiến, ủng hộ tích cực cho các lực lượng vũ trang, lực lượng dân chính của huyện, xã đứng chân ở Phước An. Các đồng bào dân tộc Châu Ro, Stiêng ở Tà Lài, Lý Lịch, Túc Trung... rút về rừng sâu, vào các vùng kháng chiến, nhiều người trở thành trinh sát của chi đội 10 Biên Hòa, tiểu đoàn vận tải chiến lược 320 của phân liên khu miền Đông.

### 1. Thống nhất lực lượng vũ trang, bước đầu hình thành ba hình thức tổ chức vũ trang.

Trên địa bàn Biên Hòa có nhiều tổ chức vũ trang yêu nước gồm: Vệ Quốc đoàn quận Châu Thành: gồm 5 tiểu đội, trang bị 30 khẩu súng, đứng chân huấn luyện tại Thường Lang hữu ngạn sông Đồng Nai; Vệ Quốc đoàn quận Long Thành: quân số 120 người, tổ chức thành 4 phân đội, vũ khí có 8 khẩu súng trường; Vệ Quốc đoàn Biên Hòa: khoảng 40 tay súng đóng ở Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc, Đất Cuốc huyện Tân Uyên, tổ chức thành 4 phân đội do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy.

Cuối tháng 4/1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận thay mặt Khu ủy khu 7 triệu tập hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa tại cù lao Vịt (Bình Hòa). Tỉnh ủy Biên Hòa được chỉ định thành lập do Nguyễn Văn Ký bí thư, công tác Đảng lãnh đạo vũ trang được đặt ra. Huỳnh Văn Nghệ, chỉ huy Vệ Quốc đoàn Biên Hòa, được cử làm Ủy viên Ủy ban phụ trách quân sự tỉnh. Tháng 5/1946, Hội nghị quân sự tỉnh Biên Hòa được tổ chức tại chiến khu Đ, quyết định Vệ Quốc đoàn quận Châu Thành sát nhập với Vệ Quốc đoàn Biên Hòa do Huỳnh Văn Nghệ làm chỉ huy trưởng. Tổ chức 9 “quận quân sự”, góp phần đẩy mạnh hoạt động vũ trang trên địa bàn tỉnh. Mỗi “quận quân sự” phụ trách một số xã có từ 1 đến 2 tiểu đội vũ trang làm nòng cốt phát triển du kích xã, tiếp tế, chuẩn bị địa bàn cho Vệ Quốc đoàn Biên Hòa hoạt động. Trong lúc đó, Vệ Quốc đoàn quận Long Thành vẫn còn hoạt động riêng lẻ.



Tháng 6/1946, Khu 7 mở hội nghị quân sự toàn Khu tại Đông Thành quyết nghị ở mỗi tỉnh, lực lượng vũ trang thống nhất lại và tổ chức thành chi đội. Chi đội ở tỉnh nào làm nhiệm vụ quân địa phương bảo vệ chính quyền và nhân dân tỉnh đó. Thực hiện Nghị quyết quân sự khu, Vệ Quốc đoàn Biên Hòa sáp nhập thêm Vệ Quốc đoàn Long Thành tổ chức thành Chi đội 10, do Huỳnh Văn Nghệ làm chi đội





trưởng; Nguyễn Văn Lung chỉ đội phó, Phan Đình Công chính trị viên. Ban chỉ huy thành lập các tiểu ban: quân nhu, quân trang, quân y, tiểu ban sản xuất tự túc, binh công xưởng, kho vũ khí chi quân báo để phục vụ các yêu cầu chiến đấu, sinh hoạt của chi đội. Quân số chi đội 10 trên 2.000 người tổ chức thành 3 đại đội.



Khi chính quyền cơ sở trong tỉnh đã phát triển tương đối mạnh, Ban chỉ huy chi đội quyết định chuyển các quận quân sự thành các ban công tác liên thôn (tức Ban chỉ huy quân sự liên thôn) chỉ hoạt động quân sự. Ngoài 9 ban công tác liên thôn từ 9 quận quân sự chuyển sang, ban chỉ huy thành lập thêm một số ban mới. Chi đội xây dựng một quân y viện, các đại đội đều có trạm xá, trung đội có y tá, phân đội có cứu thương vừa làm nhiệm vụ cứu chữa cho bộ đội, điều trị bệnh cho nhân dân khu vực đóng quân. Việc thành lập chi đội 10 Biên Hòa đánh dấu sự thống nhất lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang trong tỉnh. Đồng thời, với việc thành lập các ban công tác liên thôn (có du kích tập trung), các đội du lịch xã, đến cuối năm 1946, Biên Hòa là địa phương sớm hình thành 3 loại hình tổ chức lực lượng vũ trang, đảm bảo đứng chân chiến đấu trên các địa bàn đạt kết quả cao.

## **2. Công nhân cao su với “Mặt trận cao su chiến”.**

Khi thực dân Pháp mở rộng lấn chiếm các tỉnh miền Đông, các đồn điền Trảng Bom, An Lộc, Dầu Giây, Bình Sơn ở Biên Hòa đều tổ chức được trung đội tự vệ chiến đấu, sẵn sàng chặn địch. Công nhân đồn điền Túc Trung đốn cây lẩn ra mặt đường từ Dầu Giây lên cầu La Ngà, tự vệ Kinh, Thượng chuẩn bị chai xăng, cung nỏ, tên tẩm thuốc độc phục sẵn bên đường để chặn giặc. Công nhân các sở khuân vác, tháo gỡ các thiết bị máy tiện, khoan, máy cán mủ, sắt, thép, hóa chất... ra rừng, làm cơ sở để xây dựng các binh công xưởng. Các đồn điền cao su ở Biên Hòa đều bị phá hoại nghiêm trọng. Hầu hết công nhân rút ra vùng căn cứ tham gia kháng chiến. Chiếm lại các đồn điền cao su, tại mỗi sở thực dân Pháp đóng một chi khu, lực lượng thường xuyên khoảng 2 đại đội để càn quét, gom công nhân, bảo vệ chủ đồn điền, vườn cây, hỗ trợ đắc lực cho việc khai thác. Sau Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946, Tổng công đoàn Nam bộ chỉ đạo xây dựng rộng rãi tổ chức công đoàn để vận động công nhân tham gia kháng chiến. Tại Biên Hòa, công đoàn cơ sở vùng đồn điền được xây dựng với 4.000 hội viên, hàng loạt công nhân thoát ly tham gia Vệ Quốc đoàn.

Một trung đội dân quân được liên đoàn giao nhiệm vụ phá hoại cao su, đánh vào kinh tế của thực dân Pháp ở Biên Hòa, mở đợt hoạt động “biến đồn điền thành chiến trường diệt địch” và “phá hoại kinh tế địch”. Hàng loạt cuộc đấu tranh của



công nhân cao su Biên Hòa nổ ra vào các dịp lễ 1/5, 19/5, 14/7 ở Suối Tre, Cốc Rang, Dầu Giây bằng hình thức đình công, lãn công, giấu dụng cụ cạo mũ, đòi nghỉ ngày Quốc tế lao động, đòi tăng lương. Ngày 14/7/1947, thợ chuyên môn ở các xưởng, phòng giấy đồn điền Bình Lộc, An Lộc, Dầu Giây gài chất nổ ở các nhà máy đèn, máy nước, kho dầu, kho mũ, phá hủy một lượng thiết bị, sản phẩm, bỏ sớ ra khu kháng chiến. Hoạt động của công nhân cao su Biên Hòa góp phần thu hẹp diện tích khai thác cao su và sản lượng mũ của tư bản đồn điền. Thực dân đàn áp, bắn giết công nhân rất dã man, nhưng không ngăn được lòng yêu nước, phong trào nam nữ thanh niên theo cách mạng tòng quân giết giặc và phá hoại cao su của công nhân. Ngoài hoạt động của đội chuyên trách Liên đoàn, công nhân ở các đồn điền tham gia phá hoại bằng nhiều hình thức như vạt vò, chặt cây, đổ mũ nước, chôn mũ bèo, đập chén, tháo kiềng, đốt mũ thành phẩm, đốt lò xông.

Pháp điều sư đoàn Lê dương thứ 2 về Xuân Lộc, càn quét ác liệt vùng cao su và vùng rẫy với phương châm “đốt sạch, phá sạch” hoa màu, cây trái, nhà cửa công nhân ở ngoài khu chúng kiểm soát để triệt phá kinh tế kháng chiến. Chỉ riêng đồn điền cao su An Lộc khoảng 2.400 công nhân, địch bố trí đến một tiểu đoàn bảo đảm an ninh, một trung đội cơ giới để kìm kẹp. Làng công nhân cao su trở thành nhà tù, có đồn binh và những lớp rào tre nhọn bao bọc, công nhân ra vào bị kiểm soát nghiêm ngặt. Địch càng khủng bố, phong trào công nhân cao su ở Biên Hòa vẫn không giảm sút, mà chuyển thành những hình thức đấu tranh chính trị khéo léo hơn. Từ giữa năm 1948, ngoài đội dân quân chuyên phá cao su, tất cả các lực lượng vũ trang, chiến đấu trên địa bàn tỉnh đều tổ chức đội đặc nhiệm phá cao su để đẩy mạnh công tác phá hoại kinh tế của địch.

Công nhân cao su tỉnh Biên Hòa còn là lực lượng tích cực xây dựng các vùng căn cứ kháng chiến. 2.000 công nhân cao su huyện Xuân Lộc được đưa về chiến khu Đ ở khu vực Hàng Dài, lập thành xã Cộng hòa. 2.000 công nhân khác về xã Long An, Long Thành; 800 công nhân về Bàu Lâm xây dựng căn cứ Xuyên Phước Cơ (Bà Rịa). Hàng trăm công nhân Bình Lộc về Võ Đắc lập xã Tứ Hiệp. Việc xây dựng làng xã và cuộc sống mới của công nhân cao su ở các vùng căn cứ kháng chiến vừa góp phần xây dựng hậu phương cách mạng, vừa cổ vũ phong trào công nhân các đồn điền do địch kiểm soát. Cuối năm 1949, trên cơ sở xác định cao su là tài nguyên đất nước, bí thư Xứ ủy Nam bộ Lê Duẩn chỉ thị các Liên đoàn cao su thay đổi phương thức phá hoại cây cao su. Từ nay trọng tâm phá hoại cây cao su là nhằm làm giảm tốc độ sản xuất, giảm mức thu hoạch thành phẩm và lợi nhuận thu được của tư bản Pháp. Theo phương hướng này, trong 6 tháng đầu năm 1950, công nhân đồn điền An Lộc, Bình Lộc đốt cháy 2.100 tấn mũ trong nhà kho, phá hủy 6 xe cam nhông, gây thiệt hại trên 2.000 đồng. Trong ngày 19/5/1950, công nhân đồn điền Trảng Bom thiêu hủy nhà xông mũ lớn nhất của công ty cao su Đồng Nai đốt 34.200 kg mũ, 28 xe, giá trị tổng cộng trên 600.000 đồng.







Xe chở mủ của các công ty cao su Pháp

Tháng 5/1951, tỉnh Biên Hòa, tỉnh Thủ Dầu Một sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên. Nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng, khôi phục phát triển cơ sở trong công nhân và vùng đồng bào dân tộc, tỉnh thành lập hai đội vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc và Trảng Bom, gồm bộ đội, công an, cán bộ mặt trận, đoàn thể cứu quốc. Cả hai đội tổ chức nhiều đoàn xâm nhập vào các đồn điền móc nối, khôi phục cơ sở cũ, tạo

địa bàn để lực lượng vũ trang tiến công địch; phục vụ các trận tấn công địch; phát triển phong trào chống bắt lính trong công nhân. Cuối năm 1953, đầu năm 1954, tổ chức công đoàn, tổ chức Đảng ở các đồn điền Biên Hòa, Xuân Lộc được khôi phục, làm cơ sở quan trọng cho cuộc chiến đấu chống Mỹ, ngay sau khi có Hiệp định Genève 1954.

### 3. Những trận đánh giao thông.

#### 3.1- Đánh đường sắt:

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Trung ương Đảng chỉ đạo cho Xứ ủy Nam bộ “không để cho giặc Pháp lấy của cướp được ở Nam bộ ra đánh Trung và Bắc bộ”. Biên Hòa nằm trên các tuyến đường chiến lược quan trọng như quốc lộ 20, quốc lộ 1, đường sắt xuyên Việt, là những đường giao thông vận chuyển quân sự của địch từ Nam ra Bắc. Chi đội 10 mở một loạt trận đánh giao thông để tiêu diệt tiêu hao sinh lực địch. Từng trung đội, đại đội của chi đội 10 tổ chức một số trận đánh giao thông trên liên tỉnh lộ số 2, liên tỉnh lộ 24, quốc lộ 15, đồng thời tiến công một số đồn bót lẻ của địch như Cây Gáo, Bình Lộc, bót La Ngà. Chi đội 10 đưa các trung đội về cơ sở phối hợp cùng các Ban công tác liên thôn cùng cố, dẫn dắt các đội du kích xã và để lại một số trung đội ở địa bàn xung yếu cùng du kích giữ căn cứ, vừa tập trung tác chiến vừa huấn luyện, lấy thực tế chiến đấu để xây dựng và huấn luyện chiến sĩ.

Khắc phục điểm yếu về vũ khí, mục tiêu tiên công là các đoàn xe lửa, tuyến phục kích tương đối ngắn, thông tin liên lạc của địch còn hạn chế. Cách đánh là kết hợp dùng mìn chế tạo từ đầu đạn pháo 75 ly, tháo ốc vít các thanh tà vẹt của đường ray, chờ khi xe lửa địch đến thì nổ mìn đồng thời cột dây kéo mạnh đường ray làm đầu xe lửa trật bánh sắt phải dừng lại để bộ đội xung phong. Chi đội 10 tập trung ba đại đội gồm 6 trung đội tổ chức đánh đường sắt tại Xuân Lộc. Từ tháng 5 đến tháng 7/1947, chi đội đánh 4 trận. Trận Bảo Chánh 1 (19/5/1947), đầu xe lửa của địch bị trật bánh khỏi đường ray phải dừng lại, quân ta xung phong diệt địch thu nhiều vũ khí. Trận Trảng Táo (6/1947) bộ đội ta men theo bìa rừng truy kích, diệt được wagông bọc thép, thu nhiều súng đạn nhưng hiệu quả không cao. Trận Bảo Chánh 2



(tháng 6/1947), quả mìn 50 kg do Binh công xưởng chế tạo được đưa vào sử dụng. Theo kế hoạch, ta đánh vào đoàn tàu thứ hai. Một tình huống ngoài dự kiến xảy ra. Mỗi đoàn tàu, địch dùng đến hai đầu máy: một đầu máy kéo và một đầu máy đẩy.



Bộ đội đánh giao thông địch ở Trảng Táo

Do đó khi đầu máy đẩy xuất hiện, bộ đội lại tưởng là đầu đoàn tàu thứ hai, nổ mìn đánh. Đoàn tàu thứ hai cách 200 mét, Ban chỉ huy phải lệnh cho bộ đội vận động tấn công diệt wagông bọc thép và rút lui an toàn.

Ngày 11/7/1947, quân Pháp tổ chức càn quét quy mô lớn vào chỉ huy sở đóng tại chân núi Chứa Chan. Lực lượng ta đã di chuyển sang Bàu Cá. Tại đây, ban công tác liên thôn 11

chuẩn bị lương thực, địa bàn để chi đội đánh trận xe lửa thứ tư. Địa điểm phục kích là hai quả đồi cách nhau khoảng 300m, theo kế hoạch ta đánh vào cả hai đoàn tàu ở trận địa A và B. Lúc 12 giờ trưa ngày 14/7, đoàn tàu thứ nhất tiến vào trận địa, quả địa lôi 50 kg nổ phá hủy đầu máy, buộc tàu địch phải dừng lại. Từ trên cao, bộ đội dùng lựu đạn, súng tấn công diệt 200 lính thu 1 trung liên, 3 tiểu liên thompson, 11 tiểu liên, 40 súng trường, 5 súng ngắn, 3 máy vô tuyến và nhiều lương thực, đoàn tàu thứ hai rút chạy về Trảng Bom. Sau loạt trận đánh đường sắt ở Xuân Lộc, toàn chi đội về chiến khu Đ rút kinh nghiệm, bước vào đợt huấn luyện mới. Qua thực tế chiến đấu và tiếp thu lý thuyết về sản xuất mìn, binh công xưởng chế tạo ra loại mìn lôm, gọi là bazomine vừa gọn nhẹ nhưng có sức công phá lớn.

### 3.2- Trận phục kích La Ngà.

Từ tháng 1/1948, công tác chuẩn bị cho trận đánh La Ngà được triển khai, trình sát chi đội nắm chắc quy luật các đoàn xe địch thường di chuyển trên quốc lộ 20. Địa điểm phục kích được chọn từ cầu La Ngà đến Định Quán (cây số 104 đến 113). Kế hoạch tác chiến gồm các điểm chính: Tiêu diệt gọn đoàn xe chở cán bộ quân sự địch đi dự hội nghị quân chính Đà Lạt vào đầu tháng 3/1948 trên quốc lộ 20; Phải thắng cả quân sự, chính trị, dân vận và địch vận. Do đó phải giáo dục bộ đội giữ nghiêm kỷ luật chiến trường, thực hiện tốt chính sách tù hàng binh và công tác dân vận; Phải bố trí lực lượng tốt ở căn cứ để chống càn vì sau trận đánh, địch sẽ trả đũa càn quét vào căn cứ kháng chiến, có kế hoạch bám sát địch, ngay từ đầu và đánh mạnh thị xã Biên Hòa, thị trấn Xuân Lộc... buộc địch phải bị động ứng phó; và Tập trung đủ lực lượng (kể cả Liên quân 17 của khu đang huấn luyện ở chi đội 10) gồm 9 trung đội: Đại đội A có 2 trung



Huỳnh Văn Nghệ, Phan Trọng Tuệ tại sở chỉ huy Khu 7





đội, Đại đội B có 2 trung đội, Đại đội C có 1 trung đội, Liên quân 17 có 3 trung đội, quốc vệ đội Xuân lộc có 1 trung đội.

Tuyến phục kích kéo dài 9 km chia làm 3 trận địa: A - trận địa chặn đầu, C - trận địa khóa đuôi, B - trận địa ở giữa, phải tuyệt đối giữ bí mật để đoàn xe địch lọt hết vào trận địa phục kích. Không được bắn vào các xe ca đi trong đoàn để không gây thiệt hại cho hành khách. Cách đánh là bí mật, bất ngờ, xung phong mãnh liệt, giải quyết nhanh trận địa, tích cực truy kích địch kết hợp kêu gọi đầu hàng. Kế hoạch khắc phục máy bay địch lên phản kích gồm hai điểm:

- Trung đội 5 của đại đội B phối hợp cùng dân quân quận Châu Thành và Xuân Lộc chặt cây cho ngã ra đường, tổ chức bắn tỉa quấy rối địch đoạn từ Hồ Nai lên Dầu Giây. Mục đích là làm đoàn xe địch phải chậm mất từ 2 đến 3 giờ, buộc chúng vào trận địa khoảng 15 giờ trở đi vì giờ đó có nhiều sương mù, máy bay khó phát huy tác dụng. Mặc khác, hoạt động bắn tỉa, quấy rối sẽ làm cho binh lính địch mệt mỏi, tinh thần căng thẳng, sức chiến đấu sẽ giảm.



Bộ đội làm chủ trận địa La Ngà, 1/3/1948

- Đặt một tổ nghi binh ở phía đông đường 20 (ta phục kích ở phía tây). Khi có hiệu lệnh tấn công, tổ nghi binh sẽ đốt nhiều đồng lúa dưới các tán cây rừng rậm rạp nhằm thu hút máy bay địch lên chi viện. Đồng chí Nguyễn Văn Lung, chi đội phó trực tiếp chỉ huy tổ chức trận đánh.

Ngày 26/2/1948, đơn vị hành quân bí mật từ chiến khu Đ về trận địa tây quốc lộ 20 cách căn cứ 80 km. Ngày 29/2, toàn lực lượng chiếm lĩnh trận địa chiến đấu, Binh công xưởng chi đội bố trí địa lôi ở 3 trận địa A, B, C, bên trên nguy trang bằng những đồng phân voi. Tại sở chỉ huy, Ban chỉ huy nhận được điện của Khu bộ phó Huỳnh Văn Nghệ: Trận phục kích giao thông được mang tên Dương Văn Dương để kỷ niệm 2 năm ngày mất của ông, nguyên là Khu bộ phó Khu 7.

Trận đánh diễn ra đúng như kế hoạch. Lúc 15 giờ 2 phút, quả địa lôi ở mặt trận A nổ, chiếc xe bọc thép đi đầu bị phá hủy. Từ phía tây lộ 20, lực lượng ta xung phong ra đường tấn công địch quyết liệt, 15 giờ 27 phút, địa lôi trận địa C nổ, cả đoàn xe địch bị giam vào trong trận địa, chỉ còn lại hơn 10 chiếc hoảng sợ rút chạy ngược về hướng cầu La Ngà. Trên cả ba mặt trận, chi đội 10, liên quân 17 dũng mãnh xung phong. Địch hoàn toàn bất ngờ, chống trả yếu ớt. Gần 1 tiếng đồng hồ, trận đánh kết thúc, ta phá hủy 59 xe quân sự của địch, diệt 150 binh lính hộ tống, 25 tên sĩ quan chỉ huy, hậu cần, tham mưu đi dự hội nghị quân chính, bắt sống trung úy Joeffrey chỉ huy đại đội hộ tống. Trong 25 sĩ quan chết có Đại tá De Sérigné chỉ huy bán lữ đoàn Lê Dương thứ 13, đại tá Paruit phó tham mưu trưởng thứ nhất quân



đội Pháp ở Nam Đông Dương; thiếu tá chỉ huy phân khu quân sự Hóc Môn; đại úy Jean Couvreur trưởng phòng xe hơi.



Đoàn viên thanh niên sinh hoạt truyền thống tại di tích Tượng đài Chiến thắng La Ngà

Trong số 270 tù hàng binh và hành khách, có nhiều người và binh lính bị thương và người già, trẻ em sau khi được săn sóc, giải thích rõ chủ trương chính sách của Mặt trận Việt Minh, ta phóng thích tại chỗ. Số còn lại được đưa về căn cứ tập kết ở Suối Cát, gồm nhiều thành phần: trí thức, nữ tu, người buôn bán, hầu hết đều ở Sài Gòn. Tất cả được chia xẻ khẩu phần ăn đạm bạc của bộ đội. Trời mờ sáng, tất cả hành khách được hướng dẫn ra quốc lộ 20 để về Sài Gòn. Riêng Trung úy Joeffrey được điều trị vết thương gãy chân và trao trả sau này. Toàn bộ lực lượng ta cấp tốc hành quân trở về chiến khu Đ, kịp thời phối hợp cùng các đơn vị tại chỗ tổ chức đánh địch bẻ gãy trận càn của 4.000 quân Pháp vào căn cứ.

Chiến thắng La Ngà là trận đánh giao thông giành thắng lợi lớn diệt gọn đoàn xe quân sự địch, bắt sống tù binh, gây ảnh hưởng tốt, có tiếng vang trong nước và thế giới. Ngày 27/3/1948, trong hội nghị quân sự toàn khu, Bộ tư lệnh khu 7 đánh giá: “đánh trận La Ngà, quân ta đạt yêu cầu đề ra, thắng cả về quân sự và chính trị. Thắng lợi về quân sự là lớn, nhưng thắng lợi về chính trị còn lớn hơn ... chiến sĩ La Ngà đã làm cho nhân dân tin tưởng, quý mến, kẻ địch khiếp sợ và khâm phục. Trận La Ngà chứng tỏ bộ đội khu 7 nói chung, bộ đội Biên Hòa nói riêng có bước trưởng thành về nhiều mặt”. Bộ tổng tư lệnh QĐND Việt Nam gửi điện khen cán bộ, chiến sĩ chi đội 10, tặng thưởng Huân chương quân công hạng II.

#### 4. Căn cứ địa cách mạng.

Tân Uyên, một quận của tỉnh Biên Hòa xưa, ngoài thị trấn, địa bàn còn lại ở các xã hầu hết là rừng rậm; hướng bắc, đông bắc, đông nam và nam có sông Bé và sông Đồng Nai bao bọc, cách tỉnh lỵ Biên Hòa chỉ hơn 8 km đường chim bay. Đó là khu vực có địa hình lý tưởng để Khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa đứng chân lãnh đạo cuộc kháng chiến và lực lượng vũ trang hoạt động. Khi bộ đội Huỳnh Văn Nghệ rút về Tân Tịch, lực lượng vũ trang Chín Quý, của Ủy ban kháng chiến quận Tân Uyên kéo đến gia nhập. Đông đảo thanh niên, công nhân trí thức từ Sài Gòn cũng tìm đến đầu quân. Vệ Quốc đoàn Biên Hòa là tên gọi của đơn vị đứng chân ở Tân Uyên do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy, gồm 4 phân đội.



Từ trái sang: Huỳnh Văn Nghệ, Lê Duẩn, Trung tướng Nguyễn Bình ở Chiến khu Đ





Từ tháng 11/1945, Trung tướng Nguyễn Bình được Trung ương cử vào phụ trách công tác quân sự ở Nam bộ, quyết định chọn Tân Uyên làm căn cứ địa cho toàn khu. Sau hội nghị quân sự Nam bộ ở Đức Hòa (Long An), ngày 10/12/1945, chiến khu 7 được thành lập. Ngày 17/12/1945, cơ quan Khu bộ Khu 7 về đóng quân ở thị trấn Tân Uyên, tổ chức lực lượng bảo vệ căn cứ gồm 4 đại đội ở Tân Long, Tân Nhuận, Cây Đào, Tân Tịch, thị trấn. Cuối tháng 12/1945, một bộ phận của chi đội Thủ Dầu Một cũng về đứng chân ở Tân Uyên. Như vậy, chỉ sau hai tháng khi thực dân chiếm Biên Hòa, Tân Uyên đã trở thành căn cứ địa kháng chiến.



Cầu người của Thanh niên xung phong Chiến khu Đ chuyên thương binh vượt suối Nhum

Ngày 25/1/1946, sau hai đợt hành quân thăm dò, thực dân Pháp huy động 4.000 quân bao gồm cả thủy, lục, không quân tiến công vào căn cứ Tân Uyên. Nhân dân Tân Uyên đã thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”, sơ tán vào rừng. Bộ đội Khu 7 và Vệ Quốc đoàn Biên Hòa đã triển khai lực lượng chống càn trên nhiều hướng, tổ chức tập kích bất ngờ gây cho địch nhiều thiệt hại.

Ngày 20/2/1946, Khu bộ Khu 7 tổ chức cuộc họp tại Lạc An, đặt vấn đề cải tổ bộ máy lãnh đạo Khu, thảo luận những biện pháp nhằm xây dựng địa bàn đứng chân, các khu vực doanh trại, bố trí hệ thống phòng thủ đảm bảo chiến đấu, ngăn chặn tiêu diệt địch và bảo vệ an toàn căn cứ. Hội nghị Khu bộ Khu 7 ở Lạc An, đánh dấu một bước quan trọng cho sự ra đời của chiến khu Đ. Sau hội nghị, công tác quy hoạch, xây dựng căn cứ được triển khai một cách hệ thống. Các cơ quan, đơn vị, công xưởng được bố trí từng khu vực, mỗi khu vực đều có phương án di chuyển và mang một mật danh là A, B, C, Đ. A là căn cứ giao thông liên lạc đóng ở Giáp Lạc; B là căn cứ hậu cần đóng ở Thường Lan; C là khu vực bộ đội đóng thường trực ở sở Ông Đội; Đ là khu vực tổng hành dinh Khu 7 đóng ở hồ Ngãi Hoang. Từ cuối tháng 2/1946, căn cứ tổng hành dinh Khu 7 thường được gọi là “chiến khu Đ”.

Ngày 19/4/1946, tướng Leclerc chỉ huy 8.000 quân Pháp với máy bay, xe tăng, tàu chiến chia làm nhiều mũi tiến công vào chiến khu Đ, nhằm bao vây tiêu diệt cơ quan chỉ huy và lực lượng kháng chiến miền Đông Nam bộ. Lực lượng bảo vệ Khu bộ cùng Vệ Quốc đoàn Biên Hòa tổ chức bố trí lực lượng ở các khu trọng yếu như Lạc An, Giáp Lạc; xóm Sinh, Mỹ Lộc, Tân Lợi, Tân Tịch. Trận chống càn diễn ra hết sức ác liệt. Dựa vào ưu thế tại chỗ, thông thuộc địa hình, bộ đội ta linh hoạt phân tán, chia cắt đội hình địch, tập kích đánh địch. Trận phục kích Giáp Lạc diệt 60 tên; tập kích ở Đất Cuốc diệt 100 tên. Ngày 21/4, giặc chiếm được xưởng quân giới ở Bưng Tre, đóng quân tại xóm Voi. Bộ đội ta tập kích diệt 80 tên. Do tương quan lực lượng, Khu bộ Khu 7 và Vệ Quốc đoàn Biên Hòa quyết định rút lui khỏi vòng vây của địch để bảo toàn lực lượng. 21 giờ ngày 22/4/1946, sau khi đánh



lừa địch bằng một lệnh điều động quân giả, toàn bộ các cơ quan đơn vị bộ đội, hậu cần ở chiến khu gần 2.000 người bí mật rời xóm Sinh và các điểm khác tiến lên xóm Ông Linh, từ đó thoát an toàn ra khỏi vòng vây của kẻ thù.

Tháng 5/1946, tại xóm Đền xã Tân Hòa, hội nghị quân sự tỉnh Biên Hòa tổ chức, thông qua hai vấn đề chính: thống nhất các đơn vị vũ trang trong tỉnh thành Vệ Quốc đoàn Biên Hòa để thành lập Chi đội 10 và xây dựng chiến khu Đ thành căn cứ chính thức của tỉnh Biên Hòa. Cơ quan Khu bộ Khu 7 rút về Vườn Thơm, sau về Đức Hòa, lập căn cứ mới gọi là Quân khu Đông Thành, để lại tỉnh Biên Hòa một số phân đội quốc tế, xưởng quân giới, quân trang và quân y viện.



Sau bản tạm ước 14/9, thực dân Pháp rút bớt lực lượng chuyển quân ra Bắc chuẩn bị mở rộng chiến tranh xâm lược. Tại khu vực căn cứ và ngoại vi chiến khu Đ, địch rút bớt một số đồn bót. Phạm vi kiểm soát của địch đối với chiến khu bị thu hẹp. Năm cơ hội đó, tỉnh chỉ đạo xây dựng và phát triển căn cứ, các cơ quan kháng chiến của tỉnh, huyện từ rừng sâu chuyển ra ngoài xây dựng lán trại dọc Đất Cuốc, Tân Lợi, Mỹ Lộc, Tân Tịch... Sở chỉ huy Chi đội 10 từ Bình Chánh chuyển về Tân Tịch. Các đơn vị bước vào đợt huấn luyện và được đưa về cơ sở để xây dựng phong trào. Công tác xây dựng mạng lưới hậu cần cho căn cứ được mở rộng nhờ tạo được mối quan hệ chặt chẽ với cơ sở ở vùng tạm chiếm. Quân y viện mở các lớp huấn luyện y tá, cứu thương, bào chế nhiều loại thuốc thông dụng cung cấp cho bộ đội.

Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19/12/1946), lực lượng kháng chiến Biên Hòa đẩy mạnh hoạt động để kim chân địch, mở rộng tiến công ra ngoài căn cứ, kết hợp chống càn bảo vệ căn cứ. Tại chiến khu Đ, đại đội A tiến công ở bót Tân Uyên, phục kích các đoàn giao thông trên lộ 16; đại đội B tiến công bót miếu Bà Cô (Thiện Tân), phục kích trên đoạn đường Cây Đào - Rạch Đông (lộ 24, lộ 8...); diệt bót Cây Gáo (2/1947), bót Bình Lộc, đồn Đất Cuốc (3/1947), bót cầu La Ngà (6/1947)... Nhân dân vùng căn cứ có sáng kiến nhận chìm các xà lan chất đầy đá làm đập chắn ngang sông Đồng Nai chặn tàu giặc. Chi đội 10 Biên Hòa mở một loạt trận đánh giao thông đường sắt, đường bộ xa căn cứ như Bảo Chánh, Trảng Táo, Bàu Cá, Đồng Xoài, bẻ gãy các trận càn quét của thực dân vào chiến khu Đ trong năm 1948. Quân dân Biên Hòa xây dựng thành công chiến khu Đ, một căn cứ hậu phương của kháng chiến, một bàn đạp tiến công kẻ thù.

Từ tháng 5/1951, chiến khu Đ được Xứ ủy xác định là một trong những căn cứ lớn của Nam bộ. Tại chiến khu Đ, ban căn cứ địa Nam bộ do Đào Văn Quang phụ trách cùng ban căn cứ tỉnh Thủ Biên quy hoạch thành huyện căn cứ Đồng Nai,





tổ chức bố trí từng khu vực cho các đơn vị; có hệ thống giao thông, liên lạc, trinh sát và bảo vệ. Các cơ quan đều tổ chức lực lượng du kích để bảo vệ căn cứ với hệ thống hầm hào khá hoàn chỉnh. Đến cuối 1953, phạm vi chiến khu Đ được mở rộng và hoàn chỉnh: phía tây giáp đường 16 và liên tỉnh IA, phía đông lên đến vùng Tà Lài, diện tích khoảng 4.000 km<sup>2</sup>.

Thực dân Pháp trong quá trình xâm lược ở miền Đông Nam bộ, luôn xem chiến khu Đ là trọng điểm phải tiêu diệt. Chúng dùng đủ mọi thủ đoạn từ hành quân càn quét kết hợp cả bộ binh, hải quân, không quân, đến thủ đoạn tâm lý chiến, gián điệp, biệt kích để đánh phá nhưng đều thất bại. Đặc biệt lợi dụng bão lụt năm Thìn, tháng 10/1952, thực dân Pháp mở cuộc đánh phá vào chiến khu Đ liên tục 52 ngày đêm. Cán bộ, chiến sĩ, đồng bào chiến khu Đ bám trụ vừa khắc phục bão lụt, vừa chống địch để giữ vững căn cứ. Sau thất bại cuộc càn lớn này, hầu như quân Pháp không còn mở được một cuộc hành quân lớn vào chiến khu. Sự tồn tại một vùng căn cứ địa chiến khu Đ chỉ cách Biên Hòa 8 km, và cách Sài Gòn hơn 30 km đường chim bay là một thách thức và nổi thất vọng cho thực dân, tay sai. Chính chúng đã phải tổng kết và rút ra kết luận “chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất”.



Hội thảo di tích Lịch sử Danh thắng Chiến khu Đ

### **5. Biên Hòa - nơi hình thành cách đánh đặc công.**



Lô cốt kiên tháp canh của thực dân Pháp

Cuối năm 1947, ở miền Đông Nam bộ, một mặt thực dân tăng cường xây dựng lực lượng thân binh, sử dụng lực lượng giáo phái chống lại kháng chiến; mặt khác tăng cường bảo vệ giao thông, bảo vệ các cơ sở kinh tế; đánh mạnh các khu căn cứ, du kích, thực hiện gom dân và phong tỏa kinh tế kháng chiến. Tướng De Latour, tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Nam bộ chọn miền Đông làm trọng điểm bình định, thực hiện chiến lược “vét dầu loang” bằng cách xây dựng đồn bót dày đặc dọc theo các lộ giao thông huyết mạch, được gọi là chiến thuật “điểm và đường” hay chiến thuật De Latour. Địch xây dựng hệ thống tháp canh nhằm bảo vệ các đường giao thông và vùng kinh tế quan trọng và đồng thời lấn sâu vào vùng căn cứ và du kích kháng chiến. Tháp canh được xây dựng bằng gạch hoặc đá, tường dày từ 0,6 đến 0,8 mét, độ cao từ 8 đến 10 mét (tháp nhỏ), từ 10 đến 12 mét (tháp lớn). Tháp canh được bố trí nhiều tầng, xung quanh có các lỗ châu mai, trang bị súng trọng liên, phóng lựu, lựu đạn, do một tiểu đội canh giữ. Mỗi tháp canh cách nhau 1 km, có nơi chỉ cách 300 - 500 mét. Về sau, địch đắp thêm lũy đất dày xung quanh 4 tường tháp canh, xung quanh có hàng rào



tre, hàng rào kẽm gai có gài mìn, lựu đạn, địa hình phát trống, có hệ thống đèn soi sáng. Nhờ vào chiều cao của tháp canh, tầm quan sát của địch xa và rộng, khống chế các đường giao thông gây cho ta nhiều khó khăn.

Để đánh phá âm mưu bình định của Pháp, nhiệm vụ phá hệ thống tháp canh cấp thiết và khó khăn, bởi thực tế chiến trường bấy giờ ở miền Đông chưa có loại vũ khí đủ uy lực công phá được tường tháp dày. Những ngày đầu năm 1948, khi địch xây dựng tháp canh, du kích huyện căn cứ Tân Uyên được nhân dân giúp đỡ, nắm chắc lượng địch ở tháp canh cầu Bà Kiên (đường 16) và quy luật sinh hoạt hàng ngày của địch để có thể tiếp cận tháp đánh địch. Đồng chí Trần Công An, trợ lý tác chiến huyện đội huấn luyện để du kích có thể tiếp cận đánh tháp canh. Gần một tháng nghiên cứu thực tập, du kích Tân Uyên đề nghị đánh tháp canh cầu Bà Kiên, phương thức đánh là áp sát tường, dùng lựu đạn đánh vào các lỗ châu mai.

Đêm 18, rạng 19/3/1948, du kích Tân Uyên sử dụng 8 quả lựu đạn (1 quả lựu đạn OF Mỹ, 7 quả lựu đạn tự tạo) chia làm hai tổ, một tổ chặn viện và một tổ trực tiếp đánh tháp canh gồm Hồ Văn Lung, Trần Văn Uyên và Trần Công An chỉ huy. Cả 3 đồng chí bơi một lớp bùn ngụy trang vượt qua lớp rào bên ngoài, dùng thang áp vào tường tháp, leo lên ném lựu đạn vào cả 3 tầng của tháp, tiêu diệt 11 tên lính. Trận tấn công tháp canh đầu tiên ở cầu Bà Kiên có tác động lớn, nhưng thực dân Pháp rút kinh nghiệm tăng cường phòng thủ tháp canh vững chắc hơn.



Tháng 11/1949, trước yêu cầu phải phá vỡ hệ thống tháp canh, Bộ tư lệnh Khu 7 mở hội nghị chuyên đề về đánh tháp canh tại xã Tân Hòa, chiến khu Đ. Trong hội nghị, kinh nghiệm đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên được chú ý. Hội nghị kết luận hai vấn đề để có thể đánh được tháp canh: phải tiếp cận được tường tháp và phải có loại vũ khí sức công phá mạnh tường tháp. Để phát hiện được sơ hở của địch phải dựa vào quần chúng, thực hiện trinh sát, nắm chắc địch từ tổ chức lực lượng, bố phòng, thông thạo địa hình và giới ngụy trang. Chiến sĩ trinh sát phải vững vàng, dũng cảm, gan dạ và linh hoạt. Phải sản xuất được loại vũ khí vừa dễ mang theo, vừa có thể áp sát tường và có sức công phá lớn. Kết luận của hội nghị quân sự khu 7 đặt cơ sở lý luận đầu tiên cho cách đánh mới. Bộ Tư lệnh Khu 7 giao nhiệm vụ cho tỉnh đội Biên Hòa và Binh công xưởng Khu chịu trách nhiệm huấn luyện cách đánh và chế tạo loại vũ khí đánh tháp canh phù hợp.

Cuối năm 1949, lớp huấn luyện cách đánh tháp canh tổ chức tại Bà Đã (chiến khu Đ). Đội du kích Tân Uyên đánh tháp canh cầu Bà Kiên làm đội mẫu dưới sự hướng dẫn huấn luyện của Bùi Cát Vũ và Trần Công An. 300 cán bộ, chiến sĩ tham





gia lớp huấn luyện gồm bộ đội địa phương Biên Hòa, Tân Uyên, liên trung đoàn 310-301, các tiểu đoàn chủ lực khu 302, 304. Học viên được huấn luyện kỹ thuật hóa trang, vượt chướng ngại vật, khắc phục ánh sáng, đối phó khi địch từ tháp canh ném lựu đạn xuống... tổ chức thực tập, rút kinh nghiệm bổ sung hoàn chỉnh lý thuyết và kỹ thuật. Bên cạnh đó, Bùi Cát Vũ, giám đốc binh công xưởng cùng tập thể chiến sĩ quân giới nghiên cứu chế tạo một loại trái phá có khả năng phá tường dày, đặt tên là FT (phá tường). Từng bước cải tiến, dựa vào nguyên lý chế tạo đạn lõm tạo thành quả mìn lõm FT gọn nhẹ đánh bằng kíp nổ điện.

Đêm 22/3 rạng sáng 23/3/1950, trận đánh đồng loạt đầu tiên vào tháp canh dọc các trục lộ diễn ra, 300 chiến sĩ chia làm 50 tổ tấn công cùng lúc 50 tháp canh của địch. Theo chỉ đạo, quả mìn FT được gắn vào đầu sào cây tầm vông và áp vào tường tháp canh ở độ cao từ 2 mét trở lên tính từ chân tường. Năm mươi tháp canh của giặc Pháp đều bị đánh thủng. Trên 70 tên lính trong tháp canh bị chết, ta thu nhiều súng các loại. Trận đánh vào 50 tháp canh ở Biên Hòa làm dao động tinh thần binh lính Pháp, nguy, nhất là số canh giữ tháp. Sau trận đánh, Bộ tổng Tư lệnh QĐND Việt Nam gửi điện khen ngợi vì sáng tạo cách đánh mới. Cách đánh tháp canh mới này được gọi là “công đồn đặc biệt” gọi tắt là “đặc công”. Chiến sĩ đánh tháp canh được gọi là chiến sĩ đặc công. Binh công xưởng tiếp tục nghiên cứu chế tạo khối nổ không có miếng sắt thương gọi là Pê ta (Pétard) dùng để đánh bồi vào lỗ thủng do mìn FT tạo ra. Sức công phá của Pê ta từ bên trong sẽ có khả năng đánh sập tháp canh.



Cố đại tá Trần Công An, Anh hùng LLVT Nhân dân

Đêm 18/4/1950, tổ đặc công Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy với vũ khí FT và Pê-ta đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai, diệt toàn bộ lính địch canh gác. Đêm 24/4/1950, tổ đặc công huyện Tân Uyên phá hủy hoàn toàn tháp canh Vàm Giá (xã Phước Vĩnh) trên quốc lộ 14, diệt một trung đội lê dương Pháp. Tháng 5/1950, trên cơ sở kinh nghiệm đánh tháp và phát triển lực lượng, Tân Uyên xây dựng một đại đội đặc công gồm 162 chiến sĩ, đặt tên là đại đội Nguyễn Văn Nghĩa. Hội nghị tổng kết chiến tranh năm 1950, Bộ Tư lệnh Nam bộ công nhận đại đội Nguyễn Văn Nghĩa do Trần Công An làm đại đội trưởng là đại đội đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Từ kinh nghiệm đánh tháp canh ở Biên Hòa, kỹ thuật đặc công đã phát triển rộng trong toàn khu miền Đông, góp phần làm thất bại hoàn toàn chiến thuật De Latour của thực dân Pháp.

Trong chiến dịch Bến Cát do khu 7 mở, lần đầu tiên chiến sĩ đặc công Huỳnh Văn Rỡ tiểu đoàn 302 bí mật đột nhập bót Rạch Kiến dùng Pê ta phá hủy khẩu pháo 155 ly, mở ra khả năng dùng đặc công đánh sâu vào hậu cứ địch, đặc biệt là mũi nhọn xung kích mở đường cho bộ binh diệt địch. Các trận đánh của đặc công sau đó



như trận Bùng Bình (Thủ Dầu Một), chi khu quân sự Trảng Bom (1951)... càng thể hiện vai trò mũi nhọn của cách đánh đặc công. Từ năm 1952, theo chỉ đạo của Trung ương cục miền Nam, Bộ tư lệnh phân liên khu miền Đông cử các đoàn cán bộ đặc công về khu 8, khu 9 (Tây Nam Bộ), ra khu 6, khu 5 (cực nam Trung bộ và

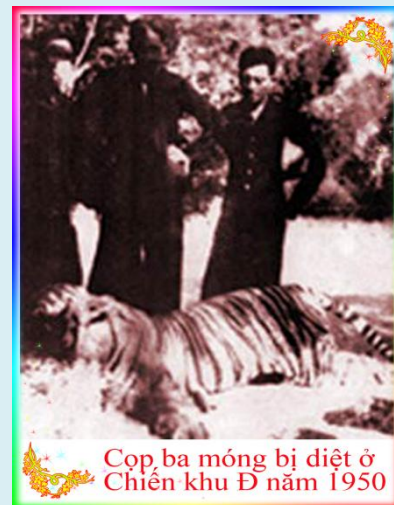


Bia Chiến thắng tháp canh cầu Bà Kiên

trung bộ), mở lớp huấn luyện kỹ thuật đặc công. Đến tháng 9/1953, kỹ thuật đặc công được phổ biến ra chiến trường miền Bắc. Cách đánh đặc công là cách đánh mới, một kỹ thuật tác chiến độc đáo sáng tạo của quân dân Biên Hòa. Từ Biên Hòa, cách đánh đặc công được nhân rộng ra cả nước, là tiền đề để đặc công tiếp tục phát triển, hoàn thiện và trở thành binh chủng đặc biệt tinh nhuệ của QĐND Việt Nam.

### 6. Diệt cạp ba móng ở chiến khu Đ.

Rừng chiến khu Đ thuộc loại rừng già, với cả một quần thể động vật, thực vật hoang dã. Cạp 3 móng, là thú nuôi của một chủ đồn điền cao su, cao 1,2m, chiều dài từ đầu đến đuôi khoảng 2,1m. Sau Cách mạng tháng Tám, cạp trở lại đời sống hoang dã. Sau trận càn 5/3/1948, do đói, cạp 3 móng đã ăn cả xác người thành quen. Từ giữa năm 1948, cạp 3 móng như một hung thần, hằng đêm bắt người ăn thịt, trở thành nỗi ám ảnh cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trong căn cứ. Khu, tỉnh chỉ đạo tất cả các cơ quan quân dân chính Đảng trong căn cứ đều phải làm nhà sàn cao để ở, toàn bộ các khu vực dân cư, cơ quan đều chặt cây, làm hàng rào chống cạp. Thế nhưng nhà sàn, hàng rào vẫn không ngăn được “cạp 3 móng”, vẫn hung dữ và khôn ngoan, vượt hàng rào cây cao 2, 3 mét bắt người rồi thoát ra ngoài. Nhân dân, cán bộ, chiến sĩ trên đường công tác, kể cả ban ngày cũng bị mất tích. Thêm vào đó, thực dân Pháp tung tin thất thiệt về cạp 3 móng. Bọn biệt kích được tung vào căn cứ làm giả dấu chân cạp 3 móng khắp nơi để hù dọa nhằm lôi kéo nhân dân bỏ căn cứ kháng chiến về vùng tạm chiếm.



Cạp ba móng bị diệt ở Chiến khu Đ năm 1950

Vấn đề trừ khử ác thú cạp 3 móng trở thành nhiệm vụ cấp bách. Tỉnh Biên Hòa thành lập đội đặc nhiệm diệt cạp 3 móng do Bùi Cát Vũ, Giám đốc binh công xưởng chỉ huy. Ngày 11/2/1950, đội diệt cạp của binh công xưởng gài mìn dưới xác người được đóng chặt vào mặt đất. Cạp 3 móng xuất hiện, cố sức dẫm vỡ xác người lên vai, quả mìn đã nổ tung. Cạp bị thương dưới bụng một đường dài, vẫn cố sức chạy đến một gò mỗi cách trận địa 100m mới chịu ngã quy. Cạp 3 móng bị tiêu





diệt, cán bộ, chiến sĩ nhân dân trong chiến khu Đ vui mừng an tâm trong sinh hoạt, công tác.

### III- Vượt qua thiên tai, xây dựng lực lượng, bố trí chiến trường đánh địch.

#### 1. Bố trí lại chiến trường, lực lượng.

Tháng 5/1951, tỉnh Thủ Biên được thành lập trên cơ sở sát nhập hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa, thêm huyện Thủ Đức (từ tỉnh Gia Định), cắt huyện Long Thành (giao về cho tỉnh Bà Rịa - Chợ Lớn). Công tác tổ chức, bố trí nhân sự lãnh đạo các ban ngành cấp tỉnh, huyện được củng cố sắp xếp lại theo hướng tinh giảm nhằm tăng cường cho lực lượng vũ trang trực tiếp chiến đấu, bảo đảm “3 quân sự, 1 dân chánh”. Công tác thực hiện phương châm ba vùng căn cứ, du kích và tạm chiếm được triển khai chặt chẽ nhằm chống địch càn quét lấn chiếm vùng căn cứ và du kích, gây dựng cơ sở vùng địch tạm chiếm. Tỉnh Thủ Biên thành lập các đội vũ trang tuyên truyền ở huyện Xuân Lộc; thị xã Biên Hòa và Trảng Bom nhằm khôi phục cơ sở bên trong, củng cố địa bàn cao su và xây dựng các bàn đạp quanh thị xã để xâm nhập đánh địch bên trong nội ô. Bộ đội địa phương tập trung của tỉnh là tiểu đoàn 303 do Lê Văn Ngọc làm tiểu đoàn trưởng. Các đại đội độc lập sát nhập cùng du kích tập trung thành bộ đội huyện.

Sau khi thành lập tỉnh, tiểu đoàn 303 phối hợp bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu, Tân Uyên và biệt động đội tổ chức hai trận đánh tạo được tiếng vang lớn. Tháng 6/1951, biệt động và bộ đội Lam Sơn huyện Vĩnh Cửu bất ngờ tấn công và diệt bót Long Điền làm thất bại âm mưu lợi dụng tôn giáo xây dựng lực lượng vũ trang chống phá cách mạng của địch; Chi khu quân sự Trảng Bom cách thị xã Biên Hòa 20 km về hướng Bắc án ngữ quốc lộ 1 và tây nam chiến khu Đ, do một đại đội lính Âu Phi canh giữ. Sau thời gian nghiên cứu, 17 giờ ngày 29/7/1951, đặc công và biệt động của ta tập kích bất ngờ, tiêu diệt các lô cốt, tháp canh bên ngoài, tiểu đoàn 303 xung phong diệt 50 tên lính lê dương. Chi khu Trảng Bom bị tiêu diệt, ta thu nhiều vũ khí và trang bị quân sự của địch.



Di tích chiến thắng yếu khu Trảng Bom

#### 2. Vượt qua thiên tai.

Tháng 10/1952, một trận bão lụt đổ ập vào miền Đông gây thiệt hại lớn, nhất là tỉnh Thủ Biên. Nước sông Đồng Nai, sông Bé dâng tràn hai bờ, tạo thành bể nước mênh mông. Toàn bộ nhà của nhân dân, các cơ quan, đơn vị trong chiến khu Đ, Vĩnh Cửu đều bị ngập, trôi, cây rừng ngã đổ, đê sập gây thiệt hại lớn. Trong chiến khu Đ, toàn bộ các kho quân nhu, quân giới, kho gạo, lương thực đều bị ngập nước, hư hại. Hàng ngàn ha hoa màu của các đơn vị, cơ quan và của nhân dân ở các



huyện đều bị nước tàn phá. Thiệt hại của mùa màng đến 70%, vườn tược bị phá hủy, thiệt hại đến 90%. Tình hình thiếu đói trong vùng căn cứ diễn ra rất nguy ngập.



Trận bão lụt năm Thìn 1952 ở Biên Hòa

Hơn 4.000 ngàn đồng bào, chiến sĩ ở hai huyện Đồng Nai, Vĩnh Cửu bị nạn đói đe dọa nghiêm trọng. Nhân dân, cán bộ vùng căn cứ phải ăn cháo khoai và củ rừng. Bệnh tật phát sinh và đe dọa đến sinh mạng của đồng bào, chiến sĩ ở chiến khu Đ.

Ủy ban tỉnh huy động ghe thuyền cứu giúp đồng bào thoát bão lụt, mặt khác xin viện trợ, nhất là về gạo và lương thực; kêu gọi đồng bào trong tỉnh “nhường cơm sẻ áo”. Huyện Long Thành, dù bị thiệt hại do bão lụt, đã quyên góp được 2.500 gia lúa chuyển về căn cứ để giúp đỡ quân dân vùng chiến khu. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thủ Biên xuất quỹ để giúp đỡ nhân dân có vốn để sản xuất ngay khi nước rút. Thực dân Pháp lợi dụng khó khăn do bão lụt gây ra không ngớt đẩy mạnh chiến tranh tâm lý nhằm gom dân ra vùng tạm chiếm. Tỉnh phải dùng “biện pháp tình thế”, đồng ý cho gần 300 người dân tạm về vùng tạm chiếm, đi các huyện khác tìm kế sinh nhai, cử cán bộ theo dân để nắm tình hình, hướng dẫn quần chúng. Cán bộ, chiến sĩ, các cơ quan và lực lượng vũ trang ở chiến khu tuy khó khăn, nhưng tinh thần vẫn vững vàng. Đại đội Lam Sơn của Vĩnh Cửu phối hợp cùng huyện đội Đồng Nai tiến công phá sạch bót Rạch Đông và toàn bộ hệ thống tháp canh của địch từ Rạch Đông (Tân Định) đến Cây Đào (Bình Thạnh). Nước vừa rút, cán bộ, chiến sĩ căn cứ tổ chức từng đoàn, gặt lúa còn sót lại, đồng thời trông mìn lấy lương thực chống đói.

Tháng 1/1953, quân Pháp mở cuộc càn quét quy mô lớn có không quân, cơ giới, pháo yểm trợ đánh vào chiến khu Đ liên tục 52 ngày đêm. Các vùng căn cứ du kích ở Bình Đa, Hồ Cạn, Đại An, Tân Định, địch sử dụng biệt kích kết hợp bộ binh từ một đại đội đến một tiểu đoàn liên tục càn quét, gom dân nhằm tạo vành đai cô lập chiến khu Đ. Bốn tháng đầu năm 1953, 6.000 đồng bào huyện căn cứ Đồng Nai và trên 4.000 dân các huyện Bến Cát, Hớn Quản, Vĩnh Cửu bị địch gom ra các vùng tạm chiếm xung quanh các đồn bót, các trục lộ giao thông và thực hiện phong tỏa giao thông chuyển vận của ta, bắt 2.000 thanh niên đi lính. Lực lượng kháng chiến Thủ Biên vừa đối phó với thiên tai bão lụt, vừa nỗ lực không ngừng chống địch càn quét và lấn chiếm, giữ được vùng căn cứ, bước đầu gây dựng lại được phong trào và cơ sở vùng tạm chiếm, giành một số thắng lợi có ý nghĩa quan



Lá lưa, một loại rau rừng ăn được ở CK Đ





trọng; khôi phục lại phong trào sản xuất tự túc, tạo ra dự trữ cần thiết để có thể và lực phối hợp với toàn miền. Tháng 8/1953, Phân liên khu ủy miền Đông kiểm điểm tình hình và quyết định đẩy mạnh hoạt động vũ trang chống càn, đẩy mạnh công tác binh vận, thu thuế nông nghiệp, đưa dân trở về ruộng đất cũ... nhằm phối hợp chiến dịch Thu Đông 1953 của cả nước.

### **3. Phối hợp chiến trường cả nước, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp.**

Đối phó với âm mưu của Pháp, tháng 9/1953, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Đông xuân 1953 - 1954 theo phương hướng chiến lược: tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, đánh chắc thắng. Trên chiến trường Nam bộ, Bộ Chính trị chủ trương lợi dụng địch tập trung trên chiến trường miền Bắc, đẩy mạnh du kích chiến tranh, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh công tác địch nguy vận, mở rộng vùng căn cứ. Tại Thủ Biên, đến cuối năm 1953, thực dân Pháp rút 3 tiểu đoàn tinh nhuệ tăng cường ra chiến trường miền Bắc. Để bổ sung quân số, địch tăng cường bắt lính. Do số quân giảm và bị ta tấn công, địch rút bỏ 4 bót, 17 tháp canh để tổ chức những đơn vị cơ động và phòng thủ trên các trục giao thông chính. Mức độ càn quét của địch vào vùng căn cứ giảm. Tỉnh ủy Thủ Biên đề ra các nhiệm vụ chính là đẩy mạnh du kích chiến tranh, mở rộng công tác địch nguy vận, mở rộng căn cứ kháng chiến.

Đến tháng 4/1954, toàn tỉnh xây dựng thêm 32 đội du kích xã, đưa số lượng du kích từ 140 lên 513, dân quân tự vệ từ 453 lên 1862, du kích mật từ 219 lên 517. Phong trào quân dân xây dựng làng xã chiến đấu được đẩy mạnh. Nhân dân chiến khu Đ dọc sông Đồng Nai rào trên 1.000 mét dây thép gai kết hợp hầm chông hố đinh, lựu đạn gài góp phần hạn chế hoạt động địch. Bộ đội Lam Sơn huyện Vĩnh Cửu, đưa một trung đội về hoạt động sâu vùng địch tạm chiếm, một trung đội hoạt động hướng đường số 1 vừa áp sát địch ở Bắc thị xã Biên Hòa, 1 trung đội đứng chân ở Đại An, Tân Định chống càn bảo vệ vùng căn cứ du kích. Tỉnh chỉ đạo các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, thị xã Biên Hòa đưa cấp ủy về các xã lãnh đạo công tác vũ trang tuyên truyền, đẩy mạnh công tác địch nguy vận, tuyên truyền, vận động nhân dân chống bắt lính, trở về vùng căn cứ sản xuất. Toàn tỉnh mọc nổi, xây dựng được 600 cơ sở bên trong vùng địch tạm chiếm. Các căn cứ Phước An, Bình Đa, Hồ Cạn, Đại An được khôi phục lại.

Phối hợp chiến trường chung trong Đông xuân 1953 - 1954, lực lượng vũ trang toàn tỉnh thực hiện 137 trận đánh lớn nhỏ, loại 1.148 tên, làm bị thương 194 tên, bắt sống 11, thu 183 súng các loại, phá hủy 19 xe, đánh sập 3 bót, 5 tháp canh, bức rút 25 tháp canh khác. Các đội vũ trang tuyên truyền tổ chức 147 cuộc đột nhập tuyên truyền, diệt tề trừ gian vùng tạm bị chiếm. Căn cứ chiến khu Đ hoàn toàn do





ta làm chủ, mở ra giáp sông Đồng Nai về phái Nam, phía Bắc đã mở vượt qua sông Bé, phía tây giáp lộ 16.



Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, ngày 20/7/1954, Hiệp định Genève được ký kết. Để tạo thuận lợi cho việc thi hành hiệp định, Tỉnh ủy Thủ Biên chỉ đạo đình chỉ mọi hoạt động vũ trang trên địa bàn tỉnh. Công tác tổ chức, sắp xếp cán bộ, chiến sĩ được triển khai. Toàn tỉnh Thủ Biên được tổ chức một trung đoàn quân dân chính Đảng lên đường tập kết ra Bắc. Tháng 8/1954, tại Nhà Nai (chiến khu Đ), hàng ngàn người tham dự cuộc mít tinh tiễn đưa đoàn quân của địa phương lên đường hành quân về Xuyên Mộc, điếm tập kết xuống tàu ra Bắc. Quân dân Biên Hòa - Đồng Nai, qua chín năm kháng chiến với bao gian khổ hy sinh, mất mát, đau thương, vượt bao thử thách góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, làm rạng danh đất “Miền Đông gian lao mà anh dũng”.

### C.- THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 - 1975)

#### I- Đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai.

##### 1. Đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Genève.

Tháng 9/1954, Bộ chính trị Trung ương Đảng ra nghị quyết xác định “...lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện Hiệp định Genève, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập...”. Tình thế cách mạng miền Nam đã thay đổi, nhiệm vụ chính trị chuyển từ kháng chiến vũ trang sang đấu tranh chính trị đòi dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Genève. Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức hội nghị bàn về việc chuyển hướng từ đấu tranh toàn diện (quân sự, kinh tế, chính trị, binh vận...) sang đấu tranh chính trị đơn thuần, sắp xếp lại lực lượng, chuyển quân tập kết trên địa bàn tỉnh, bố trí cán bộ ở lại hoạt động, kiện toàn cán bộ các huyện, thị xã, đưa đảng viên về bám cơ sở, lãnh đạo nhân dân đấu tranh cách mạng. Tháng 1/1955, Xứ ủy quyết định tách Thủ Biên thành hai tỉnh: Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Tỉnh Biên Hòa gồm các huyện: Long Thành, Vĩnh Cửu, Tân Uyên, Xuân Lộc và thị xã Biên Hòa.



Ngay từ đầu, Mỹ - Diệm tập trung xây dựng lực lượng tề nguỵ, xây dựng cơ sở chính trị xã hội để đàn áp phong trào. Ngoài bộ máy tề nguỵ các cấp, chúng tổ





chức các đoàn “xây dựng hương thôn”, “diệt trừ sốt rét”, điều tra thăm dò, lập danh sách những người kháng chiến, những gia đình có liên hệ đến cách mạng, phân loại dân, chuẩn bị các chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng” và ráo riết mở các chiến dịch tuyên truyền lừa mị dân chúng, tổ chức các đảng phái, đoàn thể phản động như “Đảng cần lao nhân vị”, “Phong trào cách mạng quốc gia”, các đoàn thể “Thanh niên cộng hòa”, “Phụ nữ liên đới”, “Công đoàn vàng”. Chúng lập ra tổ chức “ngũ gia liên bảo” để kiểm soát mọi hoạt động, sinh hoạt của mỗi người dân nhất là tập trung khống chế, theo dõi số gia đình có cán bộ tập kết và còn hoạt động cách mạng.

Cuối năm 1954, địch cưỡng ép hơn 150.000 đồng bào Thiên Chúa giáo ở các tỉnh miền Bắc di cư vào Biên Hòa và bố trí dọc theo các trục lộ giao thông chiến lược, xung quanh các căn cứ quân sự và vùng căn cứ của ta tạo thành vành đai bảo vệ Sài Gòn, Biên Hòa ngăn chặn phong trào đấu tranh cách mạng, âm mưu biến số dân này thành cơ sở chính trị xã hội trung thành đối với chế độ Mỹ - Diệm. Địch tập trung xây dựng Biên Hòa thành một cứ điểm, một trung tâm đầu não quân sự, chính trị ở miền Đông Nam bộ, chúng thiết lập những cơ quan như: Nha đặc cảnh miền Đông, Trung tâm huấn chính Biên Hòa (Nhà lao Tân Hiệp) và đặc biệt có cơ quan cố vấn viện trợ quân sự Mỹ MAAG; căn cứ quân sự lớn của Mỹ - ngụy cũng được xây dựng và mở rộng thêm: sân bay Biên Hòa, căn cứ sư đoàn 4 dã chiến...

Ngay sau khi Hiệp định Genève được ký kết, khắp nơi trong tỉnh Biên Hòa nhân dân hân hoan tổ chức mít tinh mừng hòa bình, mừng chiến thắng, một lòng tin tưởng vào đường lối chủ trương của Đảng. Tết Ất Mùi (1955), Tết hòa bình đầu tiên, nhiều cuộc mít tinh, nhiều hoạt động văn hóa truyền thống như đua thuyền, múa lân, cúng đình, cúng miếu... được tổ chức ở một số vùng căn cứ nhằm ca ngợi kháng chiến, mừng hòa bình, biểu dương tinh thần đoàn kết hữu ái trong các tầng lớp nhân dân. Trong khí thế của người chiến thắng, nhiều địa phương công khai treo cờ Đảng, cờ Tổ quốc, căng biểu ngữ trên các trục lộ, các đình, chùa, nhà thờ, nhà hội... Tại một số cuộc mít tinh, cán bộ còn đứng lên diễn thuyết kêu gọi quần chúng nhân dân đoàn kết đấu tranh đòi các quyền lợi dân sinh dân chủ, đòi Mỹ - Diệm thực thi các điều khoản của hiệp định Genève để sớm thống nhất đất nước, mong chờ ngày hiệp thương tổng tuyển cử.

Cuối năm 1954 đầu năm 1955, hàng chục cuộc đấu tranh của công nhân cao su đòi dân sinh dân chủ ở các đồn điền trong tỉnh và đến giữa năm 1955 đã trở thành cao trào đấu tranh chính trị sôi động ở các tỉnh miền Đông Nam bộ. Ngày 1/5/1955, công nhân cao su Biên Hòa đồng loạt đình công 24 giờ, tổ chức mít tinh tại các trung tâm đồn điền An Lộc, Bình Sơn... đưa ra một số yêu sách. Cuộc đấu tranh bước đầu giành được thắng lợi, giới chủ đồn điền buộc phải giải quyết một số yêu sách của công nhân. Hàng ngàn công nhân cao su Biên Hòa từ các đồn điền tổ chức thành đội ngũ chinh tề kéo về Sài Gòn phối hợp với công nhân cao su toàn miền Đông Nam bộ biểu tình thị uy đưa bản kiến nghị với 16 yêu sách buộc chính





quyền Diệm, các chủ sở và đại diện công nhân ký vào văn bản. Đây là thắng lợi vô cùng to lớn của đội ngũ công nhân cao su miền Đông Nam bộ trong tiến trình đấu tranh đòi thực hiện các quyền lợi dân sinh dân chủ.



Nhiều cuộc đấu tranh của nông dân đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống bọn cường hào, tư sản và nguy quyền cướp ruộng đất nổ ra ở khắp các huyện trong tỉnh. Huyện ủy Long Thành vận động tổ chức hàng trăm nông dân kéo xuống quận lỵ, đấu tranh quyết liệt với địch, không cho chúng cướp 300 ha để mở rộng vùng kiểm soát kho đạn Thành Tuy Hạ. Nghiệp đoàn xích lô phản đối cảnh sát bắt phạt vô cớ, đòi lập bến bãi đậu xe và hạ giá thuê xe. Nghiệp đoàn tạp phẩm chợ Biên Hòa đòi giảm thuế hoa chi. Nghiệp đoàn xe đò đòi tăng lương và không được vô cớ sa thải thợ máy và lái xe. Phong trào đấu tranh của công nhân nhà máy cưa BIF phát triển mạnh, nghiệp đoàn vận động công nhân đưa yêu sách lương tối thiểu cũng phải nuôi được 1 vợ 3 con, đòi thực hiện ngày làm 8 giờ, mỗi tuần làm 6 ngày, nếu ngày chủ nhật, ngày lễ thì hưởng tiền phụ trợ gấp đôi. Bọn chủ nhân nhượng và để “xoa dịu” tinh thần công nhân nên nhanh chóng chấp nhận yêu sách. Nghiệp đoàn lao động BIF tổ chức một đoàn biểu tình hơn 600 người gồm thợ và nhân dân các ấp xung quanh: Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị... về sân bóng đá Biên Hòa dự cuộc mít tinh do Tổng liên đoàn lao động tổ chức.

Từ tháng 6/1955 nhân dân Biên Hòa gửi hàng trăm bản kiến nghị, đến trụ sở Ủy hội quốc tế đấu tranh, bày tỏ nguyện vọng chính đáng của đồng bào. Ngày 20/7/1955, kỷ niệm một năm ngày ký Hiệp định Genève, hàng ngàn truyền đơn được rải khắp nơi công bố công hàm của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đòi lập quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc. Hàng chục khẩu hiệu, cờ Đảng, cờ Tổ quốc xuất hiện. Tỉnh trưởng Biên Hòa tổ chức một cuộc mít tinh tại trường Nam tiểu học phô trương thanh thế, xuyên tạc nội dung hiệp định Genève, phá hoại hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Thị ủy Biên Hòa, các nhóm đoàn viên thanh niên lao động bí mật rải hàng trăm truyền đơn ngay tại sân lễ và các đường phố trong thị xã và chiều tối gây tiếng nổ trước Ty cảnh sát làm thất bại cuộc mít tinh do địch tổ chức.

Ngày 23/10/1955, Ngô Đình Diệm bày trò “trưng cầu dân ý” nhằm truất phế Bảo Đại. Tỉnh ủy Biên Hòa vận động quần chúng tẩy chay bầu cử. Đêm 22 rạng 23/10/1955, lực lượng vũ trang Biên Hòa nã đạn vào sân bay Biên Hòa, gây hoang mang bọn tề nguy ở địa phương. Nhân dân Biên Hòa bằng nhiều hình thức không tham dự bầu cử, địch phải huy động binh lính và cảnh sát đến từng xóm ấp, khu phố buộc đồng bào đến hòm phiếu. Tháng 10/1955, Ngô Đình Diệm ra dụ số 2 tước





quyền sở hữu ruộng đất của nông dân, buộc nông dân phải làm khế ước ruộng đất với địa chủ, truy nộp đủ thuế trong những năm kháng chiến, thu hồi số ruộng đất mà cách mạng đã cấp phát cho nông dân.

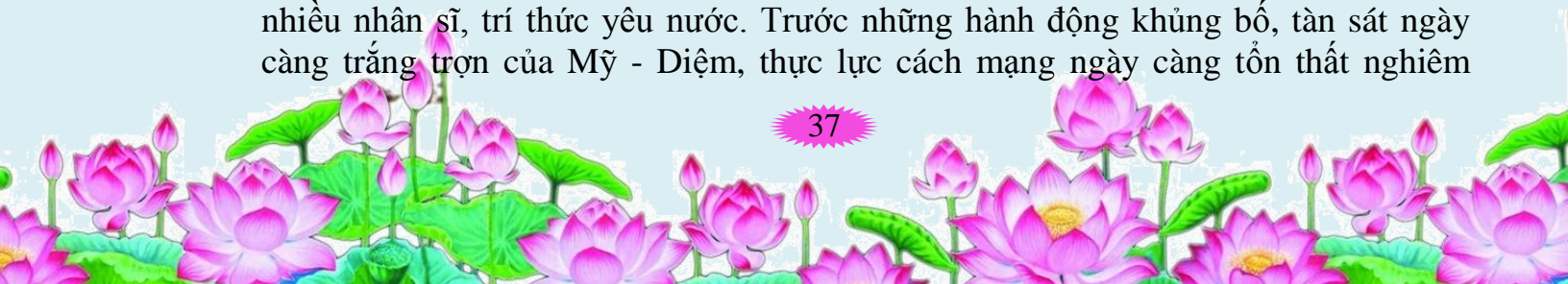
Ngày 4/3/1956, Mỹ - Diệm tổ chức bầu cử Quốc hội bù nhìn. Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ thị các cấp vận động nhân dân chống lại, hàng ngàn truyền đơn tố cáo âm mưu thủ đoạn của giặc được rải nhiều nơi. Tại thị xã Biên Hòa, đêm 3/3/1956, các tổ đoàn viên thanh niên lao động đã dùng khoai môn kẻ khẩu hiệu trên các trục đường nhựa, dán nhiều áp phích kêu gọi nhân dân tẩy chay bầu cử. Rút kinh nghiệm lần trước, lính và cảnh sát canh gác nghiêm ngặt ở các thùng phiếu, đồng thời vào từng nhà thúc ép dân đi bầu. Tuy vậy, nhân dân vẫn tìm mọi cách trốn tránh, không đi bỏ phiếu. Nhân dân đấu tranh trực diện với địch, chát vắn, vạch mặt bọn ngụy quyền tay sai, đòi địch phải tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử giữa hai miền, đòi thi hành của Hiệp định Genève.

Đầu năm 1956, phong trào đấu tranh chính trị ở Biên Hòa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Công nhân các đồn điền cao su, nhà máy, các nghiệp đoàn và nông dân đoàn kết đấu tranh chống địch cướp đất. Ngày 7/7/1956, ở Xuân Lộc, hàng ngàn công nhân cao su ở các đồn điền Cẩm Mỹ, Ông Quế, Hàng Gòn, Bình Lộc, An Lộc, Dầu Giây... và nông dân các xã Bảo Vinh, Bình Lộc, Gia Ray, Bảo Chánh... tuần hành về Tân Phong và thị xã Long Khánh biểu tình đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, phản đối Mỹ - Diệm khủng bố nhân dân, bắt bớ cán bộ kháng chiến. Ngụy quyền quận Xuân Lộc huy động binh lính, cảnh sát đến đàn áp nhưng đồng bào vẫn hiên ngang hô vang các khẩu hiệu đấu tranh.

Ngày 7/7/1956, Ngô Đình Diệm chính thức lên nắm quyền tổng thống, công khai tuyên bố “không tổ chức tổng tuyển cử”, đẩy mạnh chiến dịch “tô cộng”, “diệt cộng”. Thời kỳ 1954 - 1956 Đảng bộ Biên Hòa kiên toàn cùng cố được hệ thống cơ sở Đảng, xây dựng được mạng lưới cơ sở cách mạng trong công nhân, nông dân và trí thức. Từ đội quân chính trị đông đảo này, Đảng phát động phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ với khẩu hiệu trung tâm là đòi các quyền lợi dân sinh dân chủ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử.

## **2. Nổi dậy phá khám Tân Hiệp (12/1956).**

Nhà tù Tân Hiệp mà chế độ Mỹ - Diệm gọi là “Trung tâm huấn chỉnh Biên Hòa” có diện tích 36.000m<sup>2</sup> nằm cạnh quốc lộ 1 đối diện Bệnh viện tâm thần Biên Hòa, cách trung tâm thị xã Biên Hòa 2km về phía Đông. Đây là một trong sáu nhà tù lớn của địch ở miền Nam lúc bấy giờ. Sau Hiệp định Genève, Mỹ - Diệm đã bắt hàng ngàn cán bộ đảng viên, đồng bào yêu nước khắp miền Nam giam giữ tại đây. Đến thời điểm tháng 12/1956 nhà tù Tân Hiệp địch giam 1.872 người trong đó có nhiều nhân sĩ, trí thức yêu nước. Trước những hành động khủng bố, tàn sát ngày càng trắng trợn của Mỹ - Diệm, thực lực cách mạng ngày càng tổn thất nghiêm





trọng. Không ảo tưởng trong cuộc “đấu tranh chính trị đơn thuần” đối với kẻ thù ngày càng lộ rõ bộ mặt phát xít, từ giữa năm 1956, Đảng ủy nhà tù Tân Hiệp chủ trương tổ chức phá khám trở về với cách mạng, với nhân dân.

Tháng 11/1956, phương án nổi dậy phá khám Tân Hiệp hoàn thành. Công tác chuẩn bị được tiến hành chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích gồm những đồng chí khỏe mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng, đồng chí Lê Minh Toàn làm chính trị viên. Tổ liên lạc có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng, Bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuộng được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn tù vượt ngục trở về căn cứ. Giờ G, phá khám ấn định là chiều ngày chủ nhật 2/12/1956.



Chiều chủ nhật, nhà tù Tân Hiệp vẫn trong không khí bình lặng như mọi ngày. Sau buổi cơm chiều, đúng 17 giờ 30 đài phát thanh Sài Gòn phát chương trình cổ nhạc. Anh chị em tù nhân tập trung ngồi trước cửa trại vừa nghe nhạc vừa đợi giờ vào trại. 17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích, các tổ chiến đấu áp sát những mục tiêu đã được phân công. 17 giờ 50 phút, sau tiếng keng báo tù nhân vào trại thì tiếng hô “xung phong” vang dậy khắp nơi. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Tư Tăng, Cội, Mìn, Nhàn, Sỏi, Còn Lém... xông thẳng vào kho vũ khí bắt trói trưởng toán gác lấy toàn bộ vũ khí. Cùng lúc đó một tổ xông thẳng đến nhà tên giám đốc Tính, tên công an tài xế chạy đến ứng cứu bị anh em ta đánh gục. Một bộ phận xung kích xông thẳng vào trại giam bắt trói tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an và cắt dây điện thoại.



Học sinh tham quan di tích Nhà lao Tân Hiệp

Phải mất mấy phút sau cánh cổng mới mở được. Anh em tù nhân từ các trại D, E, G ào ạt tuôn ra cửa. Trước làn sóng người tràn ra như nước vỡ bờ, tên lính gác bên ngoài cổng chính giương súng bắn, lập tức bị một xung kích quật ngã và đoạt lấy súng. Dòng người tuôn ra cửa mỗi lúc một đông. Tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng chân chạy rầm rập của hàng trăm người. Lúc đầu

lực lượng xung kích của ta hoàn toàn làm chủ tình hình. Hơn 15 phút sau bọn chúng mới hoàn hồn, vội vã nổ súng phản kích và truy đuổi. Trước làn đạn xối xả của địch, số anh chị em ta chạy ra sau trúng đạn gần 30 đồng chí vừa hy sinh, vừa bị thương nằm trước cổng trại, bên ngoài sân banh và ven bờ suối. Cuộc nổi dậy phá





khám nổ ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 số tù nhân còn lại bị địch gom vào các trại, binh lính canh giữ nghiêm ngặt.

Sau khi thoát khỏi trại giam, đoàn vượt ngục chia làm nhiều cánh để tìm về căn cứ. Mặc dầu địch tăng cường lực lượng truy đuổi, phục kích bố ráp gắt gao, nhưng không một ai nản lòng, có 462 đồng chí với 41 khẩu súng các loại thu được thoát được trở về tới căn cứ là nguồn bổ sung vô giá cho phong trào vũ trang Đồng khởi ở miền Nam. Trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, đây là cuộc nổi dậy phá khám để tự giải phóng có quy mô lớn nhất, đưa được số lượng lớn cán bộ nòng cốt của Đảng về với cách mạng và cướp được số lượng vũ khí nhiều nhất.

### 3. Trận đánh Mỹ tại Nhà Xanh (BIF).

Ngày 1/12/1958, Mỹ - Diệm dã man đầu độc giết hại hàng trăm cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở nhà tù Phú Lợi (Bình Dương). Cả nước căm phẫn, tỉnh ủy Biên Hòa chỉ đạo cuộc đấu tranh chính trị với quy mô lớn trong toàn tỉnh. Bất chấp sự ngăn cấm khủng bố của địch, hàng ngàn đồng bào ở các huyện thị ở Biên Hòa, Long Khánh kéo về Sài Gòn biểu tình vạch trần bộ mặt phát xít tàn bạo của chế độ Mỹ - Diệm. Tháng 5/1959, Mỹ - Diệm ban hành luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam gây nhiều tội ác với đồng bào ta, hành hình cán bộ, đảng viên không cần xét xử. Mỹ - Diệm càng điên cuồng khủng bố dã man thì lòng căm thù của nhân dân ta đối với bọn chúng càng cao, ý chí cách mạng càng thêm kiên định.

Để ngăn chặn những hành động tội ác của giặc, Liên tỉnh ủy miền Đông quyết định tổ chức lực lượng tập kích vào trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) đóng tại nhà máy của BIF thị xã Biên Hòa, đang làm nhiệm vụ cố vấn cho sư đoàn 7 ngụy ở Biên Hòa. Đánh Mỹ ở Biên Hòa thắng lợi sẽ có tác động lớn vì sau Sài Gòn, đây là hậu cứ, là trung tâm đầu não của bọn Mỹ - ngụy ở miền Đông, nơi được mệnh danh là “sân sau của Sài Gòn”. Ban quân sự miền Đông giao trách nhiệm cho đồng chí Lâm Quốc Đăng thực hiện nhiệm vụ quan trọng này với phương châm là tuyệt đối bí mật, an toàn, chắc thắng. Cuối tháng 6/1959, Liên tỉnh ủy và Ban quân sự miền Đông thông qua phương án tập kích vào cư xá cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa và ấn định vào 19 giờ ngày 7/7/1959 nổ súng.

Chiều tối ngày 5/7/1959, từ căn cứ chiến khu Đ, phân đội vũ trang gồm 6 đồng chí nhận lệnh xuất phát. Khuya ngày 5/7, đơn vị đã về gò Cây Trâm Muối rừng Tân Phong, Khu căn cứ của Thị ủy Biên Hòa. Ngày 6/7, đồng chí Ba Lễ vào căn cứ gặp mặt toàn đội, trao đổi về tình hình và kế hoạch tác chiến. Đêm 6/7, đội vũ trang tiếp tục bí mật hành quân về rừng chồi Gò Me ém quân trong căn hầm bí mật phía sau nhà má Nguyễn Thị Xuân, một cơ sở cách mạng của Thị ủy Biên Hòa. Ngày 7/7 khoảng 19 giờ, nhá nhem tối, phân đội vũ trang cải trang thành toán lính đi tuần tới Gò Me men theo bờ ruộng tiến thẳng vào mục tiêu.





Bên trong cư xá, sáu cố vấn Mỹ đang xem phim trong phòng khách tầng trệt. Bọn lính đến đổi phiên gác, đồng chí Nguyễn Thành Long, tự vệ mật, kịp thời nổ súng diệt tên lính gác công. Một số tự vệ mật khác cũng nhanh chóng chặn kho súng, cho nổ thủ pháo ở khu nhà tên sĩ quan chỉ huy và dãy nhà lính, làm nhiệm vụ kèm chân địch, không cho chúng phản công đánh vào sau lưng các chiến sĩ vũ trang. Các chiến sĩ vũ trang nhanh chóng theo lối cổng phụ tiến vào áp sát cư xá.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút. Địch không kịp trở tay, kể cả số lính bảo vệ nằm sát cư xá. Thiếu tá B.Buis và trung sĩ C. Ovmand trúng đạn chết tại chỗ, đại úy Boston bị thương. Theo phương án, các đồng chí còn lại trong đội vũ trang vượt rào, ra lộ 15 hướng suối Săng Máu, rút về chiến khu an toàn. Tự vệ mật Thị ủy Biên Hòa nhanh chóng tản về các nơi, giấu vũ khí, thay đổi trang phục, trở về cuộc sống thường ngày. Suốt đêm lính địch truy lùng khắp nơi nhưng chẳng phát hiện được gì ngoài một số vết tích nghi trang còn lưu lại. Trận tập kích vào cư xá phái đoàn cố vấn Mỹ ở BIF (Nhà Xanh) của đơn vị đặc công C250 hoàn thành thắng lợi. Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên của nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.



## **II- Biên Hòa từ Đồng Khởi đến phá Ấp chiến lược (1961 - 1965).**

### **1. Đồng Khởi.**

Tháng 1/1959, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 đề ra đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Đầu tháng 2/1960 tại rừng Thái Hòa (Tân Uyên), Tỉnh ủy Biên Hòa họp triển khai nghị quyết 15 và nghị quyết của Xứ ủy Nam bộ. Biên Hòa gặp nhiều khó khăn, Tỉnh ủy chỉ còn 5 đồng chí. Các huyện thị trong tỉnh, số cán bộ đảng viên còn lại ít ỏi. Đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh lúc này phát triển được hơn một trung đội. Tỉnh ủy chủ trương sử dụng lực lượng vũ trang của tỉnh tiến hành đợt vũ trang tuyên truyền, trọng điểm là các xã vùng chiến khu Đ khẩn trương mở rộng địa bàn hoạt động xuống các huyện. Tháng 3/1960, với sự hỗ trợ của bộ đội tỉnh, nhân dân các xã Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc... đồng loạt nổi dậy diệt tề trừ gian, trấn áp bọn phản cách mạng. Chỉ trong một thời gian ngắn ta giành quyền làm chủ trên một vùng rộng lớn, thanh niên thoát ly gia nhập lực lượng vũ trang. Lực lượng vũ trang phát triển xuống các vùng giáp ranh chiến khu tuyên truyền, phát động, phối hợp quần chúng nổi dậy phá rã bộ máy kìm kẹp của địch ở xã ấp, giành quyền làm chủ.

Tháng 9/1960, hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một được Xứ ủy quyết định sát nhập thành tỉnh Thủ Biên, các huyện thị trong tỉnh Biên Hòa được sắp xếp lại.





Được Xứ ủy tăng cường một trung đội vũ trang, tỉnh Thủ Biên thành lập đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh. Đại đội 380 chính thức ra đời và chỉ đạo các huyện khẩn trương tổ chức, xây dựng bộ đội địa phương huyện, du kích xã làm nòng cốt cho phong trào vũ trang khởi nghĩa. Tháng 7/1961, Xứ ủy quyết định tách tỉnh Thủ Biên. Tỉnh Biên Hòa được lập lại bao gồm các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch, huyện cao su Bình Sơn và thị xã Biên Hòa. Lực lượng vũ trang của tỉnh lấy phiên hiệu đại đội 240 (C240). Từ khi có Nghị quyết 15, chủ trương đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quân dân Biên Hòa đã anh dũng nổi dậy, đập tan bộ máy kiểm kẹp xã, áp ở nhiều vùng mà địch xây dựng, xoay chuyển tình thế vũ trang khởi nghĩa, giành nhiều thắng lợi.

## 2. Phá áp chiến lược.

Tháng 11/1961, kế hoạch Staley - Taylor, được thông qua, địch sử dụng nhiều biện pháp, âm mưu thâm độc trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa mà trong đó “xương sống” của chương trình “bình định” là gom dân lập áp chiến lược. Áp chiến lược thực chất là khoanh dân, gom dân vào “khu định cư”, tạo vành đai trắng để kiểm kẹp, tách dân với cách mạng. Tháng 3/1962, Mỹ - Diệm mở chiến dịch “Mặt trời mọc” liên tiếp mở hàng chục cuộc hành quân, càn quét với quy mô từ cấp đại đội đến cấp trung đoàn khủng bố bắn giết gom dân, khoanh dân vào các áp chiến lược. Ở nông thôn địch gom, xúc tát dân về các trục lộ giao thông, các khu định cư chung quanh các căn cứ quân sự, rồi cưỡng bức nhân dân đào hào, dựng rào, đắp lũy. Có nơi địch thả thêm kềm gai bùng nhùng, trồng tre xung quanh và phía dưới giao thông hào địch cắm chông tre, gài mìn, lựu đạn dày đặc. Mỗi áp chỉ chừa 2 hoặc 3 cổng ra vào, có nhiều vọng gác để kiểm soát chặt chẽ việc đi lại của nhân dân. Bên trong áp, địch tổ chức bộ máy kềm kẹp bao gồm những tên tàn ác ôn, cán bộ bình định nông thôn... Chúng phân loại dân, phân ô, phân vùng, theo dõi sát mọi sinh hoạt của nhân dân. Ở một số nơi chúng tách các gia đình cách mạng vào “khu biệt lập” để khống chế. Mỗi áp có 2 đến 3 đồn bót được xây dựng kiên cố do một tiểu đội đến một trung đội bảo an hoặc dân vệ chốt giữ.



Một góc áp chiến lược mẫu

Ở các sở cao su, Mỹ - Diệm buộc chủ sở phải gom công nhân về các trung tâm để xây dựng áp. Một số đồn điền như Cẩm Mỹ, An Lộc, Trảng Bom, Bình Sơn chúng tập trung lực lượng xây dựng thành các yếu khu quân sự. Ở các vùng dân di cư Công giáo, Mỹ - Diệm dùng chiêu bài “chống cộng bảo vệ đạo” lừa bịp đồng bào. Chúng trang bị vũ khí cho thanh niên trong áp, biến các áp chiến lược thành các áp chiến đấu chống cách mạng. Có một số áp chiến lược như ở Hố Nai, Trảng Bom, Gia Kiệm, Bảo Thi, Bảo Định chúng tổ chức hai đến ba trung đội dân vệ và



thanh niên chiến đấu trang bị súng đạn đầy đủ. địch kiểm soát gặt gao việc đi lại, lục xét kỹ những ai chúng tình nghi là cơ sở cách mạng. Đồng bào hầu như bị tước đoạt quyền sống. Áp chiến lược thực sự là trại giam, là cứ điểm quân sự của địch.

Trước âm mưu và thủ đoạn mới của Mỹ - ngụy, tháng 4/1962, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra nghị quyết đẩy mạnh đấu tranh chính trị và vũ trang lâu dài, đánh lui địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Xác định ba công tác trọng yếu là kiên quyết phá áp chiến lược gom dân của địch, ra sức mở rộng căn cứ địa toàn diện vững mạnh, khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân. Trong 3 nhiệm vụ, phá áp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng nhất. Từ giữa năm 1962, phong trào đấu tranh 3 mũi giáp công: vũ trang, chính trị, binh vận được phát động rộng khắp trên hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch. Mũi đấu tranh quân sự luôn đi đầu. Bộ đội và du kích liên tiếp diệt ác ôn, trấn áp tề ngụy phản động, vận động binh sĩ ngụy giác ngộ mang súng trở về với cách mạng.



Ở xã Phước An, địch tập trung xây dựng khu trù mật Hang Nai. Đây là “trọng điểm” bình định của địch ở khu lòng chảo Nhơn Trạch. Bằng các biện pháp lừa mỵ đi đôi với không chế, chúng khủng bố, gom dân ở hai ấp Vũng Gấm và Bào Bông phải dồn về khu trù mật. Huyện ủy Nhơn Trạch chỉ đạo chi bộ xã Phước An quyết tâm phá vỡ kế hoạch lập khu trù mật của địch ngay từ lúc chúng bắt đầu.

Nhân dân các ấp đấu tranh liên tục, đưa yêu sách đòi tự do đi lại làm ăn, viện lý do bà con trong xã đều làm nghề chài lưới theo con nước không thể tập trung về khu trù mật. Chúng đưa lính đồn Gò Cát, Vũng Gấm... đến từng nhà, quăng đồ đạc lên xe trước rồi thúc người lên sau. Nhân dân chống xúc tát dân di tản ra quyết liệt. Nay địch bắt lên, mai nhiều gia đình lại chờ đồ đạc về đất cũ. Tháng 6/1962, nhân dân và du kích, lực lượng vũ trang huyện, bộ đội tỉnh (C240) bao vây bức hàng đồn Gò Cát. Thắng lợi bức hàng đồn Gò Cát, phá khu trù mật Phước An và phong trào du kích chiến tranh phát triển ở các xã Tam An, Tam Phước, Phú Hội, Phú Hữu đã kết hợp chặt chẽ 3 mũi giáp công đánh địch, phá áp chiến lược tạo thế cho dân bung ra sản xuất làm ăn. Các xã Thiện Tân, Tân Định, Lợi Hòa phong trào chống địch gom dân lập áp chiến lược rất mạnh mẽ.

Lực lượng cách mạng tỉnh Biên Hòa cho đến những tháng cuối năm 1962 được phát triển. Các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, thị xã Biên Hòa đều xây dựng được trung đội bộ đội địa phương. Cuối tháng 6/1962, Tỉnh ủy Biên Hòa thành lập Ban cán sự Đảng cao su vùng Bình Sơn, Siph, An Viễn và xây dựng được đại đội 207; các sở cao su đều xây dựng các đội du kích thoát ly và du kích





mật. Ban cán sự di cư vùng Hồ Nai được thành lập và đội vũ trang tuyên truyền phát triển được 1 tiểu đội. Năm 1962 Ban cán sự tỉnh Long Khánh được thành lập, do đồng chí Lê Văn Thâm (Chính Sanh) làm bí thư. Các đội vũ trang huyện, tỉnh tổ chức đánh địch, diệt ác ôn, phá kiếm kẹp ở khắp nơi và thu nhiều thắng lợi.

Đầu tháng 2/1962, đồng chí Phạm Lạc cải trang quận trưởng Xuân Lộc dẫn một tiểu đội vũ trang đột nhập ấp Bảo Vinh bắt gọn 21 tên tề xã, ấp đang họp bàn kế hoạch gom dân lập ấp. Đội vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc do đồng chí Phan Thành Phụ chỉ huy đánh bót Hưng Nghĩa và diệt tên trưởng ấp ác ôn, họp dân vận động 10 thanh niên thoát ly gia đình gia nhập bộ đội. Ngày 27/2/1962, tiểu đoàn 500 (Quân khu) và lực lượng vũ trang tỉnh Long Khánh tập kích tiêu diệt gọn một đại đội biệt động quân đóng dã ngoại ở núi Mây Tàu. Tháng 3, đại đội vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc cải trang giả lính bảo an giữa ban ngày đột kích dinh điền Bình Phú diệt gọn một trung đội Bảo an, thu 27 súng. Với những trận đánh liên tiếp làm cho địch không xây dựng và củng cố bộ máy tề ngụy, ta làm thất bại kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược vùng Long Khánh, khai thông tuyến hành lang liên lạc chiến khu Đ về Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tháng 3/1963, Trung ương Cục miền Nam và Khu ủy miền Đông chủ trương sát nhập 2 tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa thành tỉnh Bà Biên nhằm khắc phục những khó khăn về địa bàn, tập trung lực lượng, phối hợp mở hành lang chiến lược, xây dựng và phát triển căn cứ cách mạng. Đồng chí Nguyễn Sơn Hà, Bí thư Tỉnh ủy. Hưởng ứng phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” do Trung ương Cục miền Nam phát động, Tỉnh ủy Bà Biên chủ trương đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống phá kế hoạch bình định nông thôn của địch bằng hai lực lượng: chính trị và quân sự, kết hợp 3 mũi tiến công phá ấp chiến lược giữ vững và mở rộng vùng giải phóng.

Tháng 4/1963, lực lượng vũ trang ta đánh diệt đồn dân vệ và phát động quần chúng nổi dậy phá banh ấp chiến lược Hưng Nghĩa ở Xuân Lộc, bắt sống toàn bộ tề ấp và bọn phản động gồm 13 tên, thu 13 súng các loại. Tại xã Bảo Vinh, du kích và tự vệ mật liên tục đánh địch phá ấp chiến lược Bảo Vinh C, vận động nhân dân phá từng đoạn rào, dẫm nát cỏ để tung tin giải phóng về phá ấp chiến lược. Sau nhiều lần bị đánh phá, địch phải bỏ luôn ấp chiến lược Bảo Vinh C. Cuộc đấu tranh quyết liệt chống địch gom dân lập ấp chiến lược của quân và dân ta trong năm 1963 đã làm phá sản cơ bản kế hoạch của Mỹ - ngụy “bình định miền Nam trong vòng 18 tháng”, Ngô Đình Diệm và bè lũ tay sai tỏ ra bất lực, đế quốc Mỹ phải “thay ngựa giữa dòng”. Để phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới, tháng 12/1963, Trung ương Cục tách tỉnh Bà Biên tổ chức lại tỉnh Biên Hòa, tỉnh Bà Rịa.

Năm thời cơ, Tỉnh ủy Biên Hòa chủ trương phát động phong trào nổi dậy kết hợp chặt chẽ 3 mũi quân sự, chính trị, binh vận, kiên quyết phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng. Hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch với sự hỗ trợ của đại





đội 240, quần chúng nổi dậy phá banh toàn bộ ấp chiến lược; du kích và quần chúng bao vây đồn bót địch, ta làm chủ ngày đêm ở các xã Phước An, Phước Thọ, Phước Thiện, Phước Nguyên, Phú Hội, Phú Hữu, Tam An, Tam Phước, đồn điền cao su Bình Sơn, An Viễn.

Tại Vĩnh Cửu, Huyện ủy chọn xã Đại An làm điểm phá ấp chiến lược. Bộ đội, du kích và nhân dân dùng rơm rạ buộc thành từng bó, tẩm dầu chất quanh ấp. Đêm 24/1/1964 hàng rào ấp chiến lược Đại An phút chốc biến thành vòng lửa cháy sáng một góc trời. Lựu đạn, mìn gặp lửa nổ liên tục, bọn lính địch hoảng loạn tìm đường trốn chạy.



Ngay trong đêm, ấp chiến lược Đại An bị phá banh. Chiều ngày 2/2/1964, bộ đội tỉnh Biên Hòa cùng với bộ đội huyện Vĩnh Cửu và du kích các xã đào công sự sát chân đồn Trị An. Du kích đốt cầu 20, cắt đứt lộ 24. Hàng trăm người dân và gia đình binh lính ngại cầm đuốc tuần hành thị uy quanh chân đồn Trị An, phát loa kêu gọi lính địch buông súng đầu hàng. Hoang mang cực độ, 11 giờ đêm ngày 3/2/1964, lính trên đồn xin đầu hàng quân giải phóng. Hai tên chỉ huy đồn chạy trốn, ta truy lùng bắt sống, xã Trị An hoàn toàn giải phóng.

Thất bại nặng nề, kế hoạch Staley - Taylor hoàn toàn bị phá sản. Để cứu vãn tình hình, tháng 3/1964, Tổng thống Jhonson đưa ra “kế hoạch Jhonson - Mc Namara” với âm mưu “bình định” có trọng điểm miền Nam trong vòng hai năm (1964 - 1966). Biên Hòa là một trọng điểm. Mỹ tăng viện trợ, tăng cố vấn đến cấp tiểu đoàn để nắm chặt lực lượng quân sự và bộ máy hành chính, mở rộng chiến tranh xâm lược, chuẩn bị kế hoạch leo thang chiến tranh. Trên chiến trường miền Đông Nam bộ, Mỹ - nguy huy động cả lực lượng tổng trừ bị tổ chức nhiều cuộc hành quân vào vùng căn cứ, lấn chiếm vùng giải phóng, vào chiến khu Đ, mở rộng, củng cố đồn bót hai bờ sông Đồng Nai, hỗ trợ tề nguy khôi phục các ấp chiến lược bị ta phá, lập lại vành đai để bảo vệ các căn cứ, sân bay, kho tàng của chúng ở Biên Hòa và Sài Gòn.

Ngày 28/1/1964, địch tổ chức một trận càn quét lớn vào căn cứ của Tỉnh ủy Biên Hòa ở Suối Cả (Long Thành). Chúng sử dụng phi cơ, pháo binh bắn phá ác liệt vào các mục tiêu dọn đường cho bộ binh tiến quân. Suốt 3 ngày đêm liên bao vây, càn quét, địch hy vọng sẽ tiêu diệt được bộ máy lãnh đạo của tỉnh Biên Hòa. Ban chỉ huy tỉnh đội bố trí lực lượng chặn đánh, bẻ gãy các mũi tấn công của địch. Đến ngày thứ tư, cuộc càn không đạt kết quả, địch rút quân, cuộc hành quân của địch hoàn toàn thất bại. Phía Bắc Biên Hòa, địch đổ quân chiếm lại đồn Kim Liên, Trị An, bố trí một đại đội bảo an và một đại đội biệt động đóng giữ.





Tháng 3/1964, Trung ương Cục miền Nam đề ra nhiệm vụ năm 1964 là “... Giữ vững mở rộng các khu căn cứ rừng núi và đồng bằng theo kịp sự phát triển của cách mạng nhất là trên các địa bàn chiến lược... Đẩy mạnh phá ấp chiến lược để mở rộng vùng giải phóng, liên hoàn tiếp giáp với vùng căn cứ”. Thực hiện nhiệm vụ của Trung ương cục, giữa năm 1964, lực lượng vũ trang quân khu kết hợp với bộ đội địa phương các tỉnh miền Đông và du kích diệt gọn tiểu đoàn 37 biệt động nguy, giải phóng hàng loạt xã, mở rộng vùng giải phóng ở chiến khu Đ. Đầu tháng 7/1964, bộ đội quân khu tấn công tiêu diệt đồn Cây Gáo. Trên quốc lộ 20, lực lượng vũ trang phối hợp cùng nhân dân nổi dậy tiếp tục phá banh các ấp chiến lược Thanh Giang, Thanh Bình, Phú Cát, Bàu Đồi, Đồng Hiệp tạo thành một vùng giải phóng rộng lớn từ Trị An đến Túc Trưng.

Đêm 12/9/1964, tiểu đoàn 800 (Quân khu) kết hợp với bộ đội địa phương tấn công tiêu diệt chi khu Hiếu Liêm. Bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu và du kích các xã hỗ trợ quần chúng nhân dân phá ấp chiến lược Thiện Tân, Bình Long, Lợi Hòa, Tân Phú. Sau 57 ngày đêm bao vây và đánh viện binh, đêm 19/11/1964, lần thứ 2 xã Trị An hoàn toàn giải phóng. Tại Long Thành và Nhơn Trạch đầu năm 1964, hầu hết ấp chiến lược đều bị phá banh. Cuối năm 1964, thế và lực của cách mạng ở tỉnh Biên Hòa và Long Khánh có những bước phát triển đáng kể. Lực lượng chính trị, quân sự lớn mạnh, phong trào phá ấp chiến lược phát triển ở hầu hết các xã trong tỉnh.

### **3. Đánh sân bay Biên Hòa.**

Ngày 10/10/1964, Quân ủy Trung ương chỉ thị mở đợt hoạt động mùa khô 1964 - 1965 trên khắp chiến trường miền Nam nhằm tiêu diệt một bộ phận chủ lực nguy, kết hợp tiêu hao rộng rãi, thúc đẩy sự tan rã của lực lượng địch, phá ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp, giành thêm nhiều nhân lực, mở rộng vùng giải phóng, thu hẹp vùng kiểm soát của địch, đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, làm tăng thêm sự khủng hoảng chính trị và mâu thuẫn nội bộ địch. Bộ Chỉ huy quân sự Miền Nam (B2) chủ trương mở chiến dịch tiến công tiêu diệt địch, mở rộng vùng giải phóng.



Trình sát mục tiêu sân bay Biên Hòa

Hướng tập trung là các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh. Trước tình hình mới, tỉnh ủy Biên Hòa tập trung chỉ đạo việc phát triển lực lượng, chuẩn bị nhân vật lực để đánh Mỹ trên mọi mặt trận, mọi lúc. Từ tháng 10/1964, phối hợp với các lực lượng trinh sát Miền, Tỉnh ủy, Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo điều nghiên địa hình, bố phòng sân bay Biên Hòa và chuẩn bị trận địa cho lực lượng pháo binh Miền và quân khu tấn công địch.



Sân bay Biên Hòa cách Sài Gòn 30 km về phía Đông Bắc là một trong những sân bay quân sự lớn nhất của Mỹ - ngụy ở miền Nam, rộng khoảng 49 km<sup>2</sup> với 2 đường băng dài 3.600m và 1.000m. Sân bay được trang bị hệ thống radar, hệ thống chỉ huy liên lạc tối tân. Bên trong sân bay có 6 khu rộng chứa từ 170 - 190 máy bay, thường xuyên có 500 sĩ quan, phi công, nhân viên kỹ thuật và hàng trăm binh lính Mỹ - ngụy đồn trú bảo vệ. Hệ thống phòng thủ sân bay được địch bố trí kiên cố và nghiêm ngặt gồm nhiều lớp hàng rào kẽm gai với chiều rộng gần 1km, bãi mìn, lựu đạn dày đặc và nhiều lô cốt, bốt gác xung quanh. Ban đêm, sân bay được soi sáng bằng một hệ thống đèn pha cực mạnh. Lực lượng bảo vệ sân bay gồm đại đội pháo binh, một đại đội xe tăng, một tiểu đoàn quân khuyển (100 con chó becgie). Bên cạnh sân bay là sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy, bên ngoài sân bay có một tiểu đoàn quân Mỹ và một tiểu đoàn lính bảo an ngụy thường xuyên tuần tra canh gác.

Bộ chỉ huy Miền chỉ định các đồng chí Lương Văn Nho và Nguyễn Văn Bứa tổ chức chỉ huy trận đánh. Huyện ủy Vĩnh Cửu huy động gần 100 dân công tham gia tải đạn từ chiến khu Đ để phục vụ cho trận đánh. Lực lượng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu gồm một đại đội cối 81 (7 khẩu), một đại đội DKZ 75 (2 khẩu) của Miền kết hợp một đại đội cối 81 (3 khẩu), một trung đội đặc công tiểu đoàn 800 của quân khu miền Đông (T1), đại đội địa phương tỉnh Phước Thành và lực lượng vũ trang huyện Vĩnh Cửu, thị xã Biên Hòa.



Chiều 31/10/1964, từ căn cứ chiến khu Đ, các đơn vị xuất phát, bí mật hành quân đến vị trí tập kết, bố trí trận địa tại Hóc Bà Thúc (phường Tân Phong) phía Đông Bắc sân bay Biên Hòa. 23 giờ 30 đêm 31/10/1964, pháo cối ta bắt đầu cấp tập bắn vào sân bay. Từng cụm lửa bốc cháy sáng rực cả một góc trời. Cả thị xã Biên Hòa và các vùng phụ cận rung lên vì những tiếng nổ long trời lở đất. Chỉ trong vòng 15 phút, gần 130 quả đạn cối rơi gọn và chính xác xuống các mục tiêu, phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 máy bay B57, 11 máy bay AD6, 1 máy bay do thám (U2); diệt và làm bị thương 253 tên địch, thiêu hủy và nổ tung hoàn toàn 2 kho đạn lớn, 1 kho xăng, 1 đài quan sát và 18 căn trại lính. Báo Thế giới Tây Đức nhận xét rằng “Trận đòn của Việt Cộng đánh vào sân bay của Mỹ ở Biên Hòa làm cho các nhà quân sự ở Hoa Thịnh Đốn rất đau đầu. Người ta cho rằng không còn có gì thêm nữa, Việt Cộng cũng có khả năng lập lại cuộc tấn công như vậy vào các vị trí quan trọng khác trong khi không bị thương vong một người nào. Việt Cộng ở Biên Hòa đã thực hiện một điều lý tưởng về chiến thuật quân sự là dùng phương tiện tối thiểu để thu được kết quả tối đa và gây tác hại hàng chục triệu đô la cho không quân Mỹ”.





Đây là một trận đánh táo bạo, bất ngờ. Lần đầu tiên, pháo binh Miền đã tận dụng yếu tố bí mật, kết hợp với lực lượng địa phương và phong trào quần chúng, mở đầu hàng loạt trận pháo kích vào các mục tiêu chiến lược quan trọng của Mỹ - ngụy. Chiến thắng tại sân bay Biên Hòa làm nức lòng quân dân cả nước. Lực lượng pháo binh Miền được tặng thưởng Huân chương quân công hạng nhất, huân chương cao nhất lần đầu tiên được tặng thưởng ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bác Hồ kính yêu với bút danh “Chiến Sĩ” đã viết bài ca ngợi chiến thắng này trên báo Nhân dân số 3878 ngày 12/11/1964:

*Uy danh lừng lẫy khắp năm châu*

*Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu*

*Thành đồng trống thẳng lay lâu trắng*

*Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu.*

#### **4. Phối hợp chiến dịch Bình Giã.**

Cuối năm 1964, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền Nam quyết định mở chiến dịch Bình Giã ở Bà Rịa. Chiến dịch mở màn ngày 5/12/1964 đến ngày 3/1/1965 kết thúc, giành thắng lợi to lớn. Để đánh lạc hướng địch trước khi chiến dịch Bình Giã nổ súng, theo sự chỉ đạo của Quân khu miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ đạo mở một đợt hoạt động quân sự mạnh ở vùng Long Thành - Nhơn Trạch để thu hút quân chủ lực của địch. Ngày 15/11/1964, lực lượng vũ trang Quân khu phục kích đoàn xe quân sự trên đường 15 (xã Phước Hòa) diệt 12 xe quân sự, có 4 xe thiết giáp, thu 52 súng. Đại đội công binh tỉnh Biên Hòa liên tục tổ chức đánh giao thông địch, bắt sống 4 cố vấn Mỹ, thu hàng chục tấn gạo và quân trang quân dụng.

Ở Xuân Lộc, ta tấn công địch ở các xã trên trục lộ số 1, số 2, giải phóng các xã Cẩm Đường, Thừa Đức, Bình Phú, bức rút trung đội dân vệ đóng ở đồn Bảo Chánh, bắt sống hàng chục dân vệ, tề xã, ấp. Tại Long Thành, đội vũ trang huyện cao su Bình Sơn và du kích các đồn điền cải trang dùng 6 xe chở công nhân đi cạo mủ về bất ngờ tập kích đồn biệt kích A16 đóng tại sở cao su Bình Sơn, bắt sống 19 tên, thu 10 súng. Bộ đội huyện Long Thành và du kích tập kích diệt đồn Tam An. Phát triển thắng lợi của chiến dịch Bình Giã, quân và dân huyện Xuân Lộc với sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực Miền nổi dậy phá tan các ấp chiến lược ngay sát thị xã Long Khánh và các khu vực trọng điểm bình định của địch ở Bảo Vinh, Bình Lộc, Cẩm Mỹ, Bảo Thị, Bảo Định...

Ngày 7/5/1965, trung đoàn 4 (chủ lực khu) liên tiếp đánh địch ở Tà Lài, Ba Sa, chi khu Định Quán, làm chủ quốc lộ 20. Ngày 15/5/1965, quân cứu viện của địch lọt vào trận địa Là Ngà. Cả tiểu đoàn biệt động quân và một đại đội bảo an bị tiêu diệt. Trên trận chuyển dài 2 km, xác giặc ngổn ngang, 26 xe quân sự gồm cả xe tăng thiết giáp bị bắn cháy. Ta tịch thu hơn 100 súng. Đây là chiến thắng “Là Ngà





2”. Đêm 8 rạng ngày 9/6/1965, trung đoàn 4 và bộ đội huyện Xuân Lộc tập kích yếu khu quân sự và trường huấn luyện Gia Ray, diệt 3 đại đội hạ sĩ quan, một đại đội bảo an và một trung đội dân vệ, thu 150 súng, 5 tấn đạn dược, 3 toa xe chở hàng quân sự, chiếm lĩnh hoàn toàn yếu khu quân sự và trung tâm huấn luyện của địch, giải phóng hơn 7.000 dân. Các xã Bảo Chánh, Bảo Bình, Tân Phong được giải phóng, ta làm chủ quốc lộ số 1 từ ngã ba Tân Phong đến Rừng Lá dài 80 km. Địch buộc phải co cụm hầu như toàn bộ lực lượng gom về thị xã Long Khánh.

Tháng 2/1965, Bộ chỉ huy Quân sự Miền Nam quyết định đồng chí Trần Công An và 50 cán bộ chiến sĩ thông thạo địa hình về thị xã Biên Hòa với nhiệm vụ tổ chức đánh đặc công vào các cơ quan đầu não, các căn cứ quân sự, kho tàng của Mỹ - ngụy. Ngày 2/2/1965, Thị ủy Biên Hòa quyết định: hợp nhất đội biệt động thị xã và 50 chiến sĩ đặc công được Miền tăng cường thành một đơn vị đặc công dưới sự lãnh đạo trực tiếp của thị ủy Biên Hòa. Trải qua bốn năm đấu tranh chống chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ - ngụy, được sự hỗ trợ đặc lực của lực lượng vũ trang Miền, Quân khu, quân dân Biên Hòa, Long Khánh đã phá rã, phá banh toàn bộ hệ thống áp chiến lược của địch, giải phóng 2/3 vùng nông thôn. Vùng giải phóng được mở rộng liên hoàn. Hàng ngàn ha ruộng đất được phân cấp cho nông dân, trường học, trạm xá được xây dựng, các đội văn nghệ, đội chiếu phim thường xuyên phục vụ nhân dân. Phong trào tòng quân, xã áp chiến đấu sôi nổi đều khắp. Thế trận chiến tranh nhân dân phát triển vững chắc.

### **III- Đánh Mỹ diệt Ngụy trong chiến lược Chiến tranh cục bộ.**

#### **1. Thế trận mới.**

Sau chiến dịch Bình Giã, Trung ương Cục miền Nam chủ trương mở tiếp các chiến dịch Đồng Xoài, Phước Long (tháng 6/1965) khẳng định xu thế phát triển mạnh mẽ của các phong trào cách mạng miền Nam. Quốc sách áp chiến lược, xương sống của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của địch bị phá sản, chính quyền ngụy Sài Gòn bước vào cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng. Đó chính là bức tranh toàn cảnh của chế độ tay sai ở Sài Gòn mà Mc Namara và Taylor đã báo cáo về Nhà trắng tháng 4/1965. Tại nước Mỹ, phong trào chống chiến tranh làm cho nội bộ chính quyền bắt đầu phân hóa. Tháng 11/1964, Jhonson đắc cử tổng thống. Năm 1965, Mỹ quyết định triển khai 44 tiểu đoàn chiến đấu vào miền Nam Việt Nam, chuyển chiến lược “chiến tranh đặc biệt” sang “chiến tranh cục bộ”, hy vọng tìm được thắng lợi ở miền Nam Việt Nam bằng quân sự. Thông qua chiến lược quân sự “tìm và diệt” của tướng Westmoreland với mục tiêu bao trùm là tiến hành cuộc chiến tranh trên bộ, kết hợp đẩy mạnh chiến tranh bằng không quân ra miền Bắc buộc ta phải thương lượng theo điều kiện của Mỹ. Đế quốc Mỹ đề ra kế hoạch chiến lược 3 giai đoạn dự định thắng ta trong 2 năm rưỡi với trên 40 vạn quân Mỹ.







Trọng điểm “tìm và diệt” của Mỹ là miền Đông Nam bộ, trong đó có Biên Hòa, Long Khánh.



Ngày 1/5/1965, Mỹ đưa lữ dù 173 và 1 tiểu đoàn quân hoàng gia Úc vào đóng ở sân bay Biên Hòa nhằm mục đích càn quét khu vực Bắc sân bay, đẩy lùi chủ lực ta ra xa, yểm trợ cho việc triển khai quân Mỹ và xây dựng các căn cứ, kho tàng cho quân viễn chinh. Sân bay Biên Hòa được mở rộng, nâng cấp thành sân bay chiến lược quân sự. Ngày 21/7/1965, đế quốc Mỹ lập Bộ tư lệnh hậu cần số 1, đóng tại Long Bình. Ngày 15/3/1966, Mỹ lập bộ tư lệnh dã chiến 2 tại kho Long Bình để chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam. Ngoài tổng kho Long Bình, Mỹ còn mở rộng xây dựng kho bom Thành Tuy Hạ ở Nhơn Trạch. Tháng 9/1966, Mỹ xây dựng căn cứ thiết giáp số 11 ở Suối Râm (Long Khánh). Biên Hòa còn có căn cứ Nước Trong (Long Thành), hậu cứ sư 18 bộ binh, căn cứ liên đoàn biệt động... Ngoài ra, chiến trường Biên Hòa còn có căn cứ lính chur hầu Thái Lan ở Long Thành, trung đoàn hoàng gia Úc ở Núi Đất, một tiểu đoàn pháo Tân Tây Lan hoạt động chiến trường Bà Rịa - Long Khánh. Ở thời điểm này, địch đã hình thành 2 tiểu khu quân sự Biên Hòa, Long Khánh và 5 chi khu, yếu khu, quân bảo an gồm 4 tiểu đoàn, 35 đại đội, 54 trung đội dân vệ và trên 200 đồn, bót, tua, tháp canh.

Tại thị xã Biên Hòa có sở chỉ huy quân đoàn 3 vùng III chiến thuật, nha cảnh sát miền Đông, Trung tâm chiêu hồi và lực lượng yểm trợ quân đoàn 3. Tại sân bay Biên Hòa có 2 không đoàn số 23, 33, và 2 lữ đoàn thiết giáp 1 và 5; 4 tiểu đoàn pháo binh (số 32, 35, 38, 52); hai lữ đoàn công binh (số 5 và 30); hai hải đoàn (305 và 25); 3 hải thuyền và 5 đội tuần giang; một tiểu đoàn truyền tin; một tiểu đoàn quân cảnh; tiểu đoàn 31 vận tải; tiểu đoàn 16 công vụ; 3 quân y viện. Địch còn có khả năng yểm trợ không quân từ Tân Sơn Nhất, các lực lượng tổng trừ bị như sư đoàn dù, thủy quân lục chiến nguy và các đơn vị của khu 33 chiến thuật, và bộ máy nguy quyền từ tỉnh xuống quận, xã, ấp, cảnh sát dã chiến, mật vụ, bình định nông thôn và nhân dân tự vệ. Với một bộ máy đàn áp quy mô của Mỹ - nguy, tỉnh lỵ Biên Hòa, tỉnh lỵ Long Khánh trở thành thành phố quân sự phục vụ chiến tranh.

## **2. Âm mưu mới của địch.**

Trên chiến trường Biên Hòa - Long Khánh, Mỹ tập trung “tìm diệt” và “bình định”. Mỹ - nguy mở liên tục những cuộc hành quân quy mô vừa và lớn nhằm diệt lực lượng vũ trang của cách mạng. Hướng tập trung là chiến khu Đ, chiến khu rừng Sác, khu vực đông tây lộ 15 (Tam An, Phước Thái, Long Phước), quốc lộ 20 (cây số 110, 116, 125), quốc lộ 1 (Cây Gáo, Bàu Hàm, Bắc Trảng Bom, Hưng Lộc, Gia



Ray, Xuân Trường), tỉnh lộ 24 (Đại An, Tân Định, Thiên Tân), khu vực lòng chảo (tỉnh lộ 19), Nhơn Trạch (Phước Thọ, Phước An, Phú Hữu). Vùng cao su, địch tập trung Bình Sơn (Long Thành), Bình Lộc (Xuân Lộc), Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Ông Quế (liên tỉnh lộ 2). Địch dùng thuốc khai quang rộng khắp hủy diệt cây trái, ruộng vườn, phá toàn bộ địa hình gây khó khăn cho lực lượng cách mạng.

Đối với vùng nông thôn, vùng cao su, địch tăng cường ủi phá địa hình, dùng quân chủ lực cùng lực lượng bảo an dân vệ càn quét gom dân, lập ấp chiến lược, xây dựng đồn bót, bảo vệ giao thông, củng cố bộ máy tề ngụy ở cơ sở. Mỗi sở cao su địch bố trí từ 1 trung đội đến 1 đại đội bảo an. Mỗi quận 1 đội bình định. Địch phân loại dân, cấu kết chặt chẽ các chủ đồn điền kiểm soát gặt gao cả kinh tế và sự đi lại, ngăn chặn dân tiếp tế cho cách mạng. Vùng đô thị, thị xã, thị trấn, địch tăng cường bộ máy cảnh sát, công an, mật thám, chỉ điểm theo dõi nhân dân, tuyên truyền, xuyên tạc cách mạng; tổ chức nghiệp đoàn công nhân lao động và các hội đoàn tôn giáo thu hút, tập hợp quần chúng làm hậu thuẫn chính trị.



Địch mở hai cuộc phản công chiến lược mùa khô trên chiến trường Biên Hòa - Long Khánh. Cuộc phản công lần 1 bắt đầu từ tháng 1/1966, tập trung lực lượng 173 Mỹ, trung đoàn hoàng gia Úc, sư đoàn 18 ngụy làm nhiệm vụ “tìm diệt” ta ở chiến khu Đ, khu vực bắc Biên Hòa (Vĩnh Cửu). Một mặt địch tổ chức các cuộc hành quân “yểm trợ bình định” ở quận Long Thành, Nhơn Trạch, Công Thành (Vĩnh Cửu), Long Khánh... Cuộc phản công lần II bắt đầu từ tháng 2/1967, gồm quân Mỹ, Úc, ngụy vào các khu vực tam giác quốc lộ 1, 15, liên tỉnh lộ 2, Sông Ray, lòng chảo Nhơn Trạch, phía Bắc Biên Hòa (Cây Gáo, Trảng Bom).

### 3. Lập vành đai diệt Mỹ ở Biên Hòa.

Quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào Biên Hòa ngày càng đông. Tuy nhiên, với những chiến thắng ở Biên Hòa, Bình Giã, Đồng Xoài, chiến trường miền Đông có những bước chuyển động mới. Phong trào chiến tranh du kích phát triển, lực lượng vũ trang sẵn sàng đánh địch. Trung ương Cục miền Nam xác định không chế, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ ở Biên Hòa sẽ có tác dụng to lớn, hỗ trợ tích cực cho chiến trường toàn miền. Tháng 9/1965, Trung ương Cục, Quân ủy Miền thành lập một đơn vị chiến trường tương đương cấp tỉnh lấy tên U1 bao gồm thị xã Biên Hòa, huyện







Vĩnh Cửu. Khu ủy quyết định đồng chí Nguyễn Sơn Hà, Khu ủy viên làm Bí thư Tỉnh ủy U1. Đồng chí Trần Công An làm tỉnh đội trưởng. Trung ương Cục tăng cường 50 cán bộ, chiến sĩ đặc công kết hợp với bộ đội huyện Vĩnh Cửu thành lập đơn vị đặc công lấy phiên hiệu C238 do đồng chí Nguyễn Văn Bảo chỉ huy. Nhiệm vụ của đặc công U1 là nhanh chóng xây dựng phát triển lực lượng, huấn luyện nâng cao trình độ kỹ thuật chiến đấu, xây dựng bàn đạp tiến công các cơ quan chỉ huy đầu não địch đánh gây thiệt hại nặng hai mục tiêu sân bay Biên Hòa, Tổng kho hậu cần Long Bình và hỗ trợ phong trào quần chúng đánh phá bình định, phát triển chiến tranh nhân dân ở các địa phương.

Tháng 12/1965, Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (khóa III) đã ra nghị quyết khẳng định lại quyết tâm đánh Mỹ và khả năng thắng Mỹ. Thực hiện nghị quyết Trung ương 12, tháng 2/1966, Quân ủy trung ương đã đề ra 6 phương thức tác chiến chiến lược trong đó có 3 phương thức được bộ đội đặc công không ngừng hoàn thiện đạt hiệu suất cao là Phương thức 3: Đánh phá các căn cứ hậu cần, kho tàng, sân bay, hải cảng, cơ quan đầu não địch; Phương thức 4: Triệt phá các đường giao thông thủy, bộ quan trọng, tạo ra thế bao vây chia cắt địch; và Phương thức 5: Đẩy mạnh hoạt động quân sự ở các đô thị, từ hình thức tác chiến nhỏ kết hợp đấu tranh chính trị đến tác chiến lớn, kết hợp tiến công và khởi nghĩa.

Từ năm 1965, sông Lòng Tàu ngày càng trở thành đường vận chuyển chiến lược, Mỹ đưa khối lượng thiết bị phương tiện chiến tranh xâm lược quy mô lớn vào miền Nam Việt Nam. Trên sông Lòng Tàu, địch xây dựng nhiều quân cảng như Nhà Bè, Cát Lái, Rạch Dừa... cộng với quân cảng Sài Gòn thành một hệ thống cảng lớn, gắn liền với tổng kho hậu cần Long Bình, Thành Tuy Hạ...

Từ năm 1964, Bộ Chỉ huy Miền đã đưa xuống rừng Sác một đơn vị công binh, đến 1965 tăng cường thêm một số đơn vị đặc công, pháo binh thành lập tiểu đoàn 125 triển khai đánh địch trên mặt trận sông nước này. Ngày 15/6/1966, Bộ chỉ huy Miền thành lập Đặc khu rừng Sác, đặt phiên hiệu T10, sau đổi là Đoàn 10 đặc công. Nhiệm vụ chủ yếu của Đoàn 10 là bám trụ địa bàn rừng Sác tiến công vào hướng Đông Nam Sài Gòn, chặn đánh tàu địch trên sông Lòng Tàu, các cảng quân sự, kho Nhà Bè, Cát Lái, Sài Gòn, Thành Tuy Hạ, đánh sâu vào nội đô Sài Gòn. Đặc công Biên Hòa (U1), Đoàn 10 rừng Sác có nhiệm vụ xây dựng vành đai diệt Mỹ ở Biên Hòa. Ngoài ra Biên Hòa còn có đoàn pháo binh 69 của Miền kết hợp chặt chẽ đặc công, pháo binh đánh địch trên chiến trường Biên Hòa.

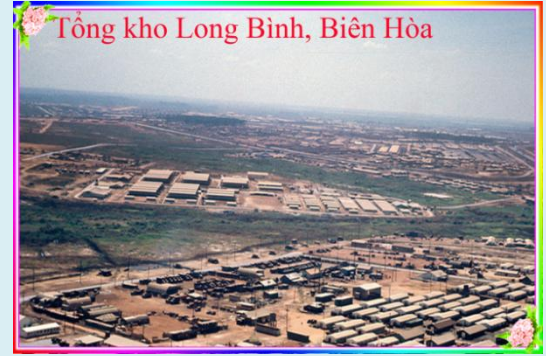


#### **4. Những cuộc tiến công tiêu biểu.**

##### **4.1- Đặc công đánh tổng kho Long Bình - sân bay Biên Hòa.**



Tổng kho Long Bình diện tích khoảng 24 km<sup>2</sup>, nằm cách Sài Gòn về phía đông 20 km, thành phố Biên Hòa 7 km. Trong tổng kho Long Bình có Bộ tư kệnh dã chiến II Mỹ, Bộ tư lệnh hậu cần số I của Mỹ, đồng thời là kho bom, đạn lớn của Mỹ ở miền Nam Việt Nam được xây dựng từ giữa năm 1965. Lực lượng Mỹ - Ngụy thường xuyên có 2.000 tên. Địch tổ chức phòng thủ chặt chẽ, bao bọc xung quanh từ 7 đến 12 lớp rào kết hợp gài mìn trái. Các lô cốt tiền duyên cách nhau 30 - 40 mét nằm cách lớp rào cuối cùng từ 40 - 50 mét. Bên trong có nhiều tuyến hào nối các lô cốt, đường đi, lối lại ngang dọc, hai bên đường đều rải hàng rào kềm gai. Hai khu kho quan trọng trong tổng kho là khu kho đồi 50 và đồi 53, có 18 dãy nhà kho với khoảng 200 gian chia làm 3 khu (mỗi khu 6 dãy), mỗi dãy cách nhau 100 mét, các nhà cách nhau 60 mét. Nhà kho xây hình khối chữ nhật (30m x 25m x 5,5m), cửa thép có khóa sắt, xung quanh có ụ đất dày 4 - 5m.



Tổng kho Long Bình, Biên Hòa

Ngày 22/6/1966, 6 chiến sĩ đặc công chia làm 3 tổ: tổ 1 do Nguyễn Tấn Vàng tổ trưởng, tổ 2 do Nguyễn Văn Thái tổ trưởng, tổ 3 do Bùi Văn Hòa tổ trưởng, vượt rào và chường ngại vật tiếp cận khu kho đồi 53 đặt mìn có gắn kíp nổ hẹn giờ bằng đồng hồ. Sáng 23/6, khu kho đồi 53 bắt đầu nổ, toàn bộ khu kho trùm trong khói lửa. Các phương tiện cứu hỏa của địch đều bất lực. Trận đánh gây thiệt hại nặng



Tổng kho Long Bình bị đặc công U1 Biên Hòa tấn công phá hủy

cho địch, hủy diệt 40.000 quả đạn pháo các loại của Mỹ. Đây là trận tiến công đầu tiên của đặc công Biên Hòa vào tổng kho Long Bình, mở đầu cho hàng loạt trận đánh sau này. Trận đánh giành thắng lợi lớn và được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương quân công giải phóng hạng III và 4 huân chương chiến công giải phóng.

Để phối hợp với chiến trường chung, đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của đế quốc Mỹ (1965 - 1966; 1967 - 1968), Tỉnh đội Biên Hòa U1 chỉ đạo đặc công tỉnh liên tục tiến công vào kho Long Bình. Phương châm đánh là táo bạo, chắc, đánh bồi, phá hủy bom đạn, phương tiện chiến tranh của địch. Cuối năm 1966, đặc công U1 đã bí mật tiến công 3 lần (tháng 10, 11, 12) vào tổng kho Long Bình, hủy diệt 353.000 quả đạn pháo và các loại bom của địch. Loạt trận đánh này thể hiện sự dũng cảm, mưu trí, sáng tạo và quyết tâm cao của đặc công U1, được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương quân công hạng II. Đêm 3/2/1967, đặc công U1 lại đột nhập khu kho đồi 53 đặt mìn hẹn giờ. Bốn mươi dãy kho bị nổ tung với 800.000 quả đạn pháo các loại. Một tổ





đặc công U1 từ chốt Bình Trị, Hóa An đột nhập vào sân bay quân sự Biên Hòa đặt mìn làm nổ tung kho chứa nhiên liệu, đốt cháy 10 triệu lít xăng dầu.

#### 4.2- Tập kích bằng pháo binh vào sân bay quân sự Biên Hòa.

Thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” trên chiến trường miền Nam, Mỹ - ngụy nâng cấp sân bay Biên Hòa thành sân bay quân sự hiện đại nhất Đông Nam Á. Bộ Chỉ huy Quân sự Miền xác định sân bay quân sự Biên Hòa là mục tiêu tiến công quan trọng hàng đầu và giao nhiệm vụ cho đoàn pháo binh U80. Công tác điều nghiên được đoàn triển khai để chuẩn bị cho trận pháo kích lần thứ hai. Tiểu đoàn 34 pháo binh (đoàn U80) do tiểu đoàn trưởng Trần Mân chỉ huy trận đánh. Lực lượng pháo gồm hai khẩu sơn pháo 75, hai khẩu DKZ 75, 4 khẩu cối 82.

24 giờ ngày 23/8/1965, từ bốn trận địa, đồng loạt pháo kích vào sân bay Biên Hòa, phá hủy 68 máy bay Mỹ, 8 giàn hỏa tiễn, 22 bồn chứa dầu, 30 xe vận tải, diệt nhiều sinh lực địch. Trận đánh của đoàn pháo được Bộ tư lệnh Miền tặng thưởng Huân chương quân công giải phóng hạng I. Sau chiến thắng, đoàn pháo binh U80 nhanh chóng phát triển, tổ chức thành đơn vị tương đương cấp sư đoàn lấy phiên hiệu đoàn 69 pháo binh. Ban chỉ huy gồm Đào Sơn Tây tư lệnh, Nguyễn Xuân Phúc phó tư lệnh, Nguyễn Văn Kiên tham mưu trưởng. Đoàn 69 làm nhiệm vụ chi viện hỏa lực cho bộ đội chủ lực quân giải phóng miền Nam trên khắp chiến trường miền Đông.



Ngày 5/6/1966, trung đoàn pháo 274 được thành lập nằm trong đội hình đoàn pháo binh 69 do đồng chí Tô Đê làm trung đoàn trưởng. Ngày 11/5/1967, trung đoàn pháo 274 (tên lửa ĐKB) tiến công sân bay Biên Hòa. Quân khu miền Đông huy động toàn bộ cán bộ quân dân chính Đảng mang vác đạn pháo từ Mã Đà xuống tận bờ sông Đồng Nai để phục vụ trận đánh. 23 giờ đêm 11 rạng sáng 12/5/1967, các khẩu ĐKB với 119 quả đạn nổ đồng loạt vào sân bay Biên Hòa. Hợp đồng tác chiến với trung đoàn 274 còn có 6 khẩu cối 82 ly (336 đạn) 61 khẩu ĐKZ (95 đạn) của trung đoàn 3 bộ binh và tiểu đoàn Phú Lợi. Địch hoàn toàn bất ngờ. Pháo tên lửa ta lần đầu tiên xuất hiện ở chiến trường miền Đông, phá hủy 150 máy bay các loại và nhiều phương tiện chiến tranh và sinh lực của Mỹ - ngụy. Trung đoàn được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương quân công giải phóng hạng III.

#### 4.3- Đánh địch trên sông Lòng Tàu.

Sau khi thành lập (4/1966) Bộ chỉ huy Đặc khu Rừng Sác quyết định mở đợt tiến công tiêu diệt, tiêu hao một bộ phận sinh lực địch trên sông Lòng Tàu. Đầu tháng 7/1966, kế hoạch đánh tàu địch trên sông Lòng Tàu được triển khai, lực



lượng bố trí ở hai khu: đoạn sông từ ngã ba sông Đồng Tranh đến Đỗ Hòa và đoạn từ sông Lôi Giang đến vàm sông Giàn Xay. Ta bắn cháy một tàu 10.000 tấn và bốn tàu tuần tiễu, hai tàu quét mìn, một tàu hộ tống.

Tháng 8 năm 1966, Đảng ủy, Bộ chỉ huy Đoàn 10 tổ chức trận đánh lớn trên sông Lòng Tàu. Lần đầu tiên, ta sử dụng hai quả thủy lôi K.B, mỗi quả nặng trên một tấn bố trí trận địa ở Vàm ngã Bảy và phối hợp với các trận địa trên bờ. Ba chiếc tàu hàng quân sự của Mỹ từ cảng Vũng Tàu vào sông Lòng Tàu. Mục tiêu chọn đánh là chiếc tàu đi sau cùng mang tên Baton Ruge Victory. Ngày 23/8/1966, đoàn tàu địch lọt vào trận địa của ta. Ta tiến công và diệt tàu Victory. Địch đã phản kích quyết liệt suốt 7 ngày. Pháo binh Đoàn 10 bám trụ đánh trả, bắn cháy thêm 7 tàu trong đó có chiếc trọng tải 8.000 tấn. Baton Ruge Victory là tàu vận tải hậu cần của sư đoàn 4 Mỹ bị ta đánh chìm trên sông Lòng Tàu mang theo 45 thủy thủ, gần 100 thiết giáp M 113, 3 máy bay phản lực còn trong kiện và một khối lượng quân dụng, lương thực lớn đủ cho 1 sư đoàn Mỹ sử dụng trong cả chiến dịch mùa khô.



Tàu vận tải hậu cần Baton Ruge Victory bị đánh chìm trên sông Lòng Tàu năm 1966

#### 4.4- Phối hợp đánh địch ở Sài Gòn.

Ngày 1/11/1966, địch tổ chức lễ quốc khánh lớn nhằm phô trương sức mạnh của quân đội Sài Gòn, lễ đài thiết lập ở khu nhà thờ Đức Bà trước dinh Độc Lập. Theo đề nghị của Bộ chỉ huy quân khu Sài Gòn - Gia Định, Bộ chỉ huy đoàn 10 nhanh chóng tổ chức đội pháo binh gồm 8 pháo thủ tham gia trận pháo kích vào buổi lễ quốc khánh của ngụy quyền Sài Gòn, phối hợp cùng với các trận địa pháo cối Nhà Bè, quận 3, quận 1. Đêm 31/10/1966, đội pháo luồn lách bí mật tập kết vào trận địa cách mục tiêu từ 5.000 đến 6.000m trên bờ Rạch Vẹ, xã An Phú quận Thủ Đức. Đây là điều bất ngờ với địch. 6 giờ sáng ngày 1/11/1966, địch mở cuộc hành quân về hướng Thủ Đức nhưng không phát hiện được trận địa pháo của ta. Lễ diễu binh của địch bắt đầu lúc tên thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ đọc diễn văn. Khẩu ĐKZ 75 của đoàn 10 bắn liên tục 12 quả đạn pháo vào mục tiêu lễ đài. Cùng lúc pháo Nhà Bè bắn phá các mục tiêu khác. Sáu trận địa bộc phá nghi binh đồng thời phát nổ. Bộ đội, du kích Thủ Đức nổ súng kèm chân địch để đội pháo Đoàn 10 rút lui an toàn.



Pháo ĐKZ 75 Đoàn 10 đánh địch ở Sài Gòn

Lễ diễu binh của địch bắt đầu lúc tên thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ đọc diễn văn. Khẩu ĐKZ 75 của đoàn 10 bắn liên tục 12 quả đạn pháo vào mục tiêu lễ đài. Cùng lúc pháo Nhà Bè bắn phá các mục tiêu khác. Sáu trận địa bộc phá nghi binh đồng thời phát nổ. Bộ đội, du kích Thủ Đức nổ súng kèm chân địch để đội pháo Đoàn 10 rút lui an toàn.

Đạn pháo Đoàn 10 bắn trúng vào mục tiêu. Quan khách dự lễ quốc khánh có tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, đại sứ Mỹ,





tướng Westmoreland nhón nháo chui xuống gầm lễ đài. Các đơn vị điều hành chạy tán loạn. Phóng viên hãng thông tấn AFP nhận xét “Đường đạn đại bác đã bắn rất chính xác trong chu vi đường kính 300 mét thuộc khu điều binh”, “Đây là đòn lớn đánh vào các kế hoạch của chánh phủ định phô trương ở thành phố Sài Gòn” và “Cuộc pháo kích đã gây ra những cảnh hoảng sợ khủng khiếp và chứng tỏ rằng Việt Cộng đã có thể mang vũ khí nặng vào thủ đô Nam Việt Nam”.

### **5. Cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.**

Trung ương Cục miền Nam đề ra kế hoạch tổng công kích - tổng khởi nghĩa ở miền Nam, trọng điểm là Sài Gòn và miền Đông Nam bộ. Khu miền Đông và Khu Sài Gòn - Gia Định giải thể, tổ chức lại thành 5 phân khu tạo thành 5 mũi tiến công vào Sài Gòn và phân khu 6 thuộc nội đô Sài Gòn. Do có sự bố trí lại trên chiến trường, địa bàn Biên Hòa, gồm có các tổ chức tương đương cấp tỉnh: Phân khu 4, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh và Biên Hòa U1. Thị xã Biên Hòa được xác định là địa bàn quan trọng ở miền Đông Nam bộ. Đồng chí Lê Đức Anh phó Tư lệnh Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền về căn cứ Bàu Sao (Trảng Bom) triển khai nhiệm vụ, phương án tiến công và nổi dậy ở Biên Hòa. Bộ chỉ huy cuộc tiến công nổi dậy ở U1 được thành lập do đồng chí Trần Minh Tâm sư trưởng sư 5, tư lệnh. Trần Công An tỉnh đội trưởng U1, phó tư lệnh. Trần Văn An chính ủy sư đoàn 5, chính ủy. Phan Văn Trang phó bí thư U1, phó chính ủy. Căn cứ Bộ tư lệnh tiền phương Mặt trận đứng chân ở đồi Bà Già (Trảng Dài).

Lực lượng tham gia gồm có sư đoàn 5 (trung đoàn 4 và 5), trung đoàn pháo 274; lực lượng địa phương có tiểu đoàn 1 và 2 đặc công U1, biệt động thị xã Biên Hòa, đội vũ trang tuyên truyền thị xã, bộ đội huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom, du kích các xã. Các mục tiêu tiến công là sân bay Biên Hòa, Bộ tư lệnh quân đoàn III ngụy, Bộ tư lệnh dã chiến 2 Mỹ, tổng kho Long Bình, Tòa hành chính, Ty cảnh sát Biên Hòa, chi khu Trảng Bom. Để đảm bảo cho sư đoàn 5 chủ lực Miền, đoàn hậu cần 814 mở các cửa khẩu ở nam - bắc lộ 20; bố trí ba tuyến hậu cần ở quanh huyện Xuân Lộc, Túc Trưng, Vĩnh An, Phương Lâm, Trà Cỏ, Định Quán. Trong tháng 1/1968, đoàn 814 đã chuẩn bị được 500 tấn lương thực, 100 tấn thực phẩm và các đồ dùng khác. Biệt động thị xã Biên Hòa từ Hưng Lộc đưa vũ khí vào nội ô thị xã, xây dựng hầm bí mật ở Gò Me, Hiệp Hòa, Bình Đa, dẫn đường cho trinh sát nghiên cứu các mục tiêu trong thị xã Biên Hòa. Đầu năm 1968, đặc phái viên Trung ương Cục làm việc với phân khu 4, đặc khu Rừng Sác, thành lập Bộ chỉ huy thống nhất. Ngày 26/1/1968, thành lập Ban chỉ huy ở mặt trận Bà Rịa - Long Khánh. Bộ tư lệnh Miền tăng cường cán bộ chiến sĩ thành lập thêm tiểu đoàn 2 (tức tiểu đoàn 440) phụ trách thị xã Long Khánh. Ngày N giờ G được Bộ tư lệnh miền Nam quy định là 0 giờ đêm 30 rạng sáng 31/1, mừng một Tết Mậu Thân năm 1968.





Tại mặt trận thị xã Biên Hòa: 0 giờ sáng 31/1/1968, trung đoàn 274 pháo binh, với 52 khẩu ĐKB, 30 khẩu 130 ly và 82 ly, 10 khẩu ĐKZ 75 bắn cấp tập vào sân bay Biên Hòa. Tiếng pháo đồng thời là hiệu lệnh tấn công cho các đơn vị tiến đánh các mục tiêu theo kế hoạch. Pháo của đoàn 274 đánh trúng sở chỉ huy sân bay, khu nhân viên kỹ thuật, kho xăng, kho chứa máy bay. Các đơn vị tiếp cận được mục tiêu đồng loạt nổ súng: Tiểu đoàn 1, đặc công U1, trung đoàn 4 sư 5 tiến vào sân bay phá hủy 120 máy bay các loại của Mỹ. Địch bắt đầu phản kích bằng xe tăng, máy bay phản lực. Đặc công sư đoàn, đội biệt động thị xã Biên Hòa nổ súng tiến công vào phía tây sở chỉ huy quân đoàn III nguy. Sáng 31/1/1968, đặc công sư đoàn và tiểu đoàn 2 của trung đoàn 5 tiến đánh sở chỉ huy Bộ tư lệnh dã chiến 2 của Mỹ ở Long Bình. Địch phản kích gây tổn thất nặng cho lực lượng của ta tại đây. Tiểu đoàn 2 đặc công U1 bí mật đột nhập vào khu kho bom đạn ở đồi 53, đánh phá hủy 127 dãy kho bom đạn địch, làm chấn động cả Biên Hòa và Sài Gòn.



Rạng sáng 31/1/1968, bộ đội huyện Vĩnh Cửu và 1 đơn vị của sư 5 chủ lực tiến công bao vây chi khu Công Thanh, làm chủ khu vực thị trấn 4 ngày, nhân dân ở Tân Phú, Bình Long nổi dậy diệt ác giành quyền làm chủ. Du kích Thiện Tân, Tân Định, Đại An tiến công đồn bót, diệt bọn dân vệ, ác ôn. Bộ đội huyện và lực lượng sư 5 bám trụ bắn máy bay, xe tăng địch phản kích, bắn cháy 8 xe tăng, thiết giáp và mở vòng vây vượt sông Đồng Nai về chiến khu Đ. Bộ đội huyện Trảng Bom tấn công bao vây chi khu Trảng Bom, làm chủ thị trấn, phối hợp nhân dân các xã nổi dậy truy lùng bọn ác ôn. Khu vực nội ô thị xã Biên Hòa, biệt động, đội vũ trang tuyên, phát động quần chúng, treo cờ, diệt ác ôn ở khu vực Bình Đa, Tân Thành, Gò Me, xã Hiệp Hòa. Trước sức phản kích mạnh của Mỹ - nguy, mừng 3 tết



(2/2/1968), Bộ chỉ huy mặt trận Biên Hòa ra lệnh rút khỏi thị xã để bảo toàn lực lượng. Nhân dân nội ô thị xã Biên Hòa đã xuống đường tiếp tế lương thực; bảo vệ, cứu chữa nhiều bộ đội bị thương bám trụ trong thị xã. Các lực lượng vũ trang, cán bộ, đảng viên, cơ sở cốt cán của thị xã đã chuyển 250 thương binh vượt vòng vây của địch, qua sông Đồng Nai về chiến khu Đ an toàn.

Trên mặt trận phân khu 4: Rạng sáng ngày 31/1/1968, pháo binh ta nã đạn vào chi khu Long Thành. Bộ đội địa phương tiến công địch ở Nhà Mồ, Phước





Long, Cầu Đen, bao vây cuộc cảnh sát khu vực Phước Hải, phát động quần chúng nổi dậy làm chủ thị trấn Long Thành. Lực lượng du kích các xã tấn công tất cả các đồn bót của địch. Ở cao su Bình Sơn chi bộ Đảng lãnh đạo đại đội du kích phối hợp bộ đội cao su, công nhân bao vây địch ở nhà máy, làm chủ suốt 3 ngày liền. Đoàn 10 Rừng Sác tiên công diệt đồn Phú Hữu, đồn bảo an Lý Nhơn, phát động quần chúng nổi dậy làm chủ ở 6 ấp chiến lược.

Mặt trận Long Khánh: Cuộc tiến công và nổi dậy chậm hơn 1 ngày so với Biên Hòa và phân khu 4. Rạng sáng ngày 2/2/1968, tiểu đoàn 440 tổ chức hai mũi tiến công vào các mục tiêu trụ sở tình báo CIA, tiểu khu Long Khánh, khu chợ, khu thông tin, dinh tỉnh trưởng, chiếm một số tua, chốt cửa địch. Cụm pháo của địch ở sân bay Long Khánh bị phá hủy ngay từ đầu bởi pháo của tiểu đoàn 440. Từ căn cứ Suối Râm (lộ 2), trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ cho 100 xe tăng phản kích nhằm giải tỏa thị xã Long Khánh. Ta chặn đánh địch quyết liệt, bắn cháy 12 xe. Tại xã Bảo Vinh A, trung đội dân vệ mang súng trở về với cách mạng, cùng du kích tiến công làm tan rã đơn vị bảo an Bảo Vinh. Xã Bảo Bình, du kích cùng nhân dân nổi dậy tiến công bức rút đồn bảo an Suối Cát. Các sở cao su dọc lộ 1, lộ 2 như Cẩm Mỹ, Ông Quê, Hàng Gòn, Suối Tre du kích mật, công nhân nổi dậy chiếm khu trung tâm sở. Đơn vị 502 hậu cần 814 Miền cùng bộ đội huyện tiến công địch ở chi khu Định Quán diệt ác bao vây yếu khu Túc Trung làm chủ ở xã Túc Trung 1 tuần lễ.



Cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân dân Biên Hòa, phân khu 4, thị xã Long Khánh hòa cùng khí thế tiến công và nổi dậy toàn Miền là đòn tiến công chiến lược bất ngờ tấn công địch. Lần đầu tiên ta tấn công vào tận hang ổ kẻ thù. Cuộc tiến công và nổi dậy tuy không đạt được mục tiêu “giành thắng lợi quyết định”, giành quyền làm chủ hoàn toàn của dân, nhưng đã thể hiện được tinh thần, quyết tâm của quân dân ta.

#### IV- Góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh Việt Nam hóa.

##### 1. Đợt tiến công xuân Kỷ Dậu (1969) trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, Long Khánh.

Sau các cuộc tiến công vào hầu hết các đô thị miền Nam, ta tuy giành được thắng lợi về mặt chiến lược, nhưng lực lượng bị tổn thất. Sau một thời gian củng cố, Trung ương Cục miền Nam quyết định mở tiếp đợt tiến công đánh bồi Xuân 1969. Tham gia trên địa bàn Biên Hòa - Long Khánh, phân khu 4 gồm các lực lượng: sư đoàn 5 chủ lực Miền, lực lượng đặc công U1, trung đoàn 33 và trung đoàn 4 và lực lượng phân khu 4, biệt động thị xã Biên Hòa, các lực lượng vũ trang địa phương.



Mặt trận thị xã Biên Hòa: Mục tiêu then chốt là sân bay Biên Hòa và sở chỉ huy Bộ tư lệnh quân đoàn 3 nguy, tổng kho Long Bình, ty cảnh sát Biên Hòa. Ngày N giờ G chiến dịch tiến công xuân Kỷ Dậu là 0 giờ ngày 23/2/1969. Đúng ngày N giờ G, đội biệt động thị xã Biên Hòa và một đại đội của sư đoàn 5 ở Gò Me tiến công Ty cảnh sát Biên Hòa, chiếm được ga xe lửa và một số mục tiêu chính trong ty cảnh sát. Địch dùng xe tăng, bộ binh và cả máy bay vũ trang phản kích mạnh, lực lượng ta phải rút lui. Đại đội 9 tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa vào trong tổng kho Long Bình đánh phá hủy dãy nhà kho đôi 53. Địch dùng một trung đoàn xe thiết giáp kết hợp với trực thăng vũ trang bao vây. Đại đội 9 anh dũng chiến đấu diệt nhiều sinh lực địch suốt 7 ngày đêm, nhưng vì lực lượng không cân sức, nhiều cán bộ chiến sĩ hy sinh. Trung đoàn 4, trung đoàn 33 đánh địch từ bên ngoài. Lực lượng ta chuyển hướng đánh địch ở ngã ba Thái Lan và Long Thành tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Đại đội đặc công U1 đánh vào nhà giam Tân Hiệp bị địch phục kích, đã đánh trả quyết liệt, đại đội bị nhiều tổn thất.

Chủ lực sư đoàn 5 của ta vì trở ngại trước ngày nổ súng nên 3 ngày sau mới vượt sông Đồng Nai đánh tiêu diệt một tiểu đoàn Biệt động quân tại Suối Máu. Do không vào được mục tiêu Kho Long Bình, sân bay Biên Hòa và quân đoàn 3, sư đoàn 5 chuyển hướng sang lộ 20 Định Quán đánh tiêu diệt sư đoàn 18 nguy.



Cuộc tiến công xuân Kỷ Dậu (1969) vào thị xã Biên Hòa gây cho địch những thiệt hại trong giai đoạn đầu chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Ta gặp phải những tổn thất, quân số, vũ khí tiếp tục bị tiêu hao. Các cơ sở, tự vệ mật, biệt động vùng đô thị bị lộ, bị đánh bật ra.

Mặt trận Long Khánh: đêm 19/5/1969 biệt động, trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh phối hợp với sư đoàn 5 tiến công đồn Hoàng Diệu, phá hủy hầu hết trận địa pháo và gây thiệt hại nặng cho địch. Ngày 25/5 sư đoàn 5 tập kích yếu khu Gia Ray, bắn cháy 4 xe tăng diệt 30 tên địch. Trung đoàn thiết giáp số 11 địch đóng tại suối Râm phối hợp với một đại đội bảo an cứu nguy cho Gia Ray, lọt vào trận địa phục kích của ta ở Suối Cát, ngã ba Ông Đồn; ta bắn cháy 8 thiết giáp, diệt hàng chục lính bảo an, buộc địch phải mở đường máu tháo chạy. Cuối tháng 5 đến đầu tháng 6/1969, sư đoàn 5 liên tục tổ chức bố trí lực lượng tiến công địch ở Tầm Bung, Khe Giao (quốc lộ 20) và Trà Tân 3 (lộ 3), đánh quy chiến đoàn 43 và chiến đoàn 52 sư đoàn 18 nguy, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn Mỹ.

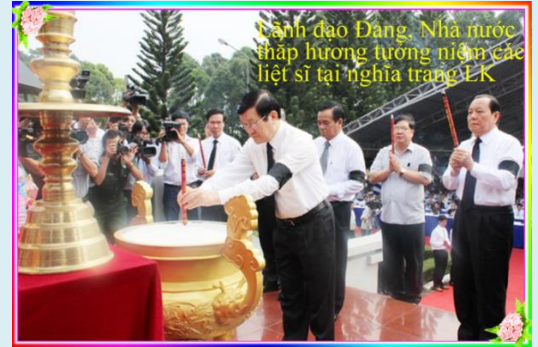
Được sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương ở các xã Bảo Chánh, Suối Cát, Tân Phong, Bảo Vinh, Bảo Liệt phối hợp với bộ đội huyện Xuân Lộc tiến công địch liên tục, phá rã hàng mảng hàng rào “ấp chiến lược”, bức







rút 1 đồn bảo an, giải tán nhiều toán “phòng vệ dân sự”. Quân Mỹ tràn vào Bình Lộc, du kích địa phương đánh trả diệt gần một trung đội. Du kích xã Bảo Chánh mưu trí, sáng tạo dùng mìn ĐH 10 phá tan một máy bay trực thăng HU1A. Ban binh vận tỉnh phối hợp bộ đội huyện, du kích đánh chiếm đồn dân vệ Tân Thủy, diệt và bắt hết tề ấp, tề xã, thu toàn bộ vũ khí. Ở mặt trận Long Thành, trung đoàn 4 phối hợp với bộ đội địa phương đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn lính Thái Lan tại Bình Sơn.

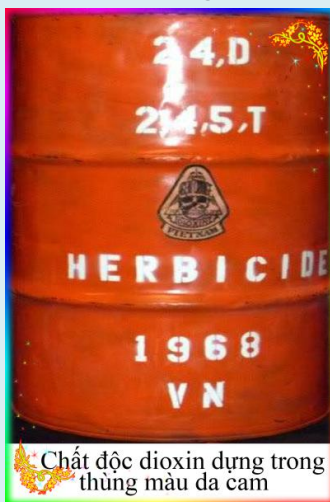


## 2. Bám trụ địa bàn, khôi phục lực lượng tạo thế và lực mới.

### 2.1- Vượt qua khó khăn, chống địch càn quét.

Giữa năm 1969 trên địa bàn Biên Hòa - Long Khánh, địch phản kích tập trung lực lượng càn quét đánh phá và bình định rất ác liệt. Lữ đoàn 173 Mỹ có 7 tiểu đoàn càn quét khu vực bắc sân bay Biên Hòa, chiến khu Đ, Định Quán (quốc lộ 20). Lữ đoàn 1 sư đoàn bộ binh số 9 Mỹ có 5 tiểu đoàn chà xát khu vực Lòng chảo Nhơn Trạch, Nước Trong và phối hợp với quân Thái Lan đánh phá khu vực Bình Sơn, Bàu Cạn, Hắc Dịch và núi Thị vải. Lữ đoàn 199 Mỹ có 5 tiểu đoàn, tập trung đánh phá quốc lộ 1 trọng điểm là khu vực núi Chứa Chan - Mây Tàu. Trung đoàn thiết giáp số 11 Mỹ cơ động trên các quốc lộ 1, 20, 15 và liên tỉnh lộ 2 để yểm trợ cho bộ binh. Quân đội Hoàng gia Úc đánh phá bình định vùng Long Đất - Xuyên Mộc và Đông Tây lộ 2. Sư đoàn 18 ngụy phối hợp với quân Mỹ và quân chư hầu hoạt động trên ba địa bàn chính là: Bắc Trảng Bom, Xuân Lộc, Long Thành.

Thời kỳ này địch tăng cường sử dụng chiến thuật phục kích, biệt kích kết hợp với tập kích bằng xung lực, hỏa lực khi phát hiện được lực lượng của ta. Kết hợp với việc dùng bom đạn hủy diệt, địch sử dụng chất độc hóa học phá hủy các khu rừng ở chiến khu Đ, dọc bờ sông Đồng Nai, sông La Ngà và Mây Tàu, chiến khu Rừng Sác, lập vành đai trắng dọc các quốc lộ 1, 15, 20 và đoạn đường sắt Hồ Nai - Gia Ray; đồng thời triệt phá phong tỏa mọi nguồn tiếp tế hậu cần của ta. Trong vùng tạm chiếm, địch khám xét từng nhà, thẳng tay đàn áp những gia đình mà chúng nghi là có liên quan, tiếp tế cách mạng. Trung ương Cục miền Nam quyết định bố trí lại chiến trường: thành lập Ban cán sự Đảng T7 và bộ tư lệnh T7 để trực tiếp chỉ đạo địa bàn Bà Rịa - Long Khánh và phân khu 4 và Biên Hòa (U1). Đồng chí Nguyễn Trọng Tân bí thư Ban cán sự, đồng chí Lương Văn Nho làm tư lệnh. Tỉnh ủy U1 và Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh quán triệt chủ





trương động viên các cơ quan, các đơn vị lực lượng vũ trang kiên cường bám trụ chống càn diệt địch.

Tháng 6/1969 tiểu đoàn 2 đặc công U1 đánh một đơn vị Mỹ càn quét vào căn cứ ở đồi 30 Hưng Nghĩa. Hai ngày chiến đấu, ta loại khỏi vòng chiến đấu trên 200 tên Mỹ, bắn rơi một máy bay. Du kích Bến Nôm - Định Quán chặn đánh đơn vị kỵ binh thiết giáp Mỹ diệt 25 tên. Ngày 14/7/1969 địch dùng bom đạn đánh phá khốc liệt để “dọn bãi” cho đầu cầu rút quân Mỹ ở cảng Gò Dầu Phước Thái. Huyện ủy Long Thành, Ban chỉ huy trung đoàn 4, tiểu đoàn 2 phân khu 4, tiểu đoàn 240 đã phối hợp mở đợt đánh địch lần chiếm bảo vệ khu căn cứ Lòng chảo rừng Sác Phước An, kiên quyết bám trụ.

Trước phản kích ác liệt của địch, tuy chúng không đạt được ý đồ đánh bật các lực lượng ta ra khỏi các địa bàn trọng yếu, tiêu diệt các cơ quan đầu não, nhưng đã gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất. Các căn cứ từ quân khu xuống đến xã ấp, phải di chuyển liên tục. Đường giao liên từ chiến khu Đ về Biên Hòa - Bà Rịa - Long Khánh, chiến khu Rừng Sác bị gián đoạn do quân Mỹ và lực lượng chư hầu phục kích liên tục. Cơ sở vật chất - hậu cần ta bị thiệt hại. Đoàn hậu cần lớn của Miền 814 bị địch đánh phá phải lui dần về hướng Bình Tuy, Lâm Đồng. Gần 300 tấn lương thực, thực phẩm cất giấu ở đông lộ 2 bị địch thu và phá hủy. Đến quý 3 năm 1969 toàn bộ gạo muối dự trữ của chiến trường miền Đông không còn. Các lực lượng T7 và các tỉnh phải ăn độn chuối, rau quả thay cơm.



Củ chọp có thể ăn được để chống đói.

## 2.2- Phá lỏng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch vùng trọng yếu.

Thực hiện nghị quyết lần thứ 9 Trung ương Cục miền Nam phá banh, phá lỏng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch, trên địa bàn Long Khánh, lực lượng huyện đội phối hợp với du kích các xã: Bảo Chánh, Sỏi Cát, Tân Phong, Bảo Vinh, Bảo Bình, Cẩm Mỹ ban đêm đột nhập áp phát động nhân dân diệt 28 tên “phượng hoàng”, cảnh cáo những tên ác ôn khác. Đội biệt động, đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh phát huy được lợi thế của địa bàn “vừa là đô thị, vừa là rừng núi” tổ chức nhiều trận đánh có hiệu quả. Đêm 12/9/1969 đội viên trinh sát Long Khánh dùng lựu đạn đánh vào trụ sở tình báo CIA Mỹ ở thị xã diệt 4 tên làm bị thương 3 tên. Ngày 13/9/1969 một đội viên trinh sát khác ném lựu đạn vào 1 xe quân cảnh nguy diệt và làm bị thương 7 tên địch. Đêm 11/11/1969 sáu chiến sĩ biệt động thị xã đánh vào căn cứ pháo binh địch ở Đông Nam thị xã Long Khánh. Trong trận đánh này, lần đầu tiên biệt động thị xã sử dụng súng B40 đánh địch, có hiệu suất chiến đấu cao. Ta phá sập 2 dãy nhà, giết và làm bị thương 50 tên địch.





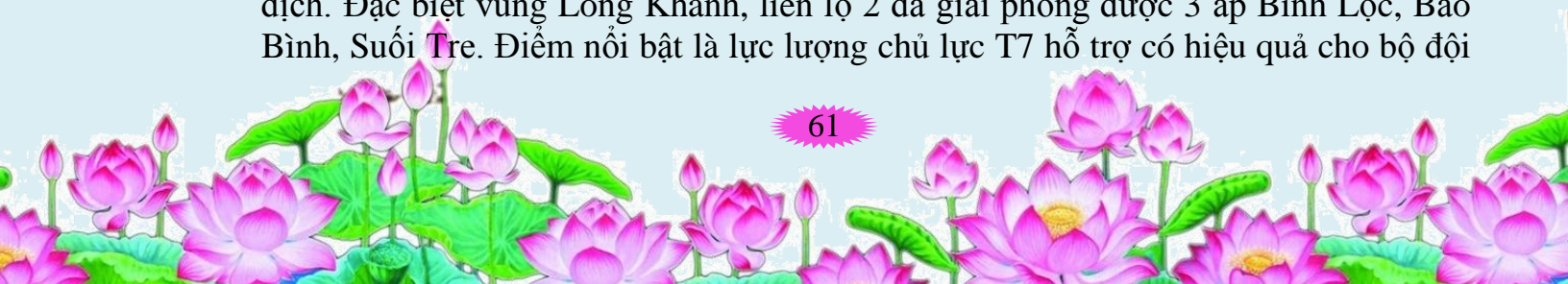
Tại Long Thành, trung đoàn 33 tập kích diệt gọn 1 tiểu đoàn lính Thái Lan tại Bàu Cối, làm cho lính Thái Lan còn lại không dám bung ra càn quét. Ngày 25/9/1969 trung đoàn 4 cùng với lực lượng vũ trang huyện Long Thành phục kích trên quốc lộ 15 đoạn Phước Thái phá hủy 15 xe, diệt nhiều sinh lực địch. Ở Rừng Sác, trong năm 1969, đoàn 10 đánh phá hủy 29 tàu vận tải quân sự cỡ lớn của địch, bắn cháy, chìm hàng trăm tàu chiến của địch. Đến cuối năm 1969 ta đã phá lũng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch ở những nơi trọng điểm Long Khánh, Long Thành.

### **3. Cuộc đấu tranh trong vùng địch.**

Thực hiện chủ trương của Bộ chỉ huy Miền, Bộ tư lệnh T7 mở chiến dịch CD trên địa bàn Bà Rịa - Long Khánh, Biên Hòa, mà trọng điểm là Long Khánh. Mục tiêu của chiến dịch nhằm tiêu diệt sinh lực địch, củng cố thế đứng chân trên địa bàn đông bắc Sài Gòn, hỗ trợ đắc lực cho các lực lượng vũ trang địa phương đẩy mạnh du kích chiến tranh phá lũng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch ở một số xã ấp vùng nông thôn chiến lược. Bộ đội chủ lực của T7 gồm trung đoàn 4, trung đoàn 33 và tiểu đoàn 6 đặc công, phối hợp với lực lượng vũ trang huyện Xuân Lộc, Cao su, đánh địch trên hai hướng chính là quốc lộ 1 và liên tỉnh lộ 2. Tháng 5/1970, trung đoàn 4 vây ép đồn Bình Lộc, diệt gọn 1 tiểu đoàn thuộc sư đoàn 18 nguy đi cứu viện và bắt sống một số tù binh. Trên tỉnh lộ 3 trung đoàn 33 diệt 2 đồn cấp trung đội ở Hàng Gòn và Bảo Bình, sau đó đánh thiệt hại nặng 2 đại đội địch đi giải tỏa.

Phối hợp với bộ đội chủ lực quân khu, du kích các ấp Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Bảo Hòa, Bảo Liệt đồng loạt tiến công bọn “Phượng hoàng” và phòng vệ dân sự, diệt 2 tên ác ôn, bắt sống 8 tên phòng vệ dân sự. Những hoạt động đó đã hỗ trợ kịp thời cho hàng trăm đồng bào cùng với du kích phá banh trên 2000 mét rào gai ấp chiến lược, rải nhiều truyền đơn, thư cảnh cáo bọn ác ôn, bọn chúng khiếp sợ không dám lộng hành càn quét bình định. Ở các xã ấp Suối Chồn, Tân Phong, Ngãi Giao, Cẩm Mỹ đồng bào phá rã gần 100 phòng vệ dân sự, diệt 3 tên ác ôn, mở rộng quyền làm chủ các ấp trong vùng kiểm soát của địch.

Ở Biên Hòa, một số cán bộ hoạt động bí mật bị lộ, bị bắt, phong trào đấu tranh trong nội ô gặp nhiều khó khăn. Thị ủy Biên Hòa chủ trương củng cố xây dựng lực lượng trong nội ô đã đẩy mạnh công tác dân vận. Tuyên truyền giác ngộ một số đồng bào Hoa Nùng ở Bàu Hàm, Sông Thao, Gia Kiệm làm cơ sở tốt cho ta, nhất là tích trữ lương thực, thực phẩm cung cấp cho căn cứ. Các lực lượng vũ trang U1 (Biên Hòa) hỗ trợ nhân dân phá lũng thế kèm kẹp của địch diệt ác ôn ở một số ấp thuộc địa bàn Trảng Bom và Vĩnh Cửu. Chiến dịch CD của Ban cán sự T7 thu được thắng lợi khả quan, ngăn chặn có hiệu quả kế hoạch “bình định phát triển” của địch ở Biên Hòa - Long Khánh, chuyển được trên 100 ấp lên thế tranh chấp với địch. Đặc biệt vùng Long Khánh, liên lộ 2 đã giải phóng được 3 ấp Bình Lộc, Bảo Bình, Suối Tre. Điểm nổi bật là lực lượng chủ lực T7 hỗ trợ có hiệu quả cho bộ đội





huyện, du kích diệt ác ôn, phá rã nhiều bộ máy kèm kẹp của địch, xây dựng được một số lực lượng ngay trong vùng kiểm soát của chúng. Tháng 1/1971 hàng ngàn quân Mỹ, quân ngụy có xe tăng, pháo binh yểm trợ càn quét khu vực núi Sóc Lu hòng tiêu diệt cơ quan Tỉnh ủy U1 Biên Hòa. Tỉnh đội Biên Hòa đánh lui hàng chục lần phản kích của địch trong suốt một ngày, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 100 tên địch bảo vệ cho tỉnh ủy rút lui khỏi căn cứ an toàn.

Tháng 5/1971 Trung ương Cục miền Nam bố trí lại chiến trường: Sáp nhập phân khu 5 và U1 (Biên Hòa) thành Phân khu Thủ Biên; Các huyện Long Thành, Nhơn Trạch và một số huyện của Sài Gòn thành phân khu Bà Rịa. Cả hai phân khu đều trực thuộc Trung ương Cục miền Nam. Phân khu Thủ Biên gồm thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom và một số huyện thuộc tỉnh Thủ Dầu Một do đồng chí Nguyễn Văn Trung Bí thư; Nguyễn Hồng Lâm Tư lệnh; Phan Văn Trang phó Bí thư kiêm Bí thư Thị ủy Biên Hòa. Lực lượng vũ trang phân khu Thủ Biên có tiểu đoàn Phú Lợi, 1 đội biệt động, 1 tiểu đoàn pháo binh, hai tiểu đoàn đặc công (U1 cũ) và các đại đội huyện. Phân khu Bà Rịa gồm có các huyện Xuân Lộc (gồm cả huyện Định Quán), Long Thành, Nhơn Trạch, Cao su, Thủ Đức, Duyên Hải, Long Đất, Xuyên Mộc, Châu Đức, các thị xã Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu. Bí thư đồng chí Lê Đình Nhơn, Trần Sơn Tiêu, Tư lệnh phân khu, Phạm Văn Hy, phó Bí thư. Các đơn vị chủ lực của T7 được biên chế về phân khu Bà Rịa: Trung đoàn 33, trung đoàn 4, tiểu đoàn 6 đặc công trực thuộc phân khu Bà Rịa. Trung đoàn pháo 274 của Miền bổ sung cho mỗi phân khu 1 tiểu đoàn.

Phân khu ủy Thủ Biên và Thị ủy Biên Hòa đề ra chủ trương cho thời kỳ này là tập trung cho công tác đô thị, bằng mọi cách phải xây dựng, phát triển mạnh mẽ các cơ sở mật trong nội ô, bao gồm cả công nhân và nông dân, chú trọng xây dựng cơ sở trong lòng địch ở khu Long Bình, quân đoàn 3, sân bay Biên Hòa, tòa hành chánh. Thị ủy Biên Hòa chia ra ba khu vực trọng yếu và phân công phụ trách. Công tác đô thị được đặt lên hàng đầu, Thị ủy củng cố được hai chi bộ ở Bửu Long và chợ Biên Hòa, tổ chức thêm được 34 cơ sở mật trong nội ô và vùng ven. Ở khu kỹ nghệ Biên Hòa, ta xây dựng cơ sở mật trong 8 nhà máy. Đến giữa năm 1971 các xã phía nam Long Bình như Phước Tân, Long Bình Tân, An Hòa, Long Hưng đều có chi bộ, xã đội và du kích. Quán triệt chỉ thị 01 của Trung ương Cục (tháng 4/1971) phân khu ủy Thủ Biên và Thị ủy Biên Hòa chủ trương phối hợp chặt chẽ ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích) ba lực lượng (quân sự, chính trị và binh vận) tác chiến trên các địa bàn trọng điểm, nhằm phá lỏng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch trên diện rộng, tạo thế làm chủ liên hoàn vùng căn cứ, hành lang, mở nhiều “lỗm” chính trị ven các thị trấn, thị xã.

Nhằm nổi thông hành làng chiến lược Biên Hòa - Bà Rịa - Long Khánh về chiến khu Đ, tháng 6/1971, phân khu Bà Rịa tập trung lực lượng đánh địch ở lộ 2, loại khỏi vòng chiến đấu 1.873 tên địch. Ở Định Quán, Xuân Lộc, các lực lượng vũ







trang địa phương đẩy mạnh các hoạt động diệt 14 tên ác ôn, phá rã hàng chục toán phòng vệ dân sự các ấp từ Hưng Lộc đến ngã ba Ông Đồn (quốc lộ 1). Hành lang từ chiến khu Đ xuống Long Thành, rừng Sác được nối thông. Bộ chỉ huy quân sự Miền đã kịp thời bổ sung cho phân khu Bà Rịa và Thủ Biên 260 tân binh, 44 đặc công thủy. Đoàn hậu cần 814 (của Miền) cùng với đoàn hậu cần 500 (phân khu Bà Rịa) đã tiếp tục cắm sâu lực lượng ở Định Quán (quốc lộ 20), đông lộ 2, Phước Thái (Long Thành), Long Hội Mỹ (Long Đất). Những khó khăn về lương thực, thực phẩm, được dần dần giảm bớt.

Ở Biên Hòa chú trọng xây dựng cơ sở “nội tuyến” trong các cơ quan đầu não của địch như Bộ tư lệnh quân đoàn III, sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, biệt động quân, lực lượng bảo an, Liên hiệp nghiệp đoàn tỉnh Biên Hòa giúp ta nắm tình hình địch chính xác, đánh địch có hiệu quả. Ta tổ chức được cơ sở nắm các nghiệp đoàn xe lô, xích lô, nghiệp đoàn hút tóc, khuôn vác. Trong Khu công nghiệp Biên Hòa ta lãnh đạo đấu tranh đòi thành lập các nghiệp đoàn Cogido, Vicasa, Vikyno, Ethernic, tập hợp lực lượng công nhân đấu tranh. Ở khu kỹ nghệ Biên Hòa, Ban công vận Thị ủy tổ chức cuộc mít tinh lớn nhân ngày 1/5 Quốc tế lao động, thu hút 2.500 công nhân và 50 người lái xe lam, với các biểu ngữ đòi dân sinh dân chủ, đòi tăng lương, giảm giờ làm cho công nhân. Cuộc mít tinh biến thành cuộc tuần hành hàng nghìn người kéo dài từ quận Đức Tu đến phường Tân Mai, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân trong tỉnh phát triển mạnh. Chi bộ xã Bửu Long lãnh đạo công nhân của 18 cơ sở xây đá đòi phụ cấp độc hại, đòi tăng lương; hình thức đấu tranh đình công nhiều ngày gây nhiều thiệt hại cho các chủ nhà máy. Để đẩy mạnh phong trào đấu tranh kết hợp giữa công nhân, nông dân và tạo thế hợp pháp, Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo cho các chi bộ khu vực Bình Đa - Tam Hiệp vận động thành lập được “nghiệp đoàn nông dân Biên Hòa”.

Các cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân thị xã Long Khánh diễn ra gay go, quyết liệt. Ngày 21/9/1971 tại ấp Bảo Bình A bọn phòng vệ dân sự bắn chết 2 cô gái và làm bị thương 1 người khác. Thị ủy Long Khánh lãnh đạo nhân dân tổ chức biểu tình thu hút hàng ngàn người tham gia. Địch huy động cảnh sát, quân cảnh đàn áp nhưng cuối cùng phải chấp thuận các yêu sách của đông bào, trừng trị kẻ giết người và bồi thường cho gia đình người bị giết. Ngày 23/9/1971 thường vụ Thị ủy trực tiếp chỉ đạo cuộc biểu tình hơn một nghìn người. Đoàn biểu tình kéo về hướng chùa Vĩnh Khánh hô vang các khẩu hiệu: “Đả đảo Thiệu - Hương - tay sai đế quốc Mỹ”, “Bầu cử độc diễn là chà đạp tự do dân chủ”. Địch dùng máy bay bắn vào đoàn biểu tình làm cho 2 người chết và hàng chục người bị thương. Bất chấp sự đàn áp, cuộc biểu tình diễn ra quyết liệt, lên án hành động giết người man rợ của địch.

Trò bầu cử “độc diễn” của Nguyễn Văn Thiệu tháng 10/1971 là mục tiêu đấu tranh sôi nổi của nhân dân. Tại Long Thành ngày 16/9/1971 một biểu ngữ lớn vắt ngang qua quốc lộ 51 “Đả đảo trò bầu cử độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu”. Tại





Biên Hòa, một khối lượng lớn truyền đơn, khẩu hiệu được chuyển từ căn cứ Hưng Nghĩa, Hưng Lộc vào rải, dán khắp nơi trong thị xã Biên Hòa. Các cuộc mít tinh, biểu tình diễn ra sôi nổi ở khu kỹ nghệ Biên Hòa, khu chợ Biên Hòa và các trường học. Ngày 3/10/1971 gần một ngàn công nhân, nông dân, học sinh biểu tình chống trò hề bầu cử của Thiệu từ Tam Hiệp lên Biên Hòa. Địch đưa lực lượng cảnh sát dã chiến đàn áp. Cuộc biểu tình biến thành cuộc đấu tranh quyết liệt với địch

Để phối hợp với mũi đấu tranh chính trị, binh vận, mũi hoạt động quân sự của ta cũng diễn ra và đạt nhiều thắng lợi. Ngày 15/9/1971 trung đoàn 33 phục kích diệt địch tại đường Hàm Ninh (Xuân Lộc) diệt 40 địch, phá hủy 8 xe quân sự. Đêm 17/9/1971 tiểu đoàn 6 đặc công tập kích chi khu Định Quán diệt 90 tên, trong đó có 6 cố vấn Mỹ. Cuối tháng 9 đầu tháng 10/1971 pháo binh Biên Hòa pháo kích sân bay Biên Hòa và Bộ tư lệnh quân đoàn 3 ngụy, phá hủy một số máy bay, diệt 107 tên địch. Tại căn cứ Hoàng Diệu (Long Khánh) sáng 3/10/1971, địch đang tập trung bầu cử, trung đoàn 33 ta pháo kích dồn dập, diệt 21 tên địch, phá tan cuộc bầu cử. Lực lượng trinh sát của phân khu Bà Rịa tập kích một đại đội Mỹ tại Trà Tân (Bắc lộ 1) diệt 35 tên, bắn rơi 1 máy bay.

Trên chiến trường Rừng Sác, trong ba năm liền bị địch phản kích quyết liệt, Đoàn 10 tuy hy sinh trên 400 cán bộ, chiến sĩ, nhưng vẫn kiên cường bám trụ, liên tiếp pháo kích vào nội đô Sài Gòn đánh chìm tàu địch trên các bến cảng. Trung đoàn 10 đặc công Rừng Sác đã được Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên dương danh hiệu đơn vị Anh hùng năm 1973. Trải qua thời kỳ khó khăn ác liệt, lực lượng vũ trang và nhân dân Biên Hòa - Long Khánh - Bà Rịa đã kiên cường chiến đấu đánh tan các cuộc hành quân, ngăn chặn âm mưu bình định, làm tan rã bộ máy kèm kẹp của địch; củng cố và phát triển ba thứ quân trên ba vùng chiến lược, cùng toàn Miền chuyển sang thời kỳ tiến công chiến lược trên toàn chiến trường.

#### **4. Chiến dịch Nguyễn Huệ 1972.**

##### **4.1- Tiến công địch đều khắp trên các địa bàn.**

Đầu năm 1972, Bộ Tư lệnh phân khu Bà Rịa mở đợt cao điểm 15 ngày, lấy địa bàn Xuyên Mộc - Long Đất làm “điểm”, vùng Xuân Lộc, Cao su là “diện 1”, vùng Long Thành là “diện 2”. Lực lượng địa phương phối hợp với trung đoàn 33 đánh địch ở khu vực Cẩm Mỹ, Định Quán gây cho địch nhiều thiệt hại. Du kích, bộ đội địa phương phối hợp với bộ đội chủ lực phân khu, diệt ác ôn, phá bộ máy kèm kẹp của địch dọc lộ 20. Tại Long Thành, bộ đội địa phương phối hợp với trung đoàn 4 phục kích địch đi càn quét ở khu vực xã Phước Thái diệt một trung đội bảo an, thu 4 súng, phá rã nhiều toán phòng vệ dân sự và bộ máy kèm kẹp của địch.

Phối hợp với phân khu Bà Rịa, phân khu Thủ Biên sử dụng lực lượng bí mật tập kích phá hủy 2 kho đạn của địch ở Bình Ý, tấn công lính bảo an, dân vệ Hưng







Nghĩa, tập kích quân Mỹ thuộc lữ 3 không vận, diệt 11 tên, cùng đồng bào đấu tranh chống càn quét ủi phá rừng và nương rẫy. Trong thị xã Biên Hòa, các cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân, nhất là công nhân khu kỹ nghệ, kho Long Bình, nhà máy xay đá Bửu Long nổ ra rầm rộ, buộc địch phải thực hiện một số yêu sách của đồng bào.

Ngày 1/4/1972 chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra ở miền Đông Nam bộ, hướng chính là Lộc Ninh. Quân ta đánh chiếm chi khu và quận lỵ Lộc Ninh, sau đó tiến công thị xã An Lộc (Bình Long). Trong lúc địch bị cuốn vào hướng chính của chiến dịch Nguyễn Huệ là Lộc Ninh, Bộ Tư lệnh phân khu Thủ Biên và Bà Rịa sử dụng ba thứ quân, tiến công địch liên tục, đánh phá bình định của chúng ở Đức Thạnh và Xuyên Mộc. Ta tấn công đồn Bảo Chánh, diệt 1 đại đội địch ở đồn Lạc Sơn và Trường Sơn, bức rút địch ở chốt Gia Lào và tua Nam Hà. Đồng bào nổi dậy phá bộ máy của địch ở Túc Trung, Bến Nôm, cây số 116, xây dựng nhiều cơ sở nội tuyến trong lực lượng dân vệ và phòng vệ dân sự của địch.



Ở Long Thành, Nhơn Trạch ta tiến công 16 bót địch và kho bom Thành Tuy Hạ. Tổ đặc công nước huyện Nhơn Trạch do đồng chí Nguyễn Văn Quyết chỉ huy đặt 5 khối thuốc nổ gắn kíp hẹn giờ trong 10 dãy nhà kho, phá hủy trên 40.000 tấn bom đạn các loại và hóa chất gây thiệt hại lớn cho địch. Thắng lợi lớn này, đội đặc công huyện Nhơn Trạch được Chính phủ Cách mạng lâm thời tặng thưởng Huân chương chiến công giải phóng hạng nhì.

#### **4.2- Đánh phá kho tàng, hậu cứ sân bay địch.**

Để kịp thời đẩy mạnh phong trào cách mạng, tháng 10/1972, Trung ương Cục miền Nam quyết định bố trí lại chiến trường. Khu ủy miền Đông Nam bộ được lập lại. Các phân khu Thủ Biên, phân khu Bà Rịa được giải thể, thành lập lại tỉnh Biên Hòa và tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Tỉnh Biên Hòa gồm các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Thống Nhất (huyện Trảng Bom cũ), Tân Uyên, Dĩ An và thị xã Biên Hòa. Ban chấp hành Tỉnh ủy được chỉ định do đồng chí Nguyễn Trọng Cát làm Bí thư; Nguyễn Văn Thông phó Bí thư; Phan Văn Trang phó Bí thư kiêm Bí thư Thị ủy Biên Hòa; Nguyễn Việt Hoa tỉnh đội trưởng. Đến tháng 6/1973, Trung ương Cục lại tách tỉnh Biên Hòa thành hai bộ phận: Biên Hòa nông thôn do đồng chí Nguyễn Văn Thông quyền Bí thư; Biên Hòa đô thị gọi là thành phố Biên Hòa do đồng chí Phan Văn Trang bí thư trực thuộc Khu ủy Miền Đông. Tỉnh Bà Rịa - Long Khánh gồm các huyện Xuân Lộc, Định Quán, Long Đất, Xuyên Mộc, Châu Đức, Duyên Hải, các thị xã Bà Rịa, Long Khánh và Vũng Tàu. Ban chấp hành Tỉnh



ủy được Khu ủy Miền Đông chỉ định do đồng chí Phạm Văn Hy bí thư, Phạm Lạc tỉnh đội trưởng.

Ngày 3/6/1972 Bộ Tư lệnh Miền quyết định thành lập đoàn đặc công 113 có nhiệm vụ tiến công các căn cứ quân sự, kho tàng hậu cứ sân bay địch ở Biên Hòa. Đầu tháng 8/1972 Bộ Tư lệnh Miền bố trí Trung đoàn 4 đứng chân ở Long Thành - Nhơn Trạch, trung đoàn 33 đứng chân ở Trảng Bom - Hố Nai. Đoàn đặc công 113 đánh kho tàng hậu cứ ở Biên Hòa. Ngày 10/9/1972 cơ sở nội tuyến của Ban Bình vận Trung ương Cục được chuyển giao cho Thị ủy Biên Hòa là H16 dùng một quả mìn hẹn giờ do công binh Biên Hòa chế tạo giấu trong đế giày qua mắt địch, gài vào một trái bom trong kho bom tại sân bay. 3 giờ 45 phút ngày 11/9/1972, quả mìn nổ, kích nổ cả kho bom, lập tức từ trận địa pháo ở dốc Ông Hoàng, tiểu đoàn pháo 174 nã đạn dồn dập vào sân bay để đánh lạc hướng điều tra của địch, bảo vệ nội tuyến. Ta phá hủy 4 kho bom, 200 máy bay diệt 24 sĩ quan Mỹ, 46 sĩ quan ngụy và nhiều nhân viên kỹ thuật, giặc lái. Sân bay Biên Hòa bị tê liệt suốt một tuần lễ.

Ba ngày sau, đoàn đặc công 113 đánh khu kho 53 Long Bình. 57 chiến sĩ chia làm 3 mũi đột nhập đặt an toàn 108 khối thuốc nổ hẹn giờ. 4 giờ sáng ngày 14/9 các khối thuốc nổ đồng loạt nổ tung, phá hủy 200 kho, 17 dãy nhà, thiêu hủy 15.000 tấn bom đạn, xăng dầu, loại khỏi vùng chiến đấu hơn 300 tên địch. Đêm 12/11, đoàn 113 pháo kích sân bay Biên Hòa phá hủy 23 máy bay, hai kho bom đạn, diệt gần 100 tên địch. Đêm 14/12 đặc công 113 đột nhập vào bãi để xe ở cao điểm 53 tổng kho Long Bình gài 61 quả mìn tiêu hủy gần 200 xe quân sự. Những trận đánh vang dội ở tổng kho Long Bình và sân bay Biên Hòa thể hiện rõ khả năng phối hợp, hiệp đồng tác chiến giữa đặc công Miền, cơ sở nội tuyến và lực lượng vũ trang tại chỗ gây thiệt hại nặng nề cho địch.



Trên đoạn quốc lộ 1 (Hố Nai - Trảng Bom - Hưng Lộc) trung đoàn 33 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương, du kích và nhân dân tiến hành thực hiện chủ trương “mở mảng, mở vùng”. Đêm 3/10 trung đoàn 33 tập kích diệt đồn Hưng Lộc, tiểu đoàn 7 và bộ đội huyện đánh chiếm giải phóng ấp Hưng Lộc, bức hàng đồn Lò Than - Sông Thao, làm chủ trận địa pháo Sông Thao, diệt 110 tên địch. Ở huyện Xuân Lộc ta liên tục tiến công địch, vùng giải phóng được nối rộng, tạo thế liên hoàn ở hướng đông thị xã Long Khánh, uy hiếp mạnh đường giao thông huyết mạch về Sài Gòn, tạo thế chia cắt và áp sát lực lượng vào 2 thị xã: Biên Hòa và Long Khánh.





Với quyết tâm đánh địch chia lửa với hậu phương đang bị máy bay Mỹ ném bom bắn phá, đêm 11/11/1972, 4 chiến sĩ đặc công Đoàn 10 (đại đội C32) với 16 khối thuốc nổ đột nhập kho bom Thành Tuy Hạ phá hủy toàn bộ khu hóa chất và kho bom napal. Tiếp theo đêm 12/12, Đoàn đặc công Rừng Sác với 5 chiến sĩ lại đánh trận thứ hai. Các đồng chí ém lại trong kho 1 ngày đêm, đặt 25 khối thuốc nổ phá hủy gần như toàn bộ kho bom Thành Tuy Hạ với 60.000 quả bom, 106.000 mét khối đạn pháo, đặc biệt có 33.000 mét khối loại bom CBU. Đội đặc công C32 Đoàn 10 được Bộ Tư lệnh Miền tặng Huân chương quân công hạng ba.



Các chiến sĩ cảm tử Đoàn 10 đặc công tuyên thệ trước khi đánh thành Tuy Hạ

Từ năm 1969 đến năm 1972, 4 năm kiên cường bám trụ, vượt lên gian khổ, hy sinh ác liệt của cuộc chiến tranh, quân và dân Biên Hòa - Bà Rịa - Long Khánh đã giữ vững được địa bàn chiến lược cực kỳ quan trọng, hướng đông bắc Sài Gòn. Cùng với chủ lực Quân khu và Miền, đập tan các cuộc phản kích của địch, từng bước đánh bại âm mưu chiến thuật của địch. Từ bị động, ta chuyển sang thế chủ động phản công, mở rộng vùng giải phóng, đồng thời tiên công hàng loạt kho tàng, hậu cứ, sân bay, tiêu diệt sinh lực, phá hủy phương tiện chiến tranh, gây cho địch nhiều tổn thất, góp phần cùng với toàn miền giành thắng lợi quyết định trong chiến dịch Nguyễn Huệ 1972.

## V- Chống địch lấn chiếm bình định - thu hồi mở rộng vùng giải phóng.

### 1. Địch vi phạm Hiệp định Paris.



Biểu tình đòi thi hành Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình VN

Ngày 27/1/1973 Hiệp định Paris về “chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” được ký kết. Đế quốc Mỹ phải rút quân viễn chinh và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, chấm dứt can thiệp vào nội bộ của miền Nam Việt Nam; tôn trọng quyền độc lập dân tộc, dân chủ và thống nhất toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam; thừa nhận thực tế ở miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát và 3 lực lượng chính trị. Mặc dù có Hiệp định Paris nhưng đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta bằng triển khai ồ ạt tăng viện trợ, vũ khí phương tiện chiến tranh cho chính quyền Thiệu trước khi triệt thoái. Chính quyền Sài Gòn được Mỹ giúp sức triển khai hàng loạt kế hoạch phá hoại Hiệp định hòa bình.



Trên địa bàn tỉnh Biên Hòa - Bà Rịa - Long Khánh, chúng tập trung lực lượng vũ trang thực hiện lấn chiếm nhằm xóa thế “da beo” trên các lộ giao thông. Các liên đội bảo an được nâng lên thành các tiểu đoàn cơ động. Sư đoàn bộ binh 18 là lực lượng chủ công hành quân lấn chiếm trên các trục lộ giao thông quan trọng. Trên quốc lộ 1 đoạn Dầu Giây - Trảng Bom, sáng 28/1/1973 địch sử dụng 2 tiểu đoàn bảo an hành quân lấn chiếm, bất chấp thiện chí hòa bình của ta. Lực lượng vũ trang tại huyện Trảng Bom chiến đấu kiên cường, đánh trả quyết liệt giữ vững vùng giải phóng. Ngày hôm sau địch sử dụng cả ba tiểu đoàn thuộc chiến đoàn 43 sư 18 phối hợp với 1 chi đoàn, xe bọc thép cùng lực lượng bảo an, dân vệ tiếp tục lấn chiếm. Bom đạn địch tàn phá hầu hết nhà cửa của đồng bào làm hàng trăm người chết và bị thương. Vùng Gia Ray - Xuân Lộc, địch sử dụng hai tiểu đoàn bảo an lấn chiếm có phi pháo yểm trợ. Ở ấp Bảo Vinh A, thị xã Long Khánh địch dùng tiểu đoàn “Cọp đen” và đại đội bảo an đánh phá. Chúng dùng lựu đạn cay, chất độc bắn vào xóm ấp, gây thiệt hại cho đồng bào. Đến tháng 2/1973 chiến sự vẫn nổ ra quyết liệt. Trên vùng lộ 2 địch lấn chiếm vùng giải phóng thuộc huyện Cao su, Châu Đức. Trên toàn tỉnh, địch mở 27 cuộc hành quân càn quét cấp tiểu đoàn, trung đoàn và 139 cuộc hành quân, giải tỏa, khai thông các quốc lộ 1, 15, 20.

## 2. Chống địch lấn chiếm, bình định.



Đại tướng  
Hoàng Văn Thái

Ngày 2/3/1973 Hội nghị quân sự miền Nam tại Bù Đốp (Sông Bé), đại tướng Hoàng Văn Thái, Tư lệnh Bộ chỉ huy quân sự Miền đã triển khai chỉ thị 02 của Trung ương Cục miền Nam kiên quyết đánh địch lấn chiếm vi phạm hiệp định, khôi phục thế chủ động, từng bước ổn định đời sống nhân dân trong vùng giải phóng. Tỉnh ủy Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh kiểm điểm, đánh giá tình hình sau hai tháng thi hành Hiệp định Paris, chỉ đạo đợt sinh hoạt chính trị trong lực lượng vũ trang, giáo dục, vạch trần bản chất ngoan cố, hiếu chiến của kẻ thù, những âm mưu thủ đoạn xảo quyệt của chúng, từ đó phải nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống địch lấn chiếm, vi phạm Hiệp định. Kết hợp với vũ trang phải tổ chức nhiều cuộc mít tinh, biểu tình của quần chúng tố cáo âm mưu kéo dài chiến tranh của địch, đòi thi hành Hiệp định Paris.

Địch sử dụng nhiều thủ đoạn lấn chiếm đất, giải tỏa các trục lộ giao thông, đóng thêm đồn bót mới. Địch tăng cường thực hiện các kế hoạch đánh phá phong tỏa hành lang, cửa khẩu để triệt phá nguồn tiếp tế của ta. Tại xã Bàu Hàm, Hung Lộc, xã Phước Thái và huyện Định Quán chúng triển khai sư đoàn 18, biệt kích luân phiên chốt giữ. Nhằm ổn định đời sống nhân dân, đối phó với âm mưu di dân của địch, ta áp dụng nhiều chính sách khuyến khích nhân dân bung về ruộng vườn





cũ làm ăn. Bộ đội giúp đỡ nhân dân cất nhà, ổn định cuộc sống ở Bàu Hàm, Phước Thái, Cẩm Mỹ, Bảo Vinh, Định Quán. Chính quyền cách mạng đã cấp 17.000 ha đất cho nhân dân, đồng bào bung ra vùng giải phóng làm ăn ngày càng đông. Đến đầu mùa mưa 1973 ở tỉnh Biên Hòa có 125 gia đình, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh có 156 gia đình ra vùng giải phóng, gần 160.000 người bung ra làm ăn ở thế “2 chân” (vừa có nhà ở vùng địch kiểm soát, vừa có nhà ở nương rẫy, vùng giải phóng).



Du kích huyện Long Thành đánh địch

Giữa năm 1973 ta bố trí lại lực lượng để phù hợp yêu cầu tác chiến mới. Ở Long Khánh, tiểu đoàn 500 sát nhập với tiểu đoàn 445, rút gọn tiểu đoàn 246 công binh, 634 đặc công thành 2 đại đội. Lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa gồm tiểu đoàn 240, tiểu đoàn 6 đặc công, đại đội 27 công binh. Lực lượng biệt động Biên Hòa, lực lượng vũ trang Quân khu có trung đoàn 4, trung đoàn 33

hoạt động độc lập. Mùa mưa năm 1973, địch tăng cường lực lượng lấn chiếm khu vực đường sắt Long Khánh, cao su vùng lộ 2. Tại Long Khánh địch tăng cường tiểu đoàn 64 biệt động quân và một tiểu đoàn bảo an từ Bình Dương lên khôi phục đường sắt. Trong hai tháng đại đội công binh tỉnh phối hợp đội biệt động, đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh, K8 Xuân Lộc phối hợp với du kích đánh 22 trận, diệt 176 tên địch, bắn cháy 5 đầu máy, 12 toa xe lửa, phá tan kế hoạch của địch.

Huyện ủy Long Thành - Nhơn Trạch phát động phong trào “Tiêu diệt bình định áo đen”, tập trung tấn công đánh phá bọn càn quét. Ngày 5/10 du kích xã Phước Thọ diệt 5 tên bình định và 2 phòng vệ dân sự khi chúng sục sạo ấp Cái Vạn. Du kích xã Phước Khánh phục kích diệt bọn “biệt kích thủ đô” từ hướng Sài Gòn, bắn hỏng 6 xuồng địch, diệt 37 tên, thu 32 súng. Đội đặc công trung đoàn 116 thuộc Bộ chỉ huy Miền đột nhập trường thiết giáp, thám báo ở Long Thành phá sập 2 dãy nhà kho với hàng trăm tấn bom đạn, diệt 2 trung đội địch. Ở Nhơn Trạch, đội du kích thị trấn phục kích đánh đoàn bình định từ Phước An về diệt 6 tên, bắt sống 1 thiếu úy, thu 8 súng. Tại Phước Thái tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn 4, du kích bao vây đoàn bình định tại ấp Thái Thiện diệt 7 tên. Tại Phước Tân, đại đội 2 tiểu đoàn 240, phối hợp với bộ đội huyện tiến công đoàn xe ủi địch, bắt 3 xe, diệt 1 trung đội lính.



Đoàn 10 Rừng Sác tấn công phá hủy kho xăng Nhà Bè ngày 3/12/1973

Ngày 3/12/1973 đoàn 10 Rừng Sác với 8 dũng sĩ từ bàn đạp huyện Nhơn Trạch tiến công kho xăng Nhà Bè, phá hủy 72 bồn xăng trên hai trăm triệu lít.



Sức nỏ của kho xăng còn làm hư hại hai nhà máy phát điện (loại nhỏ) và 1 tàu vận tải có sức chứa, 12 ngàn tấn đậu tại cảng.

Ngày 15/10/1973 Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập tỉnh Tân Phú - tỉnh căn cứ cách mạng - gồm huyện Phú Giáo, Tân Uyên (của tỉnh Thủ Dầu Một) và hai huyện Định Quán, Độc Lập. Ban chấp hành Tỉnh ủy do đồng chí Nguyễn Văn Luông Bí thư; Tỉnh đội trưởng đồng chí Võ Chấn. Tỉnh ủy Biên Hòa tăng cường cán bộ cho huyện Thống Nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng cơ sở trong đồng bào Thiên Chúa giáo. Đầu năm 1974 ta xây dựng được 60 cơ sở cách mạng, 39 nòng cốt, tạo nên những “lõm” chính trị ở các ấp Bùi Chu, Bắc Hòa, Thanh Hóa, Ngũ Phúc, Tân Bắc, Kẻ Sặt... Chính những cơ sở này đã giúp ngành hậu cần Biên Hòa giải quyết vấn đề tài chính, lương thực, thực phẩm.

### **3. Thu hồi và mở rộng vùng giải phóng.**

Tháng 7/1974, trên địa bàn Biên Hòa, Long Khánh, địch tăng cường lực lượng và tập trung đại bộ phận của sư đoàn 18 càn quét hai khu vực Cây Gáo - Bàu Hàm thuộc tỉnh Biên Hòa và Long Đất, Xuyên Mộc thuộc tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Khu vực Bàu Hàm, Cây Gáo địch tập trung hai tiểu đoàn thuộc chiến đoàn 48 đánh phá các cửa khẩu và căn cứ ta. Lực lượng vũ trang ta đánh trả quyết liệt, loại khỏi vòng chiến đấu trên 400 tên địch chặn đứng các cuộc hành quân càn quét của chúng. Địch sử dụng hai chiến đoàn 43 và 48 thuộc sư đoàn 18 đánh chiếm hai xã Long Tân - Long Phước với ý đồ “giăng bẫy” thu hút đơn vị chủ lực cấp quân khu ta để tiêu diệt. Quân khu 7 vừa chuẩn bị lực lượng cho chiến dịch lộ 2, vừa tăng viện cho Long Tân - Long Phước để giữ cho được vùng giải phóng, kèm chân quân chủ lực địch, thu hút sự chú ý của chúng trước khi chiến dịch lộ 2 mở màn. Ngày 25/3/1974 trên địa bàn các huyện Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Long Thành, Xuân Lộc tiếng súng tiến công địch của các lực lượng vũ trang ta đồng loạt nổ ra. Hai chiến đoàn địch 43 và 48 thuộc sư 18 nguy ở Long Tân - Long Phước vội vã rút về Long Điền để chuẩn bị đối phó tình hình, các chiến đoàn bảo an cũng hoảng sợ rút khỏi mặt trận Long Tân.

Ngày 26/3/1974 chiến dịch lộ 2 mở màn. Sở chỉ huy chiến dịch lộ 2 đặt tại rừng cao su phía đông xã Cẩm Mỹ. Bộ chỉ huy chiến dịch gồm đại tá Lê Văn Ngọc, Tư lệnh quân khu làm chỉ huy trưởng. Đồng chí Phạm Văn Hy, Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa - Long Khánh chính ủy và đồng chí Phạm Lạc tỉnh đội trưởng chỉ huy phó. Kế hoạch được chuẩn bị trước chu đáo. Phương án 1, tiểu đoàn 18 đặc công đảm nhiệm tập kích chiếm đồn Kim Long, sau đó bàn giao trận địa lại cho trung đoàn 33 chốt giữ. Hai giờ sáng 26/3, tiểu đoàn 18 đặc công đang bí mật cất hàng rào bãi mìn thì bị địch phát hiện. Tình thế buộc ta phải chuyển sang đánh “cường tập”, nên không phát huy được sức mạnh. Chiến sự xảy ra quyết liệt. Ta chiếm được một số vị trí quan trọng nhưng không chiếm được toàn bộ đồn Kim Long.





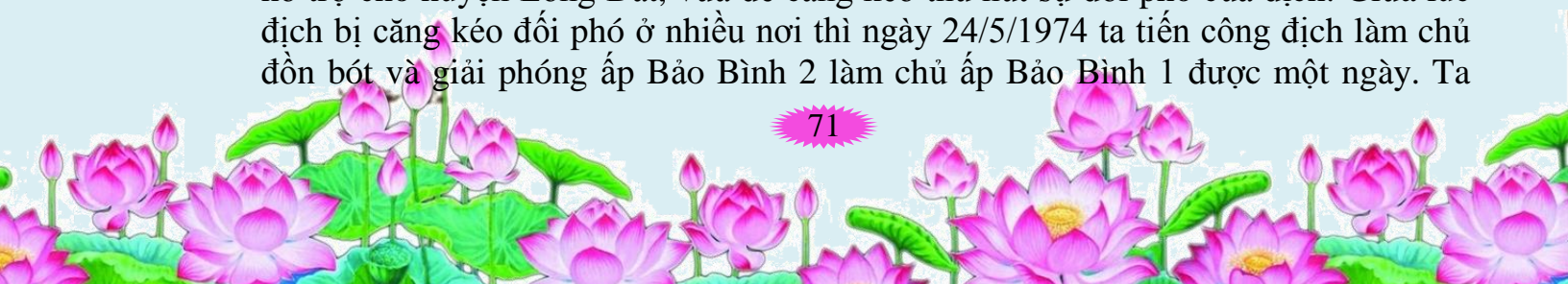


Bộ chỉ huy chiến dịch chuyển sang phương án 2 vây ép, bức hàng, bức rút đồn địch. Ba ngày đầu ta vây ép không chặt, địch bổ sung, chi viện thêm, nên ta thay đổi phương án tác chiến: cắt đứt hai đầu, cô lập 2 tiểu đoàn bảo an 372 và 324 ở giữa. Thực hiện phương án này, một tiểu đoàn của trung đoàn 4 cùng du kích xã Cẩm Mỹ đánh chiếm các bót dân vệ, bảo an và chốt chặn hướng bắc Kim Long. Hai tiểu đoàn của trung đoàn 33 cùng bộ đội huyện Châu Đức chốt chặn hướng nam Kim Long, một tiểu đoàn của trung đoàn 33 và 1 tiểu đoàn của trung đoàn 4 trực tiếp công kích đồn Kim Long và Tâm Bó. Sau 7 ngày vây chặt, công kích mạnh ta chiếm được các đồn Mười Tượng, Bà Cùi, Rô Be. Tiêu diệt nhiều sinh lực địch, cô lập không cho chúng chi viện, ứng cứu. Chiến đoàn 43 và 48 sư 18 địch từ Long Đất về Long Khánh giải tỏa lộ 2 bị ta chặn đánh thiệt hại nặng. Chiến dịch lộ 2 kết thúc, ta diệt 890 tên địch, bắt sống 37 tù binh, có 1 trung tá, 6 cấp úy, thu trên 200 súng và 20 máy thông tin, bắn cháy 17 máy bay và 16 xe tăng, giải phóng lộ 2, bức rút 12 đồn bót. Vùng giải phóng Bà Rịa - Long Khánh - Biên Hòa được nối liền.

Phối hợp với chiến dịch lộ 2, ở Biên Hòa, Tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo đánh mạnh địch ở vùng ven thị xã đấu tranh chính trị được đẩy mạnh. Trên địa bàn huyện Long Thành, Nhơn Trạch lực lượng vũ trang huyện cùng du kích phá hủy 3 trạm radar địch ở Phú Hữu và Cát Lái, gài mìn chống địch ủi phá rừng, tập kích hàng loạt các trạm kiểm soát của địch để tạo điều kiện cho vận chuyển trên 1000 tấn lương thực ở các cửa khẩu đưa về hậu cứ an toàn.

Phát huy thắng lợi chiến dịch lộ 2, Bộ chỉ huy chiến dịch tiếp tục mở đợt hoạt động mùa mưa năm 1974, với yêu cầu giải phóng một số ấp nằm sâu trong vùng căn cứ Bà Rịa - Long Khánh, giải tán các khu “Dinh điền” của địch ở các khu vực phía Nam lộ 1 nhằm mở rộng địa bàn đứng chân, áp sát, uy hiếp thị xã Long Khánh từ hướng nam. Huyện ủy Xuân Lộc và Thị ủy Long Khánh tập trung lực lượng thực hiện các trận đánh nghi binh thu hút địch. Ngày 18/5, du kích ấp Nam Hà và trinh sát huyện đội cải trang tiến công địch khi chúng tổ chức đá bóng, diệt 76 tên địch, bắt sống 3 tên, thu 44 súng và máy thông tin. Trận cải trang tiến công địch giữa ban ngày giành thắng lợi, có tác động tâm lý lớn làm cho bọn bảo an, dân vệ quanh vùng lo sợ. Trên quốc lộ 1, du kích phối hợp huyện đội diệt 2 tua ở Bình Phú, giải tán 2 khu tập trung dân của địch. Phong trào du kích chiến tranh được đẩy mạnh.

Cũng thời điểm này, hướng Bến Cát (Thủ Dầu Một) bộ đội chủ lực Miền mở nhiều cuộc tiến công tiêu diệt một số đồn bót quan trọng của địch trên quốc lộ 13. Sư đoàn 18 nguy buộc phải tăng cường lực lượng. Chớp thời cơ, Bộ chỉ huy chiến dịch điều trung đoàn 4 từ lộ 2 lên lộ 1 cùng lực lượng vũ trang Xuân Lộc thực hiện “cao điểm tháng 5”. Đồng thời Bộ chỉ huy cũng điều tiểu đoàn 18 đặc công xuống hỗ trợ cho huyện Long Đất, vừa để căng kéo thu hút sự đối phó của địch. Giữa lúc địch bị căng kéo đối phó ở nhiều nơi thì ngày 24/5/1974 ta tiến công địch làm chủ đồn bót và giải phóng ấp Bảo Bình 2 làm chủ ấp Bảo Bình 1 được một ngày. Ta





tiếp tục vây ép ấp Bảo Bình 3 bẻ gãy các cuộc phản kích của địch chi viện giải phóng được ấp 2 và ấp 3 xã Bảo Bình. Đội biệt động, đội trinh sát vũ trang Long Khánh liên tục tập kích các căn cứ địch trong nội ô diệt 122 tên. Cơ sở nội tuyến của ta trong sư đoàn 18 nguy đặt mìn phá nổ tung 1 kho đạn diệt 27 tên địch.

Sau thắng lợi đợt hoạt động “cao điểm tháng 5”, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương mở tiếp các đợt đánh địch trong suốt mùa mưa tạo điều kiện thuận lợi cho mùa khô 1974 - 1975 mà mục tiêu trọng điểm là quốc lộ 1 và địa bàn Xuân Lộc. Từ mặt trận lộ 2 trung đoàn 33 được điều về đứng chân ở lộ 1. Đêm 10/6 đặc công trung đoàn 33 đánh chiếm chốt ấp Bia diệt 1 trung đội địch; cùng du kích Xuân Lộc phục kích trên quốc lộ 1 diệt gọn 2 đại đội địch trên đường hành quân giải tỏa thu 45 súng các loại. Trước tình hình quốc lộ 1 bị uy hiếp, địch phải điều động chiến đoàn 8 sư đoàn 5 và tiểu đoàn 32 thuộc liên đoàn 7 biệt động đến giải tỏa lộ 1. Ta chiến đấu liên tục một tuần lễ, bẻ gãy hầu hết các đợt hành quân địch, diệt nhiều sinh lực, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, phá bộ máy kềm kẹp của địch ở “khu dinh điền” An Lộc, đồng bào trở về quê cũ làm ăn sinh sống. Quốc lộ 1 bị uy hiếp, địch tăng cường lực lượng liên đoàn biệt kích số 81 và các lực lượng bảo an liên tục lấn chiếm vùng giải phóng. Ta phối hợp chiến đấu chặt chẽ, đánh lui địch, giữ vững vùng giải phóng Bảo Bình và nhiều vị trí then chốt trên quốc lộ 1 mở thêm 8 “lõm” giải phóng quanh vùng ven thị xã Long Khánh.

Địa bàn Biên Hòa đầu tháng 7/1974, cơ sở mật đã lãnh đạo hàng ngàn công nhân ở Cogido, Vicasa, các nhà máy sản xuất xà bông, cá hộp đấu tranh với địch phản đối cuộc bầu cử dân biểu; trên 2.000 quần chúng nhân dân ở Tam Hiệp - Tân Mai biểu tình chống bầu cử và đòi quyền dân sinh dân chủ. Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo xây dựng cơ sở nội tuyến trong lòng địch tại sân bay Biên Hòa, Bộ tư lệnh quân đoàn 3 nguy, Tòa hành chính tỉnh Biên Hòa. Phối hợp với các cuộc đấu tranh chính trị, ngày 10/8 đại đội pháo binh Biên Hòa pháo kích phá hủy 5 máy bay F5 ở sân bay Biên Hòa. Đêm 26/8 đoàn đặc công 113 Miền tập kích trung tâm huấn luyện biệt kích Nước Trong diệt 200 tên địch, trong đó có 2 trung tá, 3 thiếu tá. Trên các quốc lộ 15, 1, 20 và tỉnh lộ 24, 17, 19 ta tiến công diệt nhiều xe và binh lính địch.

Tại thị xã Biên Hòa, đêm 7/10/1974 ba đồng chí đặc công thuộc đoàn 113 là Thường, Thông, Thường xuất phát từ bến sông Tân Định đui ngấm 700 kg thuốc nổ dưới sông để đánh cầu Mới. Địch canh phòng rất nghiêm ngặt. Cách cầu vài chục mét, địch phát hiện. Hội ý chớp nhoáng đồng chí Thường nổi lên mặt nước thu hút sự chú ý của địch. Đồng chí Thông và Thường dốc toàn lực đẩy khối thuốc nổ đến chân cầu và giật ngòi nổ, cầu Mới sập một nhịp ở giữa. Tiểu đoàn 9 đoàn đặc công 113 xây dựng ở rừng Bùng Binh xã Thiện Tân cách Biên Hòa 3km về hướng Bắc một hệ thống địa đạo dài 450 mét. Từ căn cứ Bùng Binh tiểu đoàn 9 đoàn đặc công 113 tập kích diệt gọn 1 đại đội bảo an ở đôn Cây Khô, du kích bộ đội huyện phá sập cầu Rạch Khô, tiến công địch ở bót cầu Rạch Đông.







Tại tỉnh căn cứ Tân Phú, tháng 10/1974, Trung ương Cục miền Nam điều chỉnh lại chiến trường, cắt hai huyện Phú Giáo và Tân Uyên về tỉnh Thủ Dầu Một. Tỉnh căn cứ Tân Phú còn hai huyện Định Quán và Độc Lập. Đồng chí Võ Tấn Vịnh được cử làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Nguyễn Văn Luông. Quân khu điều tiêu đoàn 18 đặc công, tiểu đoàn 2 trung đoàn 4 cùng 1 đại đội súng cao xạ thuộc tiểu đoàn 24 đánh mạnh địch ở lộ 20 mở rộng địa bàn bắc Định Quán. Tiểu đoàn 18 đặc công bí mật tập kích địch ở đồn Đa Kai xã Phương Lâm, loại khỏi vòng chiến đấu 78 tên, phá hủy hoàn toàn trận địa pháo của địch. Tiểu đoàn 2 phục kích chặn đánh lực lượng địch ứng cứu cho Đa Kai, diệt gọn một trung đội, thu 24 súng và 2 máy thông tin, chia cắt lộ 20 từ hướng Lâm Đồng, uy hiếp chi khu Định Quán.

## VI- Tham gia chiến cuộc mùa khô 1974 -1975 Giải phóng toàn tỉnh.

### 1. Chiến dịch lộ 3 - Mở rộng địa bàn Đông Bắc Xuân Lộc.

Tháng 11/1974 Bộ Chỉ huy Miền quyết định thành lập sư đoàn 6 bộ binh trực thuộc quân khu 7 hoạt động phía bắc lộ 1. Đồng thời Bộ Chỉ huy Miền tổ chức lực lượng đặc công 429 lại thành sư đoàn 2 đặc công (thay Đoàn 27). Sư đoàn gồm 7 trung đoàn đặc công đánh bộ, đặc công nước, 1 trung đoàn cơ động sâu xuống vùng ven đô, bao quanh Sài Gòn - Gia Định chuẩn bị cho phương án tổng công kích - tổng khởi nghĩa. Riêng phía đông có ba trung đoàn 10, 113, 116 vừa độc lập tác chiến, vừa phối thuộc cho địa phương. Sư đoàn 2 đặc công do đồng chí Nguyễn Văn Mây sư trưởng, Lê Bá Ước chính ủy. Trong khi các lực lượng vũ trang địa phương tiến công địch dồn dập ở nhiều nơi thì rạng sáng ngày 24/12/1974 chiến dịch lộ 3 của quân khu bắt đầu mở màn. Hai trung đoàn bộ binh của sư đoàn 6 cùng lực lượng vũ trang địa phương tiến công làm chủ hai chi khu Hoài Đức và Tánh Linh. Ta chặt đứt một “mắt xích” quan trọng trong hệ thống phòng thủ phía bắc Xuân Lộc uy hiếp thị xã Long Khánh từ hướng bắc.



Phối hợp với chiến dịch lộ 3, đội biệt động thị xã Long Khánh và du kích trực tiếp tiến công địch ở nội ô thị xã. Ngày 2/1/1975 chiến sĩ biệt động Nguyễn Phú Huỳnh trong một ngày ba lần tiến công địch ở các quán ăn và đường Hồng Thập Tự diệt và làm bị thương hàng chục tên địch. Ngày 18/1/1975 Hồ Thị Hương cùng Nguyễn Thị Thận nhận nhiệm vụ đánh quán ăn Viễn Đông của một tên an ninh quân đội nguy, cảnh sát đặc biệt thường lui tới tại đây. Khi đến sát mục tiêu, biết mình hẹn giờ sắp nổ, Hương bảo Thận đứng ngoài. Cô ôm mình lao vào quán cho mình nổ làm mảng tường quán ăn



sập và một số tên địch bị thương. Hồ Thị Hương anh dũng hy sinh. Với nhiều chiến công xuất sắc Hồ Thị Hương được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Trước sức tiến công liên tục của ta, tiểu khu Long Khánh và Bộ tư lệnh sư đoàn 18 lo sợ tăng cường bố trí phòng thủ thị xã Long Khánh.

Ngày 17/3/1975 giai đoạn 2 của chiến dịch lộ 3 bắt đầu. Ta đồng loạt chiếm ngã ba Ông Đồn, núi Chứa Chan, đồi 52, với lối đánh hiệp đồng tác chiến chặt chẽ, giữa đặc công với bộ binh, sau 1 ngày chiến đấu ta đã diệt toàn bộ địch ở Đồi 52. Ngày 18/3 tiểu đoàn 9 trung đoàn 33 đã làm chủ yếu khu quân sự Gia Ray, giải phóng ấp Gia Ray và cắt đứt lộ 3. K8 Xuân Lộc và tiểu đoàn 3 trung đoàn 4 cùng lực lượng du kích tiến công địch ở các ấp Suối Cát, Lều Xanh, Mai Thọ Bích, Bình Phú, ta hoàn toàn làm chủ cắt đứt đoạn quốc lộ 1 dài trên 5 km, diệt quân cứu viện. Tiểu khu Long Khánh đã điều 2 tiểu đoàn bảo an số 332 và 324 ứng cứu bị các lực lượng ta chặn đánh diệt 2 đại đội. Sau 4 ngày đêm chiến đấu ta quét sạch địch ở các mục tiêu trọng điểm, giải phóng tỉnh lộ 3 từ Trà Tân đến ngã ba Ông Đồn, đến căn cứ 5 giáp Bình Thuận, làm chủ các xã ấp trên quốc lộ 1. Ngày 17 đến 20/3 lực lượng vũ trang tỉnh Tân Phú kết hợp một bộ phận sư đoàn 7 đánh chiếm chi khu Định Quán, giải phóng quốc lộ 20 từ Lâm Đồng đến cầu La Ngà.

Địch đang phải dốc toàn bộ lực lượng chống đỡ trên mặt trận tỉnh lộ 3, quốc lộ 1 và quốc lộ 20. Tranh thủ thời cơ thị ủy Long Khánh chủ trương giải phóng 4 ấp phía bắc thị xã Long Khánh. Ta tiến công địch ở Bảo Vinh B rồi đến Bình Lộc, thứ tự phá từng “mắt xích” tiến tới dứt điểm toàn bộ. Cán bộ binh vận vận động các gia đình binh lính ngụy, kêu gọi con em họ trở về với nhân dân. Cuối tháng 3/1975 các ấp Bình Lộc, Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn hoàn toàn giải phóng. Cửa ngõ phía bắc thị xã Long Khánh đã mở, chuẩn bị cho sư đoàn 341 tiến công vào thị xã Long Khánh.



Bộ đội K8 Xuân Lộc đi chiến dịch

Để chuẩn bị cho cuộc tổng công kích, Bộ chỉ huy Miền tổ chức mặt trận cánh đông gồm 3 trung đoàn đặc công 10, 113, 116, 3 đơn vị biệt động, tiểu đoàn địa phương Thủ Đức do đồng chí Tổng Việt Dương sư phó sư 2 làm chỉ huy trưởng, đồng chí Lê Bá Ước chính ủy. Đây là những đơn vị sẽ phối thuộc cho quân đoàn 4 và quân đoàn 2 có nhiệm vụ đánh chiếm các cây cầu, giữ cửa trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

## 2. Chiến dịch Xuân Lộc giải phóng thị xã Long Khánh.





Đầu tháng 4/1975 quân nguy ở Long Khánh có sư đoàn 18 gồm 3 chiến đoàn: Chiến đoàn 43 và 48 đóng tại hậu cứ hướng đông thị xã Long Khánh. Chiến đoàn 52 đóng ở Kiệm Tân (lộ 20). Trung đoàn thiết giáp số 5 có trên 100 xe tăng và thiết giáp, 9 tiểu đoàn bảo an và 3 đại đội biệt lập trực thuộc tiểu khu Long Khánh; cùng các lực lượng cảnh sát và bộ máy kèm kẹp khác chốt giữ nhiều điểm quan trọng trong thị xã.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Xuân Lộc đập tan tuyến phòng thủ của địch ở phía đông Sài Gòn. Sở chỉ huy quân đoàn 4 đặt tại bắc sông La Ngà; sở chỉ huy tiền phương đặt tại ấp Bảo Vinh. Ngày 4/4/1975 nhiệm vụ tác chiến của từng đơn vị được triển khai. Sư đoàn bộ binh số 7 tăng cường 12 xe tăng (T59) 3 khẩu pháo 85 ly, 2 khẩu cối 160 ly, 12 khẩu cao xạ (37 - 57 ly) có pháo của quân đoàn chi viện đánh chiếm hậu cứ sư đoàn 18. Sư đoàn bộ binh 341 từ hướng bắc đánh chiếm ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ, dinh tỉnh trưởng. Sư đoàn bộ binh số 6 (quân khu 7) đánh địch từ ấp Hưng Lộc đến đèo Mẹ bồng con, chặn đánh địch chi viện từ phía Biên Hòa. Tiểu đoàn 445 tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, đại đội 41, đại đội 34 (huyện Châu Đức) đại đội 207 huyện Cao su, K8 huyện Xuân lộc, đội biệt động, đội trinh sát vũ trang Long Khánh phối hợp, căng kéo chia cắt địch, dẫn đường cho bộ đội chủ lực tiến công phía nam Xuân Lộc.



Bộ đội kéo pháo vào mặt trận Xuân Lộc

Tại sở chỉ huy quân đoàn ngày N - 1 (8/4) các sư đoàn chủ lực đã tập kết cách thị xã Long Khánh từ 4 đến 10 km. Đêm mừng 8/4/1975, xe pháo của quân đoàn cùng lực lượng vũ trang địa phương, tiến quân như vũ bão hợp thành trận đánh mang tầm vóc lịch sử. 5 giờ 30 sáng ngày 9/4/1975 pháo chiến dịch 130 ly ở tọa độ 17 - 55°7 (Túc Trưng - Bảo Vinh) gầm vang báo hiệu trận tiến công tuyến phòng thủ Xuân Lộc mở màn. Sau hơn một tiếng đồng hồ pháo cấp tập vào các mục tiêu trong thị xã Long Khánh, Xuân Lộc, ta chuyển làn bắn chế áp pháo địch ở Núi Thi, hỗ trợ xe tăng, bộ binh ở các hướng đồng loạt tiến công. Ngay phút đầu tiên, cột ăng ten trong tiểu khu Long Khánh bị gục đổ, các kho đạn nổ tung.

Mũi hướng bắc các chiến sĩ biệt động Long Khánh nhanh nhẹn hướng dẫn sư đoàn 341 đánh chiếm các mục tiêu ở trung tâm thị xã. Địch chống trả quyết liệt, nhưng với khí thế tiến công mạnh mẽ, đến 7 giờ 45, chiến sĩ Nguyễn Thanh Sơn, tiểu đoàn 5 trung đoàn 116, sư 7 cầm cờ trên dinh tỉnh trưởng Long Khánh; Hướng đông thị xã do địa hình quá trống trải, địch dùng xe tăng phản kích dữ dội, sư đoàn 7 bị thương vong nặng, đến chiều tối vẫn không chọc thủng được phòng tuyến của hậu cứ sư đoàn 18; Hướng tây sư đoàn 6 cùng du kích, đánh chiếm ấp Trần Hưng Đạo, đèo Mẹ bồng con, ấp Hưng Lộc, giải phóng quốc lộ 1 đoạn trên 10 km;



Hướng nam tiểu đoàn 445 phối hợp với tiểu đoàn 9 trung đoàn 209 sư đoàn 7 đánh viện binh địch từ Suối Cát, tiêu hao nặng 2 tiểu đoàn địch, bắt sống tù binh, giải phóng ấp Bảo Toàn.



Sau một ngày đồng loạt tiến công, địch bị thiệt hại nặng nề. Hệ thống bố phòng ở Xuân Lộc bị phá vỡ. Cờ giải phóng tung bay trên các tòa nhà dinh tỉnh trưởng, khu cô vấn Mỹ, ty cảnh sát, trụ sở tình báo CIA. Hậu cứ sư đoàn 18 bị chọc thủng một mảng. Địch phát hiện ra ý đồ chiến thuật của ta, chúng lập tức điều chỉnh lực lượng, điều tiểu đoàn 1 chiến đoàn 48 từ Tân Phong về, tiểu đoàn 3 chiến

đoàn 48 chốt tại Tân Phong. Chiến đoàn 52 từ Túc Trưng về Kiêm Tân, tiểu đoàn 2 chiến đoàn 52 về tiếp ứng cho thị xã. Tiểu đoàn 1 chiến đoàn 52 giải tỏa ấp Trần Hưng Đạo, các tiểu đoàn bảo an được chấn chỉnh, tăng cường phòng thủ hướng đông thị xã. Bộ chỉ huy sư đoàn 18 di chuyển về hướng đông Tân Phong, tiểu khu trưởng Long Khánh chuyển về Núi Thị, phi pháo tăng cường đánh phá hậu phương ta ở mũi tiến công hướng đông.

Ngày 10/4 tiểu đoàn 7 trung đoàn 33 cùng du kích ấp Trần Hưng Đạo tiến công làm chủ phân chi khu quân sự Dầu Giây. Hướng bắc sư đoàn 341 cùng biệt động thị xã đánh địch ở khu vực nhà nhà thờ, địch chiếm lại ngã tư đường sắt; Hướng nam tiểu đoàn 445 đại đội 41 và K8 Xuân Lộc tiếp tục, chia cắt đánh địch ở Tân Phong, Suối Cát. Đội nữ pháo binh Xuân Lộc liên tục pháo kích vào chỉ huy sở hành quân của địch. Chiến sự xảy ra vô cùng ác liệt ở trung tâm thị xã. Địch giãn bộ binh ra và dùng phi pháo oanh kích hủy diệt các mục tiêu ta đã chiếm được. Các loại máy bay AD6, A7, F5A liên tục ném bom, bắn hỏa tiễn dùng loại máy bay vận tải C130 rải bom tọa độ. Ngày 11/4 quân đoàn 3 nguy tăng viện cho Xuân Lộc 1 chiến đoàn bộ binh 3 thiết đoàn, nhưng lực lượng này bị ta chặn đứng tại Hưng Lộc.



Ngày 12/4, mũi hướng tây ta làm chủ hoàn toàn ngã ba Dầu Giây và đánh bật hầu hết các đợt phản kích từ hướng nam lên chi viện cho thị xã. Mũi hướng đông và bắc chiến sự ngày càng quyết liệt. Địch tăng cường phi pháo oanh tạc các mục tiêu ta đã chiếm và đánh vào phía sau đội hình tiến công của ta. Trên 70 khẩu pháo và 50 phi vụ oanh kích vào đội hình ta. Đặc biệt 14 giờ chiều 12/4, địch ném 2 quả bom CBU xuống cách thị xã 800m về hướng bắc. Đây là loại bom hơi ngạt (giết





người bằng bức xạ đốt cháy oxy). Chiều 12/4, hàng trăm lần chiếc máy bay lên thẳng đổ lữ đoàn 1 dù xuống Nam Tân Phong, ngụ quyền Sài Gòn sử dụng át chủ vào chiến trường Xuân Lộc.

Trước tình huống nghiêm trọng đồng chí Hoàng Cầm trực tiếp xuống Xuân Lộc nắm tình hình và chỉ đạo thay đổi phương án tác chiến: Tạm thời rút lực lượng chủ lực ra khỏi trung tâm thị xã để củng cố; sử dụng lực lượng dự bị mạnh bất ngờ tiến công địch tiêu diệt chiến đoàn 52 sư 18 tại Kiệm Tân và Dầu Giây, chiếm cao điểm Núi Thị, tách Xuân Lộc khỏi sự chi viện từ hướng tây. Xuân Lộc bị cô lập sẽ hoang mang, ta tung lực lượng đánh địch bật khỏi Xuân Lộc. Rạng sáng 15/4 trung đoàn 33 và lực lượng du kích tiêu diệt 1 tiểu đoàn của chiến đoàn 52 và 1 chi đoàn xe bọc thép tại ngã ba Dầu Giây, chiếm Núi Thị. Trung đoàn 4 diệt gọn 2 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 chi đoàn xe bọc thép thu 12 khẩu pháo, bắt sống hàng trăm tù binh, giải phóng chi khu Kiệm Tân. Chiến đoàn 52 sư 18 bị đánh tan. Để cứu vãn tình thế, ngày 16/4, Tư lệnh quân đoàn 3 nguy vội vã thành lập Bộ chỉ huy tiền phương ở Trảng Bom.

Phối hợp với bộ đội chủ lực, Huyện ủy huyện Cao su thực hiện chủ trương tranh thủ thời cơ, du kích tự vệ khẩn trương hỗ trợ công nhân chiến đấu và nổi dậy giải phóng các sở, ấp cao su. Ngày 16/4 tự vệ, du kích phối hợp với công nhân nổi dậy giải phóng sở cao su Bình Lộc; Ngày 19/4 giải phóng ấp Suối Tre. Ngày 20/4 giải phóng Cốc Rang và An Lộc. Trước khí thế tiến công và nổi dậy mạnh mẽ của tự vệ, du kích và công nhân, bọn chủ sở chạy về Sài Gòn. Toàn bộ tài sản, vật tư máy móc của các sở cao su được công nhân quản lý giữ gìn chu đáo.

Sau một tuần lễ chuyển phương án tác chiến, ta đánh quy chiến đoàn 52 và chiến đoàn 8 nguy. Quân địch ở Long Khánh không còn hy vọng sự cứu viện của Bộ tư lệnh quân đoàn 3 và Sài Gòn. Cùng với thời gian này tuyến phòng thủ Phan Rang bị phá vỡ. Đại quân ta từ miền Trung thần tốc tiến vào Nam bộ. Tinh thần binh sĩ nguy ở Long Khánh hoang mang cực độ. Ngày 18/4, quân đoàn 3 phải dùng máy bay lên thẳng bốc một bộ phận từ Xuân Lộc về Trảng Bom để củng cố tuyến phòng thủ mới.



Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định “tiến công dứt điểm, giải phóng Xuân Lộc”. Ngày 18 và 19/4/1975, pháo địch tập trung bắn ở hướng tây thị xã. Bộ chỉ huy nhận định “địch đã bắn pháo nghi binh, có khả năng tháo chạy về 2 hướng: theo đường số 2 về Vạn Kiếp - Bà Rịa, hoặc theo hướng nam Sở Ông Quê về Nước Trong hoặc Trảng Bom...”, ra mệnh lệnh triển khai đánh địch tháo chạy hướng nam Xuân Lộc.



Một giờ sáng 21/4/1975 quân ta mở đợt tiến công cuối cùng vào Xuân Lộc, nhưng toàn bộ sư đoàn 18 và tiểu khu Long Khánh đã rút chạy khỏi Xuân Lộc từ 10 giờ đêm 20/4. Trên hướng liên tỉnh lộ số 2, đại đội 41 chặn đánh tàn quân địch bắt sống hàng trăm tên, trong đó có đại tá Phạm Văn Phúc trưởng tỉnh Long Khánh. 8 giờ ngày 21/4/1975, nguy quân, nguy quyền ở thị xã Long Khánh tháo chạy và tan rã hoàn toàn. Tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc bị đập tan - cửa ngõ tiến quân vào Sài Gòn của đại quân ta được mở.

### **3. Tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng toàn tỉnh.**

Sau thất bại ở Xuân Lộc, ngày 23/4 tổng thống Mỹ tuyên bố “cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mỹ”. Địch vá vúi 5 sư đoàn chủ lực tan rã từ miền Trung và Xuân Lộc về chốt giữ vòng cung: Biên Hòa - Long Bình - Tây Ninh - Long An. Ở Biên Hòa, sư đoàn 18 sau khi tháo chạy khỏi Xuân Lộc củng cố lại thành 3 chiến đoàn án ngữ quốc lộ 1. Tàn quân bảo an Xuân Lộc kết hợp với bảo an thị xã Biên Hòa thành 2 liên đoàn 933 và 318, cùng với lữ đoàn 468 thủy quân lục chiến án ngữ quốc lộ 15. Lữ đoàn 3 kỵ binh và lữ đoàn 258 thủy quân lục chiến chốt giữ khu vực Biên Hòa - Long Bình. Hai lữ đoàn dù đảm nhiệm giữ cầu Đồng Nai, Rạch Chiếc, cầu Gành, cầu Hóa An và tuyến ngoại vi Sài Gòn.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định mang tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh. Lực lượng quân chủ lực ta tham gia tương đương 5 quân đoàn và tiến vào Sài Gòn từ 4 hướng: Hướng bắc từ Bình Dương (theo quốc lộ 13) do quân đoàn 1 đảm nhiệm; Hướng đông, đông bắc từ Biên Hòa theo quốc lộ 1 và 15 do quân đoàn 4 và quân đoàn 2 đảm nhiệm; Hướng tây bắc từ Tây Ninh do quân đoàn 3 đảm nhiệm; và Hướng tây nam, Long An do đoàn 232 đảm nhiệm.

Để chuẩn bị cho chiến dịch cuối cùng quét sạch quân thù, từ ngày 9/4, đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư Thành ủy Biên Hòa vào nội thành triển khai kế hoạch chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy, thành lập 10 Ủy ban khởi nghĩa trong nội ngoại thành phố. Ngày 16/4, Thành ủy Biên Hòa ra nghị quyết về “Tổng công kích và nổi dậy ở thị xã Biên Hòa”. Chiến dịch Hồ Chí Minh trên địa bàn Biên Hòa hình thành hai mũi tiến công của 2 quân đoàn chủ lực. Quân đoàn 4 tiến vào Sài Gòn - Gia Định theo quốc lộ 1 và xa lộ Biên Hòa. Quân đoàn 2 sau khi đập tan tuyến phòng thủ ở Phan Rang vào đến Xuân Lộc, tiến công vào Sài Gòn - Gia Định theo hai mũi là quốc lộ 15 và bến phà Cát Lái. Sư đoàn 2 đặc công (mới được thành lập) có nhiệm vụ đánh chiếm các cầu Đồng Nai trên xa lộ, cầu Rạch Chiếc, cầu Gành, cầu Rạch Cát và quốc lộ 1 đảm bảo cho đại quân ta tiến về Sài Gòn được thuận lợi.

Ngày 26/4/1975 chiến dịch lịch sử mang tên chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu. Tại Biên Hòa trận địa pháo tầm xa 130 ly ở Hiếu Liêm nã đạn dồn dập vào sân bay Biên Hòa, các sư đoàn bộ binh đồng loạt tấn công. Sư đoàn 6 tiến công yếu khu







Trảng Bom. Sư đoàn 7 tiến công các căn cứ địch dọc lộ 1 đến Hồ Nai. Ngay từ 17 giờ ngày 26/4 đạn pháo 130 ly của ta trùm lên căn cứ Nước Trong. Pháo vừa ngưng, bộ binh xe tăng ta từ nhiều hướng tiến công mãnh liệt. Sư đoàn 304 Quân đoàn 2 đánh chiếm căn cứ Nước Trong. Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 tiến vào chi khu



Long Thành. Lực lượng vũ trang địa phương tiểu đoàn 240 Biên Hòa phối hợp với quân chủ lực đánh phân khu Phước Thiện. Đêm 26 rạng 27/4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn đặc công 116 đánh chiếm khu trung tâm tổng kho Long Bình, cụm bố phòng Bến Gỗ, tiến chiếm và chốt giữ cầu Đồng Nai. Đêm 27 rạng 28/4 tiểu đoàn 174 và tiểu đoàn 23 đánh chiếm cầu Hóa An, cầu Gành, cầu Rạch Cát.

Ngày 27/4 sư đoàn 6 và sư đoàn 7 Quân đoàn 4 quét sạch địch ở ngã ba Dầu Giây, trận địa pháo Sông Thao, tiến lên tiêu diệt địch và làm chủ chi khu Trảng Bom, Bàu Cá; sư đoàn 325 Quân đoàn 2 làm chủ chi khu Long Thành. Sân bay quân sự Biên Hòa hoàn toàn bị tê liệt. Lực lượng vũ trang huyện Thống Nhất và nhân dân nổi dậy giải phóng toàn huyện vào ngày 27/4/1975. Ngày 28/4 hướng Biên Hòa sư đoàn 6, sư đoàn 7 đánh các cụm quân địch dọc theo quốc lộ 1 từ Suối Địa, Trà Cỏ và truy kích địch về căn cứ ở Hồ Nai.

Tại khu kỹ nghệ Biên Hòa, Ủy ban khởi nghĩa của Thành ủy Biên Hòa phát lệnh đánh địch. Lập tức cơ sở mật trong 17 nhà máy lãnh đạo tự vệ và công nhân nổi dậy. Trên 200 công nhân và nông dân khu vực Bình Đa, Tam Hiệp cùng nổi dậy hỗ trợ cơ sở mật ở khu kỹ nghệ. Cờ giải phóng được kéo lên trung tâm Sonadezi và các nhà máy. Cơ sở nội tuyến của Thành ủy Biên Hòa lái 2 chiếc xe thiết giáp M113 của địch đầy ắp súng đạn, dẫn đầu đoàn người tiếp tục truy kích tàn quân địch trong khu kỹ nghệ, bắt sống tên Lành cảnh sát trưởng khu kỹ nghệ, thu toàn bộ hồ sơ. Đến chiều 29/4, hầu hết các nhà máy Khu kỹ nghệ Biên Hòa và một số ấp lân cận hoàn toàn giải phóng.



Sau hơn một ngày liên tục tiến công, đến 11 giờ ngày 29/4 sư đoàn 304 làm chủ căn cứ ngã ba Thái Lan, quét sạch địch từ căn cứ Nước Trong đến tổng kho Long Bình, phát triển về xa lộ Biên Hòa. Sư đoàn 325 đã làm chủ chi khu Nhơn Trạch và tiếp tục tiến công Thành Tuy Hạ, chiếm được đồi Bình Phú, đặt trận địa pháo 130 ly. Đêm 29/4 tại đồi Bình Phú pháo binh ta nã đạn dồn dập vào sân bay Tân Sơn Nhất. Đến chiều 29/4 toàn bộ địch ở Long Thành - Nhơn Trạch bị quét



sạch, sư đoàn 325 tập kết ở bến phà Cát Lái, nơi đây Huyện ủy Nhơn Trạch đã chuẩn bị trên 100 ghe thuyền sẵn sàng đưa lực lượng quân đoàn 2 tiến vào Sài Gòn. Sáng 30/4 từ Long Thành, Nhơn Trạch - lữ đoàn tăng 203 đến cầu Đồng Nai. Trung đoàn đặc công 116 sau 3 ngày đêm đánh chiếm giữ cầu đã lên xe tăng dẫn đường cho lữ đoàn 203 hành quân vào đánh chiếm dinh Độc Lập.



15 giờ ngày 29/4/1975, tù nhân trong nhà tù Tân Hiệp nổi dậy phá khám ra quốc lộ 1 về hướng Trảng Bom. Đến tối ngày 29/4 đoàn đến Bộ chỉ huy tiền phương Mặt trận Biên Hòa, được đưa về chỉ huy sở sư đoàn 6 tại nhà thờ Bắc Hòa. Bộ phận tiếp nhận đưa tù nhân về hướng Gia Kiệm. Lực lượng ta tiếp tục tiến công. 6 giờ sáng ngày 30/4/1975, Bộ Tư lệnh sư đoàn 6 đến ngã ba Kê Sắt, cùng lúc đài phát thanh Sài Gòn thông tin tổng thống ngụy Dương Văn Minh đầu hàng. Quân đoàn 4 nhanh chóng triển khai lực lượng tiến về Sài Gòn. Sư đoàn 6 tiếp quản sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình.

6 giờ sáng 30/4/1975, đảng viên mật Trương Thị Sáu đã hạ cờ ba que thượng cờ Tổ quốc ở Tòa hành chánh tỉnh Biên Hòa. 10 giờ 30 phút sáng 30/4/1975, Ủy ban Quân quản thành phố Biên Hòa, trung đoàn 5 tiến vào tiếp quản Tòa hành chánh Biên Hòa trong tiếng reo hò, hoan hô của hàng ngàn quần chúng trong thành phố Biên Hòa. Lịch sử đã lập lại một cách kỳ diệu. Ba mươi năm trước (1945), nhân dân Biên Hòa đã chiếm Tòa bố giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám. Ba mươi năm sau, một lần nữa quân dân Biên Hòa cầm cờ ở Tòa hành chánh, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng quê hương, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập thống nhất đất nước và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### **D.- CẢM NHẬN CỦA BẢN THÂN VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI.**

Biên Hòa - Đồng Nai là mảnh đất của “miền Đông gian lao mà anh dũng”, có chiến khu Đ, chiến khu Rừng Sác, những căn cứ địa cách mạng quan trọng ở miền Đông, nơi ra đời những đơn vị quân chủ lực, nơi đứng chân tác chiến thuận lợi của các binh đoàn, tấn công các cơ quan đầu não địch trong thành phố, nhiều phen làm kẻ thù phải bạt vía kinh hồn. Nằm trong trục tam giác có ý nghĩa chiến lược Sài Gòn - Biên Hòa - Vũng Tàu, là cửa ngõ phía đông thành phố Hồ Chí Minh, có vị trí quan trọng nên trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, chiến trường Biên Hòa - Đồng Nai là nơi diễn ra cuộc đấu tranh toàn diện và liên tục giằng co, quyết liệt giữa ta và địch. Thực hiện đường lối chính trị, quân sự của Đảng, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai đã phát huy cao độ lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng







vừa chiến đấu, vừa xây dựng, phát triển lực lượng, liên tục tiến công địch, góp phần đánh bại hai tên đế quốc to là Pháp và Mỹ, tạo nên những truyền thống đấu tranh cách mạng anh dũng, kiên cường.

### **1- Kế thừa truyền thống của dân tộc, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai có tinh thần yêu nước nồng nàn.**

Chính quyền cách mạng vừa mới xây dựng chưa đầy tháng, thực dân Pháp tái chiếm Sài Gòn, Biên Hòa; quân dân Biên Hòa cùng Nam bộ bước vào giai đoạn trường kỳ kháng chiến, tập hợp đông đảo lực lượng quần chúng không chỉ có thanh niên mà còn có thiếu niên, người già, phụ nữ cùng tham gia đông đảo, tạo nên một khí thế sôi nổi sục sôi cách mạng trong các tầng lớp nhân dân cả ở thành thị, nông thôn. Lực lượng vũ trang Biên Hòa từ tầm vông giáo mác nhanh chóng trưởng thành. 3 hình thức vũ trang được xây dựng, vũ khí thô sơ nhưng tinh thần hừng hực khí thế cách mạng, tổ chức nhiều trận đánh ngăn bước tiến của giặc, tạo nên nhiều chiến công vang dội. Lực lượng cách mạng ở Biên Hòa - Đồng Nai trưởng thành vững vàng, đánh và thắng địch bằng nhiều cách: du kích, đột kích, tập kích trên khắp các chiến trường, kết hợp binh vận, diệt ác trừ gian ở cơ sở và ở ngay cả trong lòng địch; tiếp tục ghi nhiều chiến công lịch sử, như: Chiến thắng La Ngà 1948, trận tập kích đồng loạt phá 50 tháp canh của giặc năm 1950; đánh bại nhiều cuộc càn quét qui mô của địch vào chiến khu Đ; tập kích sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình; đánh địch trên sông Lòng Tàu đã góp phần quan trọng trong thắng lợi chung ở chiến trường Nam bộ.



Trải qua những gian nan, mất mát nhưng với tinh thần yêu nước quật cường và ý chí thép của những người cách mạng kiên trung, trong vòng vây đàn áp dã man của địch, cách mạng ở Biên Hòa - Đồng Nai vẫn được duy trì, thường diễn ra ở nhiều cơ sở hoạt động tốt như Nhà máy BIF, sở Trường Tiền, sở củi Trảng Bom, ga Biên Hòa. Đồn điền cao su là nơi ẩn náu và hoạt động của các chiến sĩ cách mạng. Cùng với nhân dân cả nước, quân dân Biên Hòa một lòng, một dạ đi theo cách mạng, theo mặt trận Việt Minh, theo chính phủ Việt Minh do chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo để đưa nước nhà tiến lên độc lập và tự do. Tinh thần yêu nước, yêu hòa bình, ý chí thống nhất Tổ quốc đã làm nên chiến thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử.

Ngày nay, yêu nước chính là cố gắng phấn đấu học tập, tu dưỡng, rèn luyện, lao động để làm ra ngày càng nhiều của cải vật chất cho xã hội. Thanh niên mạnh dạn xông pha nơi trận tuyến kinh tế và tri thức, cố gắng vượt qua những khó khăn thử thách để chiếm lĩnh những đỉnh cao mới với tinh thần “đừng hỏi Tổ quốc đã



làm gì cho ta”, mà nên tự hỏi “ta đã làm gì Cho Tổ quốc thân yêu”. Dân giàu thì nước mới mạnh, vì vậy mà mỗi người hãy đem hết tài năng và trí tuệ của mình để làm giàu một cách chính đáng cho bản thân và cho xã hội. Mỗi cá nhân, dù ở cương vị nào, cũng phải cố gắng hoàn thành một cách xuất sắc nhiệm vụ của mình, biết hưởng các quyền lợi nhưng đồng thời cũng phải thực hiện tốt mọi nghĩa vụ của công dân, phấn đấu góp phần đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

## 2- Trung thành với Đảng, với Tổ quốc, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai đấu tranh cách mạng đến cùng.

Ý chí bất khuất chống Pháp cứu nước của người Biên Hòa - Đồng Nai như lửa lòng ủ trấu, đến khi Đảng cộng sản ra đời, khơi dậy truyền thống yêu nước, tập hợp lực lượng, phát huy được sức mạnh tổng hợp toàn dân. Sau Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Phú Riềng ra đời vào năm 1929; sáu năm sau (năm 1935), Chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều được thành lập, khởi đầu giai đoạn yêu nước chống Pháp ở Biên Hòa - Đồng Nai đi theo con đường cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Khi có Đảng lãnh đạo, phong trào cách mạng ở Biên Hòa - Đồng Nai đi vào hoạt động tự giác, có tổ chức, hướng đến mục tiêu trước mắt và lâu dài, xác định từng bước đi thích hợp, mở đầu là cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng vào đầu năm 1930. Mặc dù bị địch phong tỏa, bóc lột gặt gao, vẫn có nhiều cuộc đấu tranh chính trị liên tục của các tầng lớp nhân dân Long Thành đòi giảm sưu thuế, đấu tranh đòi tăng lương giảm giờ làm của công nhân Nhà máy BIF thắng lợi.



Giáo dục truyền thống cho học sinh tại di tích điểm thành lập chi bộ Bình Phước Tân Triều

Tiếp tục cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ chống đế quốc Mỹ với tiềm lực quân sự mạnh hơn và thủ đoạn tinh vi hơn. Các chiến dịch tổ cộng của Mỹ - Diệm gây tổn thất nặng nề, nhiều cơ sở Đảng tan rã; nhiều cán bộ bị giết hại hoặc tù đầy. Nhưng lòng dân kiên trung và kinh nghiệm chống Pháp dày dặn đã được vận dụng khéo léo trong tình hình mới để duy trì và phát triển phong trào. Trong máu lửa, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai vẫn kiên cường chống quân xâm lược; phong trào chống Mỹ liên tục nổi lên ở nông thôn và đô thị, như phong trào công nhân của nhà máy BIF Biên Hòa và của các đồn điền: An Lộc, Ông Quế, Bình Lộc, Hàng Gòn, Suối Tre, Bình Sơn. Cuộc nổi dậy phá nhà lao Tân Hiệp là sự kiện thể hiện ý chí cách mạng mạnh hơn sắt thép, gông cùm. Đội vũ trang C.250 được thành lập ở chiến khu Đ cùng cơ sở mật Biên Hòa tập kích trụ sở MAAG, tiêu diệt 2 cố vấn quân sự Mỹ, mở đầu chiến thắng diệt Mỹ trên chiến trường Việt Nam.





Nét nổi bật và xuyên suốt là cách đánh kết hợp vũ trang và chính trị, kết hợp tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công tiêu diệt, tiêu hao rộng rãi quân địch, giành dân, giành quyền làm chủ nhằm giải quyết nhiệm vụ cơ bản của chiến trường là đánh bại âm mưu, biện pháp bình định của địch trong các giai đoạn chiến tranh. Trên cơ sở phong trào toàn dân đánh giặc, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai còn sáng tạo nhiều cách đánh địch phong phú, nổi bật là cách đánh sâu, đánh hiểm của bộ đội đặc công, biệt động, kết hợp với cơ sở mật, cơ sở nội tuyến. Trên chiến trường Biên Hòa - Đồng Nai còn nổi lên cách đánh phá thường xuyên, liên tục giao thông địch, nhất là trên các đường giao thông huyết mạch thủy, bộ. Đó là cách đánh kết hợp phong trào quần chúng phá giao thông với các trận tập kích, phục kích của cả 3 thứ quân tiêu hao, tiêu diệt các đoàn xe cơ giới, tàu chở hàng quân sự của địch, làm ngưng trệ giao thông vận tải, hạn chế sức cơ động nhanh của địch trong các trận đánh lớn, các chiến dịch.

Biên Hòa - Đồng Nai chính là một trong những cái nôi đầu tiên hình thành giai cấp công nhân, đội ngũ tiên phong có tính cách mạng cao, là địa bàn tốt cho những người yêu nước, cộng sản hoạt động ở miền Đông Nam Kỳ. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua nhiều chông gai thử thách, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân và nông dân Biên Hòa - Đồng Nai đã vùng lên đấu tranh giành thắng lợi trọn vẹn. Mặc dù khi cách mạng tháng Tám nổ ra, số lượng đảng viên ở Biên Hòa chỉ suýt soát 40 đồng chí nhưng đó là những Đảng viên trung kiên nhất với lý tưởng cộng sản vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, lặn lội trong phong trào quần chúng và được nhân dân che chở, đùm bọc. Điều đó càng cho thấy mối quan hệ khăng khít giữa tổ chức Đảng với quần chúng nhân dân, yếu tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi. Nhân dân Biên Hòa càng khẳng định được niềm tin sâu sắc vào sức mạnh chân lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc. Niềm tin đó gắn chặt nhân dân với Đảng trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược và trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.



### **3- Tin thần đoàn kết quân dân gắn bó là sợi chỉ đỏ trong phong trào cách mạng của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai**

Khi thực dân Pháp xâm lược, quân dân Biên Hòa - Đồng Nai không phân biệt tôn giáo, đảng phái, dân tộc đã kết thành một khối vững chắc đứng lên chống giặc, từng bước phát động và tổ chức một cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, vừa xây dựng, vừa chiến đấu. Trại huấn luyện Du kích Vĩnh Cửu được thành lập để huấn luyện quân sự cho các đội vũ trang, học viên ăn, ở trong nhà dân, được trang



bị những kiến thức về một quân đội nhân dân kiêu mới do Đảng ta xây dựng và lãnh đạo, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân chiến đấu. Các căn cứ kháng chiến Bình Đa, Hồ Cạn, Chiến khu Đ, Rừng Sác, Phước An dựa vào thế trận lòng đất, lòng dân vừa sản xuất vừa chiến đấu, làm cái nôi nuôi dưỡng các lực lượng cách mạng.

Kháng chiến thắng lợi bắt nguồn từ đường lối quân sự, đường lối chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lâu dài của Đảng, sự vận dụng đúng đắn sáng tạo của Đảng bộ Biên Hòa - Đồng Nai vào tình hình cụ thể của chiến trường. Đảng bộ Biên Hòa, Bà Rịa đã chủ trương kiên quyết dựa hẳn vào nhân dân, lực lượng vũ trang hình thành và phát triển từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, từng bước tổ chức và phát động toàn dân đánh giặc, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, lần lượt đánh bại mọi âm mưu, biện pháp chiến tranh của địch. Trong quá trình kháng chiến với phương châm và phương thức hoạt động khác nhau, nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương đã đánh địch trên khắp cả 3 vùng, căng kéo lực lượng địch, tạo thế để bảo vệ vùng căn cứ, giữ vững và mở rộng vùng du kích, thu hẹp vùng bị địch tạm chiếm. Lực lượng đặc công, biệt động kết hợp với cơ sở cách mạng, cơ sở mật trong lòng địch đã đánh sâu, đánh hiểm, đánh thị xã, thị trấn, kho tàng địch và đã để lại những bài học kinh nghiệm quý giá.

Lực lượng vũ trang Biên Hòa - Đồng Nai luôn luôn đoàn kết khăng khít với nhân dân; toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân; dựa vào dân, được nhân dân chăm sóc, giáo dục, phối hợp cùng nhân dân chiến đấu; hết lòng bảo vệ, quý trọng và giúp đỡ nhân dân. Truyền thống quý báu đó được hình thành ngay từ khi lực lượng vũ trang mới ra đời và phát triển không ngừng trong quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành; thể hiện tình cảm quân dân “như cá với nước”. Không chỉ chiến đấu vì dân, Lực lượng vũ trang Biên Hòa - Đồng Nai luôn biết dựa vào dân, luôn thương yêu, quý trọng, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi với nhân dân; thường xuyên chú trọng công tác tuyên truyền, vận động, giúp đỡ và bảo vệ nhân dân; tiết kiệm của cải, kết hợp với tăng gia sản xuất để giảm việc đóng góp của nhân dân. Đoàn kết quân dân là một hình ảnh đẹp, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong phong trào cách mạng đầy tự hào của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai. Giữ gìn và phát huy truyền thống quý báu ấy là để không ngừng tăng cường sức mạnh chiến đấu của Lực lượng vũ trang Biên Hòa - Đồng Nai, không ngừng nâng cao phẩm chất cách mạng của mỗi cán bộ, chiến sĩ.



**4- Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai anh dũng, kiên cường trong đấu tranh cách mạng; cần cù trong lao động sản xuất; nghĩa tình trong cuộc sống.**





Chiến đấu trên một chiến trường thường xuyên gặp khó khăn về mặt hậu cần, nhất là lương thực, các lực lượng vũ trang, các cơ quan đơn vị, các tổ chức quần chúng đã ra sức tăng gia sản xuất, đánh địch bảo vệ mùa màng, lập xưởng sửa chữa sản xuất vũ khí, lầy súng địch trang bị cho mình. Đây là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược cực kỳ quan trọng, một trong những bài học sinh động nhất về tinh thần tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính - một truyền thống quý báu của Đảng bộ và quân dân Biên Hòa - Đồng Nai. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai càng chiến đấu càng trưởng thành, vượt qua gian khổ hy sinh, làm nên những chiến công chói lọi như La Ngà, Trảng Bom, Bàu Cá góp phần xây dựng và bảo vệ Chiến khu Đ oai hùng, sản sinh ra chiến thuật đặc công, làm rạng rỡ thêm trang sử đấu tranh hào hùng của miền Nam thành đồng Tổ quốc.

Trong kháng chiến chống Mỹ, kẻ thù quyết tâm biến Biên Hòa - Đồng Nai thành hậu phương an toàn của chúng, sử dụng nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc và phương tiện chiến tranh hiện đại đánh phá ác liệt phong trào cách mạng hồng tiêu diệt và đánh bại lực lượng kháng chiến ra khỏi địa bàn. Các lực lượng vũ trang tại chỗ đã dựa hẳn vào nhân dân, cùng nhân dân kiên cường bám trụ, liên tục tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, đánh sâu, đánh hiểm vào cơ quan đầu não, hậu cứ, kho tàng của địch, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của chúng, giữ vững địa bàn, căn cứ, mở hành lang chiến lược tạo bàn đạp tiến công Sài Gòn.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân và dân Biên Hòa - Đồng Nai đã phối hợp nhịp nhàng với quân dân Sài Gòn - Gia Định, với cả miền Nam, cả nước hoàn thành nhiệm vụ giải phóng tỉnh nhà, góp phần giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc. Thấm nhuần chân lý “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, quá trình đấu tranh chống Mỹ cực kỳ gian khổ đầy hy sinh, thử thách nhưng cũng hết sức vẻ vang và đáng tự hào của quân và dân Biên Hòa - Đồng Nai. Đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư của Đảng đã nói: “Trong chống Mỹ cứu nước, trên chiến trường “miền đông gian lao mà anh dũng” Đồng Nai là một mảnh đất kiên cường mà biết bao khu rừng, ngọn lửa, khúc sông đã trở thành tên gọi của chiến công lừng lẫy”.

Chúng ta vô cùng trân trọng và tự hào về sự cống hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, đồng chí trong suốt ba mươi năm ròng rã chiến đấu ngoan cường, và đã để lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu. Trải qua những ngày kháng chiến đầy hy sinh gian khổ nhưng rất đáng tự hào, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai đã phát huy cao độ lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh cách mạng kiên cường, vừa chiến đấu





vừa xây dựng lực lượng, lập nên những chiến công xuất sắc. Sự cống hiến to lớn của các thế hệ cách mạng đi trước, sự hy sinh vô bờ bến của các Mẹ Việt Nam Anh hùng, của các thế hệ cha anh đã dâng hiến tuổi thanh xuân và cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất non sông, đem lại hòa bình, tự do, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

### **5- Nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để bảo vệ và xây dựng quê hương.**

Tinh thần chiến đấu quên mình cho độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân là biểu hiện của ý chí cách mạng tiến công cao, quyết liệt của người dân Biên Hòa - Đồng Nai để giành thắng lợi ngay cả trong những thời kỳ ác liệt nhất. Nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, người dân Biên Hòa - Đồng Nai phát huy sáng tạo vượt qua gian nguy, thoát được vòng kim kẹp, bao vây kiểm soát của kẻ thù thực hiện các nhiệm vụ trinh sát, giao liên, hậu cần để chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Chịu đựng mọi hy sinh gian khổ, khắc phục vượt qua mọi khó khăn, kiên trì bám trụ, tìm ra muôn vàn biện pháp tiến công địch. Địch bắt tù đầy, tra tấn dã man vẫn trung kiên với Đảng. Đó là những hành động dũng cảm nhưng cũng rất đổi bình thường của người dân Biên Hòa - Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Rất nhiều gương anh hùng dũng cảm hy sinh vì độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân như liệt sĩ Võ Thị Sáu, liệt sĩ Hồ Thị Hương và nhiều đồng bào, đồng chí khác.



Tuổi trẻ chúng tôi sinh ra và lớn lên khi chiến tranh đã lùi xa, đất nước đã hoàn toàn thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà. Tuy không được tận mắt chứng kiến cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta, nhưng qua những trang sử mà chúng tôi được học, qua những thước phim tài liệu, những ca khúc cách mạng, những tác phẩm văn học, nghệ thuật, những câu chuyện kể của cha anh, âm vang hào hùng về một thời chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất đổi vinh quang, luôn vang vọng trong mỗi chúng tôi. Tự đáy lòng mình, tôi và những bạn bè cùng trang lứa luôn chan chứa một niềm tự hào lớn lao, mãnh liệt về lịch sử hào hùng của dân tộc, về sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

Chúng tôi tự hào về thế hệ thanh niên thời kỳ chống Mỹ cứu nước sẵn sàng xếp bút nghiên lên đường tranh đấu, đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ điều gì Tổ Quốc cần, “nhắm thẳng quân thù mà bắn”. Chúng tôi tự hào về biết bao tấm gương anh hùng trẻ tuổi mãi mãi được lưu truyền trong sử sách, trong tâm khảm của mọi thế hệ thanh thiếu niên. Các chị, các anh đã phát cao ngọn cờ “3 sẵn sàng”, “5 xung





phong”, đem sức trẻ xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, lấy tuổi xuân và máu mình tô thắm màu cờ Tổ quốc, viết nên bản hùng ca bất diệt của tuổi trẻ, góp phần xứng đáng làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975.

Càng trân trọng và tự hào về lịch sử, chúng tôi càng ý thức sâu sắc rằng, nền độc lập, tự do, hòa bình, thống nhất mà hôm nay chúng ta có được đã phải đổi bằng xương máu, tuổi xuân, cuộc đời, hạnh phúc của biết bao lớp người đi trước. Trách nhiệm của thế hệ trẻ chúng tôi hôm nay là phải ra sức gìn giữ cho bằng được những thành quả cách mạng vĩ đại đó, mỗi thanh niên Việt Nam phải sống sao cho xứng đáng với sự hy sinh cao cả của thế hệ cha anh, xứng đáng với sự tin yêu và kỳ vọng của Đảng, Bác Hồ và của cả dân tộc Việt Nam.

Trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế tạo môi trường hết sức thuận lợi cho sự cống hiến và trưởng thành của mỗi thanh niên, đang đặt ra cho thế hệ trẻ chúng tôi cả cơ hội và thách thức khi muốn vươn lên khẳng định mình, đóng góp sức trẻ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Là những chủ nhân tương lai của đất nước, những người đảng viên, đoàn viên thanh niên thời đại Hồ Chí Minh, với quyết tâm xây dựng đất nước ta ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn, sánh vai với các cường quốc năm châu như Bác Hồ kính yêu đã căn dặn, tuổi trẻ chúng tôi xác định phải không ngừng trau dồi đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, không ngừng học tập và làm theo những lời dạy của Bác Hồ kính yêu; luôn nỗ lực học tập, nâng cao trình độ, làm chủ khoa học công nghệ tiên tiến, tự tin sánh vai cùng thanh niên các nước trên thế giới.



Xin hứa với Đảng, với Nhân dân, tuổi trẻ chúng tôi sẽ kế thừa trung thành và xứng đáng truyền thống cách mạng vẻ vang, luôn nỗ lực hết mình, đem tất cả tinh thần, trí tuệ, sức trẻ, lòng nhiệt huyết, tài năng và sự sáng tạo viết tiếp trang sử hào hùng của dân tộc, làm nên những Đại thắng mùa Xuân mới trong hành trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.



## CÂU 2:

*Hãy cho biết và nêu cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai; từ đó giới thiệu một hoạt động tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội mà anh (chị) từng biết hoặc tham gia? Để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay anh (chị) sẽ làm gì?*







## A.- NHỮNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

### I- LỄ THỨC VÀ TẬP QUÁN TRONG MỘT VÒNG ĐỜI NGƯỜI

#### 1. Việc sinh, dưỡng.

Theo quan niệm dân gian thì một vòng đời người được tính từ khi mang thai trong bụng mẹ cho đến khi chết và mãn tang. Bắt đầu là chuyện dưỡng thai, từ khi có biểu hiện mang thai, người phụ nữ có mang phải kiêng giữ ở các mặt ăn uống, cử động và giao tiếp. Về ăn uống, phải kiêng cử như không ăn cua để tránh đẻ ngang, không ăn tôm để tránh đẻ con lưng còng, ăn cá không được trở xương để bào thai khỏi động, không ăn sò, ốc, hến để con không dài nhót, không ăn trái cây sinh đôi để tránh đẻ song thai, không ăn những thứ dị hình dị dạng để con khỏi khuyết tật, tránh ăn nhiều gia vị để con cái hiền lành.

Người phụ nữ mang thai được động viên ăn nhiều muối để con cái có tình cảm mặn mà, ăn nhiều trứng để mẹ tròn con vuông. Việc cử động cũng nhiều điều kiêng giữ như: không được chửi mắng hoặc cười nói lớn tiếng; đến những nơi thờ cúng; bước qua mương hoặc nhảy qua hào; chui qua sào phơi quần áo; ngủ trưa quá buổi; đứng lâu ở ngã ba đường hoặc bến, ngã ba sông; dắt hoặc đuổi theo trâu; đi xuống ghe không được chèo hoặc ngòi mũi. Họ luôn phải có việc làm nhẹ nhàng để sinh nở được dễ dàng. Trong giao tiếp thường phải kiêng gặp người nóng nảy, nặng vía, tính khí lì lợm hoặc đã có nhiều lần sinh nở không thành. Việc sinh nở còn quan trọng hơn, do các bà mẹ chăm sóc. Mỗi làng thường có một bà mẹ lo việc sinh đẻ cho cộng đồng; bà mẹ được học tập kinh nghiệm ở các mẹ tiền bối và tự tích lũy thêm kinh nghiệm, biết đỡ đẻ, làm thuốc và cúng bái.



Sinh con đầu lòng thường ở nhà mẹ ruột, “con so nhà mẹ, con rạ nhà chồng”. Khoảng một tháng trước khi sinh, bà mẹ tiến hành lễ đầu tiên, gọi là lễ đơm lễ, bà mẹ khấn “Mười hai mẹ Bà, mười ba Đức Thầy” phù hộ độ trì cho mẹ tròn con vuông. Về mười hai Mẹ Bà, mười ba Đức Thầy, theo dân gian, mười hai Bà Mẹ được Trời giao nhiệm vụ chọn đất tinh túy nặn thành con người nên mười hai Bà Mẹ ứng với con số 12 tháng trong năm trở thành người mẹ sanh trong niềm tin của cư dân Việt. Đứng ra là “mười hai Mẹ Bà và Ba Đức Thầy”. Ba Đức Thầy là Tiên sư, Tổ sư và Thánh sư, cùng lo việc “giáo dục”.

Khi sản phụ lâm bồn, chỉ bà mẹ và người trợ giúp (thường là mẹ ruột hoặc chị em ruột) ở lại với sản phụ. Huỳnh Tịnh Của giải thích: Lâm bồn là đẻ. Người địa phương giải thích theo cách của người Hoa, sản phụ sinh con vào một cái chậu



(bồn) bằng sành hay gỗ nên gọi là lâm bồn. Cách gọi khác là vượt cạn. “Rún” được cắt bằng miếng sành hay miếng tre nửa sắc cạnh. Nhau đưa trẻ được cho vào hũ sành hoặc nồi đất đáy nắp kỹ, kín đáo chôn trong vườn nhà. Công việc này có ý nghĩa gắn con người với mảnh đất quê hương “chôn nhau cắt rún” của mình. Khoảng ba ngày sau khi sanh, bà mẹ tiến hành lễ móc miếng với mục đích làm sạch nước ối còn trong miệng đứa trẻ, bày hương hoa và khấn gọi Mẹ Bà, Đức Thầy như ở lễ đơm lè, nhưng lần này cúng trong chỗ “nằm lửa” của sản phụ.

Thời gian “nằm lửa” của phụ nữ trong buồng kín gọi là ở cũ, thường kéo dài suốt một tháng, có thể lâu hơn nếu người mẹ và đứa bé chưa đủ khỏe. Theo Trịnh Hoài Đức, tục xưa “sản phụ nằm trên giường, bên dưới để lửa than đỏ ngày đêm không dứt, lại lấy nồi lửa để chận hơi trên bụng mỗi ngày 1, 2 lần, ăn những vật cay mặn khô táo, uống nước thì tùy theo hương tục, gia tục hoặc quen dùng thuốc Nam lấy rễ cây vằm nhỏ nấu nước uống thường. Khi đầy tháng ra ngoài thì dùng củ nghệ thoa đầy mình để ngăn gió...”

Dấu hiệu của nhà có người ở cũ là đoạn củi đã tắt lửa trước cửa nhà, gọi là vỏ lửa. Vỏ lửa đầu đã cháy quay vào là sinh con trai, quay ra là sinh con gái. Tục này, Trịnh Hoài Đức giải thích: “...để làm dấu hiệu ngăn đón những người có vía không tốt: Như bị sản nạn không nuôi con được, bệnh huyết vụng (xây xẩm), bệnh nhi chảm (tục gọi là máu nhà con) và có hung tán... đều không cho vào...” Ngày đầy tháng được xem là ngày đầy cũ, không tính cũ theo vía “nam bảy nữ chín” như ở Bắc bộ mà tính sứt ngày sinh “gái sứt hai, trai sứt một”. Trong lễ đầy tháng, ông bà, người thân đến mừng cháu bằng quà tặng, lời chúc tốt đẹp. Tên khai sinh của đứa bé được chọn chính thức trong dịp này. Việc đặt tên cũng được chọn lọc, kiêng húy thánh thần, ông bà, người lớn tuổi như nhiều nơi khác. Quan trọng nhất của ngày đầy tháng là lễ cúng mẹ nhằm tạ ơn Mẹ Bà đã “nặn ra đứa bé mẹ tròn con vuông”. Lễ cúng mẹ gồm nhang, đèn, hoa, trái cây, chè xôi, bộ đồ mã (gồm: áo, quần, khăn, hài bằng giấy; bánh gói, miếng trầu tằm sẵn), mỗi vật cúng đều tròn con số 12 ứng với 12 bà mẹ, còn có thêm 3 chén chè, 3 đĩa xôi hoặc bộ ba các món khác dành cho 3 Đức Thầy.



Ngày đứa bé tròn năm, có lễ thôi nôi, Trịnh Hoài Đức gọi là lễ tôi bàn, lễ tôi tôi. Lễ thôi nôi đơn giản hơn lễ đầy tháng, cũng khấn vái ông bà, cúng mẹ bằng chè xôi. Nhà khá giả có thể có tiệc mừng: Mừng con trai hoặc mừng con đầu lòng. Khác với lễ đầy tháng, lễ thôi nôi có trò thử nghề, nói theo người Hoa là thí nghệ, tức bày ra các vật dụng: Gương, lược, kim, chỉ, đũa, muỗng... (nếu là con gái); bút, giấy, đàn, cờ... (nếu là con trai) cho trẻ tự chọn. Người ta tin rằng, món nào đứa bé chạm





đến đầu tiên sẽ ứng với nghề nghiệp thích hợp sau này. Bởi vậy, những món bày ra cho bé thường tránh: Dao, búa, gươm, giáo... để không vướng vào nghiệp binh đao.



Mâm lễ vật cúng đầy tháng

Sau ngày đầy tháng và tròn năm, việc nuôi dưỡng đứa bé nhẹ nhàng hơn nhưng vẫn phải giữ những việc kiêng kỵ và cầu cúng theo thông lệ. Ngày xưa, nhiều gia đình giữ lệ cúng mụ 3 tháng một lần cho đến khi đứa bé tròn một con giáp (12 tuổi). Trẻ từ đầy tháng đến 12 tuổi vẫn còn trong vòng bảo trợ của Mụ Bà, Đức Thầy. Ra khỏi nhà phải quét lọ trên trán trẻ để Thổ Công khỏi nhâm, không được gọi tên thật của trẻ và kiêng đặt tên đẹp vì sợ ma quỷ biết mà chọc phá; trưa đúng Ngọ không được ra nắng, không giỡn nắng; nếu trẻ khóc đêm (gọi là dạ đề) phải lấy một chiếc cọc chuồng heo hoặc chuồng gà để dưới gầm giường, cho trẻ đeo vòng bằng cây dâu tằm để ngừa ma quỷ, có khi còn thỉnh bùa ở các thầy phù thủy hoặc các đình ông đeo cho trẻ (gọi là đeo niệc) để tránh ma tà. Những gia đình sùng tín còn đi gieo quẻ, xin lá số tử vi cho trẻ và hàng năm cúng sao vào ngày ứng với sao hộ mạng của đứa bé theo số tử vi bằng lễ cúng đơn giản gồm nhang, đèn, vàng mã.

Gặp trẻ ốm yếu khó nuôi, người xưa có tục “gởi nuôi” hoặc “đem bỏ” bằng cách hẹn ngầm với người thân vào ngày giờ nhất định, người mẹ ẵm con đến “gởi” hoặc “bỏ” một nơi nào đó, người thân đến “nhận” hoặc “lượm” về nuôi. Thay đổi bảo mẫu như thế, người ta tin rằng đứa trẻ sẽ dễ nuôi hơn. Trường hợp đứa trẻ gặp biến cố đột ngột như té ngã hay sợ hãi một điều gì đó mà thần sắc thất thường, người ta cho rằng trẻ đã bị “lạc vía” hoặc “cướp vía” thì có lẽ hù vía bằng cách đem nhang đèn, một đĩa gạo muối, một trứng vịt xẻ làm 3 cúng ở đầu đường hoặc ngã ba đường khấn Thổ Công, cô hồn nhờ gọi vía về. Khi được lưỡi tầm sét của thiên lôi đánh quỷ cắm vào đất (thật ra, đó là những riu đá dễ tìm thấy ở đất Đồng Nai), người ta thường mài vào mảnh ghè bẻ cho trẻ con uống để ma quỷ phải tránh. Nếu cướp được lưỡi ông tiêu ở các lễ cúng chợ, cúng cô hồn, đem lưỡi ấy bọc vải đeo cổ cho trẻ hoặc lót trong gối ngủ, đứa trẻ sẽ gặp điều tốt lành.

Đến mười hai tuổi, tức đã vượt qua giai đoạn đầu mùa và các dịch bệnh hiểm nghèo khác, gia chủ mừng vui cúng lễ “tròn con giáp” bằng gà, vịt hay đầu heo khấn vái tạ ơn ông bà, Thổ Công, Thổ Địa, mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy đã phù hộ, độ trì cho đứa bé thật sự trở thành người. Từ đây, đứa trẻ mới được xem là “còn”, là thành viên chính thức của gia đình.

## 2. Việc hôn nhân



Quan niệm về hôn nhân không khắt khe, chỉ những nhà gia thế mới tính chuyện môn đăng hộ đối, còn lại số đông trong dân dã vốn ít phân biệt giàu - nghèo, chủ - tớ, sang - hèn, chuyện hôn nhân thường chọn lựa theo tiêu chuẩn “vừa đôi phải lứa”, không cùng trục hệ và “được tuổi”. Trường hợp chênh lệch tuổi giữa trai gái, người ta dễ dàng chấp nhận sự lệch chuẩn: “Gái hơn hai, trai hơn một”. Việc tìm hiểu giữa trai gái cũng được tự do; ít có chuyện ràng buộc phải tìm hiểu người cùng làng. Làng Việt ở Đồng Nai có cơ cấu mở, thường gồm nhiều họ, đa nguồn gốc, nhiều người làng khác đến phụ canh. Thanh niên nam nữ được dịp giao tiếp rộng cho nên việc tìm hiểu cũng trong mối quan hệ rộng và trong vòng kiểm soát nói lỏng của gia đình.



Áo dài, khăn đóng truyền thống

Trai gái tìm hiểu khi thuận lòng nhau, về thưa với ba má để gia đình nhà trai “bước tới”. Tục xưa, người Đồng Nai theo tập tục Trung Hoa, thực hiện đủ sáu lễ: Nạp thái, vấn danh, nạp kiết, nạp tỳ, thỉnh kỳ, thân nghinh. Theo thời gian, các lễ thức cưới xin phức tạp giảm dần. Theo Lương Văn Lựu, một đám cưới bình thường của cư dân Việt thường được chú trọng: Lễ hỏi, lễ biếu (xâu), lễ xuất giá (cô gái khăn cáo ông bà, cha mẹ sáng mai về nhà chồng), lễ rước dâu, lễ lại mặt. Gần đây, lễ thức còn đơn giản hơn, chủ yếu là lễ hỏi và lễ cưới. Có nơi thêm lễ thăm nhà, còn gọi là lễ chạm ngõ trước lễ hỏi. Trước ngày cưới 8 ngày, có nơi còn làm lễ khai bát nhật (lập hôn ước, khai tên tuổi, sức khỏe của trai gái), xuất hiện từ khi thực dân Pháp cầm quyền.



Lễ vật một đám cưới

Trong lễ hỏi, nhà trai chọn ngày lành tháng tốt, cậy mai dong đến nhà gái để đặt vấn đề xin cưới. Mai dong là người cao tuổi có uy tín, có duyên ăn nói trong họ, trong làng. Lễ vật ăn hỏi dạng đơn giản nhất gồm: Một đôi đèn, một cặp trà, một cặp rượu, hai quả bánh, một đôi bông tai... Tục xưa, nhất thiết phải có một búp sen to bằng giấy, hai người khiêng. Búp sen treo ở gian chính để chứng tỏ nhà đang có con gái đã đính hôn. Trường hợp hỏi hôn, đàng gái sẽ nêu lý do, trả của (lễ vật) cho đàng trai, nhất thiết là trả cho được búp sen ấy. Việc trả của sau lễ hỏi khi hôn nhân không thành, có nơi giữ tục của Trung bộ, nếu nguyên nhân từ phía đàng trai, lễ vật coi như mất, nếu nguyên nhân từ phía đàng gái, của một phải trả hai, cho nên dân gian có câu: “Trai chê vợ của đổ xuống sông, gái hỏi chồng của một đèn hai”.





Sau lễ hỏi, trai gái được xem là vợ chồng chưa cưới. Trường hợp có đại tang, việc cưới xin vẫn có thể được tiếp tục nếu đã được tang chủ cho phép xả tang ngay khi sắp cử hành lễ động quan. Hoặc sớm hơn thì có thể chuyển ngày cưới trước khi có đại tang gọi là cưới chạy tang. Lễ cưới được họ hàng, làng xóm cùng chăm lo. Trai lo việc dựng cổng, trang trí bàn ghế; gái lo việc làm bánh, bếp núc. Chăm lo phụ giúp cho lễ cưới là niềm vui và trách nhiệm của cộng đồng. Đôi vợ chồng mới cưới được chăm lo cảm thấy hạnh diện, ấm cúng và có trách nhiệm với nhau hơn trong cuộc sống.

Đàng trai đến nhà gái được tiếp đón bằng tràng pháo giòn giã và có người đón tận ngõ, khi vào nhà có người “rước dù”, “rước quả”. Nhà gái đã bố trí sẵn, thành phần chính gồm: Ông (bà) mai, cha mẹ, đại diện họ hàng được mời vào nơi bàn chính đối diện với bàn thờ tổ tiên. Đàng trai được ngồi vào vị trí, đầu hiệu là chiếc bình bông trên bàn thờ. Bình bông thường đặt theo hướng “đông bình, tây quả”. Đông theo cách của thợ mộc là hướng của cây đòn dông trên nóc nhà, tức bên trái, hay nói cách khác: “Nam tả nữ hữu”. Lễ vật bày ra, ông (bà) mai tuyên bố lý do, nêu lễ vật. Lời nói khéo léo thường dẫn dắt lễ vật đi liền với ý nghĩa luân lý, mỹ tục. Nhà gái nhận lễ (có lại quả như ở lễ hỏi). Chủ gia thắp ba cây nhang khấn vái ông bà báo việc hôm nay gả con gái lấy chồng. Cô dâu được mời ra trong trang phục cổ truyền có dâu phụ đi kèm. Lễ lên đèn được thực hiện trang trọng; ông (hoặc bà) mai cầm đôi đèn từ lễ vật của nhà trai đốt cho cháy cùng một lúc, khấn vái:



*Thần dâng chứng giám / Thọ lưỡng tánh nhứt gia*

*Ông tu la, bà tu tiên / Ông tu hiền, bà tu đức*

*Ông giúp sức, bà giúp công / Ông Tư hồng, bà Nguyệt lão*

*Xe dây cầm sắt, kết chặt vợ chồng / Sống bách niên giai lão.*

Rồi, mỗi tay cầm một cây đèn cùng chuyển cho đại diện nhà trai, nhà gái; tay trái chuyển cho nhà trai, tay phải chuyển cho nhà gái. Đèn được trịnh trọng thay vào chân đèn ở bàn thờ tổ tiên. Hai họ nhìn vào đôi đèn ấy mà đoán định hạnh phúc của cô dâu chú rể: Đèn cháy thẳng ngọn, cùng sáng như nhau thì hòa hợp, bình đẳng; ngọn bên nào cháy nhiều hơn thì bên đó sẽ lấn lướt. Bởi vậy, việc chọn đèn, lên đèn trong đám cưới được thực hiện rất cẩn trọng. Đến khi đoàn đưa dâu ra khỏi nhà, ông mai luôn là người đi ra sau cùng để tự tay tắt đôi đèn bằng cách bóp bằng hai ngón tay hoặc chụp tắt bằng hai đồng xu sao cho sự tắt cũng cùng lúc như sự cháy.



Đoàn người rước dâu gồm đại diện họ hàng, cơ cấu cũng đi lễ về chẵn. Người mẹ không đưa dâu, thường cài vào áo cưới của con gái một chiếc kim băng hoặc một cái lông nhím hay móc tai, gọi là để trừ tà, nhưng lời dặn thực là để sử dụng trong lúc bất trắc đêm tân hôn. Về nhà trai, lễ thức cũng khấn vái ông bà, lễ ra mắt họ hàng đơn giản như ở nhà gái. Xong lễ là nhập tiệc. Trong tiệc, kiêng việc đồ vỡ; nên người địa phương có câu:

*Ai làm chén bể cơm rơi / Dĩa nghiêng cá đồ rã rời đôi ta.*



Ba ngày sau, cô dâu chú rể mang một mâm trà rượu, một cặp vịt sống về lại nhà gái cảm ơn ba má và làm lễ lạy ông Táo gọi là phản bái hoặc là lễ lại mặt. Ngày xưa, trong lễ phản bái, chú rể thường mang về nhà vợ một cái đầu heo cúng ông bà, nếu đầu heo đã bị cắt mất tai (một hoặc hai) thì đó là dấu hiệu chú rể muốn bảo rằng: Cô dâu không còn trinh trắng trước khi động phòng. Đó cũng là nỗi sỉ nhục của gia đình nhà gái, tục này vắng bóng đã lâu.

### 3. Việc tang chế

Vì quan niệm chết là điều ắt phải đến và luôn được cộng đồng chăm sóc chu đáo cho nên đa phần cư dân Việt chấp nhận chết một cách thanh thản, nhiều khi có sự chuẩn bị trước. Chỗ “yên nghỉ” chọn sẵn, có khi xây mộ trước gọi là kim tỉnh; hòm được đóng gỗ tốt dành sẵn gọi là cỗ sạ. Nếu không phải là chết đột ngột, dù đang ở đâu, vì lí do gì, cái chết được mong muốn luôn là cái chết ở quê nhà. Khi gia đình có người vừa trút hơi thở cuối cùng, việc đầu tiên là phải “hú vía”, đến khi không còn hi vọng, mới tắm rửa cho người chết gọi là “mộc dục”. Sau đó, người chết được đặt trong bồng hoặc nhà dưới, bỏ vào miệng ba hạt gạo (có nơi bỏ thêm một đồng tiền xu) gọi là “phạn hàm”, rồi đắp mặt, đốt nhang trên đầu nằm. Trường hợp chết bệnh, thường đặt trên bụng một nải chuối sứ gọi là để hút tà khí.

Khi báo tang xong, gia chủ nhờ người coi tuổi, coi ngày giờ để phân xếp việc tang lễ. Giờ tắm liệm được chọn là giờ tốt, có tính đến thời gian hội đủ mặt người thân thích. Trước khi chưa tắm liệm, chó, mèo trong nhà được nhốt lại, có người luôn canh xác để không con vật gì có thể vượt ngang qua. Tục này gắn với hàng loạt truyện quỷ nhập tràng lưu truyền ở địa phương. Những gương kiếng, tranh tượng phật trong nhà phải che (dán) lại bằng vải (giấy) đỏ có dấu vôi trắng, nhiều nơi còn quay mặt tượng Phật về bên phải.

Giờ tắm liệm, hội đủ mặt những người thân không kị tuổi. Xác được liệm bằng vải trắng dài 3 mét bó theo cách một dọc năm ngang (đại liệm) hoặc ba ngang (tiểu liệm). Hòm được chọn theo hạng nhất, hạng nhì, hạng ba tùy theo chất





lượng gỗ. Tốt nhất là chiếc hòm bằng gỗ trai rất nặng hoặc gỗ hương thơm lừng. Nắp hòm bằng một nửa thân cây đặc ruột mặt hình bán nguyệt vừa khít với thân hòm bằng ba mảnh ván. Như thế hài hòa với sự vuông tròn của trời đất. Hòm được đặt giữa nhà (nếu nhà có người cao niên hơn còn sống thì chiếc hòm đặt lệch sang một bên để tỏ ý khiêm nhường), kê quay đầu ra ngoài với ý nghĩa luôn nhớ về nhà, phân biệt với cách của người Hoa: quay đầu vào trong để một đi không trở lại.

Lễ thành phục được xem là lễ chính thức của việc tang. Tang chủ thường thỉnh thầy chùa hành lễ, trước năm 1945 còn có thầy pháp cũng tham gia cúng lễ tang. Trong lễ thành phục, người thân quì trước quan tài nghe thầy cúng đọc kinh và phát khăn tang. Theo Lương Văn Lựu, việc để tang rất khuôn phép; đồ tang may sẵn bằng vải trắng, không nhất thiết phải xô gai như trước kia, nhưng phải phù hợp với đối tượng. Con trưởng nam mặc áo trăm thôi may lộn mí ra ngoài, lưng áo có miếng vải thêm gọi là phụ phiến với ý nghĩa công thêm sự đau xót, lưng thắt 2 vòng dây rơm hoặc dây chuối, mũ vành bằng bẹ chuối, đi dép rơm. Những người con khác mặc áo vải trắng rộng có thích vai (hai miếng vải dính ở hai vai), bịt khăn trắng bỏ mỗi ra sau ót, con gái thì mũ nhọn bằng vải thô thòng xuống che mặt. Con rể và các cháu trai mặc áo trắng, đội mũ mấn; những người thân khác quần khăn trắng. Nếu người mẹ chết trước thì đồ tang mẹ được may vén lại hết thảy. Gậy tang có độ dài đến ngang tim nhằm nâng đỡ trái tim đau, đầu trên để tròn, đầu chạm đất gọt vuông cho ứng với trời tròn, đất vuông. Gậy tang cha bằng tre mang ý nghĩa cương trực, gậy tang mẹ bằng gỗ vông để khắc sâu ân đức.



Sau lễ thành phục là lễ phúng điếu của họ hàng, xóm làng. Sui gia phúng viếng với cung cách và lễ vật long trọng: khăn đóng, áo dài, mâm trầu rượu, trái cây, cặp đèn trắng, ba cây nhang đại, thường có thêm 1 bức trướng. Các tổ chức hội làng cũng cử đại diện đến viếng. Theo cách xưa, nam lạy kiểu “hung phục”; nữ lạy kiểu ngòai bệt; đủ lễ là 4 lạy, giữa hai lạy có xá hai xá và cuối cùng xá ba xá. Người nhà lạy trả hai lạy sau. Khi tiến hành lễ phúng viếng ở nhà, thanh niên trong làng đã chuẩn bị đào huyết hoặc sữa kim tinh; đại diện tang chủ cúng Thổ Địa bằng một đĩa tam sên: trứng, cua, thịt luộc với rượu trắng và nhang đèn. Thông



thường, nơi yên nghỉ đã được chọn trước trong vườn nhà để quần tụ với ông bà, người nghèo thì có thể táng ở thổ mộ (công thổ) hoặc đất chùa.

Đến ngày giờ tốt đã định, bắt đầu lễ động quan. Việc động quan do đạo tì đảm nhiệm. Đạo tì gồm những thanh niên, trai tráng trong làng mặc đồng phục thao tác theo lệnh của người chỉ huy. Trong làng Việt xưa cũng như nay, thường có tổ chức lo việc tang của cộng đồng trên nguyên tắc tự nguyện, làm việc nghĩa, tùy theo đáp ơn hảo tâm của tang gia. Làng Bến Gỗ còn giữ được tập tục xưa, người ta tham gia vào hội chơi hội, có đóng góp tự nguyện. Hội tang có trách nhiệm giúp đỡ tang gia những khâu khó khăn: tắm liệm, tổ chức tiếp khách, đào huyệt và quan trọng nhất là đạo tì tham gia an táng. Hình thức này được cải biến thành hội bảo thọ ngày nay ở nông thôn. Nếu người chết thuộc diện ông - bà, cha - mẹ, chồng - vợ của người có tham gia hội đình, miếu thì các hội đình, miếu đưa trống đến cử lễ và bô lão hội ấy thực hiện nghi thức Bái quan hầu khi động quan. Số lượng trống chiêng của đình miếu và lượt bái quan hầu cử lễ tùy theo số hội mà người chết có thân nhân tham gia, càng nhiều càng danh dự cho gia đình.

Khiêng quan tài động quan là cả một nghệ thuật. Gia chủ thường để trên quan tài một ly rượu đầy đặt trên tờ giấy bạc với dụng ý là khiêng cho thăng bằng sẽ được thưởng. Thủ thuật của những người chỉ huy có kinh nghiệm là lót dưới ly rượu một tờ giấy vàng bạc để thấm rượu tràn ly hoặc nhanh tay nhỏ vào ly rượu một giọt sáp đèn cầy. Gặp những quan tài bằng gỗ trai quá nặng, đặt sát nền gạch thử thách đạo tì; đạo tì khéo léo chêm vào đáy quan tài những đồng bạc trắng, khoảng ba đồng bạc trắng chòng lên là đủ lòn ngón tay nhắc được quan tài.



Đạo tì di quan trong đám tang NS Thanh Hoàng

Quan tài vừa chuyên động, người nhà đập tan siêu hoặc niêu đất cho tiếng kêu to để đánh thức và xua ma quỷ. Thay vì đập siêu, niêu, người Hoa đốt pháo. Đúng theo lối xưa, trước khi vào khiêng quan tài, người chỉ huy cầm đuốc múa lửa ngoài sân, đạo tì ngậm tăm múa theo. Người xưa giải thích tục này nhằm diễn lại tích Chàng Lúa hiếu thảo (nhân vật cổ tích ở Bình Định) về cướp quan tài mẹ đưa lên núi chôn để báo hiếu. Tại một số nơi hiện còn tục cướp quan tài gắn với hò đưa linh và tục nằm đường trả hiếu. Đám tang giàu có theo lối xưa, còn có tục đánh động phá quàng diễn tích thầy trò Tam Tạng mở đường đi thỉnh kinh ở chùa, cầu siêu hoặc mở đường đưa vong hồn người chết về Tây phương cực lạc. Có gia đình còn tổ chức hát tuồng trước khi hạ huyệt.

Lễ mở cửa mả được thực hiện trong buổi sáng ngày thứ ba tính từ ngày an táng. Tang gia mặc tang phục, mang lễ vật đến bày cúng nơi mộ, mời thầy cúng





hành lễ. Lễ vật gồm: 3 ống tre đựng gạo, nước, muối bịt đầu bằng vải trắng cắm trước mộ, đó là thức ăn, món uống của người chết. Một cái thang bằng tàu chuối (nam 9 nấc, nữ 7 nấc) đặt trước mộ để vong linh người chết leo lên “cõi trời”. Một con gà con được cột chân vào ngọn cây mía. Khi hành lễ, thầy cúng cầm mõ đi đầu vừa đi vừa tụng kinh, một người trong nhà cầm cây mía kéo con gà đi theo thầy cúng ba vòng. Về chuyện con gà và cây mía, chưa tìm được lời giải thích thỏa đáng. Theo Trịnh Hoài Đức, tục cúng tổ tiên cây mía có đủ cả gốc ngọn là để làm gậy chống đi khi già yếu.

Nếu gia đình sùng đạo Phật, sau lễ mở cửa mả là các lễ cúng thất, còn gọi là làm tuần, mỗi thất cách nhau 7 ngày. Lễ cúng tại nhà hoặc tại chùa. Đến thất thứ 7 (chung thất), có thể mở đàn chay theo lễ thức của Phật giáo. Những nhà khá giả còn lập đàn chay ứng phú, một loại nghi lễ của Phật giáo múa hát dâng lễ rất nghệ thuật. Sau lễ chung thất, gia chủ vẫn phải cúng cơm ngày hai bữa cho đến lễ 100 ngày, gọi là lễ tốt khóc; đúng một năm sau cúng giỗ đầu gọi là tiểu tường; lần giỗ thứ hai gọi là đại tường, còn gọi là lễ xả tang, vì trong ngày này, đồ tang được đem đốt, có khi còn đốt với đồ mã. Sau lễ đại tường, coi như là xong việc tang, từ đó người nhà cúng giỗ hàng năm. Tại Đồng Nai xưa, không có tục cải táng. Gần đây, do đất đai khó khăn, nhiều biến động; lại do điều kiện làm ăn xa; nhiều người bốc mộ, hỏa táng, cho di cốt vào hủ sành đặt nắp kín gói ở chùa với ý nghĩ rằng vong linh người chết sẽ nương cửa Phật, được ổn định, được nhang khói ngày đêm.

## II- TỤC THỜ CÚNG TRONG NHÀ

### 1. Thờ cúng ông bà, tổ tiên

Căn nhà dù nhỏ vẫn dành nơi trang trọng nhất (gian chính) thờ ông bà. Theo Lương Văn Lựu, trước đây người địa phương thờ 3,4 đời; đến đời thứ 5 trở lên nếu có thần chủ phải đem chôn gọi là “Ngũ đại mai thần chủ” (năm đời thì chôn thần chủ). Ông bà từ đời thứ tư trở lên được thờ chung, phối hưởng ở bàn thờ chính trong nhà hoặc bàn thờ họ ở nhà từ đường.



Ở Đồng Nai, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, ít thấy có nhà thờ họ riêng biệt; phổ biến là bàn thờ họ trong nhà từ đường do con trai lớn hoặc con trai út dòng trưởng đảm nhiệm, nếu không con trai thì con gái thực hiện. Những hộ không phải là nhà từ đường cũng thường có bàn thờ ông bà (thờ vọng) ở giữa gian chính. Bàn thờ cha mẹ bên trái, thờ ông bà nội (ngoại) bên phải. Những người khuất mặt khác như anh, chị, em, con được thờ một góc trong nhà. Người mới chết (dù là cha mẹ, ông bà) được thờ riêng cho đến khi xả tang mới được thỉnh lư hương, di ảnh, vào bàn thờ chung.



Cách bày trí bàn thờ không khác mấy so với phong tục phổ biến, ngày càng có phần đơn giản hơn nhưng không kém vẻ trang nghiêm. Bàn thờ họ thường có hai lớp: Lớp trong là bàn gỗ để bày đồ cúng, lớp ngoài là tủ thờ để bày đồ thờ gồm: cặp chân đèn tượng trưng cho nhật nguyệt quang minh; bát nhang, khay trầu rượu tượng trưng cho sự vuông tròn của trời đất. Lư hương tròn như là thái cực; “bình bông” ở bên trái và “chò quả tử” ở bên phải (đông bình tây quả), một giá gương ghi họ hoặc một chữ nho biểu niệm như: Phước, Thọ, Khang, Đức... Những nhà khá giả bày đồ thờ bằng đồng theo bộ tam sự 3 món: chân đèn, lư hương, bình bông; ngũ sự 5 món gồm tam sự có thêm cặp hạc - rùa và hộp trầu; thất sự 7 món gồm ngũ sự có thêm hai món khác. Tủ thờ, vật thờ bằng gỗ, thường được chạm khắc xà cừ tinh xảo, đồ đồng luôn giữ bóng, đồ gốm sứ càng cổ càng quý giá. Nhà khá giả của cư dân Việt xưa thường có hoành phi treo cao ở giữa nhà với các đại tự (chữ nho) ý nghĩa thâm thúy. Hoành phi, liễn đối trong nhà cư dân Việt không phải chỉ để trang trí mà trong đó kết tinh tinh thần, ý chí, truyền thống của ông bà để lại được con cháu trân trọng giữ gìn và lấy đó làm nền tảng cho sinh hoạt gia đình.



Cúng giỗ gắn với thờ phụng, việc thờ càng trang nghiêm, việc cúng càng trang trọng. Hai hình thức cúng chủ yếu: cúng hàng ngày và cúng giỗ. Hàng ngày, con cháu thay nước cúng, đốt nhang, lên đèn, xá trước bàn thờ ông bà. Mỗi khi đi xa về hoặc chuẩn bị làm việc hệ trọng, người Đồng Nai cũng có thói quen đốt nhang khấn cáo ông bà. Việc cúng giỗ không khác so với miền Bắc, miền Trung.

Lòng thành với cha mẹ, ông bà như nhau, lễ thức cũng giống nhau. Cúng giỗ cha mẹ được chuẩn bị kỹ hơn cúng giỗ ông bà. Giỗ ở nhà từ đường long trọng hơn ở tại gia. Cũng như phong tục phổ biến, sau ngày chết: 49 ngày cúng thất, 100 ngày cúng tiểu tường, 12 tháng cúng giáp năm, 24 tháng cúng đại tường, 27 tháng cúng xả tang; năm thứ ba trở đi gọi là giỗ thường niên, cúng trước ngày giỗ chính gọi là cúng tiên thường (thường là cúng chay), ngày giỗ chính cúng mặn.

Việc thờ đến 3, 4 đời nhưng cúng giỗ có thể cúng đến đời thứ 5, thứ 7 nếu con cháu còn nhớ ngày chính xác. Ngoài cúng giỗ ông bà, cha mẹ, gia đình cư dân Việt ở Đồng Nai còn cúng giỗ những người khuất mặt khác như: anh, chị, chồng (vợ), cô, dì, chú, bác, ông bà, cha mẹ vợ... nếu không có người trực hệ phụng thờ. Thậm chí, cúng giỗ cả người hàng xóm đơn độc hoặc sui gia, ngày giỗ được tính theo âm lịch. Trong ngày giỗ, nhất là giỗ ông bà nội ngoại; cha mẹ, anh em, con cháu họp mặt, góp công sức chung lo bữa giỗ. Đây là dịp họp gia đình, nhắc nhở người chết và trao đổi việc nhà việc họ. Người trong họ không đến dự được có thể gửi đồ cúng đến cúng gọi là gửi giỗ. Cũng có thể cúng tại gia cùng lúc với giỗ





chính ở từ đường gọi là cúng vọng. Đồ cúng tùy theo phong tục của gia đình, thường đủ các món: kho, xào, nướng, canh, rau, bánh, trái cây, giải khát. Thường chuẩn bị ít nhất là 3 mâm cúng: một mâm cúng bày ở bàn thờ người được cúng, một mâm bày ở bàn giữa nhà cho các vị phối hưởng, một mâm đất đai âm trách cho những người khuất mặt hữu danh vô vị, hữu vị vô danh.

Trong nhiều thức cúng, một số gia đình còn giữ tục “luôn phải cúng một món gì đó” gắn với sở thích hoặc đặc điểm của ông bà, gọi là cúng lễ. Có gia đình cúng khoai mì, rau chày, cháo cá ầm, ốc luộc... vì các món này vốn được ông bà ưa thích hoặc nhờ nó mà vượt khó khăn. Nhiều khi qua món cúng lễ mà họ hàng nhận ra nhau. Cách dọn mâm, khăn mời, dự tiệc giỗ đều thể hiện không khí chung vui, hòa hợp, bình đẳng, có tính nhân bản mang phong cách cởi mở, phóng khoáng của Nam bộ. Thờ cúng ông bà trong gia đình là truyền thống đẹp của cư dân Việt được thể hiện thống nhất trong cả nước. Cư dân Việt ở Đồng Nai lưu truyền, gìn giữ tục thờ cúng ông bà như gia bảo, có khuynh hướng đơn sơ, giản tiện hơn nhưng vẫn giữ được ý nghĩa của nó là lòng tôn kính, biết ơn, kế thừa công đức tổ tiên; và sự cảm hóa giáo dục con cháu “uống nước nhớ nguồn”, “ăn trái nhớ người trồng cây”. Tục thờ cúng ông bà đã kết dính các lớp cư dân Việt ở Đồng Nai với nhau: lớp trước lớp sau, vùng này vùng khác, làng này làng nọ, tôn giáo này tôn giáo kia... đều coi việc thờ cúng ông bà là phận sự hiển nhiên.

## 2. Thờ cúng thần độ mạng

Trong gia đình cư dân Việt ở Đồng Nai, ngoài việc thờ cúng ông bà để nhớ nguồn cội, còn thờ thần độ mạng để được phù trợ, che chở. Thần độ mạng cho đàn ông phổ biến là Quan Công, độ mạng cho đàn bà phổ biến là các mẫu còn gọi là mẹ sanh, mẹ độ. Quan công là tên gọi dân gian của Quan Vân Trường, nhân vật lịch sử đời Tam Quốc, còn được gọi là Quan Thánh Đế quân, Quan Vũ, Xích Đế. Có lẽ tục thờ Quan Công đến Đồng Nai theo con đường nhập cư của lớp người Hoa đến sớm, nó nhanh chóng được Việt hóa và hiện trở thành phổ biến, khó phân định nguồn gốc Hoa, Việt. Những nhà còn thờ theo lối xưa có khám thờ ở phía sau bên trên bàn thờ họ, giữa là Quan Công, bên trái là Định Phúc Táo quân, bên phải là mẫu. Những nhà không có khám thờ thường lập trang thờ Quan Công treo cao bên trái trong gian chính.

Tục xưa thường thờ bằng một bức dán giấy đỏ đề chữ nho “Quan Thánh Đế quân”, gần đây, phổ biến loại tranh thờ vẽ trên gương gồm hai loại: tranh ba ông (Quan Công mặc giáp phục ngồi giữa hổ trưởng một tay vuốt râu đôi khi vẽ thêm tay phải cầm Kinh Xuân Thu, sau lưng có Quan Bình giữ ấn và Châu Thương cầm thanh long đao đứng hầu), Tranh năm ông (như tranh 3 ông, phía sau có thêm





Trương Tiên cầm cung và Xương Thiên Quân cầm giản đứng hầu) còn gọi là tranh thờ ngũ công vương Phật. Vía ông ngày 24 tháng 6 âm lịch, cúng đơn giản bằng nhang, đèn, hoa, trái; có thể cúng mặn hoặc cúng chay, kiêng cúng thịt gà và hoa mồng (mào) gà; cũng kiêng ăn thịt trâu, thịt chó. Tục thờ Quan Công độ mạng không phải là biểu hiện của sự sùng bái cá nhân mà là “biểu tượng của tinh thần trọng nhân nghĩa, trung tín, hoạn nạn có nhau, bần cùng không biến tâm, giàu sang không đổi chí trong mọi hoàn cảnh vẫn một dạ chẳng hai lòng”.

Trang thờ Bà thường bằng gỗ như một khám nhỏ treo cao ở bên phải gian chính, có khi Bà được thờ chung cùng Quan Công và Thích Ca hoặc Táo quân trong khám ở sau bàn thờ giữa. Trang thờ Bà được bài trí giản đơn gồm 1 bức tranh tượng (hoặc giấy hồng đơn đề tên Bà), bình bông, nhang, đèn, nước trong. Cúng Bà cũng rất đơn giản: nhang, đèn, nước trong, bánh, trái cây. Bà cũng được mời phôi hưởng trong các lễ cúng giỗ, nhưng không bày đồ mặn. Bà độ mạng được gọi nôm na là mẹ sanh, mẹ độ; đó là các nữ thần quen thuộc trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Nam bộ; tùy theo hăng tâm của người phụ nữ mà chọn nữ thần độ mạng cho mình. Các Bà độ mạng được thờ trong gia đình gồm một trong số: Mẹ Thai Sanh, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương; Chúa Xứ nương nương, Linh Sơn Thánh mẫu; Thiên Hậu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Địa mẫu, Quan Âm Bồ tát... Do các mẹ sanh mẹ độ đa dạng cho nên ngày cúng, ngày vía cũng không thống nhất, tùy theo từng gia đình, thông thường là các ngày rằm hoặc ngày cuối tháng âm lịch hoặc ngày vía. Tranh tượng thờ Bà cũng vậy. Trước đây, thường thờ bằng tờ hồng đơn ghi tên Bà, hiện nay đang phổ biến tranh thờ Bà trong khuôn gỗ lồng kiếng. Tục thờ Bà độ mạng phản ánh tín ngưỡng thờ nữ thần của Nam bộ; trong đó đan xen, tích hợp nhiều lớp văn hóa, có sự dung hợp các nữ thần gốc Hoa, gốc Chăm, Việt trong niềm tin rộng mở của người địa phương.



Tượng bà Thiên Hậu

### 3. Thờ cúng các thần bản gia.

Thần bản gia được hiểu là các vị thần bảo hộ cho gia đình trong một phạm vi đất đai giới hạn và trách nhiệm khá rõ ràng.

Ông Địa - Thổ Công: một dạng thần Đất (tức Thổ Công), thường được thờ ở khám thờ dưới đất phía bên trái bàn thờ chính, vật thờ gồm nhang, đèn, nước, và cốt tượng với nét mặt vui tính, bụng phệ, vú to thể hiện sự sung mãn, tính nữ. Đó là biểu tượng của sự thịnh vượng và sinh sản. Theo quan niệm dân gian, Ông Địa là người mau mắn sẵn lòng giúp đỡ mọi người không nề hà việc hèn mọn hay cao cả,





không cần phải khẩn vái, cầu xin, chỉ cần một lời nhờ, gọi thông thường là đủ. Bởi vậy, Ông Địa được nhờ giúp cả việc đỡ đần. Các bà mụ gặp trường hợp dễ khó thường nói: “đề mau, mau mau Ông Địa”. Ông Địa giúp cả việc dẫn vía trẻ nhỏ, chứng thực lễ thôi nôi, đầy tháng, tá thổ; mỗi khi cần tìm vật gì người ta thường vái “ông bà, Ông Địa”. Ông Địa hòa nhập với mọi giới nông dân, thợ thủ công, thương nhân; được thờ cúng rộng rãi trong nhà, thờ cả trên ghe xuồng, trong chòi rẫy.



Ngày vía của Ông Địa chưa được giải thích đầy đủ, cư dân Việt ở Đồng Nai giữ lệ cúng Ông Địa vào ngày mùng mười của 5 tháng đầu năm từ tháng giêng đến tháng năm âm lịch. Những ngày này Ông Địa - Thổ Công - Thần Tài được cúng hoa, chuối, chè xôi và các thứ bánh ngọt khác. Người ta kiêng cúng Ông Địa bằng chè hoặc bánh tét có đậu đen vì có chuyện kể rằng có kẻ trộm giống đậu đen đem về trồng quanh miếu Ông Địa, khi bị phát hiện hấn đổ oan cho Ông Địa. Ông Địa bị tội oan, từ đó rất ghét đậu đen. Theo Huỳnh Ngọc Trảng, lệ cúng Ông Địa ngày mùng 10 âm lịch có lẽ xuất phát từ quan niệm cổ truyền “ngày mùng chín sinh trời, ngày mùng mười sinh đất”. Ông Địa là thần Đất nên được cúng trong ngày vía đất.

Thần Tài: Thường được thờ chung một khám thờ với Ông Địa hình thành một bộ Ông Địa - Thần Tài. Ông Địa bảo hộ về đất đai, Thần Tài bảo hộ việc sinh lợi. Tài Bạch tinh quân của người Hoa là một ông sao thừa mệnh trời coi việc ban bố tiền bạc cho nhân gian, vía cúng ngày 22 tháng 7 âm lịch, có dạng hình là một vị



tinh quân mặc quan phục tay cầm phát trần, tay kia cầm một thoi vàng hay thoi bạc, hình dạng là một ông già sắc phục trắng, mi mày đều trắng. Thần Tài của cư dân Việt thường được thờ trong hình dạng một ông già áo đỏ, mày trắng, râu trắng, với hai dạng cốt tượng phổ biến: ngồi trong tư thế thông dong, hoặc đứng một tay xách râu tiền điều hay bó lúa.

Táo quân: Là vị thần bảo trợ việc bếp núc, có danh hiệu là Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân, Định phúc Táo quân, còn được gọi là Ông Đầu Rau hoặc Vua Bếp, có chuyện kể về Vua Bếp giải thích hiện tượng hai ông một bà; ba người vẫn là một, được thờ ở kệ thờ (hoặc khánh) trong bếp hoặc ở gian chính thờ ở bếp gọi là Táo Bếp, thuần gốc dân dã. Táo thờ ở gian chính gọi là Táo Phật. Người xưa quan niệm chỉ có Táo Phật mới về trời trong ngày 23 tháng chạp, nên có câu :





*Hăm ba Táo Phật về trời / Táo Bếp ở lại đội nồi cả năm*

Canh ba, giờ Tý ngày 23 tháng chạp, ông Táo được đưa về trời “cờ bay ngựa chạy”. Tục xưa còn có đốt vàng mã gồm mũ cánh chuồn, áo dài đen và đôi hia để ông Táo có lễ phục châu trời. Đặc biệt là không có quần dài bởi Táo quân mặc quần lửng theo kiểu của người Nam bộ. Lễ cúng tiễn Táo quân có nhang đèn, xôi, chè, trái cây và không thể thiếu đĩa mứt thèo lèo. Lời khấn tiễn Táo quân giản dị ngụ ý mong Táo quân về Trời báo cáo việc nhà trong năm qua và xin Trời gia ân cho năm mới làm ăn khấm khá, gia đình thịnh vượng. 23 tháng chạp tiễn đi, 30 đón về cùng với ông bà dự Tết. Táo Phật được tiễn đi nhưng Táo Bếp vẫn gắn với “lửa củi” hàng ngày. Cư dân Việt ở Đồng Nai có tục, sau khi đưa ông Táo về trời, trong ngày 23 tháng chạp, lật ông đầu rau giữa đục lỗ rồi gánh cả ba đem đổ ở góc cây to trong vườn, thay vào đó là 3 ông đầu rau khác. Khi bếp lò được dùng phổ biến, việc thay bếp lò cũng được thực hiện như thay ông đầu rau.



Táo quân không có cốt tượng để thờ, chỉ thờ bằng bức dán giấy hồng đơn có ghi chữ nho “Định phúc Táo quân”, hàng năm tờ giấy được thay mới trước khi đón Táo về ăn Tết cùng ông bà. Táo quân được cúng nhang, đèn, hoa, trái, nước trong vào những ngày rằm, ba mươi, mùng một hàng tháng; còn được mời phối hưởng trong các bữa giỗ.

Ngũ phương Ngũ thổ long thần: Thường thể hiện trong khánh thờ dưới đất có bài vị ghi chữ nho: Ngũ phương Ngũ thổ long thần, Tiên hậu địa chủ tài thần, nhiều khi còn có cốt tượng Ông Địa - Thần Tài. Cứ theo câu chữ mà xét thì bài vị nêu trên thờ hơn một chục vị thần, gồm:

\* Ngũ phương thần: Đó là 5 vị thần trấn ở 5 phương (Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung ương) còn gọi là Thanh đế, Xích đế, Hắc đế, Bạch đế, Hoàng đế, có quan niệm cho đó là Ngũ hổ.

\* Ngũ thổ long thần: 5 vị: Thổ Công (thần Long mạch đất nhà, đình, chùa, miếu), Thổ Chủ (chủ khuôn viên đất đang ở, có người cho là chủ Ngung Man Nương), Thổ Phủ (bảo hộ đất chợ), Thổ Kỳ (bảo hộ mạch đất nói chung, thường thờ ở dưới bàn thiên trước nhà), Thổ Địa (bảo hộ cư dân cư trú trên một khu đất nhất định).

\* Tiên địa chủ : 1 vị, vị thần chủ đất cũ.

\* Hậu địa chủ : 1 vị, vị thần chủ đất mới.

\* Tài thần : 1 vị, vị thần bảo trợ về tiền của.







Thực ra, đây là hiện tượng “thu gọn bài vị” trong xu hướng giản lược sự thờ tự đa thần xuất hiện từ thế kỷ XX.

Bàn trời: Là hình thức thờ cúng phổ biến, được dựng ở sân nhà, bằng cây hoặc xây gạch cao ngang tầm người, không có mái che, thường gồm 2 tầng: tầng trên thờ Thiên Hoàng, tầng dưới thờ Thổ Kỳ; đó là một kiểu thờ cân đối hài hòa trời - đất, trong - ngoài, trên - dưới của người địa phương. Có người lại giải thích đó là tàn tích “cây vũ trụ” của người bản địa nhằm nối liền cõi người với cõi trời.



Bàn thiên ở ngoài trời

#### 4. Thờ cúng khác

Ngoài ra, một số gia đình ở Biên Hòa - Đồng Nai còn thờ những đối tượng khác. Thờ Tổ nghiệp còn gọi là thờ Tiên sư, Thánh sư, Nghệ sư những người thầy đã truyền nghề cho đời sau. Tổ nghề thuốc, nghề gốm, nghề đúc đồng còn được nhiều gia đình thờ nhưng lai lịch thường không rõ ràng. Những gia đình sùng đạo có trang thờ các vị thần có nguồn gốc từ tôn giáo hợp với lòng tin của gia đình. Gia đình Công giáo đương nhiên có tượng thờ chúa Jésu và mẹ Maria trong nhà, ngoài ra còn có tượng ảnh thờ Thánh bồng mạng của gia chủ. Các gia đình theo đạo Phật hoặc không tôn giáo cũng thường có ảnh tượng Phật, phổ biến là Quan Âm Bồ tát. Người Biên Hòa - Đồng Nai, Việt cũng như Hoa có những phương thuật để trấn giữ cửa nhà: Một tấm gương vẽ hình bát quái hoặc gương trong trước cửa ngụ ý ma quỷ trông thấy phải sợ mà không vào, treo tượng ảnh ông Tử vi, để ngăn chặn tà ma thâm nhập, dán ở cửa mảnh bùa Bát quái và ảnh thần HỔ cũng để ngăn trừ ma quỷ... Tấm bùa bát quái vẽ “Tứ tung ngũ hoành” có ảnh thần HỔ được thay mới hàng năm vào ngày mùng 3 Tết.



Việc thờ cúng trong nhà đã trở thành thông tục của người Biên Hòa - Đồng Nai. Người ta nghĩ rằng mái nhà không chỉ để ở mà còn là nơi con người giao hòa với ông bà, tổ tiên, trời đất, thánh thần; nơi ấy con người được che chở, bảo vệ được truyền thừa sức mạnh và ân đức của lớp người trước để lại cho lớp người sau. Và cũng ở nơi ấy con người có bổn phận phải tri ân các bậc ông bà, thánh thần và sửa mình sống sao cho xứng đáng. Bởi vậy, việc thờ cúng trong nhà được xem trọng như việc tạo ra căn nhà.

### III- CÁC LỄ TIẾT CỦA GIA ĐÌNH TRONG NĂM.

#### 1. Tết.





Tết là lễ tiết quan trọng trong năm của cư dân Việt đánh dấu một điều gì đó hệ trọng trong đời sống tinh thần của công chúng. Người Biên Hòa - Đồng Nai lưu tâm đến các Tết phổ biến: Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Ngọ và Tết Trung thu.

**1.1- Tết Nguyên Đán:** là lễ tiết quan trọng nhất trong năm, là ngày hội bắt đầu năm mới. Không khí Tết được khởi đầu từ ngày 23 tháng chạp, tức là ngày đưa ông Táo về trời. Sau ngày đưa ông Táo là ngày chạp mả. Chạp mả là việc thăm, sửa sang phần mộ của ông bà, tổ tiên. Ngày cụ thể tùy theo sự ấn định của từng họ, từng gia đình, thường là trong tháng chạp, trước ngày 25. Đến ngày quy định



Hàn thờ gia tiên ngày tết

của gia đình, người trong họ, trong nhà hội về; đàn ông lo việc làm cỏ, sửa sang phần mộ, đàn bà lo việc bếp núc. Trong tục chạp mả, có một quy ước truyền đời: khi làm cỏ, sửa sang xong một cái mả, người ta đánh dấu bằng một cục đá (hoặc hòn đất), đặt lên tờ giấy vàng bạc ở năm mả để biết mả đã có chủ. Sau ngày 25, nếu thấy ở khu vực ấy còn mả chưa đánh dấu, tức mả vô chủ thì người ta huy động người trong nhà đến đốt nhang, làm cỏ, cốt không để một mả nào “hoang vắng, lạnh lùng” trong những ngày Tết. Ngày 25 tháng chạp, dân làng thường dọn một bữa cúng đạm bạc gọi là tiễn ông bà, thần thánh đi thăm viếng họ hàng, người thân đầu đó, ấy cũng là ngày quan chức trong làng khép ấn, thợ thầy được nghỉ việc.

Những ngày cuối tháng chạp là những ngày bận rộn: Hàng quán sửa soạn để vào phiên chợ Tết (28 đến 30 tháng chạp), thanh toán các khoản nợ nần, làm nốt các công việc đang dở dang, gửi quà biếu Tết đến thầy học, sui gia, họ hàng thân thuộc. Ngày 30 tháng chạp, mọi nhà đều soạn lễ cúng đón ông bà. Việc chung cúng ở bàn thờ luôn thể hiện sự tươi mới, lâu bền, sung túc cho nên, hoa: thường có hoa mai (may mắn), vạn thọ (sống lâu); trái: thường có mâm ngũ quả gồm sung (sung túc), dưa (vừa), đu đủ (đủ) xoài (tiêu xài), mãng cầu (thỏa mãn điều cầu mong)... Dưa hầu được chọn chung phải là dưa ruột đỏ thắm. Nếu ngày Tết dưa không đỏ gia đình sẽ kém may mắn, cho nên các phiên chợ Tết thường có tục “bói dưa”. Đặc biệt, trên bàn thờ ông bà, thường có một gói đường phôi, đường phèn, bánh tỗ, bánh nỏ đặt trên trái dưa có dán giấy đỏ. Tục này có lẽ để tưởng nhớ xứ sở Trung bộ.

Lễ cúng đón ông bà thịnh soạn như một bữa giỗ. Tục xưa, còn có gia đình gánh thức cúng (bánh trái, giấy vàng bạc) cúng đón ông bà tận ngõ. Trong ngày 30 (nếu tháng thiếu thì ngày 29), mọi nhà ở trước cửa lớn đều dựng một cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ đựng trầu, cau, vôi; ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là “lên nêu”. Cây nêu được dựng như thế cho đến mùng 7 thì hạ. Việc đòi nợ để sau ngày hạ nêu.





Lễ giao thừa có ý nghĩa thiêng liêng nhất trong các ngày Tết. Đó là lễ “tổng cự nghênh tân” đúng vào lúc năm cũ bước qua năm mới. Người miền Bắc và người Hoa gọi là lễ Trừ tịch, người Đồng Nai gọi nô nà là lễ đón giao thừa. Đúng vào phút giao thừa, con vật nào lên tiếng trước người ta tin rằng tính khí của con vật ấy chi phối cả năm mới. Lễ giao thừa, gia chủ lên đèn sáng trong sáng ngoài, mở toang các cửa lớn nhỏ, đốt nhang khấn cúng; vãn cúng ngắn gọn, nêu rõ năm tháng họ tên gia chủ, kể tên các phẩm vật cúng, khấn các vị hành binh hành khiển mới và các vị Thổ Địa, Táo quân, Thần độ mạng, ông bà phù hộ cho toàn gia năm mới tăng phúc, tăng thọ, an khang thịnh vượng. Cư dân Việt tin rằng mỗi năm có một vị hành binh, hành khiển và 1 vị phán quan coi việc nhân gian, hết năm thì thần nọ bàn giao cho thần kia. Cho nên, người ta cúng Tết để tiễn ông cũ và đón ông mới.



Ngày mồng một thực sự là ngày của năm mới. Trẻ con mặc đồ mới, mừng tuổi người lớn, được lì xì tiền lẻ trong bao đỏ. Phải là tiền lẻ để có thể sinh sôi thành chẵn. Tục xông đất cũng được thực hiện như phong tục phổ biến. Người nào vía tốt đi xông đất người khác được mừng đón. Người nào tự thấy mình xui xẻo, nhiều rủi ro hoặc không hợp thì tránh xông nhà người khác. Từ mồng một đến



mồng ba, người ta kiêng đổ rác, không dùng giếng nước, mạch nước, không động đất trong vườn, không nghỉ qua đêm ở nhà người khác. Người xưa giữ lễ nghĩa: “Mồng một Tết nhà, mồng hai Tết (nhà) vợ, mồng ba Tết thầy”. Từ khi rước ông bà cho đến hết ngày mồng ba, mỗi ngày dọn mâm cúng ông bà hai lần, phụng sự chu tất như lúc ông bà còn sống.

Mồng ba (có nhà cúng mồng bốn) là ngày Tết vườn, Tết chuồng. Các loại cây cối, chuồng heo chuồng gà, chuồng bò đều được dán vàng bạc hoặc giấy đỏ. Gia chủ soạn một mâm cỗ gồm gà trống luộc để nguyên con, bánh tét, hoa, trái cây, rượu, khấn cúng Thổ Công, Thổ Kỳ, Thổ Địa, Thổ Chủ phù hộ cho vườn đất, gia cầm, gia súc được sung mãn, sinh sôi nảy nở ra tiền của. Con trâu là đầu cơ nghiệp nên được chăm sóc kỹ nhất. Trâu được cỏ mới, được ăn một lát bánh tét; trâu đực được uống một chén rượu, trâu cái được uống trà; sừng được dán vàng bạc; trẻ chăn trâu được chú lì xì nhiều tiền và bộ quần áo mới. Tết là ngày vui chơi, nhất là đối với thanh niên, trẻ em. Các trò chơi gồm: đốt pháo (nay không còn), đánh đu tiên,



đá gà, múa lân, lắc bầu cua, xuất hành, hái lộc... Đó là những trò vui vẻ được người Đồng Nai ưa thích nhất.

Ngày mồng bốn cúng đưa ông bà. Lễ vật cúng như lúc đón. Theo tục cổ, người phụ nữ gánh thức cúng và vàng mã đưa ông bà đến ngõ, có khi đến tận mả, cúng và “hoá vàng” ở đây. Một số gia đình cúng ông bà bằng cháo cá ám, dạng cháo nấu bằng cá lóc để nguyên vẩy để tưởng nhớ thuở khai sơ của gia đình. Mồng bảy có lễ hạ nêu. Vì sao hạ nêu vào ngày mồng 7, người địa phương không giải thích được, cứ theo tục cổ truyền và xem đó là dấu hiệu chấm dứt Tết Nguyên Đán. Lễ hạ nêu đơn giản, lễ vật như cúng giỗ. Sau hạ nêu, mọi người bắt đầu công việc năm mới của mình, người làm nghề nông thì “động cuốc cày”, thợ rừng thì khai sơn, học trò thì khai bút, thương nhân thì đi buôn lấy ngày.



Tục hoá vàng của cư dân Việt

**1.2- Tết giữa năm:** Ngày mồng 5 tháng 5 cũng được xem là một ngày Tết, người Đồng Nai gọi là Tết giữa năm, nhiều người gọi là Tết Đoan Ngọ. Ở Đồng Nai, ý nghĩa của ngày Tết giữa năm được xác định, đây là thời điểm xong mùa cấy, vào mùa hoa trái, cây cối vạn vật đều chuyển mình trong mùa mưa, côn trùng sinh sôi nảy nở gây nhiều bệnh cho cây, cho người. Vào ngày này, người địa phương tổ chức ngày Tết mừng đón mùa vụ mới đồng thời cầu cúng mong cho mưa thuận gió hòa, tránh được bệnh tật. Bởi vậy, sinh hoạt trong Tết Đoan Ngọ xoay quanh hai ý nghĩa quan trọng: đón mùa vụ và phòng chống bệnh.

Ngày Tết giữa năm, ở Đồng Nai hoa trái sớm đã có, đang độ tươi ngon nhất trong năm. Người địa phương chọn hoa trái đầu mùa chung cúng ông bà gồm những: bưởi, chuối, sầu riêng, dâu, măng cụt, mít tố nữ. Ngày mồng 5 tháng 5, có thể cúng chay hoặc cúng mặn. Ngày này, người ta thường cúng vịt vì theo quan niệm dân gian, vịt gắn liền với sự sinh sản. Nhiều gia đình lại cúng món cháo cá ám như ngày Tết. Ngày Tết giữa năm có nhiều tục lạ, cốt là để thúc giục cây trái đâm hoa kết quả và ngăn ngừa bệnh tật. Đáng chú ý là tục “khảo cây”;



Mâm cỗ cúng tết Đoan ngo

này gia chủ đem rựa ra dứ dứ đòi chặt, hoặc giả chặt một vài nhát để người vợ trong nhà chạy ra van xin, như thế năm sau cây sẽ ra quả. Tết giữa năm thực là ngày Tết giao mùa, ở đó con người cùng vạn vật sửa mình để bước vào cuộc vận hành của mùa mưa giàu sản vật nhưng cũng đầy chướng khí.





**1.3- Tết Trung thu:** theo tên gọi là ngày Tết giữa mùa thu lúc trăng sáng nhất (rằm) và trong năm (ngày của sao Thái âm). Nhiều người giải thích nguồn gốc của Tết Trung thu bằng tích truyện vua Duệ Tôn dời Đường đi chơi ở cung trăng; các tục thi, rước đèn, cỗ bánh, trông trăng đều do đây mà ra. Ở Đồng Nai Tết Trung thu thực là ngày Tết của trẻ con. Phổ biến là trò rước đèn, rước cỗ bánh theo lối của người Hoa. Người lớn chuẩn bị cỗ bánh trung thu và lồng đèn bày sẵn để trẻ con rong rần đến rước, vừa đi vừa hát các bài đồng dao vui vẻ. Có nơi, trẻ con trong xóm họp thành đám, tổ chức múa lân, cũng có Ông Địa dẫn đường, cũng nhảy múa diễn trò như lân của người lớn. Mặc dù mang hình thức của người Hoa, nhưng cốt lõi của Tết Trung thu vẫn lấp lánh ý nghĩa lễ tiết cổ truyền của cư dân Việt cổ. Trong tâm thức dân gian, rằm tháng tám là tháng của cốm mới, của lúa mùa động sữa, của sự non tơ chớm trưởng thành ở vạn vật ứng với lứa tuổi nhi đồng của xã hội loài người. Chăm sóc trẻ con là lễ thức mừng đón, cầu mong sự trưởng thành đang trong dạng mới kết tinh. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, có thể nhận ra ý nghĩa cốt lõi ấy qua các tục cúng cơm rượu, làm mạch nha, cúng lúa trổ đòng đòng.



Tổ chức Trung thu cho các cháu thiếu nhi

## 2. Những ngày rằm

Ngoài rằm tháng tám là Tết Trung thu, có ba ngày rằm quan trọng được người Biên Hòa - Đồng Nai thực hiện lễ thức cầu cúng đặc biệt; đó là rằm tháng giêng, rằm tháng bảy, rằm tháng mười. Rằm tháng giêng là ngày rằm đầu tiên của các ngày rằm trong năm, dân gian tin là ngày Phật giáng nên tổ chức lễ trọng, lễ hội ở chùa và lễ cúng ở gia đình; “lễ Phật quanh năm không bằng rằm tháng giêng”. Cũng có cách giải thích rằm tháng giêng theo sách vở của người Hoa nên còn gọi rằm tháng giêng là Tết Thượng Nguyên, Tết Trạng Nguyên, Tết Nguyên Tiêu nhưng dân gian Đồng Nai thiên về ngày lễ đậm tính dân gian của Phật giáo.

Rằm tháng bảy là rằm “xá tội vong nhân” gắn với tích truyện Mục Kiền Liên và Lễ Vu lan của Phật giáo. Dân gian tin rằng, ngày này vong nhân ở địa ngục được



Lễ Vu lan năm 2018

xá tội, các gia đình ở dương thế làm cỗ bàn cúng ông bà, thể hiện sự tha thứ, xóa tội đối với mọi lỗi lầm ở cõi âm cũng như cõi dương. Rằm tháng mười nhằm vào lúc mùa vụ “cơm mới,” các đình làng chuẩn bị cúng Kỳ yên. Rằm tháng mười ở Nam bộ nói chung ở Đồng Nai nói riêng có ý nghĩa như Tết cơm mới của một số vùng thuộc đồng bằng Bắc bộ, nhưng nghi thức theo Phật giáo, lễ cúng như rằm



tháng giêng, rằm tháng bảy.

Vào những ngày rằm tháng giêng, tháng bảy, tháng mười, các chùa mở hội lễ Phật, cúng cầu siêu, có thể có chay đàn ứng phú. Ngoài việc dự lễ chùa, người địa phương còn có lễ cúng tại gia, cúng Phật, vào ngày 15 bằng lễ chay và cúng thí cô hồn vào ngày 16 bằng lễ mặn. Đáng chú ý là lễ cúng thí. Lễ cúng thí nhằm cầu siêu và thí của cho thập loại cô hồn mang ý nghĩa nhân văn. Lễ cúng thí luôn có món bánh cúng, bánh cấp. Với tục cầu siêu, cúng thí; các lễ cúng rằm của cư dân Việt ở Đồng Nai thể hiện lòng nhân đạo qua nghĩa cử “chăm lo cho người khác” mang đậm sắc thái dân tộc và màu sắc Phật giáo. Chính vì vậy nó được phổ biến và có sức sống lâu dài

### 3. Những ngày vía

Ngoài những ngày Tết, ngày rằm, người Biên Hòa - Đồng Nai còn có những lễ thức cúng vía vào những ngày vía trọng trong năm. Người địa phương quan niệm rằng thế giới con người chịu sự chi phối của “thế giới hữu linh”. Các thần thánh, và hiện tượng thuộc thế giới hữu linh đều có những ngày quan trọng (thăng hoặc giáng, tàng hoặc ẩn), đó là ngày vía, cần có lễ cúng để tưởng niệm. Ngoài các ngày vía gắn với việc thờ cúng các vị thần bản gia, trong chu kỳ một năm, cư dân Việt ở Đồng Nai thường có các lễ cúng vía vào các ngày tháng nhất định.

\*Mùng 8 tháng giêng cúng sao hội. Mỗi người đều có sao ứng mạng theo tử vi và có lễ cúng sao giải hạn theo ngày tháng khác nhau; ngày 8 tháng giêng là ngày cúng sao hội (ngày hội cúng sao) chung cho mọi người; có thể cúng ở chùa, thường thì người địa phương dự cúng ở chùa lần tổ chức lễ cúng tại gia. Cúng sao hội vào ban đêm, bày đồ cúng ngoài sân, lễ vật gồm nhang, đèn, hoa, trái, bánh, nước trong, xôi, chè... có thể cúng mặn bằng bộ tam sên (gồm cua, trứng, thịt luộc). Không thể thiếu 28 ngọn đèn cầy thấp sáng tượng trưng cho nhị thập bát tú. Lời khấn cúng có nội dung mời gọi các vị Kim tinh (sao trời) phối hưởng, và độ mạng cho con người được mạnh khỏe, bình yên, phát đạt trong năm.

\*Cúng vía Trời, vía Đất: Trời đất sinh vạn vật, nhưng chính trời đất cũng được sản sinh. Theo quan niệm cổ truyền thì Ngày mùng chín sinh ra Trời; Ngày mùng mười sinh ra Đất. Có lẽ từ đó mà dân gian có tục “mùng chín vía Trời, mùng mười vía Đất”. Ngày mùng chín người địa phương sắm lễ cúng chính ở bàn trời (bàn thiên) nhằm cúng Thiên Hoàng. Ngày mùng mười, cúng lễ như hôm trước cúng vía Đất ở bàn thờ Thổ Kỳ, Thổ Công, Thổ Địa. Lễ cúng vía Đất được giữ lệ vào mỗi ngày mùng mười mỗi tháng từ tháng giêng cho đến tháng năm (âm lịch). Lễ vật có gì cúng nấy, tùy tâm gia chủ, gọn nhất có nhang, đèn, hoa, trái, nước trong; sang nhất có thêm xôi, chè, gà, vịt, đầu heo...

\*Vía Ngâu: ngày 7 tháng 7 gắn với tích truyện Ngưu Lang - Chức Nữ. Những ngày này ở Đồng Nai thường mưa dầm kéo dài 5 đến 7 ngày, sau đó là hạn







bà Chấn, thời điểm để dọn đất chuyên vụ rẫy. Vía Ngâu được cúng như một lễ nhỏ cầu thời tiết thuận lợi cho mùa màng; lễ cúng đơn sơ, cách cúng cũng như những ngày vía khác.

\*Vía Bà: không nhằm vào một ngày nhất định, mỗi nhà cúng vía bà vào ngày vía ứng với nữ thần độ mạng trong nhà. Vía các bà như sau :

- Linh sơn Thánh mẫu: rằm tháng giêng.
- Quan Âm Bồ tát: ngày 19 tháng 2 và 19 tháng 6 âm lịch.
- Bà Chúa Xứ: 24 tháng 4 âm lịch.
- Năm bà Ngũ Hành: mồng 5 tháng 5 âm lịch.
- Cửu Thiên Huyền Nữ: mồng 9 tháng 9 âm lịch. Ngày vía Cửu Thiên Huyền Nữ còn là ngày Tết Trùng cửu của người Hoa.

\*Cúng Tá thổ: Còn gọi là cúng mượn đất, một tục cổ khá phổ biến ở Trung bộ và Nam bộ. Người Khánh Hòa gọi là cúng Khảo thổ hay Mãi thổ, từ Phú Yên trở vào gọi là Tá thổ. Trong quá trình khai hoang lập làng hình thành xứ Đàng Trong, cư dân Việt bắt gặp vùng đất nào cũng có dấu vết của người bản xứ, từ đó hình thành suy nghĩ vùng đất mình đang khai phá, đang ở vốn đã có chủ, cần có sự “thỏa thuận” với chủ cũ để cho việc làm ăn mới thuận lợi, đỡ bị “phá phách”. Ngày cúng Tá thổ không xác định cụ thể, tùy theo từng gia đình, thường trong tháng ba lúc bắt đầu mùa mưa, sắp động đất để vào vụ gieo trồng. Lễ vật cúng Tá thổ bày dưới đất, gồm heo hoặc là heo thu gọn còn thủ vĩ (đầu heo, móng và đuôi), chè, cháo, bánh ít, mắm nêm - rau luộc, có 5 hình nhân bằng giấy, ngực quét vôi trắng được phân trần giữ 5 phương. Cuộc cúng do thầy pháp điều khiển, có đồng bóng tham gia.

#### **IV- TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI.**

Con người gắn bó với gia đình, gia đình không thể tách rời cộng đồng xã hội. Cư dân Việt ở Đồng Nai do “tứ chiếng” hợp lại, gặp cảnh “xứ sở lạ lùng”, “chim kêu vượn hú” càng có nhu cầu hợp quần, nương tựa, tương trợ nhau trong đời sống; từ đó hình thành tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội; phổ biến là những sinh hoạt xoay quanh cái đình, cái miếu.

##### **1. Đình và lễ hội cúng đình.**

Do đặc điểm hình thành cộng đồng cư dân, đình thần ở Đồng Nai ra đời muộn, tuổi đời còn ngắn, không có lai lịch giàu thần tích như đình ở miền Bắc, miền Trung. Nhưng so với vùng đồng bằng Nam bộ, đình ở Đồng Nai thuộc dạng đình hình sớm. Gọi là hình thành sớm ở đất Nam bộ nhưng đình thần ở Đồng Nai không phải bắt nguồn đình trạm như xứ Bắc, cũng không phải được tái hiện theo “nguyên mẫu” được mang theo trong hành trang di cư. Có lẽ, ý niệm về “cái đình” ở cổ hương chưa được hiện thực hóa ngay khi lập làng, lập ấp ở Đồng Nai,





mà bắt đầu từ cái miếu, phù hợp với qui mô của làng và tài lực của người thời khai phá. Bằng chứng rất rõ là cho đến nay, dân gian vẫn chưa thuận miệng với tên gọi “đình”, thậm chí biến đình mới trùng tu vẫn còn giữ nguyên Hán tự là “cổ miếu”, như: Bình Xương cổ miếu, Cẩm Vinh cổ miếu, Vĩnh Thị cổ miếu. Gia Định Thành thông chí của Trịnh Hoài Đức kể rõ các di tích ở trấn Biên Hòa nhưng vẫn không thấy nêu tên một đình nào. Các bô lão địa phương cho biết từ lúc triều đình Huế yêu cầu kê khai thần tích đình làng để xin sắc phong thì tên gọi “đình” mới xuất hiện trong văn tự rồi quen dần trong khẩu ngữ. Như vậy, trong thực tế, người địa phương phân biệt đình, đền, miếu chưa rạch ròi; về nguyên sơ của cái đình còn rõ nét.



Đình Phước Thiên, huyện Nhơn Trạch

Quá trình lập làng ở Đồng Nai với mô hình “thôn - ấp” là chủ yếu, làng ban đầu rất nhỏ nhưng phát triển rất nhanh, phân lập không chừng, tổ chức hành chính nhiều biến đổi, do đó “thân phận” của cái đình cũng thăng trầm, phân bố không đều, làng cũ đình miếu dày đặc, làng mới thưa thớt. Theo khảo sát của Chi hội Văn nghệ dân gian Đồng Nai năm 1997, toàn tỉnh có 141 đình, riêng thành phố Biên Hòa có 34 đình ở 26 phường xã, nhưng các huyện Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán lưa thưa vài đình nhỏ. Có xã hơn 10 cái đình (xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu: 12 đình; xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa: 11 đình), có nơi hai ba xã chung một cái đình.

Hầu hết đình làng ở Đồng Nai đã qua nhiều lần trùng tu. Thuở khai sơ, do không chế của triều đình nên nhà cửa, nơi thờ phượng của dân Nam bộ có giàu lắm cũng không được lợp ngói; bởi vậy, đình miếu thầy đều quy mô nhỏ, lợp lá, trường hợp lợp ngói âm dương rất hiếm. Từ thế kỷ 19, đình miếu được phép trùng tu, mở rộng quy mô. Những đình còn giữ được kiến trúc cổ nhất như đình Phú Mỹ (Phú Hội), đình An Hòa (Bến Gỗ) cũng từ giai đoạn này. Đình, miếu, chợ, chùa là trung tâm văn hóa của người địa phương cho nên thường được xây dựng gần nhau ở khu đông dân cư, nơi cao ráo, có phong cảnh đẹp, có chòm cổ thụ vừa mát vừa oai linh. Phần lớn đình cổ gần sông và quay hướng ra sông, đình trẻ hơn lập ở gần lộ và quay hướng ra lộ; hướng đình không lệ thuộc theo hướng Nam và kiêng hướng Bắc.

Kiến trúc đình ở Đồng Nai thường theo kiểu nhà rường tứ trụ bằng vật liệu tốt khai thác từ địa phương và bàn tay thợ đá, thợ gỗ, thợ gốm của Biên Hòa xưa, tạo cho đình vẻ đẹp mang sắc thái địa phương. Đình Tân Lâm, đình An Hòa ở Biên Hòa; đình Phú Mỹ ở Nhơn Trạch được xem là những đình sắc nét của Đồng Nai. Việc bố trí trong đình cũng như các đình khác ở Nam bộ, chánh điện có khám thờ Thành Hoàng bốn cảnh, hai bên là Tả ban, Hữu ban; phía trước là hai dãy các bàn thờ các chư vị phối tự như: Bạch mã Thái giám, Nhạc sư, Tiên sư. Trước mặt bàn





thờ Thành Hoàng là bàn La liệt để bày lễ vật cúng; tiếp đó là bàn Hội đồng. Tiếp theo bàn Hội đồng là bàn Chánh bái, hai bên bàn Chánh bái là Tả hữu bồi tế. Đối diện với chánh điện là Võ ca có mái che nổi hoặc không nổi với gian chính; nếu không Võ ca thì cũng là khoảng sân rộng để có thể dựng rạp hát. Bên trái, bên phải mặt trước đình thường có bàn thờ thần Nông, thần Hồ, Rái Cá... Nhà hậu (sau đình) có gian thờ: Tiên sư, Tiên hiền, Hậu hiền, Tiên đại hương chức, Hậu đại hương chức... Liên mái với nhà hậu là nhà khói dùng làm nơi nấu nướng chuẩn bị cỗ cúng. Bố cục trong đình cơ bản là giống nhau nhưng tùy theo các đối tượng thờ cúng trong đình mà các bàn cúng thờ vị này hay vị kia.

Khi triều Nguyễn sắc phong Thành Hoàng để kéo đình làng vào hệ chính thống thì đình ở Đồng Nai trở thành cơ sở nằm giữa hai thiết chế: chính thống và dân gian, nhưng nghiêng về phần tín ngưỡng dân gian hơn. Một mặt, về hình thức, đình ở Đồng Nai tuân thủ những chuẩn mực nghiêm ngặt theo điển lệ, mặt khác về mục đích tín ngưỡng nó mở rộng các sinh hoạt dân gian, thể hiện tính đa chức năng: vừa là trụ sở của Thành Hoàng và nhiều vị thần khác, vừa là công sở hành chánh của làng, đồng thời là nhà hát, tụ điểm văn hóa của địa phương. Sinh hoạt đình dung nạp cả hệ thống thần linh của ba miền; của Phật giáo, người Hoa, người bản địa; dung nạp cả các hoạt động văn hóa thể thao từ múa lân, cờ người, võ thuật đến xây chầu, đại bội, hát bội, hát bóng rỗi; thậm chí cả ca nhạc tài tử. Nhiều đình ở Đồng Nai xưa gần như mở cửa quanh năm, có đình không cần đến cửa.



Đình Tân Lan, thành phố Biên Hòa

Cũng như đặc điểm chung của Nam bộ, đình ở Biên Hòa - Đồng Nai “thờ hàng chục, có khi đến ba bốn chục vị thần, gồm có Thành Hoàng, Phúc Thần, Thần linh và những danh nhân sanh tiền có công xây dựng, kiến thiết địa phương... rất phức tạp”. Việc kê danh sách cho đầy đủ các vị thần đã được thờ trong đình ở Đồng Nai đã khó, việc phân loại càng khó. Huỳnh Ngọc Trảng và các đồng tác giả xét về nguồn gốc, tạm thời chia các vị thần ở thần điện Nam bộ làm hai nhóm:

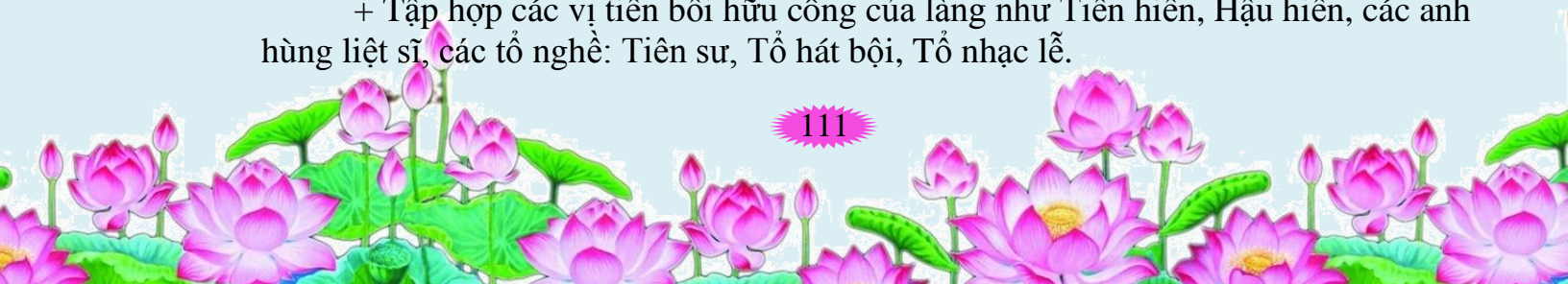
+ Nhóm 1: Thành Hoàng và Phúc thần do những người đi khai hoang đem từ quê hương cũ vào thờ.

+ Nhóm 2: Những vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian.

Xét về cơ cấu, lại chia thành ba nhóm khác:

+ Tập hợp các thần linh thuộc đối tượng tín ngưỡng chính thống của đình.

+ Tập hợp các vị tiên bồi hữu công của làng như Tiên hiền, Hậu hiền, các anh hùng liệt sĩ, các tổ nghề: Tiên sư, Tổ hát bội, Tổ nhạc lễ.





+ Tập hợp các vị thần thuộc tín ngưỡng dân gian truyền thống

Cũng có thể phân loại bằng cách dựa theo hệ thống các vị được thờ hiển thị (có bàn thờ tại đình) và các vị chỉ được gọi mời trong văn cúng. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, bài trí thờ trong đình thường đơn giản hơn, có khánh, bàn, miếu thờ khoảng 10 đến 13 vị, nhưng văn cúng còn gọi mời nhiều vị khác như đình Cẩm Vinh chẳng hạn, mời gọi hơn 20 danh thần.

Đáng lưu ý ở Đồng Nai là tục thờ vọng Quốc tổ và các anh hùng dân tộc. Cư dân Việt tuy xa quê hương nhưng không rời cội nguồn, tâm thức luôn hướng về Quốc tổ. Đình, đền, Quốc tổ ra đời tuy muộn nhưng sớm trở thành trung tâm văn hóa ở địa phương thu hút niềm tin của các lớp người. Đền Hùng Vương ở Biên Hòa (xây dựng năm 1960), trong điện thờ tượng Hùng Vương thứ 18, có bàn thờ Bác Hồ như vị Hùng Vương thứ 19. Ngày lễ hội 10/3 âm lịch rất đông người trong và ngoài tỉnh đến dự tưởng niệm. Trước bàn thờ Quốc tổ Hùng Vương có đủ thành phần già trẻ, gái trai, giáo dân, phật tử, cán bộ cách mạng. Đây là biểu hiện vừa cổ truyền vừa hiện đại của truyền thống đại đoàn kết toàn dân và nghĩa đồng bào ở người Việt Nam. Đền thờ Hùng Vương ở Tân Phú, Long Khánh cũng có ý nghĩa tương tự. Lạc Long Quân - Âu Cơ cũng được thờ như Quốc tổ ở nhiều nơi, cách thờ cúng đơn giản nhưng đầy ý nghĩa; điện thờ ở Dầu Giây, huyện Thống Nhất thờ 100 chiếc đĩa và văn cúng bằng thơ song thất lục bát có ý nghĩa như một lời tự giáo huấn.

Các anh hùng dân tộc: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Tri Phương; các danh nhân có công với vùng đất Đồng Nai: Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Thượng Xuyên, Võ Tánh, Nguyễn Huỳnh Đức, Chu Văn Tiếp và những nghĩa sĩ chống Pháp: Trương Định, Nguyễn Đức Ứng, Đoàn Văn Cự cũng được phụng thờ như Thành Hoàng của làng. Tục thờ Bác Hồ ở đình cũng là biểu hiện đáng chú ý. Tượng ảnh Bác thường được thờ ở bàn Hội đồng hay vị trí của Tiên sư ở hậu điện, hoặc lập bàn thờ Bác ở chính điện mỗi khi tiến hành cúng Kỳ yên. Đình Phú Mỹ (xã Phú Hội) đã ngâm thờ Bác Hồ bằng 3 bức hoành phi (chữ Hán) qua mắt được kẻ địch:



*Hồ nhiên nhi thiên / Chí vọng thâm ân / Minh hoài hậu đức*

Lễ hội cúng đình thể hiện phần hồn của đình. Ở Nam bộ phần lễ trội hơn phần hội. Do phối tự thờ nhiều vị thần trong đình, cho nên lịch lễ dày đặc lễ cúng quanh năm, có thể chia thành hai loại: tạp tế và cúng kỳ yên. Tạp tế là các lễ nhỏ vào các lễ tiết và ngày vía thánh thần trong năm, cúng chứ không tế, và không mở hội, thường là do các hương chức, hội tề hoặc Ban tề tự dâng cúng lễ vật rất đơn





giản và lời khẩn ngắn gọn, không cần nghi thức và bài bản quy định. Lịch của các lễ tạp tế như sau :

<b>Ngày tháng</b>	<b>Tên lễ</b>	<b>Nội dung</b>
25 tháng chạp	Sấp ấn, đưa thần	Niêm ấn, nghỉ việc làm, đưa thần về trời
30 tháng chạp	Rước thần	Đón thần về ăn Tết
1 - 3 Tết	Lễ Nguyên Đán	Tết thần, Lễ xuân
7 tháng giêng	Khai sơn, giờ ấn	Hạ nêu, mở ấn cúng Sơn thần, Hồ thần, động thổ.
15 tháng giêng	Rằm tháng giêng	Vía Thiên quan đại đế
15 tháng bảy	Rằm tháng bảy	Vía Địa quan đại đế
15 tháng mười	Rằm tháng mười	Vía Thủy quan đại đế
Ngày lập xuân	Lập xuân	(Tứ thời tiết lập)
Ngày lập hạ	Lập hạ	
Ngày lập thu	Lập thu	
Ngày lập đông	Lập đông	
5 tháng 5	Tết giữa năm	Tết giữa năm
15 tháng tám	Trung thu	Tết trẻ em
9 tháng chín	Trùng cửu	Đình người Hoa cúng
10 tháng mười	Tiên sư	Cúng cơm mới
(Tùy từng đình)	Tiên sư	Cúng các bậc thầy dạy nghề
(Tùy từng đình)	Vía Bà	Cúng vía các Bà thờ trong đình.
(Tùy từng đình)	Giỗ danh nhân	Cúng giỗ danh nhân được thờ

Các đình không nhất thiết giữ đúng lệ theo lịch lễ tiết nêu trên, tùy theo Ban quý tế của từng đình mà thủ lễ, thêm hoặc bớt ngày cúng; có đình cúng đầy đủ các ngày sóc, vọng; lễ Thượng điền, Hạ điền; cúng cô hồn, liệt sĩ; cúng mặn hoặc cả chay lẫn mặn...

Lễ Kỳ yên là lễ chính của đình gọi là lễ vía thần nhưng thực là lễ hội nông nghiệp để cầu an: cầu cho quốc thái dân an, phong điều vũ thuận. Mỗi đình định ngày cúng Kỳ yên riêng, phổ biến là trong 3 tháng đầu năm hoặc 3 tháng cuối năm âm lịch. Nghi thức cúng lễ Kỳ yên ở đình làng Nam bộ tuân theo điển lệ của triều đình nên trình tự cúng tế của các đình căn bản giống nhau. Sách Gia Định Thành thông chí của Trịnh Hoài Đức có ghi vắn tắt về lễ cúng Kỳ yên của đình làng xưa,





xét đến nay, không khác mấy. Lễ hội thường diễn ra trong 3 ngày, gồm có 3 lễ chính: Túc Yết, Đàn cả (Đoàn cả), Tiên hiền - Hậu hiền. Những nghi lễ khác như: Rước sắc thần, Xây châu - đại bội, Đưa khách (Tổng phong)... là những lễ thức phụng sự trong 3 lễ chính.

Trong lễ Kỳ yên, có sự quy định khá nghiêm ngặt về thành phần nhân sự tham gia tế tự. Nếu các lễ cúng nhỏ tạp tế có thể do ông từ thực hiện thì việc tế tự trong lễ Kỳ yên do Ban Tế tự đảm trách với sự phân công cụ thể và chuẩn bị chu đáo. Những người trong Ban Tế tự được tuyển chọn, phân công phải là người cao niên, có uy tín, có đạo đức, gia đình

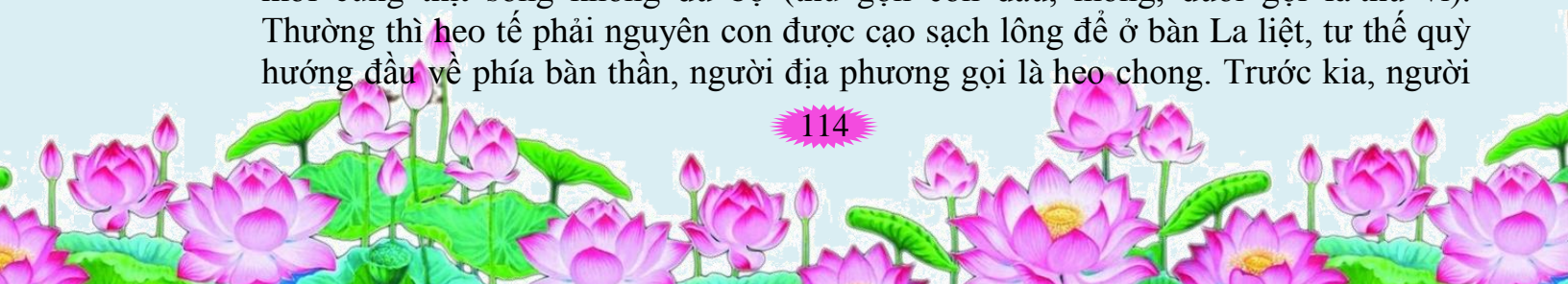


Cung thỉnh sắc Đức ông đi chủ đầu lễ Kỳ yên đình Tân Lân, Biên Hòa

“tròn trịa” cuộc sống lành mạnh, như thế mới “hài lòng” thần linh. Thành phần tham gia tế tự gồm: Chánh niệm hương (1 vị, danh dự nhất, thường do Kế hào hoặc Trưởng ban Tế tự phụ trách); Chánh bái (1 vị, chủ tế); Bồi bái (2 vị, thủ lễ ở 2 bàn cạnh Chánh bái); Đông hiến và Tây hiến (2 vị, thủ lễ ở Tả ban, Hữu ban); Chấp sự viên (4 vị, nhiệm vụ đánh trống lệnh, trống lớn, chiêng, mõ); Thị lập (4 vị, đứng bên các bàn chính điện và tả hữu); Thầy lễ (điều khiển chương trình, đọc văn cúng); Học trò lễ (lễ sinh, ít nhất 3 cặp: 2 cặp bung đèn, đài; 1 cặp cúc cung xướng lễ); Đào thái (2 đến 4 cặp, đi sau lễ sinh, quạt và hát); Ban nhạc lễ (đầy đủ là 11 người chơi 11 loại nhạc cụ cổ truyền; thường là 4 hoặc 5 người chơi trống, kèn, nã bạt...); Lính hầu (4 kép hát bội mặc võ phục đứng hầu); Thủ từ (túc trực bàn thần để gõ chuông, xếp lễ vào bàn)... Mỗi vị đều mặc lễ phục cổ truyền theo quy định, nhất nhất làm phận sự một cách trang trọng.

Lễ vật dâng cúng các bàn thần cúng thức mặn, gồm hoa, trái, nhang, đèn và các món cúng mặn: Thịt luộc, rau, mắm, muối, các món xào, kho... ở bàn La liệt, tế thần luôn phải có món xôi và thịt sống. Xôi thực ra là cơm nếp được chọn nếp ngon nhất, nấu khéo nhất, đơm đẹp nhất để tế thần. Xôi tế thần không có đậu (để tinh nguyên); thường là mâm xôi được rước từ nhà Chánh bái hoặc nhà người danh giá nhất làng. Xôi cúng ở các bàn khác có thể có đậu. Lúc chuẩn bị xôi cúng đình, gia đình không được “lộn xộn”, tránh đứng che bóng mặt trời rọi vào mâm xôi; khi đưa hoặc rước xôi đến đình, không được bung gánh mà là khiêng, đội, để trân trọng, không ô ướ. Người địa phương tin rằng, mâm (đĩa) xôi của mình càng ngon, đơm khéo thì càng được thần phù trợ. Những mâm xôi khéo được chọn càng để gần bàn thần, chủ nhân của nó càng vui, càng nhiều hy vọng.

Thịt sống nhằm để thần hưởng sự tinh nguyên từ lòng thành. Làng nghèo lắm mới cúng thịt sống không đủ bộ (thu gọn còn đầu, móng, đuôi gọi là thủ vĩ). Thường thì heo tế phải nguyên con được cạo sạch lông để ở bàn La liệt, tư thế quỳ hướng đầu về phía bàn thần, người địa phương gọi là heo chong. Trước kia, người







ta chọn heo đen tuyền, lý do chưa rõ, có người giải thích đó là heo bản địa, thuần giống, chưa lai tạp. Nay, hiếm heo đen, được chọn heo trắng nhưng kỵ heo lang. Làng giàu có thể cúng bò, dê theo tục cổ. Heo tế phải qua lễ tịnh sanh.

Lễ tịnh sanh còn gọi là lễ thỉnh sanh thường thực hiện vào lúc 0 giờ đêm Túc yết nhằm mục đích trình thần vật cúng tinh nguyên (con heo còn sống không bệnh). Bởi vậy, heo được chọn mua cẩn thận, chăm sóc kỹ, được trói khiêng vào trước bàn thờ thần chộc cho kêu to, heo kêu to là “thần vui”, heo không kêu hoặc kêu nhỏ là điềm xấu. Lễ tịnh sanh được cử hành long trọng: có khởi chinh cổ, lễ sinh bùng đèn, nhạc sinh cử nhạc, Chánh niệm hương hành lễ rửa mặt, quỳ lạy; Chánh bái cùng Bồi tế thứ tự lạy thần rồi mới khai dao. Những giọt huyết đầu tiên của heo được hứng vào chén, cạo bỏ vào chén thêm nhúm lông, bịt chén bằng giấy vàng bạc đem cúng bàn thần gọi là mao huyết. Sau khi cúng, mao huyết được đem chôn ở gốc cây lớn nhất gần đình (gọi là ế mao huyết) mong cho sự sinh sôi của đất.

Những đình có thờ Phi vận tướng quân Nguyễn Phục thì kiêng giết heo tại bàn thần, chỉ dứ dao vào cổ rồi đưa đi nơi khác. Tục này ngầm ý tránh cảnh “đâm chém” như thần Nguyễn Phục đã thọ nạn. Ngoài thịt sống, bàn La liệt tế thần còn có những món cúng khác, thường có rau luộc - mắm nêm; đình có đông người Hoa đến cúng có thể có heo quay. Đình thờ Võ Tánh ở Phước Tỉnh kiêng cúng thịt quay để tránh nghĩ đến cảnh chết cháy; có đình kiêng cúng heo thiến để không phạm đến đời riêng của đức ông Lê Văn Duyệt.



Lễ Túc Yết là lễ trực ra mắt thần trước khi vào lễ chính thức; thường tiến hành trước ngày Đản cả, bắt đầu vào buổi sáng hoặc buổi chiều tùy theo lệ mỗi đình. Nghi thức lễ Túc Yết theo bài bản cố sẵn, mọi đình đều làm theo. Lễ Đản cả do người địa phương đọc trại âm từ Đoàn cả mà ra, được tiến hành ngày thứ hai của lễ hội; giờ hành lễ khi xưa thường bắt đầu vào lúc 0 giờ (giao hòa âm dương); những đình làng gần với sông nước thì chọn giờ con nước sớm (nước đầy vào buổi sớm); nay thì chọn giờ thuận lợi trong ban ngày. Nghi thức lễ Đoàn cả thực hiện như lễ Túc Yết, chỉ khác ở chỗ lễ sinh xướng: “Tạ thần” thay cho “Nghinh thần” khi hành lễ tấn tước. Lễ Tiên hiền - Hậu hiền nhằm tạ ơn các vị “Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ” và các bậc có công với làng, với đình. Tục xưa, lễ thường diễn ra trong ngày thứ ba (sau Đản cả), nay thường thu gọn trong ngày, sau lễ Đản cả vài giờ. Nghi thức đơn giản hơn lễ Túc Yết nhưng không kém phần long trọng.





Ngoài ra, một số đình còn tiến hành các nghi lễ khác như cúng Cô hồn (đình Bình Hòa), lễ Thịnh sắc, Hội sắc (đình Cẩm Vinh, Thành Hưng), lễ Tống phong còn gọi là lễ Đưa khách (đình Long Thọ, Nguyễn Tri Phương). Lễ cúng Cô hồn theo nghi thức phật giáo, thực hiện giữa lễ Đàn cả và lễ Tiên hiền - Hậu hiền hoặc trong đêm sau lễ Túc Yết. Lễ thường có cúng thí thực, đốt ông Tiêu, phát chẩn gạo muối. Lễ Thịnh sắc hoặc lễ an vị sắc thần thực hiện trước lễ Túc Yết, và Đưa sắc (nếu có lễ rước sắc) sau khi kết thúc hội đình. Lễ Tống phong nhằm mục đích tống ôn dịch đuổi tà khí ra khỏi làng, thực hiện sau khi vãn châu đại bội. Trước kia, lễ Tống phong thường được tổ chức ở nhà vuông (nhà võ) của làng vào tháng hai âm lịch, nay đưa vào nhập với lễ Kỳ Yên ở đình; lễ vật bày ở sân gồm thịt luộc, xôi, gạo, mắm, vàng mã; có sự tham gia hành lễ của thầy pháp hoặc thầy chùa; sau khi đốt vãn cúng và vàng mã, lễ vật được đặt lên bè chuối hình thuyền có hình nhân binh tướng đứng hầu, đưa ra sông thả trôi. Trẻ mục đồng (con cháu thần Nông) được quyền vớt, ăn những thức ăn trên bè ấy. Trong lễ cúng đình, không quên dọn lễ vật cúng ở miếu nhỏ bên ngoài. Đặc biệt, ở bàn thần Nông thường có khoai thịt nọng và xôi bánh; cúng xong để cho trẻ mục đồng giành nhau; nếu trẻ mục đồng không giành hoặc cuộc giành giật không giành co thì là điềm xấu.

Lễ xây châu - đại bội - hát tuồng được thực hiện sau lễ Đoàn cả. Lễ này không thuộc lịch lễ hàng năm, thường là đảo lệ 3 năm một lần, hoặc vào những năm làng có sự vui hệ trọng (như trúng mùa, được sắc phong) Thực chất của lễ xây châu là nghi thức đánh trống. Ông chấp sự cầm dùi trống múa, hát, vẽ bùa trên đất, vẽ bùa mặt trống, điểm trống rồi đánh ba hồi dài theo nhịp trước thừa sau nhật gọi là “tiền bàn hậu phú”. Tiếng trống tượng trưng cho tiếng sấm, thể hiện niềm vui, nỗi mong “mưa thuận gió hòa” của cư dân nông nghiệp. Tiếng trống xây châu còn có ý nghĩa “Khai thông thái cực” theo quan niệm biến dịch của Đạo giáo. Khi tiếng trống xây châu dứt, ông chấp sự gác roi châu, nhạc lễ liền trở điệu song hỉ còn gọi là rước châu; rồi thì các đào kép hát bội xuất hiện ở sân khấu, bắt đầu lễ Đại bội. Lễ xây châu đã khai thông thái cực thì lễ đại bội tiếp tục hình tượng hóa sự biến dịch theo quan niệm thái cực sinh lưỡng nghi, tam tài, tứ tượng, bát quái qua diễn xuất của các diễn viên hát bội. Lời hát và vũ điệu của diễn viên khuôn phép, mang ý nghĩa nghi lễ. Đại bội gồm các tiết mục như sau:



Tam hiền Phước, Lộc, Thọ

- Khai thiên thông địa: một kép hát hóa trang thành ông Bàn Cổ cầm nhang múa, điểm hương bốn phía, không hát, với ý nghĩa thái cực đang vận hành.

- Xang nhật nguyệt: hai diễn viên, một nam, một nữ hóa trang tượng trưng cho nhật, nguyệt. Nam mặt đỏ, cầm đĩa tròn bọc vải đỏ tượng trưng cho mặt trời





thuộc dương. Nữ mặt trắng, cầm đĩa tròn bọc vải trắng tượng trưng cho mặt trăng, thuộc âm. Diễn viên nam nữ cùng múa biểu hiện sự giao hòa, tương sinh tương khắc giữa âm - dương.

- Tam tài: còn gọi là Tam hiền, Tam đa gồm 3 diễn viên hóa trang thành ông Phúc, ông Lộc, ông Thọ tượng trưng cho Thiên - Địa - Nhân. Ba ông cùng ra sắp hàng ngang, không múa, lần lượt hát những câu chúc: Phúc - Lộc - Thọ.

- Tứ Thiên vương: tượng trưng cho tứ tượng: Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm do 4 diễn viên nam hóa trang giống nhau lần lượt xuất hiện rồi cùng múa; cuối cùng cả bốn chụm lưng nhau giương 4 câu liên:

*Thọ tỷ Nam san / Thánh thọ vô cương*

*Quốc thái dân an / Phúc như Đông hải.*



Bốn câu liên được Ban Tế tự rước lấy, có thưởng tiền cho “Tứ vị Thiên vương”.

- Lễ Đứng cái: tượng trưng cho ngũ hành, gồm 1 diễn viên nam đứng tuổi (cái); 4 diễn viên nữ trẻ hơn đứng 4 góc (con); Cái thuộc hành Thổ tên là Viên (vườn); con thuộc hành Mộc (áo xanh) tên Mai, hành Hỏa (áo đỏ) tên Lan, hành Kim (áo trắng) tên Cúc, hành Thủy (áo tím) tên Trúc. Cái và 4 con xếp hàng hát thài những bài hát mang nội dung ước mong quốc thịnh, dân cường, an khang, hạnh phúc.



- Bát tiên hiến thọ: gồm 8 diễn viên hóa trang thành 8 vị tiên trong Bát tiên, cầm các “bảo vật” tượng trưng cho các thức ăn trường sinh cùng hát các bài theo điệu lối, khách; cuối cùng dâng phẩm vật cho Ban tế tự.

- Lễ gia quan tân tước: là lễ phụ do một người đóng vai Linh quan (thường dưới hình dạng ông Địa, vui tính) cầm quạt múa vui sau đó múa bút viết 1 câu liên “Gia quan Tân tước” (thăng quan tiến chức) giao cho Ban tế tự. Đây là các tiết mục đầy đủ của Đại hội nhưng không nhất thiết phải thực hiện tất cả. Chọn diễn một số trong các tiết mục nêu trên còn gọi là “Tiểu hội”.

Sau Đại hội là tuồng hát bội. Hát bội ở Đồng Nai biểu lộ rõ hình thức nghi lễ nhưng nhằm mục đích sâu xa là thỏa mãn nhu cầu tinh thần của người địa phương. Gọi là hát cho thần nhưng thực là cho người hưởng thụ. Bởi vậy, cuộc hát có thể kéo dài nhiều ngày đêm, ngay cả khi hết lễ hội. Tuồng hát ở đình được chọn lựa cẩn thận, tránh bị thương, chém giết; tuồng tích thường xoay quanh chủ đề: “Vua băng -





Nịnh tiêm - Bà thứ lên chùa - Chém nịnh - Định đô - Tôn vương - Túc vị”. Tuồng thường được chọn nhiều nhất là San Hậu, một vở tuồng Tả quân Lê Văn Duyệt rất yêu thích lúc sinh thời.

- Lễ Tôn vương tiếp ngay sau cảnh quân vương túc vị của tuồng hát, thường là tuồng San Hậu được chọn hát đêm cuối để Lễ Tôn vương liền sau. Khi tuồng đến cảnh hoàng tử được trao ngôi vua, hoàng tử vào hậu trường thay vương phục, đào kép xuống sân khấu chia hai hàng đứng trước bàn thần; hoàng tử nâng ấn kiếm trịnh trọng đi đến bàn thần trao cho Chánh hội trưởng, Chánh hội trưởng cùng một phụ tá nâng ấn kiếm đi giật lùi đến bàn thờ thần, cẩn trọng đặt vào long khánh. Lúc ấy, người xướng lễ hô to “Phản tiên di hậu” kép hát quay mặt lại phía sân khấu; khi ấn kiếm đã yên chỗ, người xướng hô to “phản hậu di tiên” kép hát quay mặt về bàn thần, đồng thanh hô :

*Tôn vương túc vị / Nói dối tiên hoàng*

*Chúc thọ tử Nam san / Phước như Đông hải*

*Vạn vạn tuế (3 lần).*

Tung hô xong, đào kép cùng lạy thần 3 lạy, rồi quay lại sân khấu diễn tiếp màn chót hoàng tử lên ngôi. Lễ Tôn soái cũng được thực hiện như Lễ Tôn vương trong trường hợp đoạn cuối tuồng hát nhân vật chính được phong tướng chứ không phải được truyền ngôi báu.

## **2. Miếu và lễ hội cúng bà**

Theo tài liệu khảo sát năm 1997, ở Đồng Nai có 198 miếu các loại; như vậy, miếu đa dạng và số lượng nhiều hơn đình. Đình gắn với cộng đồng làng thì miếu gắn với đình, chùa, cụm dân cư, vườn nhà của gia đình, hương lộ, hương thôn; nhân vật chính là mẫu. Những năm 1960, Lương Văn Lựu ghi nhận: “Ngoài đình làng: nhân dân trong ấp thường dựng lên những “Thổ Chủ” (miếu nhỏ), dưới cội đa hoặc cây to bóng mát, trên đường vắng, hay trong góc vườn để thờ Thổ Địa hay bà Chúa Tiên, Chúa Xứ, Liễu Hạnh và tùy theo ngày kỷ niệm của mỗi vị mà hành cúng hàng năm một cách thành kính”. Xét về hình thức, miếu ở Đồng Nai có mấy dạng chính:

- Miếu độc lập ở làng xã: gắn với cụm dân cư trong làng ấp. Quy mô hơn các dạng miếu khác, thờ “thánh thần”, những làng, xã chưa có đình đều có lập miếu; dạng miếu này như là tiền thân của cái đình.

- Miếu ở đình, chùa: là những miếu nhỏ ở khuôn viên đình, chùa; thường ở phía trước, thờ các vị Thổ thần, Sơn thần (thần Hồ), Thánh mẫu, Chiến sĩ trận vong.

- Miếu ở đất vườn: gắn với các khu đất vườn, đất rẫy, đất ruộng của gia đình, thường thờ Bà và thần Đất; người địa phương còn gọi là Thổ Chủ.







- Miếu lẻ ven đường: miếu do bá tánh lập lên ở ven đường, ven sông, hoặc dưới bóng cây, gò đất cảm thấy là linh thiêng thờ Thổ thần hoặc cô hồn không nơi nương tựa. Đa phần là miếu cô hồn.

Xét về đối tượng thờ cúng, nhận thấy thần điện của miếu đa tạp hơn đình, chùa. Có thể phân thành các dạng chính :

- Thờ vong hồn linh ứng: những người chết “bất đắc kỳ tử” đều được tin là linh ứng, thường được thờ. Trong đó các anh hùng, liệt sĩ, có công hoặc có nhân cách cao được người địa phương thờ trang trọng nhất (như miếu Bình Hòa lập từ 1837 thờ 7 vị công thần chết trận trong binh biến Lê Văn Khôi, miếu cô hồn ở Dốc Sỏi (Bình Hòa) thờ 9 nghĩa sĩ trại Lâm Trung chống Pháp bị hành quyết)



Miếu thờ Liệt sĩ ở Mã Đà, Chiến khu Đ

- Thờ các phúc thần: Thần Hồ, Rái Cá, Mãng Xà vương là những linh vật giáng hạ nhưng cũng được thờ ở đình miếu và được đãi lễ như là phúc thần, dạng này không nhiều, có sự tích hợp nhiều yếu tố, như miếu thờ Rái Cá ở Hòa Quới (Cù Lao Phố), đã hội nhập vào bàn thờ Lang lại đại tướng quân, miếu thờ rắn (Mãng xà vương) ở Mỹ Lộc (Tân Uyên) đã đổi dạng thành thờ Ngũ Hành; miếu thờ thần Hồ thì còn ít nhiều ở các đình, các làng còn đậm nét vùng sơn cước. Phổ biến là các miếu thờ thần Đất dưới dạng Thổ Chủ, Thổ thần hoặc Ông Tà.

- Thánh mẫu: đa phần miếu ở làng, ấp cũng như ở đình đều có thờ Thánh mẫu, người địa phương quen gọi là thờ Bà. Các Thánh mẫu đã thâm nhập sâu vào đình, chùa, gia đình; lại chiếm lĩnh hầu hết thần điện của các miếu, chứng tỏ tín ngưỡng thờ nữ thần “sâu rễ bền gốc” trong tâm linh của cư dân Việt ở Đồng Nai.

Tục thờ cúng nữ thần gắn liền với cư dân Việt ở Đồng Nai từ buổi đầu mở đất, đồng hành với quá trình phát triển của xã hội, có sự tích hợp nguồn gốc nhập cư và nguồn gốc bản địa; có sự phát triển từ rời rạc vươn lên mang tính “đạo thờ mẫu” rồi lại địa phương hóa các mẫu được phụng thờ. Ở đầu thế kỷ XIX, Trịnh Hoài Đức đã chú ý đến đặc điểm này của đất Gia Định - Đồng Nai “Nhiều người trung dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dù hàng phụ nữ cũng thế, có nhiều giai nhân mỹ nữ, mà trong hạng người giàu sang, trường thọ khôn khéo cũng có xuất hiện tên tuổi của giới phụ nữ. Họ hay chuộng đạo Phật, tin việc đồng bóng, kính trọng nữ thần, như: Bà Chúa Ngọc, bà Chúa Động, bà Hỏa tinh, bà Thủy Long, và Cô Hồng, Cô Hạnh...” Khảo sát miếu Bà ở Đồng Nai, Bà được thờ là một tập hợp các nữ thần có nguồn gốc và “lý lịch” khác nhau, được thờ cúng ở miếu tùy theo tâm niệm của mỗi nơi:



- Bà Âu Cơ: bà mẹ “thủy tổ” của dân tộc, theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá muộn, được lập miếu thờ vọng gắn với thờ Quốc tổ ở vùng đất mới khai phá sau 1954, thờ cúng đơn giản, lễ cúng chính vào ngày 10 tháng 3 âm lịch.

- Bà Ngũ Hành: được thờ phổ biến nhất, đó là 5 vị nữ thần ứng với: Kim Đức thánh phi, Mộc Đức thánh phi, Thủy Đức thánh phi, Hỏa Đức thánh phi, Thổ Đức thánh phi. Năm bà Ngũ Hành chỉ là ý niệm chung về các vị nữ thần có thiên chức phù trợ cho việc sản sinh và phát triển; không có thần tích cụ thể; ngày vía chính là 5 tháng 5 âm lịch. Ở những vùng nhiều hỏa hoạn, đông người Hoa, nhiều khi Bà Hỏa (Hỏa Đức thánh phi) được thờ riêng một miếu.



Miếu bà Ngũ hành

- Liễu Hạnh Công chúa: nữ thần quen thuộc của cư dân Việt ở đồng bằng Bắc bộ, một thành viên trong Tứ Phủ được thờ ở miếu Bà dưới chân núi Gia Lào (Xuân Lộc), được cúng vía vào ngày rằm tháng 3 âm lịch.

- Bà Chúa Thượng ngàn: một nữ thần của cư dân đồng bằng Bắc bộ, của Tam Tòa, Tứ Phủ theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá sớm, còn dấu vết được thờ ở nhiều nơi, dần dần bị lấn khuất trong hào quang của các Bà Ngũ Hành, chỉ còn rải rác một vài miếu thờ, như miếu thờ trong khuôn viên đình Thành Hưng (Biên Hòa). Bà được phối hưởng trong lễ cúng đình, không còn cúng ngày vía riêng.

- Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương: là biến thể của Thiên Y A Na Diên Ngọc Phi, mẹ xứ sở Po Inur Nagar của người Chăm; vừa được xem là thần độ mạng cho phụ nữ tại gia, vừa là thần nữ phù trợ cho cộng đồng. Lễ cúng vào ngày 3 tháng 3 âm lịch và các ngày rằm lớn.



ượng bà Thiên hậu

- Chúa Xứ nương nương, Linh sơn Thánh mẫu: cũng cùng một gốc với Chúa Ngọc, Chúa Tiên nhưng có trú sở, lai lịch và thần tích riêng. Chúa Xứ được giải thích có nguồn gốc ở Châu Đốc, điện thờ chính ở Núi Sam (An Giang). Linh Sơn Thánh mẫu cũng vậy, tục gọi là Bà Đen, điện thờ chính ở núi Bà Đen (Tây Ninh).

- Thiên Hậu Thánh mẫu: có nơi còn thờ với tự hiệu là Thiên Phi nương nương (như miếu ở đình An Hòa). Đây là vị nữ thần của người Hoa, họ Lâm gốc Phúc Kiến, được người Hoa đưa vào Nam bộ, hòa nhập với thần thánh địa phương trở thành một trong những vị thần bản địa. Vía Bà Thiên hậu ngày 23 tháng 3 âm lịch.





- Cửu Thiên Huyền Nữ: vị thần mang ý niệm chung, người ta tin rằng Bà là nữ thần quyền uy tối cao, cai quản cả chín tầng trời. Cửu Thiên Huyền Nữ là vị thần độ mạng phụ nữ, đồng thời là vị thần khai sáng, dạy cho con người biết làm nhà hai mái, biết làm mộc, đóng thuyền; Lộ Ban, Lộ Bốc, thờ Bà làm thầy. Bà được thờ trong miếu khắp nơi, vía Bà ngày 9 tháng 9 âm lịch, trùng với ngày Cửu Trùng của người Hoa.

- Mẹ Thai sanh: nguồn gốc là Kim Hoa Thánh mẫu của người Hoa, vị thần trông nom về việc sinh nở. Người Đồng Nai thờ Mẹ Thai sanh với quan niệm là “mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy”.

- Thủy Long Thần nữ: gốc là một thần giếng, dần dần được quan niệm là một thần cai quản sông nước, gọi chung là bà Thủy. Trong quan niệm dân gian hiện nay, bà Thủy bao hàm cả chức phận của Hà Bá và có thể cũng là Thủy Đức Thánh phi trong bộ Ngũ Hành, cho nên ngày vía cũng là ngày 5 tháng 5 âm lịch.



- Quan Âm Bồ tát: vừa là Phật bà vừa là thần nữ. Người địa phương quan niệm Quan Âm có họ hàng với các nữ thần, cùng chức năng cứu khổ, cứu nạn nhất là cứu nạn trên biển. Cho nên, Quan Âm được kéo ra khỏi chùa, gắn với các miếu, nhiều khi cũng được cúng đồ mặn như các nữ thần khác hoặc phối tự ở các miếu lẻ.

- Các nữ thần bản địa: vừa dung nạp những vị nữ thần nhập cư, người Biên Hòa - Đồng Nai vừa có xu hướng gởi gắm niềm tin của mình ở những nữ thần tuy không giàu thần tích nhưng gắn bó với mảnh đất mình đang sinh sống. Thị Vãi, một thôn nữ có tính cách khác thường, giàu lòng thương người được người địa phương yêu mến lập miếu thờ và tên miếu gắn liền với tên núi ở Long Thành - Bà Rịa. Cô bóng Hiên chuyên việc bói toán nhưng thực lòng, khảng khái, được người địa phương tin phục, lập miếu thờ ở Thiện Tân (Vĩnh Cửu), Ngày vía Cô 15 tháng 2 âm lịch. Cô Lê Thị Hồng, một trinh nữ chết trôi có tấm lòng yêu đất yêu biển Long Hải được ngư dân Long Hải thờ phụng ở Dinh Cô, vía ngày 10 tháng 12 âm lịch.

Việc bài trí điện thờ hết sức đơn giản, gồm bát nhang, bình bông, chén nước, chân đèn; những ngày cúng thì: nước trong, bông tươi, nhang thơm, đèn sáng; lễ vật cúng có thêm bánh, trái, xôi, chè, thịt, thường là thịt vịt hoặc heo thu gọn thành thủ vĩ. Nhiều nơi vật thờ còn có thêm: gương, lược, trâm cài, quạt và một vài món trang sức khác của nữ giới. Những miếu độc lập thường có thêm Tả ban, Hữu ban; Nhị vị công tử, Nhị vị công nương, Cậu Chài, Cậu Quới. Có miếu đầy đủ bàn thờ chư vị như: Tiên sư, Thành Hoàng, thần Hồ, thần Nông, Chúa Tiên, Quan Âm Bồ tát như miếu Ngũ Hành ở Cái Vạn (Nhơn Trạch). Vì thờ nữ thần cho nên án thờ dù nhỏ vẫn



thường được trang hoàng sắc sỡ, có lọng che, rèm phủ. Câu đối xuất hiện nhiều nhất ở miếu Bà: *Vạn cổ đào hoa chiêu Thánh nữ / Thiên thu vân tập hội Thần tiên.*

Về tượng thờ các Bà, trước kia rất ít miếu có cốt tượng, thường thờ đơn giản bằng chữ Hán vẽ trên tường hay dán trong khám thờ như: Ngũ Hành nương nương, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Xứ nương nương; gần đây phát triển thờ cốt tượng bằng thạch cao, xi măng, gốm hoặc vẽ tranh lòng kiếng với lối sản xuất “hàng loạt” cho nên các Bà đều đồng dạng, trang phục lộng lẫy như nhau, chỉ khác ở tên gọi dành cho Bà này hay Bà kia. Riêng Bà Ngũ Hành là dễ nhận ra nhất với bộ cốt tượng đủ 5 Bà trong 5 sắc áo khác nhau: Xanh, đỏ, tím, vàng, lục với quan niệm cổ truyền rằng hành thổ màu vàng là trung tâm nên ngồi giữa.

Lễ hội cúng Bà ở mỗi miếu một khác, tùy vào ngày vía của mỗi Bà. Những ngày sóc, vọng, ngày Tết, ngày vía đất, các miếu Bà được mở cửa cúng một lễ nhỏ bằng nhang, đèn, bông, bánh trái. Ngày vía mới là lễ chính. Có nơi cúng thường niên như nhau, có nơi đáo lệ 2, 3 năm một lần. Lễ cúng vía Bà thường vào ban đêm (thuộc âm), do Ban tế tự của làng đứng cúng hoặc có khi do tổ chức Hội mầu ở địa phương làm chủ lễ. Miếu thuộc hệ dân dã nên nghi thức cúng Bà không đóng khung theo khuôn phép điển lệ; cởi mở, sinh động hơn cúng đình. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn áp dụng nghi thức cúng đình trong cúng miếu.

Lễ vật cúng đơn giản không nhất thiết phải heo sống, heo đen, xôi tinh khiết, cũng không nhiều kiêng kỵ như cúng đình; bình thường thì: heo quay, heo luộc, mâm xôi, đèn nhang, vàng bạc, bánh trái; có thể cúng vịt; nghèo hơn thì cúng gà, xôi chè, heo thu gọn thành thủ vĩ, vịt quay, nói chung là tùy tâm, tùy sức. Dân làng thành tâm dâng cúng hoa, mâm vàng bạc, đồ trang sức đều được, miễn là lòng thành.



Đêm trước ngày vía, có nơi đáo lệ 2, 3 năm hoặc 5 năm một lần tiến hành lễ thay áo cho Bà như lễ mộc dục. Khi tiến hành lễ này, Chánh bái, Bồi tế lên nhang đèn khẩn vái xin phép Bà, rồi lui ra. Các phụ nữ “sạch mình” đã chuẩn bị sẵn nước thơm (nước lá sả, hương nhu, bông buri), dùng khăn sạch nhúng nước thơm lau khắp các tượng bà; khăn lau xong, vắt trả nước ra thau khác, cứ như thế cho đến khi sạch rồi thay cho Bà áo mới, áo cũ và khăn lau không được dùng việc khác, sau phải đốt.

Một số miếu lại có tục nghênh Ông ở đình về dự trước khi hành lễ chính; nghênh Ông bằng kiệu có lỗ bộ, dàn nhạc, Lễ sinh và Chánh tế, Bồi tế đi hầu. Lễ đón ở đình, lễ xong phải đưa về. Riêng lễ hội chùa Bà Thiên Hậu ở Thủ Dầu Một





và ở Bửu Long thì thực hiện theo nghi thức của Đạo giáo, với nhiều nghi thức phức tạp; có đám rước Bà đi thăm Đình trước ngày lễ chính, có lễ phóng đăng, cúng thí,



Lễ bắc cầu trong ngày vía Bà

hát bội, đặc biệt có lễ bắc cầu ngậm ý đón Bà từ biển vào. Lễ bắc cầu vào lúc 0 giờ, đêm đầu tiên của lễ hội. Cầu là một tấm vải đỏ rộng khoảng 0,6 mét, nối dài từ hương án bên ngoài sân vào chính điện, cách khoảng 15 mét; trên tấm cầu đỏ rắc đầy hoa giấy, vàng bạc. Ba vị Pháp sư tụng kinh cầu đón, lúc ngồi ở bàn lễ, lúc đi vòng quanh như đón Bà; Khi Bà đã vào chính điện thì “cầu” được cuộn lại trân trọng để trước án thờ. Lễ cúng Bà Thiên Hậu là một hiện tượng riêng biệt. Thông thường ở các miếu khác nghi thức hành lễ giản dị, dân dã hơn. Dự phần vào lễ hội cúng Bà phổ biến là Hát bóng rỗi, Chập Địa - Nàng, một loại hình nghệ thuật truyền thống phổ biến ở Biên Hòa - Đồng Nai.

Hát bóng rỗi, Chập Địa - Nàng vừa mang tính nghi lễ (để cúng) vừa để giải trí, vui chơi trong lễ hội; đó là hình thức diễn xướng tổng hợp, gồm nhiều tiết mục liên hoàn; đồng thời cũng có thể phân chia thành các tổ hợp tiết mục tùy chọn. Một chương trình đầy đủ của Hát bóng rỗi, Chập Địa - Nàng gồm 8 tiết mục chính, trong đó mỗi tiết mục có thể phân nhỏ, hoặc kéo dài nội dung sinh hoạt. Tiến trình của các tiết mục cũng có thể thay đổi thứ tự hoặc cấu thành nhiều chương trình khác nhau: Lễ khai tràng; Châu mời - thỉnh tổ; Mời tiên ra tuồng; Phước lộc; Trạng - Nàng xuống huê viên; Bóng múa; Hát chập. Hát bóng rỗi, Địa - Nàng ở Đồng Nai thường gồm 4 tiết mục: Khai tràng; Châu mời - thỉnh tổ; Chập Địa - Nàng và Hát bóng rỗi.

Mở đầu cuộc hát luôn là Lễ Khai tràng nhằm mục đích khai mạc cuộc hát, do dàn nhạc bóng biểu diễn, gồm: chiêng, trống, đàn nhị, kèn, sanh cái. Tiếp theo là các xấp hát Châu mời - thỉnh tổ: Mời Bà, mời ông, mời tiên, mời các chiến sĩ về dự lễ; mỗi đối tượng có các bài hát phù hợp, các bóng có trí nhớ tốt và tài ứng tác nhanh, không cần hát hay cũng được tán thưởng. Thường thì các bóng cầm trống tum (trống con) gõ nhịp, thay nhau hát. Điệu hát vận dụng cả lý, vè, nói rỗi (nói lối) nhiều khi cả các làn điệu tuồng.



Bà bóng biểu diễn múa lu trong hát bóng rỗi

Sau Hát châu là diễn Chập Địa - Nàng. Chập Địa - Nàng là chập bóng - tuồng hài hước “tổng hợp kiểu cách diễn của bóng rỗi lẫn tuồng (hát bội)” thường gắn với lễ cúng miếu Bà hoặc miếu Thổ Địa. Cuộc hát chỉ có hai nhân vật (Địa và





Nàng) theo cốt truyện đơn giản: Tiên nữ Hằng Nga vâng lệnh Tây Vương mẫu xuống trần để hái lộc cầu an cho dân chúng, nhờ Thổ Địa (Địa) dẫn đi đến huê viên để “khai mạch giếng tưới cây huê”. Địa được dịp làm khó, vởi vĩnh, đùa giỡn với tiên nữ. Lối diễn vừa theo bài bản vừa ứng tác; hát, nói, kể kết hợp với nhạc và vũ



đạo tuồng; các bài hát chất lọc từ tuồng và các làn điệu dân ca quen thuộc; hóa trang cũng theo phong cách tuồng hài; ứng đối giữa Địa và Nàng vui nhộn, dẫn dắt câu chuyện tài tình khiến cho cốt truyện đơn giản trở nên thú vị. Các đoạn: Địa đòi ăn, Địa đau đẻ, Địa chằm chè làm nở rộ tiếng cười sảng khoái. Tính cách của Địa không chỉ vui vẻ, còn mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Với một manh chiếu

trước điện Bà, xung quanh là dân làng không phân thứ bậc, Địa bộc lộ hết mình, đùa giỡn với Tiên nữ, chằm biếm cả chư Tiên, chư Phật; Địa còn mang ý nghĩa đại diện cho khát vọng thịnh vượng, bình đẳng, có tính nhân bản của dân làng. Chạp Địa - Nàng vừa dứt, bóng múa liền tiếp theo.

Bóng múa vừa mang tính nghi lễ vừa nhằm mục đích giải trí. Các bóng thay nhau múa bông, múa dâng mâm vàng rồi tiếp theo là các tiết mục tạp kỹ. Múa bông nhằm dâng cúng bông như để mở đầu cuộc múa bóng; với chén (hoặc tô) bông trên đầu, các bóng múa xoay người, xoay vòng trước điện thờ rồi dừng để cho người thủ từ nâng chén bông đặt lên bàn thờ Bà. Dâng bông 3 lần rồi đến dâng mâm vàng. Chiếc mâm được trang trí bằng giấy ngũ sắc thành hình tháp (có lẽ mô phỏng tháp Chàm). Mâm vàng được đội đầu, nâng, lật trên tay; trên trán, tỵ nhích từ chân lên đầu; cuối cùng được đốt cháy. Tháp giấy trên mâm cháy xong là dứt múa dâng mâm vàng, các bóng (vốn ái nam ái nữ) chuyển sang các màn trình diễn đặc sắc, với tài nghệ tạp kỹ như xiếc: múa ghé, múa khạp da bò, múa bông huệ, múa xe đạp, múa dao, múa xoay đĩa, rót rượu bằng đầu... chủ yếu là các kỹ thuật dùng đầu, trán, mũi, nhân trung nâng giữ vật nặng, vật phức tạp tạo thăng bằng và di chuyển trong vũ điệu theo nhạc lúc mau lúc chậm.

Với cách biểu diễn như thế, dễ dàng nhận ra nguồn gốc Chằm của múa bóng với vũ điệu dựa vào kỹ năng đội đầu. Điều này đã được Huỳnh Ngọc Trảng chứng minh qua phim tài liệu “Múa mâm vàng, cội nguồn và dung mạo” do Hãng phim Tư liệu sản xuất năm 1992. Trước đó nữa, Quách Tấn đã chỉ ra được lò đào tạo các bóng múa







là xóm Bóng ở trước Tháp Bà, “nhưng lệ múa bóng ngày vía Bà đã bỏ từ thời Bảo Đại, trước đệ nhị thế chiến”. Người Nam bộ thường có câu hát luyện tiếng:

*Ai về xóm Bóng thăm nhà, Hỏi xem điệu múa dâng Bà còn không?*

Các tiết mục múa trò chơi, gọi là múa tạp kỹ dài - ngắn, nhiều - ít tùy theo không khí cuộc vui; dân làng thường nhiều thì sự hào hứng khiến các bóng múa hay, khéo, tận tình hơn, và ngược lại.

Các nữ thần được thờ tại miếu ở Đồng Nai phần lớn có nguồn gốc nữ thần biển, đánh dấu một hồi ức gắn với chặng đường gian lao hình thành các cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai. Với một tập hợp nữ thần phức hệ như thế, Đồng Nai như là điểm hội tụ đồng thời cũng là nơi khuếch tán các hệ tín ngưỡng thờ nữ thần của miền Bắc, miền Trung, miền Tây, người Hoa và bản địa. Tục thờ cúng nữ thần cũng cho thấy cư dân Việt ở Biên Hòa - Đồng Nai ít nhất cũng tìm được biểu tượng có ý nghĩa nhân bản hơn tư tưởng Nho giáo vốn xem thường phụ nữ.

Tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc bản địa có nhiều nét khác cư dân Việt, Hoa. Người Châu Mạ thờ thần Yang Nđu tối cao, cúng Yang Bri (thần rừng) vào mùa săn bắn; cúng Yang Hiu (thần nhà) cầu cho gia đình bình yên; quan trọng nhất là lễ cúng Yang Bonom (thần núi) và Yang Koi (thần lúa) với sinh hoạt cổ truyền của cộng đồng. Người Mạ không coi trọng trình tiết, trai gái Mạ tự do tìm hiểu kết bạn, con cô con cậu có thể kết hôn; đám hỏi, đám cưới có già làng làm mai dong; sau cưới chú rể ở bên nhà gái sau đó mới ra riêng; luật tục truyền khẩu “nđrih” được thực hiện nghiêm, tội ngoại tình, chửa hoang bị phạt nặng. Khi có người chết, người làng làm lễ cúng Yang Bri xin cây đực làm hòm; hòm đưa vào nhà dài qua cửa lớn; xửa đẽ lâu ngày mới chôn, người chết được chia của; thầy chang cúng tế theo nghi thức cổ, làng có đám tang kiêng cử đi rừng 7 ngày; sau ba năm có lễ bỏ mả như phong tục các dân tộc Tây Nguyên.

Người Stiêng, Châu Ro có tập quán, tín ngưỡng tương tự người Châu Mạ, khác nhau ở tiểu tiết và tiếng nói, giống nhau ở quan niệm cổ truyền của cư dân cùng địa bàn cư trú Nam Trường Sơn.

## **V- CẢM NHẬN VỀ TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN Ở BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI**

Mấy thế kỷ đi qua, tập quán, tín ngưỡng dân gian người dân Biên Hòa - Đồng Nai không phải tự nhiên hay sẵn có mà được hình thành với sự pha trộn, sàng lọc, tiếp thu từ nguồn gốc ở cổ hương miền Trung, miền Bắc với tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc anh em cùng chung sống như người Hoa, Chăm cũng như các dân tộc bản địa, trong sự tác động của tam giáo và các nhân tố ngoại lai khiến cho nó có nhiều màu sắc, đa hệ, hòa hợp được với các hệ văn hóa khác nhau mà không đánh





mất cốt lõi của mình. Vì vậy, tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai có nguồn gốc hình thành từ nhiều yếu tố, trong đó:

**1.- Tập quán, tín ngưỡng dân gian của người Việt gốc Trung bộ là cốt lõi.**

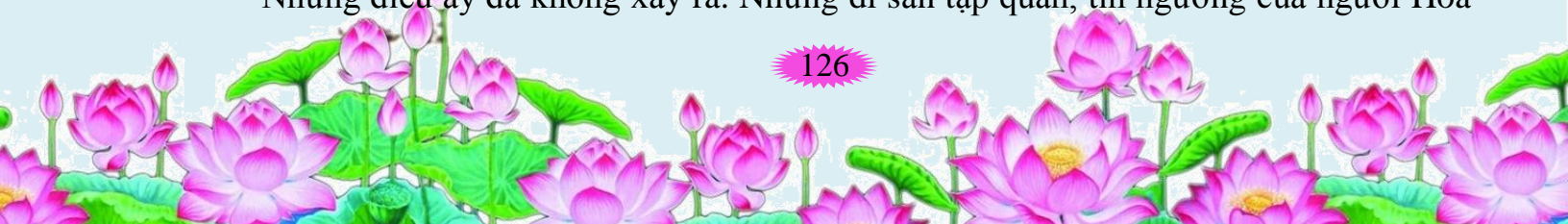
Với kinh nghiệm sản xuất và “ông bà” “thần linh” mang theo được ứng dụng ngay vào đời sống mới và nhanh chóng có trú sở thích hợp. Bàn thờ gia tiên, tục thờ thần bản gia, thần độ mạng trong nhà được hình thành cùng lúc với việc tạo ra mái nhà; cái đèn, cái miếu cũng sớm định hình dễ dàng theo thiết chế động trong trí nhớ; kinh nghiệm và lễ tục về sinh, dưỡng, hôn nhân, tang tế, chạp giỗ... được vận dụng cho vòng đời người mới theo bài bản cũ mang theo. Hiện nay, tập quán, tín ngưỡng dân gian có nguồn gốc Bắc bộ nhưng in đậm dấu ấn của Trung bộ vẫn còn cốt lõi trong sinh hoạt của cư dân Việt ở Biên Hòa - Đồng Nai và chắc chắn ở nhiều vùng khác cũng vậy. Gói đường phèn, đường phôi trên bàn thờ ông bà trong ngày Tết rõ ràng là một sự hoài niệm về xứ Quảng. Những nhân thần nguồn gốc Trung bộ như thường được mời gọi trong văn cúng đình, lai lịch của nữ thần Dinh Cô, gốc tích Hát trả bạo, tục thờ cúng cá Ông, tàn tích của lễ cúng Tá thổ, uy thế của bà Chúa Ngọc, bà Chúa Động... cùng với âm vang của các vị thần biển khác trong tín ngưỡng dân gian chứng tỏ rằng lớp tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Trung bộ đã tác động trực tiếp đến tập quán, tín ngưỡng người dân Biên Hòa - Đồng Nai trong đó in cả dấu ấn lớp “tín ngưỡng nguồn” ở đồng bằng Bắc bộ. Việc thờ Quốc tổ Hùng Vương, Lạc Long Quân, mẹ Âu Cơ, Trần Hưng đạo và hát chầu văn ở miếu thờ Liễu Hạnh Công chúa... cũng là biểu hiện của tín ngưỡng dân gian truyền thống của cư dân Việt ở Bắc bộ nhưng là lớp văn hóa mới du nhập từ đầu thế kỷ XX đến nay, chủ yếu gắn với nhóm cư dân Việt “mộ phu” và “di cư” hiện còn da diết với cố hương.



**Đàn gảy ở các đình thực hiện Nghi lễ dâng hương Chủ tịch Hồ Chí Minh**

**2.- Tập quán, tín ngưỡng của người Hoa mới nhập cư cũng in đậm dấu ấn trong tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai.**

Ở Đồng Nai, tập đoàn người Hoa xuất hiện gần như là cùng lúc với quá trình khai phá lập làng của cư dân Việt với thế và lực hơn hẳn về quân sự, thương mại và tiềm lực kinh tế. Họ đã sớm khẳng định vai trò của mình ở địa phương, khuyến khích thương mại và nghề thủ công, phát huy lực lượng quân sự, thiết lập hệ thống trú sở cho mình lẫn thần linh. Người Hoa có truyền thống sống có tổ chức, biết tương trợ nhau, phát triển tập quán, tín ngưỡng của mình trong quan hệ với dân tộc khác. Với những đặc điểm như thế, người Hoa ở Đồng Nai có đầy đủ điều kiện để chi phối, thậm chí làm chủ sinh hoạt văn hóa tập quán, tín ngưỡng của người dân Biên Hòa - Đồng Nai. Nhưng điều này đã không xảy ra. Những di sản tập quán, tín ngưỡng của người Hoa







mang theo hiện dễ tìm thấy trong đời sống sinh hoạt của người dân Biên Hòa - Đồng Nai: tục đốt nhiều vàng bạc, thờ cúng các vị thần Thiên Hậu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Quan Thánh đế quân, Ngũ phương Ngũ thổ long thần, Tiền Hậu địa chủ Tài thần, bà mẹ Thai sanh... Nhưng đó là sự bổ sung chứ không phải thay thế.

Sự dung nạp yếu tố tập quán, tín ngưỡng của người Hoa vào tâm linh người dân Biên Hòa - Đồng Nai không phải hỗn tạp mà là tiếp thu có chọn lọc và trong chừng mực nhất định. Những vị thần gốc Hoa được thờ ở nhà hay ở đình, miếu đều trong sự hài hòa, bình đẳng với thần linh gốc Việt. Do vậy, quá trình Việt hóa các

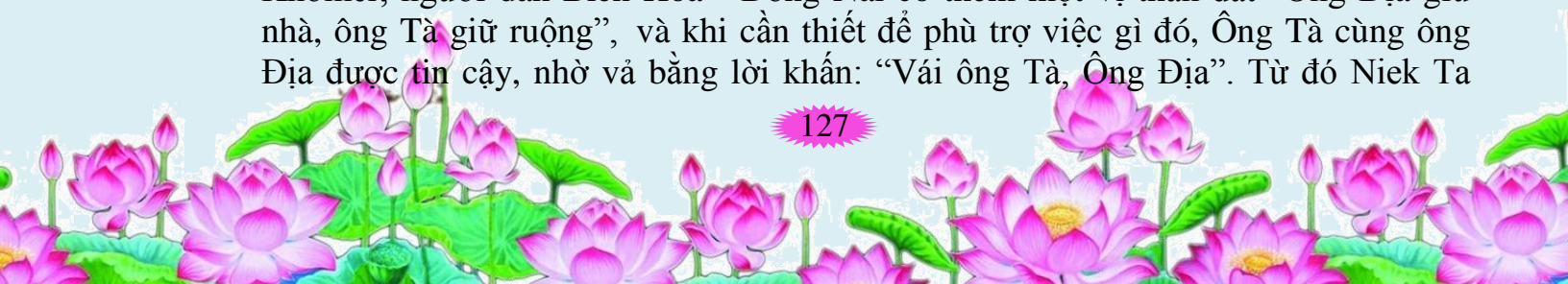


Hội thảo tín ngưỡng thờ nữ thần

thần thánh của người Hoa nhanh chóng trên cơ sở tập quán, tín ngưỡng người dân Biên Hòa - Đồng Nai đã có nền móng và luôn sẵn chỗ để dung nạp thành tố mới. Mặt khác, người dân Biên Hòa - Đồng Nai luôn có ý thức không sao chép nguyên bản của người Hoa. Thường cải biến hay dừng lại ở một mức độ nào đó để tập quán, tín ngưỡng của mình không bị hòa tan hoặc biến dạng. Thần tài ngồi riêng một mình ắt dễ nhầm với Tài Bạch tinh quân của người Hoa, nhưng khi ngồi chung với ông Địa, thì không thể nhầm lẫn được. Quan niệm về tục lệ tang chế cũng na ná như nhau, nhưng nhìn hướng đầu hòm quay đầu vào hay quay đầu ra là đủ biết Hoa hay Việt. Tương tự, xem cách xử lý chén rượu cúng (uống hay đổ ra đất) cũng phân biệt đâu là cách của cư dân Việt. Việc tiếp nhận yếu tố Hoa và sử dụng nó làm tài sản của mình đã thể hiện bản lĩnh và sức sống của tập quán, tín ngưỡng dân gian truyền thống của người dân Biên Hòa - Đồng Nai luôn bền vững trong giao lưu văn hóa và tiến trình phát triển.

**3- Tập quán, tín ngưỡng của người bản địa là một thành tố quan trọng trong việc hình thành tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai.** Địa bàn trung du hiện nay ở Đồng Nai còn có những tộc người Mạ, Xtiêng, Châu Ro, K'ho. Những tộc người thiểu số này còn ở trình độ thấp, sống du canh du cư, ít truyền thống văn hóa; trong đó chỉ có người Mạ để lại dấu vết có quan hệ với cư dân Việt. Tập quán, tín ngưỡng của họ để lại trong người dân Biên Hòa - Đồng Nai không nhiều lắm, chỉ thấy bóng dáng của “ó ma lai” trong kiêng kỵ của người phụ nữ sinh nở và thấp thoáng uy lực của “nữ thần lúa” trong vai trò của người phụ nữ trong việc chọn giữ bông lúa giống, “đón mẹ lúa” vào bờ.

Người Khmer là lớp cư dân bản địa còn lưu nhiều vết tích trong tập quán, tín ngưỡng của người dân Biên Hòa - Đồng Nai. Với ông Tà có nguồn gốc người Khomer, người dân Biên Hòa - Đồng Nai có thêm một vị thần đất “Ông Địa giữ nhà, ông Tà giữ ruộng”, và khi cần thiết để phù trợ việc gì đó, Ông Tà cùng ông Địa được tin cậy, nhờ vả bằng lời khẩn: “Vái ông Tà, Ông Địa”. Từ đó Niek Ta





thâm nhập vào thần điện miếu Thổ thần cư dân Việt với bộ dạng là hòn đá lạ. Tàn dư tập quán, tín ngưỡng của người Khomer còn biểu hiện ở Linh Sơn Thánh Mẫu với lai lịch một nữ thần Khmau của người Khomer, tục gọi là Bà Đen được cư dân Việt lẫn người Khomer phụng thờ.

Yếu tố bản địa rõ nét nhất trong tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai có lẽ là tập quán, tín ngưỡng của người Chăm. Văn hóa Chăm thì in đậm dấu ấn của nó trong sinh hoạt văn hóa của cư dân Việt. Nhánh xương rồng giữ cửa cho sản phụ chỉ có thể xuất phát từ xứ sở của tháp Chăm. Tục Nằm lửa của sản phụ và chiếc võ lửa làm dấu hiệu, vốn có nguồn gốc từ cổ tục của người Chăm. Người Chăm theo mẫu hệ nên đầu củi cháy quay vào trong là dấu hiệu sinh con gái, còn cư dân Việt thì ngược lại. Tương tự, có thể truy nguyên ra bóng dáng của tín ngưỡng Chăm qua hàng loạt sinh hoạt tín ngưỡng như: Cúng tá thổ, thờ cúng Thiên Y A Na Ngọc Diễm phi, thờ cúng cá Ông. Rõ nhất là vũ điệu “múa bóng dâng bà” của xứ sở Chăm đã được tích hợp trong Hát bóng rồi; vị thần mang lý lịch Chăm Maha Khẩn (Cẩn) lại thường được mời gọi trang trọng ở các lễ hội đình, miếu và luôn có vị thế ngang hàng với các vị thần phối tự khác. Yếu tố bản địa xuất hiện trong tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai không phải là phép cộng mà là một sự hòa nhập, bằng tâm thế của người chủ mới biết ơn, thủy chung, rộng mở với các chủ nhân vô danh. Đĩa rau luộc - chén mắm nêm, mâm cúng đất đai, bánh cúng bánh cấp trong lễ thí thực, cổ tục cúng Tá thổ ở vườn ruộng đó là những nghĩa cử trong tập quán, tín ngưỡng của cư dân Việt thể hiện lòng thành của mình đối với người bản địa, chính nó tạo ra sự chung sống hòa bình chứ không phải xung đột.



Điện thờ bà Thiên Y A Na

4- Các yếu tố Việt - Hoa - Chăm - Khomer có sự sống hòa hợp tạo thành sự “cân bằng sinh thái tâm linh” trong tập quán, tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt, trong đó, yếu tố tập quán, tín ngưỡng dân gian truyền thống của dân tộc Việt là cái trục, là cốt lõi của sự vận hành, phát triển. Nhưng sự vận hành, phát triển ấy không phải tự thân, một chiều mà diễn ra trong ảnh hưởng chi phối của tam giáo:

Phật, Nho, Lão.

Phật giáo gần như là tôn giáo chính của cư dân Việt, có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong tập quán, tín ngưỡng dân gian. Các dòng Phật giáo đến Đồng Nai có xuất phát điểm khác nhau nhưng cùng chung một điểm từ thành phần dân dã, thuộc tầng







lớp nghèo, thân phận phiêu tán cho nên dễ đồng cảm với cư dân Việt, dễ hòa vào dòng mạch tín ngưỡng dân gian. Giáo lý của Phật giáo nhằm giải thoát chúng sinh cho nên đồng hành với người cùng khổ; nhưng người dân Biên Hòa - Đồng Nai dường như chỉ dung nạp “tâm Phật” của Phật giáo chứ ít chìm đắm vào thiên la địa võng của giáo lý và con đường tu tập khổ hạnh. Nghi thức Phật giáo được vận dụng trong việc thờ cúng của cư dân Việt: cầu siêu ở đám tang, chay đàn thí thực, cúng cô hồn, cúng lễ ngày sóc - vọng hàng tháng. Tính tích cực xã hội đậm màu sắc dân dã của cư dân Việt, đồng hành với ý nguyện hướng thiện cầu an, tôn kính ông bà, hiếu thảo với cha mẹ, cư xử tốt với mọi người vốn là truyền thống tốt đẹp của cộng đồng dân tộc Việt Nam (cũng là đạo lý của Nho gia) khiến cho khó có thể phân định được nguồn gốc tín ngưỡng dân gian hay tín ngưỡng Phật giáo - Nho giáo.

Nho giáo - Đạo Khổng, ít tính chất tôn giáo nhưng lại có quyền lực qua bộ máy thống trị của triều đình phong kiến. Ngoài những phẩm chất Nho giáo đã thấm sâu vào đời sống của người Việt từ lâu đời, Nho giáo đến với vùng đất mới còn tác động đến tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai bằng hai con đường chủ yếu: Tư tưởng chính thống qua bộ máy hành chính và tri thức của nho sĩ bình dân. Ở Đồng Nai, bộ máy hành chính ra đời muộn hơn sự hình thành cộng đồng dân cư ít nhất hơn 20 năm. Cho nên, tập quán, tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt có cội rễ bền vững hơn tư tưởng Nho giáo. Thậm chí nhiều lúc nó đã chiến thắng, “sự sống” của Cô Bóng Hiên là một thí dụ. Tuy nhiên với quyền lực thống trị, triều Nguyễn vẫn nén được tư tưởng chính thống vào tín ngưỡng dân gian bằng cách sắc phong cho Thành Hoàng, định điển lệ, ban hành nghi thức tế lễ, thờ cúng ở làng xã. Từ đó, nghi lễ thờ cúng ở Đồng Nai đi vào khuôn phép, phân rõ thứ bậc, tôn ti. Tín ngưỡng dân gian đã phục tùng chữ “Lễ” của Nho giáo. Nhưng chính Nho giáo cũng phải thừa nhận thần linh trong tín ngưỡng dân gian. Nếu Khổng Tử chưa chính thức thừa nhận quỷ thần thì các Chúa Nguyễn, từ Nguyễn Hoàng trở đi đều tiếp nhận và huy động các thần linh của dân gian vào việc vun đắp và bảo vệ sự nghiệp của mình. Do đó mà nhiều thần linh như thần nữ áo xanh, thần rái cá đều có thần tích gắn với việc tôn vinh nhà Nguyễn.

Đạo giáo ở Đồng Nai không có hệ thống cơ sở thờ cúng như nhiều nơi khác nhưng ảnh hưởng của nó rất sâu rộng trong đời sống người dân Biên Hòa - Đồng Nai. Trò đồng bóng người Việt ở Đồng Nai - Gia Định rất tin chuộng mà Trịnh Hoài Đức nhắc đến trong Gia Định Thành thông chí có lẽ là một dạng biểu hiện của Đạo giáo. Ảnh hưởng của Đạo giáo trong dân gian rõ nhất là vai trò của thầy pháp trong thờ cúng. Họ là những “môi giới” giữa cõi người và cõi âm, có pháp thuật điều khiển âm binh âm tướng, chuyên nhận thông tin từ cõi âm đến cõi người và ngược lại. Ở những lễ cúng Tá thổ, cúng thế, động thổ, tống phong thầy pháp là nhân vật chính. Bóng dáng của Đạo giáo còn thể hiện ở tập quán, tín ngưỡng dân



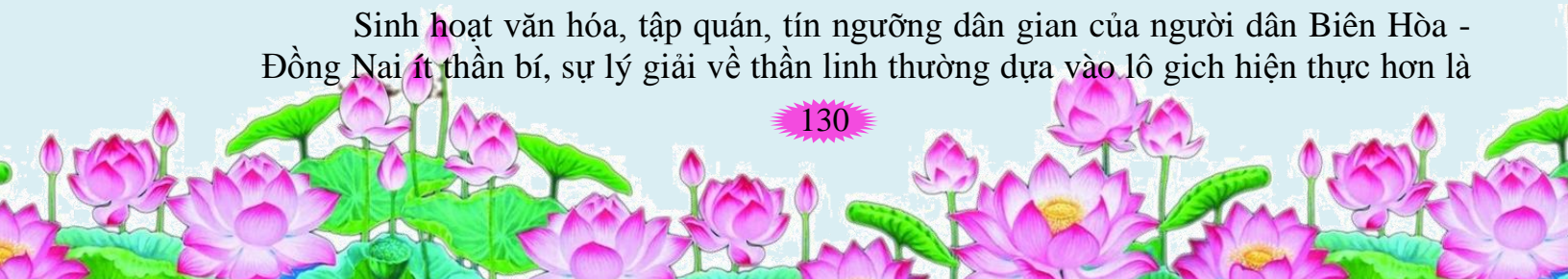


gian của cư dân Việt qua các vị hành binh, hành khiển luân phiên cai quản cõi người trong năm, hoặc các ma thuật trời yểm, bùa chú trong sinh hoạt thường ngày.

Với những yếu tố trên, tập quán, tín ngưỡng dân gian người dân Biên Hòa - Đồng Nai mang tính hỗn dung, hay nói cách khác là đa hệ trong cơ cấu cũng như trong biểu hiện. Đây không phải là đặc tính riêng của cư dân Việt ở Đồng Nai, nhưng nó thể hiện ở Biên Hòa - Đồng Nai rất đậm nét. Cơ sở kinh tế - xã hội của nó là nền nông nghiệp đa hệ sinh thái: Biển - sông rạch - vườn ruộng - bán sơn địa với nền thương nghiệp phát triển khá sớm. Cho nên, các chủ thể tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai gồm đa thành phần, trong đó tầng lớp thương nhân và thị dân đóng vai trò quan trọng. Tất cả đều hướng lòng tin vào thần linh phù hợp với vị thế của tầng lớp mình rồi lại vươn đến hình ảnh chung nhất của cộng đồng. Về thần Đất chẳng hạn, từ một vị thần chung chung phân hóa thành nhiều vị thần khác nhau có chức năng liên quan đến đất, rồi lại tích hợp thành một bộ “ông Địa - Thần Tài” phù hợp với cả nông dân, thương nhân và thị dân; thậm chí có sức thuyết phục cả giáo dân. Dường như, bất cứ sinh hoạt văn hóa, tập quán, tín ngưỡng dân gian nào của người dân Biên Hòa - Đồng Nai cũng biểu hiện tính đa hệ ở cả ba mặt: Nguồn gốc hình thành, cơ cấu bên trong và biểu hiện bên ngoài. Chỉ riêng việc “nằm lửa” của sản phụ cũng đã thấy các hệ tín ngưỡng Hoa - Việt - Chăm đan xen, hội nhập và cùng biểu hiện.

Đa hệ, hỗn dung nhưng không hỗn tạp, bởi các nhân tố hợp thành tập quán, tín ngưỡng dân gian chẳng phải theo phép cộng đơn thuần mà là sự tích hợp có hệ thống. Xét ở mặt nào thì hệ thống ấy cũng bền chặt; tập quán, tín ngưỡng dân gian trọn vẹn với vòng đời người - cộng đồng gia đình - cộng đồng xã hội; bao quát ở các cõi Trời - Người - Đất; trải rộng ở các vùng sông nước - vườn ruộng - rừng núi; gồm các hệ tín ngưỡng truyền thống - ngoại nhập - bản địa; với hệ thần linh gồm các dạng ông bà (tổ tiên) - nhân thân - thiên thân; có giới tính nam - trung tính - nữ; và tên tuổi hữu danh - ý niệm chung - vô danh; dưới hình thức riêng lẻ - cặp đôi - bộ (gồm nhiều vị); thuộc các loại chính thống - nửa chính thống - dân dã; có quan hệ tiếp biến với Nho giáo - Phật giáo - Đạo giáo; được phân bố vị trí thờ cúng hài hòa giữa trung tâm với trái - phải, trước - sau, trong - ngoài, trên - dưới, nó bền chặt đến mức nếu có nhân tố gia nhập mới thì đó chỉ là sự hòa nhập, thêm vào chứ không phải là sự thay thế hoặc thay đổi cơ chế. Nhưng nó không khép kín, không bảo thủ, mà chính sự đa hệ, đa dạng đã tạo ra khả năng nhạy thích ứng, dễ “làm quen” với văn hóa Đông - Tây, kim - cổ trên cơ sở giữ được truyền thống của người dân Biên Hòa - Đồng Nai. Từ đặc điểm này, có thể giải thích được tính quảng giáo, rộng mở, nhạy bén với cái mới nhưng không ở rời cội nguồn dân tộc của người dân Biên Hòa - Đồng Nai.

Sinh hoạt văn hóa, tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai ít thần bí, sự lý giải về thần linh thường dựa vào lô gích hiện thực hơn là





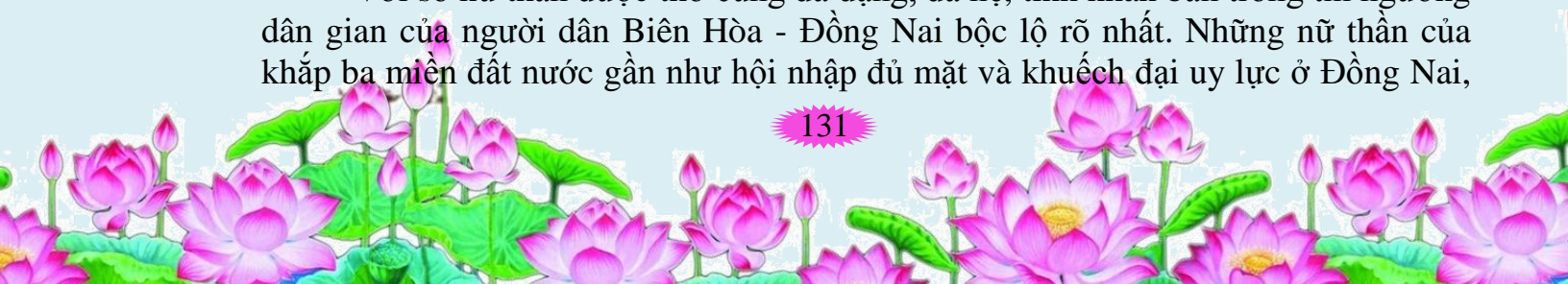


trí tưởng tượng thần thoại. Cho nên, các yếu tố phi lý bị giản lược, hủ tục không nhiều, thần linh có lý lịch và thần tích giản đơn, hợp lý, ít được cường điệu hoặc kỳ diệu hóa; từ đó gần gũi và thân thiết với cõi người hơn. Bà Ngũ Hành với ý niệm chung về sự vận hành của trời đất dần dần được thờ phụng phổ biến hơn các bà đầy huyền thoại khác. Thành Hoàng bốn cảnh cũng được biểu niệm chung gắn với vai trò “bảo hộ và quản lý đất đai” tại chỗ hơn là việc tìm đường nối kết với thần linh bằng con đường thần thoại hóa. Thần linh trong tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai không đối lập, cũng không cách biệt với cõi người, nhân tính nhiều hơn thiên tính, ban phúc hơn là giáng họa, hiếm thấy tà thần, dâm thần; do vậy, người Đồng Nai đối với thần linh bằng lòng thành tri ân hơn là sự sợ hãi, phục tùng. Tục kiêng tránh sát sanh khi cúng Phi Vân tướng quân Nguyễn Phục; kiêng cúng Võ Tánh heo quay; không cúng Tả quân Lê Văn Duyệt heo thiến... vì tế nhị chứ không phải do kiêng sợ.

Sinh hoạt văn hóa, tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai không xa cách với đời sống hiện thực, tính tích cực xã hội được hiện thực hóa trong sinh hoạt xã hội rất rõ nét: kết nối giữa đời sống tâm linh và hoạt động xã hội. Mụ Vườn vừa trong vai trò thầy cúng thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng dân gian, vừa là thầy thuốc góp phần chăm lo việc sinh sản ở nông thôn khi hệ thống y tế cơ sở chưa hoàn chỉnh; tục lệ về hôn nhân có cốt lõi là hợp đồng trách nhiệm giữa đôi vợ chồng mới với gia đình hai bên và xã hội; việc tang nghiêng về ý nghĩa bảo hiểm cái chết; hội đình, hội miếu tham gia tích cực trong công tác xã hội của làng như tang tế, bốc thuốc, dạy học, hòa giải, từ thiện. Sự nhích gần giữa sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian với đời sống hiện thực cũng là sự nhích gần giữa trú sở của thần linh với thiết chế văn hóa cơ sở.

Sinh hoạt văn hóa, tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai thể hiện ý nghĩa nhân bản ở mức độ cao. Người dân Biên Hòa - Đồng Nai thành kính thờ phụng thần linh nhưng không lệ thuộc vào thần linh, càng không chịu đóng khung trong khuôn mẫu có sẵn. Nghi thức cúng đình thần tuân theo điển lệ nhưng thực hiện không “nghiêm túc”, như việc sử dụng cờ, lọng, lỗ bộ chẳng hạn. Triều đình Nguyễn ban hành rất nhiều qui định nhằm khuôn phép hóa việc cúng tế ở đình, nhưng ít có qui định nào được chấp hành đầy đủ; mỗi đình đều có cách làm khác đi, ở miếu càng phóng túng hơn, ở gia đình thì hoàn toàn tùy tâm. Khi vương quyền Nguyễn suy yếu rồi sụp đổ, các thiết chế của phong kiến sụp đổ theo, nhưng cái đình vẫn nguyên vẹn ý nghĩa trong tín ngưỡng dân gian; đến khi thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ cai trị bằng một thiết chế khác hẳn, cái đình vẫn vững gốc mặc dù vỏ vật chất của nó bị tổn hại nặng nề.

Với số nữ thần được thờ cúng đa dạng, đa hệ, tính nhân bản trong tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai bộc lộ rõ nhất. Những nữ thần của khắp ba miền đất nước gần như hội nhập đủ mặt và khuếch đại uy lực ở Đồng Nai,





nó thâm nhập vào thần điện của đình, chùa; lôi kéo cả nữ thần của Phật giáo, Thiên Chúa giáo, thậm chí lấn át cả nam thần. Với vai trò đặc biệt của phụ nữ Biên Hòa trong chủ quyền đất đai thì cũng sẽ dễ thấy vị thế tương tự của họ ở đình làng, vốn là thế giới của nam quyền. Ngoài các thánh mẫu thường phải dự phần, nhiều đình ở Biên Hòa - Đồng Nai còn có bàn thờ “Tiên đại phụ nhân”, với nghi thức thờ cúng vượt khỏi tục giỗ hậu thông thường. Khi có một hệ thống nữ thần đầy uy lực trong tâm tưởng, sinh hoạt văn hóa, tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai không chìm đắm trong khuôn khổ Nho giáo, không bị ràng buộc trong các nghi thức cổ hủ rườm rà; đã sàng lọc, loại bỏ nhiều yếu tố phi nhân bản. Cho dù có thay đổi như thế nào thì nhân tố con người vẫn là giữ vai trò chủ thể trong tập quán, tín ngưỡng chứ không phải thần linh hay áp lực nào khác.

Do hình thành muộn và bị đứt gãy bởi nhiều biến cố lịch sử, tập quán, tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai hiện tồn tại trong mâu thuẫn giữa niềm tin và tri thức. Niềm tin ở tập quán, tín ngưỡng dân gian còn cội rễ trong lòng người nhưng tri thức về nó đã rơi rụng nhiều dẫn đến sai lạc, chấp vác và sự phục hồi tùy tiện, thậm chí khác với bản tính ban đầu. Hiện tượng tâm lý “có thờ có thiêng”, “tứ tung linh tàng” đang phổ biến. Đó là mảnh đất hoang để những kẻ vụ lợi gieo cấy mầm mống có hại. Việc phục cổ một cách máy móc và hành vi mua thần bán thánh tinh vi cũng có nguồn gốc từ đây. Tập quán, tín ngưỡng có lòng tin mà thiếu hiểu biết rất dễ đồng hành với mê tín, dị đoan.

Sinh hoạt văn hóa, tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai là một hiện tượng thực tế không thể phủ nhận được. Nó đã từng là “món ăn tinh thần” để người dân Biên Hòa - Đồng Nai hình thành, phát triển, vượt qua gian khổ, chiến tranh; và nay tiếp tục gắn với đời sống tinh thần của con người trên bước đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Dù muốn hay không muốn thì vai trò, ý nghĩa của sinh hoạt văn hóa, tập quán, tín ngưỡng dân gian vẫn tác động đến công cuộc xây dựng và phát triển xã hội. Nếu biết nuôi dưỡng, dẫn dắt, khai thác và cải biến hợp lý thì có thể hướng tập quán, tín ngưỡng dân gian đi vào mục tiêu nhân văn, xây dựng được xã hội bình ổn đậm đà bản sắc dân tộc.

## **B.- LỄ HỘI KỶ YÊN ĐÌNH XUÂN LỘC, LONG KHÁNH NĂM 2018**

Khoảng đầu thế kỷ XIX vùng đất Xuân Lộc - Long Khánh tuy đã thành lập các đơn vị hành chính và chịu sự quản lý của nhà Nguyễn nhưng chủ yếu vẫn là nơi sinh sống của các dân tộc bản địa. Khi thực dân Pháp bắt đầu đặt nền móng cai trị lên các tỉnh Nam bộ, năm 1865 chúng chia tỉnh Biên Hòa thành 5 sở tham biện: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Long Thành,







Bảo Chánh, trong đó sở tham biện Bảo Chánh bao gồm cả vùng đất Long Khánh ngày nay. Lúc này đã có những người dân di cư từ khắp nơi về đây sinh sống, chủ yếu làm nghề khai thác lâm sản. Họ là những lưu dân tứ xứ, quần cư, sinh cơ lập nghiệp và lập nên làng Xuân Lộc vào nửa cuối thế kỷ XIX. Gắn liền với sự hình thành làng là nhu cầu tín ngưỡng tâm linh nên đình - chùa ra đời. Trong ký ức của người dân, từ người già đến trẻ ở Long Khánh vẫn ghi nhớ cái tên rất đời thân thuộc, đó là đình làng Xuân Lộc - chùa làng Xuân Lộc. Cụm di tích đình Xuân Lộc - chùa Xuân Hòa thuộc loại hình di tích lịch sử cấp tỉnh được UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng theo quyết định số 982/QĐ-UBND, ngày 28/3/2008.

### 1. Đình Xuân Lộc

Do nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, sinh hoạt cộng đồng nên dân làng Xuân Lộc cùng nhau góp công, góp của dựng nên đình Xuân Lộc trên khoản đất công của làng rộng chừng 14.000m<sup>2</sup> vào năm 1912. Ban đầu đình quay mặt về hướng Đông, dựng bằng tre, lợp tranh, vách nứa và xin sắc thần dưới triều vua Duy Tân. Vì bất cẩn nên sắc thần bị mối ăn, Đại Hương cả làng Xuân Lộc là Lưu Văn Nghi cùng các hương chức đệ sớ lên triều đình Huế xin ban sắc thần mới. Khải Định năm thứ hai sắc tứ phong thần và chuyên về cho Thông đốc Nam kỳ, thông tư cho làng Xuân Lộc tổ chức lễ rước trọng thể, an sắc tại đình và lưu giữ đến ngày nay. Người dân làng Xuân Lộc lấy ngày nhận sắc làm lễ Kỳ yên hàng năm (ngày rằm tháng 2).



Năm 1925, do đình hư hỏng nên ông Đại Hương cả Lưu Văn Nghi chủ trương trùng tu lại ngôi đình. Đình dựng bằng cây, vách ván, lợp ngói, nền gạch. Tuy ngôi đình còn thô sơ nhưng do tâm sức của nhiều người đóng góp mà thành nên rất được nhân dân tôn kính. Năm 1930, chính quyền địa phương mở mang đường sá, làm con đường phía sau lưng đình (nay là đường Nguyễn Văn Cừ) nên đình phải “phản tiền chi hậu”, quay mặt ra đường lớn về hướng Tây như ngày nay. Năm 1940, nhận thấy ngôi đình quá nhỏ, chật không đủ chỗ để tổ chức mỗi khi tế lễ nên ông Hương quản Xuân Lộc Trần Văn Sanh đứng ra vận động mọi người đóng góp xây dựng một nhà võ ca làm nơi hát bội cúng thần vào các dịp Kỳ yên.

Đến năm 1962, ngôi đình có nhiều bộ phận bằng cây bị hư mục nặng, hương chức Xuân Lộc quyết định thành lập Ban trùng tu đình do Ông Nguyễn Văn Nhỏ làm trưởng ban và Ông Huỳnh Văn Ngân làm cố vấn. Ngôi đình được dỡ ra và xây dựng lại hoàn toàn với tổng chi phí là 319.034 đồng (tiền Sài Gòn) do bà con dân làng Xuân Lộc và Phật tử gần xa đóng góp. Lần trùng tu này, chánh điện đình Xuân Lộc được xây mới bằng gạch, lợp ngói, nền lát gạch bông. Trong khuôn viên đình



được xây thêm miếu thờ Ngũ Hành nương nương. Làng Xuân Lộc đã mời nhóm thợ mộc ở Long Xuyên đảm trách phần cột, vì kèo và nhóm thợ trang trí người Bình Định phụ trách việc đắp nổi các hoa văn, họa tiết như hình cuốn thư, long phụng, mai hạc... Năm 1980, Ban Hội đình quyết định xây dựng miếu thờ Liệt sĩ để ghi nhớ công ơn các liệt sĩ đã xả thân vì nước. Đến năm 1991, đình lại được tu sửa, xây thêm một nhà khách và tạo nên diện mạo như ngày nay.

Đình Xuân Lộc tọa lạc trong một khuôn viên rộng rãi, bằng phẳng với nhiều cây cổ thụ, cây ăn trái rợp bóng mát quanh năm. Mặt tiền đình quay về hướng tây giáp với đường Nguyễn Văn Cừ, phường Xuân An, thị xã Long Khánh. Nhìn tổng thể, đình Xuân Lộc có kiến trúc hình chữ tam với nhà võ ca, chánh điện và hậu điện tiếp nối nhau; bên cạnh chánh điện là nhà khách và miếu Ngũ hành nương nương. Đình có 2 cổng ra vào, cổng chính ngay trước mặt đình, rộng 4m, cao 2m, cánh bằng sắt chỉ được mở vào các dịp lễ Kỳ yên. Cổng phụ rộng 3m thường xuyên mở cửa cho nhân dân đến cúng bái. Ba mặt khuôn viên đình được bao bọc bằng hàng rào xây bằng gạch và sắt cao khoảng 1,8m, mặt tiếp giáp với các hộ dân sống liền kề có hàng rào tam bằng cây, riêng hàng rào mặt tiếp giáp chùa Xuân Hòa có cổng nhỏ thông sang chùa.

Ngay sau cổng chính của đình là bức bình phong bằng xi măng rộng 3m, cao 1,6m, đắp nổi hình thân hổ, đây được xem là lá chắn không cho tà ma vào đình quấy phá. Mặt sau bức bình phong là bàn thờ Thần Nông, là bàn thờ của hầu hết cư dân nông nghiệp mong cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt. Sau bình phong là nhà võ ca. Xưa kia võ nhà ca lợp bằng ngói móc; năm 1991 được trùng tu lại, kiến trúc kiểu chông diêm, hình vuông mỗi chiều 12m, bộ khung làm bằng gỗ, mái tôn giả ngói, nền lát gạch bông. Võ ca là nơi diễn xướng các tuồng tích mỗi dịp lễ Kỳ yên. Khoảng sân nhỏ ngay trước chánh điện đình Xuân Lộc được lát gạch. Giữa sân đặt một lư hương cao 1,3m bằng xi măng cần góm, sứ với các mô típ trang trí long phụng, mây hoa lá... Hai bên là miếu thờ Bạch mã Thái giám và Lang lại Đại tướng quân rộng 1,5m, cao 2,2m xây bằng gạch, lợp ngói móc.



Chánh điện đình Xuân Lộc có diện tích khoảng 64m<sup>2</sup> (8m x 8m) được xây bằng gạch thẻ, lợp ngói móc (vẩy cá), nền lót gạch bông, kiến trúc kiểu tứ trụ với bộ cột, vì kèo bằng gỗ tốt như cẩm xe, gỗ, cẩm... đưa phần mái lên cao tạo không gian nội thất rộng rãi, thông thoáng. Trên nóc chánh điện có tượng lưỡng long tranh châu rực rỡ nhiều màu sắc nổi bật trên nền trời và hình cuốn thư với ba chữ “Tối linh thần” bằng chữ Hán. Hàng cột trước chánh điện có các câu đối sau:





**Xuân gian thụ sắc thiên hoa mãn / Lộ trình tuyên thanh bá đạo phi**

Dịch nghĩa: **Sắc cây khoản xuân ngàn hoa rộ / Tiếng suối triền đồi trăm đạo đầy**  
và **Long như hoa thảo thiên niên tại / Khánh tựa thủy nguyên vạn đại tồn**

Dịch nghĩa: **Đủ đầy như hoa cỏ ngàn năm / Mừng vui tựa nguồn nước muôn đời**

Đáng chú ý là các chữ đầu của các cặp đối này ghép lại thành tên của làng xã Xuân Lộ - Long Khánh. Chánh điện có ba cửa ra vào, hai cửa bên rộng 2,2m, cửa chính giữa rộng 3,3m chỉ mở vào dịp lễ Kỳ yên. Chánh điện được bài trí từng lớp ban thờ như sau:

**- Lớp thứ nhất:** bên phải là ban thờ Tiên hiền, bên trái thờ Hậu hiền, chính giữa là bàn thờ có di ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ban thờ Tiên hiền và Hậu hiền có hình thức là một tấm gỗ chạm hoa văn mây hoa lá, chính giữa là chữ “Tiên hiền”, “Hậu hiền”, hai bên có đôi câu đối bằng chữ Hán, bức chạm này được đặt trên một bục xây bằng xi măng, cao 1m, rộng 1m; phía trước bày các đồ thờ. Đôi câu đối ở bàn Tiên hiền như sau:

**Tiên khai sơn lộ cảnh / Hiền hóa vạn dân khang**

Dịch nghĩa: **Tiên nhân khai phá lập nên cảnh đẹp / Dùng điều hiền khiến muôn dân no ấm**

Ban Hậu hiền có đôi câu đối:

**Hậu khản huy mô tú / Hiền thù đức trạch uông**

Dịch nghĩa: **Hậu theo khuôn mẫu đẹp / Hiền rủ ơn đức đầy**

**- Lớp thứ hai:** bên phải là ban thờ Đông hiền, bên trái thờ Tây hiền, chính giữa là Bàn thờ La liệt. Bàn thờ Đông, Tây hiền bằng gỗ dài 1,3m rộng 0,8m. Bàn thờ La liệt bằng xi măng lát gạch men, hình vuông mỗi chiều 1,4m.

**- Lớp thờ cuối ở chánh điện:** bên phải là Hữu ban, bên trái là Tả ban, chính giữa là điện thờ Thần Thành hoàng. Tả ban có đôi câu đối:

**Tả triển uy đối cứ / Ban bài lệnh độc nghiêm**

Dịch nghĩa: **Tả ra oai hùng cứ / Ban bài lệnh riêng nghiêm**

**Hữu ban: Hữu dự tình kỳ diệu / Ban phù tướng tương dư**

Dịch nghĩa: **Cánh phải cờ xí rực rỡ / Ban phù tướng (văn) tướng (võ) đông đầy**

Điện thờ Thần được bài trí trang nghiêm. Chính giữa thờ Thần Thành hoàng (tượng bằng gỗ mít nài), hai bên tượng thờ có 2 cây kiếm lệnh bằng kim loại, ngay dưới chân tượng là hộp gỗ đựng sắc của vua Khải Định phong Thần Thành hoàng làng Xuân Lộ năm 1918. Sắc viết:





Sắc Biên Hòa tỉnh, Bình Lâm Thượng tổng, Xuân Lộc thôn  
Phụng sự bốn cảnh Thành hoàng tôn Thần  
Hộ quốc tì dân nhằm trừ linh ứng  
Tứ kim phi thừa cánh mệnh miễn niệm Thần hưu  
Trừ phong vi Đôn Ngung Dực Bảo Trung Hưng chi thân  
Chuẩn kỳ phụng sự thứ kỳ thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân khâm tai  
Khải Định nhị niên tam nguyệt thập bát nhật.

Dịch nghĩa:

Sắc tôn thần Thành Hoàng phụng sự bốn cảnh làng Xuân Lộc, tổng Bình Lâm Thượng, tỉnh Biên Hòa. Thần giúp nước, che chở nhân dân, nhiều lần biểu hiện chuyệy linh ứng.

Nay đây, (trẫm) phụng thừa mạng trời, luôn nghĩ đến công ơn giúp đỡ của thần nên phong cho là thần Đôn Ngung Dực Bảo Trung Hưng.

Chuẩn thuận cho nhân dân tại đây phụng sự thần, ngõ hầu thần tiếp tục giúp đỡ bảo vệ con dân của trẫm.

Hãy nghiêm túc thi hành sắc này.

Ngày 18 tháng 3 năm Khải Định thứ 2.

Các ban thờ đều có lư đồng, đỉnh đồng to nhỏ khác nhau. Đặc biệt điện thờ Thần có một cặp hạc đồng cao 0,8m và một cặp nhỏ khoảng 0,4m; trước điện có một cặp hạc bằng xi măng cao 1,8m. Ngoài ra trong chánh điện còn có các hoành phi, liễn đối như:

“Thần ân đại hải” ( Dịch nghĩa: ân rộng như biển lớn)

Thánh đức cao cầu tất linh đảo tất ứng

Thần công viễn thị vô hình thánh vô thanh

Dịch nghĩa: Thánh đức cao vút, cầu tất linh, xin tất ứng

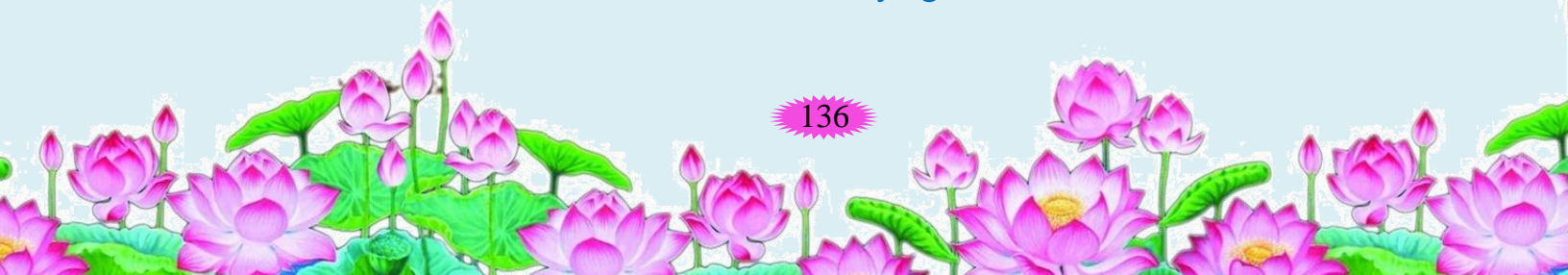
Công thần xa vợi, nhìn không thấy hình, nghe không thấy tiếng.

Hay: **Hiển thánh Nam bang đấng đấng uy linh nhân hộ quốc**

**Xuất thần Việt địa dương dương thịnh đức nghĩa tỳ dân.**

Dịch nghĩa: Hiển thánh nước Nam oai linh bằng bạc nhân từ giúp đỡ nước

Xuất thần đất Việt thịnh đức tràn đầy nghĩa khí che chở dân.







Liên kề với chánh điện là Hậu điện có diện tích 48m<sup>2</sup> (8m x 6m) xây bằng gạch, lợp ngói, nền xi măng; đây là nơi thờ Tiên sư, Hậu bối. Ban thờ Tiên sư có đôi câu đối sau:

**Vạn cổ ân quang thù phổ chiếu / Thiên thu đức hiển vĩnh miên tường**

Dịch nghĩa: **Muôn thuở ân ngài luôn rộng khắp / Ngàn năm đức rạng mãi dài lâu**

Bàn Tiên sư thờ bài vị các bậc tiền nhân đã có công lao to lớn với làng xã, giúp dân lập nghiệp như các vị: Lưu Văn Nghi, Bùi Văn Vĩnh... Ngoài ra Hậu điện còn dùng để chứa các vật phẩm phục vụ cho các nghi lễ của đình.

Bên phải chánh điện đình Xuân Lộc là Nhà khách xây dựng năm 1991 làm nơi tiếp khách, hội họp của đình. Nhà khách có diện tích 90m<sup>2</sup> (9mx10m), xây bằng gạch ống, mái tôn, nền tráng xi măng. Nội thất nhà khách đơn giản, chỉ bài trí một số bàn ghế phục vụ cho làm việc và tiếp khách. Cách Nhà khách khoảng 30m về tay phải là Miếu thờ Ngũ hành Nương nương, diện tích khoảng 30m<sup>2</sup> (5mx6m) xây vách kín bốn mặt bằng gạch, lợp tôn, nền lát gạch hoa; hai bên có cửa ra vào rộng 1m. Bộ cột, vì kèo miếu bằng gỗ tốt, trên các cột đều có liễn đối ca ngợi công đức và sự hiển linh của các Bà như:

**Anh phong viễn tí giang thiên ngoại / Thần đức trường thù quốc trạch trung**

Dịch nghĩa: **Anh phong che chở xa ngoài cõi / Thần đức rữ thương mãi trong nước**

Hay: **Hải tịnh ba di cộng ngưỡng thần quang phổ chiếu**



**Dân an vật phụ thành chiêm đức trạch ông dương**

Dịch nghĩa: **Biển lặng sóng im cùng ngưỡng thần quang rộng chiếu**

**Dân an vật đủ thành chiêm ơn đức dồi dào**

Miếu có Bàn thờ 5 Bà tượng trưng cho Ngũ hành, trong đó tượng 4 bà bằng gỗ mít và một tượng bằng xi măng. Hai bên ban thờ Ngũ hành là bàn thờ Cô, Cậu theo hầu các Bà. Phía trước miếu Ngũ Hành cũng có nhà võ ca có cấu trúc, kích thước tương tự như võ ca trước chánh điện đình Xuân Lộc. Hàng năm nhân dân tổ chức cúng lễ ở miếu Ngũ hành vào ngày 10/10 âm lịch, ngoài ra trong lễ Kỳ yên của làng các Bà cũng được phối hưởng.



Miếu thờ Ngũ hành nương nương ở đình Xuân Lộc, Long Khánh

Sát bên miếu Ngũ Hành nương nương là miếu thờ Liệt sỹ kích thước 4m x 5m, xây bằng gạch, lợp ngói tây, nền lát gạch tàu. Bàn thờ Liệt sỹ có hai câu thơ trích từ hai bài Đường thi nổi tiếng:

**Nhật mộ hương quan hà xứ thị** (Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu)

**Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi** (Lương Châu từ của Vương Hàn)

Dịch nghĩa: **Chiều tối giữa đường không biết đâu là quê nhà**

**Xưa nay chinh chiến mấy người đi trở về**



Miếu thờ Liệt sỹ tại đình Xuân Lộc, LK

Miếu nằm khiêm tốn trong ánh nắng chiều soi qua tàng cây, thêm đôi câu thơ trầm mặc khiến cho người thăm viếng không khỏi bồi ngùi, xúc động nhưng cũng thêm kính trọng, ghi nhớ công lao của các liệt sỹ đã xả thân vì nghĩa nước.

Nhìn chung các hạng mục kiến trúc của đình Xuân Lộc được phân bố hài hòa, phía trước có khoảng sân rộng trồng nhiều cây trái.

Đặc biệt trước sân đình có giếng cổ được đào cùng thời gian khởi dựng đình (năm 1912). Tương truyền, xưa kia nhân dân quanh vùng đều đến đình để lấy nước giếng này về dùng vì nước trong, vị ngọt. Cạnh giếng nước là cây sung cổ thụ trồng từ năm 1932 đến nay vẫn xanh tốt và trĩu quả, biểu tượng cho sự sung túc của làng Xuân Lộc.

Hiện nay, Đình Xuân Lộc còn lưu giữ những hiện vật có giá trị như sau: Một tượng Thần thành hoàng bằng gỗ mít nài cao khoảng 70cm được tạc năm 1940;





Một long đình dùng để rước sắc thần bằng gỗ, chạm khắc tinh xảo các hình rồng phượng và các hoa văn mây, hoa, lá làm năm 1940; Một cặp kiếm lệnh của Thần Thành hoàng bằng kim loại; Một hộp gỗ đựng sắc cùng sắc thần vua Khải Định ban năm 1918; Hai cặp rùa đội hạc bằng đồng, một cao 0,8m, một cao 0,4m; Hai cặp liễn đối bằng gỗ hình lòng máng, chạm khắc tinh xảo, được phụng cúng năm 1940; Một cặp phù điêu chạm rồng hình lòng máng; Bốn tượng Bà bằng gỗ mít và một tượng xi măng trong miếu Ngũ hành. Ngoài ra còn hàng chục lu đồng, đỉnh đồng to nhỏ khác nhau.

## **2. Lễ kỳ yên đình Xuân Lộc năm 2018**

Quan niệm thờ Thần Thành hoàng ở Nam bộ nhìn chung là tương đối giống nhau về nghi thức lễ bái, phẩm vật dâng cúng do đa số các làng miền Nam hình thành phục vụ cho quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp chứ không có hèm, cỗ tích riêng. Tuy nhiên, do yếu tố địa phương khác nhau và tập quán sản xuất, sinh hoạt khác nhau nên nghi lễ cúng Thần có biến đổi cho phù hợp. Đình Xuân Lộc tổ chức lễ Kỳ yên vào ngày 14, 15 tháng 2 âm lịch. Mục đích của lễ Kỳ yên là cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, đất nước thái bình, nhân dân yên ổn... Do đó ngoài việc cầu cho dân an, vật thịnh còn có các nghi lễ tổng ôn, tổng phong để xua đi những bệnh dịch, tà quỷ ra khỏi làng. Ngày xưa, lễ Kỳ yên ở đình Xuân Lộc gồm các nghi thức như: Lễ tinh sanh; Lễ rước sắc; Lễ khán sắc; Lễ Túc yết; Lễ tiên hiền, hậu hiền; Lễ xây châu. Ngày nay lễ Kỳ yên chỉ còn lại các nghi thức như: Lễ tinh sanh; Lễ khán sắc; Lễ Túc yết; Lễ Hậu bồi. Lễ vật cúng trong lễ Kỳ yên thường có:



**Nghi lễ Kỳ yên đình Xuân Lộc năm 2018**

- Xôi: ngày xưa, vào dịp lễ Kỳ yên mỗi gia đình trong làng đều dâng một mâm xôi cúng Thần để tỏ lòng tri ân Thần đã giúp cho mùa màng bội thu, sức khỏe dồi dào, gia đình êm ấm. Ngày nay chỉ còn một số ít nhà mang xôi cúng đình, đa số họ cúng bằng các hiện vật, hiện kim.

- Thịt: lễ vật tế Thần theo quy định xưa kia là “Tam sanh” gồm thịt ba con vật heo, bò, dê. Ngày nay đình Xuân Lộc chỉ còn dùng thịt heo để tế Thần.

- Con gói: chỉ chung các loại heo quay mà dân làng dâng cúng để trả ơn Thần đã giúp đỡ phù hộ cho mình.



**Lễ vật cúng trong lễ Kỳ yên đình Xuân Lộc**



- Heo com: là heo dùng để tế Tiên hiền, Hậu hiền nên cũng phải làm lễ Tỉnh sanh. Sau khi tế xong thì xẻ thịt đãi khách, người giúp việc trong đình và gánh hát phục vụ trong lễ Kỳ yên.

- Rượu, trà, bánh trái: lễ tế Thần dâng một tuần trà, ba tuần rượu, phải là rượu trắng. Ngoài ra dân làng dự lễ dâng cúng đủ loại bánh trái, hoa quả.

**\* Chương trình - nghi thức lễ Kỳ yên:**

Sáng ngày 14/2 âm lịch làm lễ tắm Thần. Sau đó làm lễ mở cửa đình, dọn dẹp trên dưới, chuẩn bị nhang đèn, lau chùi lu đồng, đỉnh đồng... Các phẩm vật chia ra các ban thờ như: bàn thờ Thần 3 phần, bàn Hội đồng 3 phần, Hậu bối 3 phần, Liệt sĩ 3 phần, miếu Ngũ hành 5 phần, các bàn khác 1 phần... Đúng 19 giờ tối cúng xôi chè, mời thầy tụng kinh cầu an cho nhân dân, làng xóm. Sáng ngày 15 có các nghi lễ sau:



Dâng hương lễ Kỳ yên đình Xuân Lộc 2018

**2.1-Lễ Tỉnh sanh:** Bồi tế lạy Thần xin làm lễ tỉnh sanh, đồ tế lạy Thần rồi đốt vàng bạc tại nơi con heo bị thọc huyết. Sau đó nhỏ một ít lông gáy bỏ vào ly và hứng một chút máu tươi để làm lễ ế mao huyết. Toàn bộ Ban Tế tự đình tập trung, chỉnh tề y phục sắp làm hai hàng, tay cầm nến thắp sáng vào đình xá lạy trình diện Thần. Về nghi thức Ế mao huyết: học trò lễ bung song đăng, nhất đài đi trước, Bồi tế lấy ly mao huyết theo ra ngoài sân, dùng dao đào đất lên, đổ ly mao huyết xuống, khấn vái Thần, rót rượu tưới xung quanh, đốt vàng bạc rồi lấp đất lại.

**2.2-Lễ Khán sắc:** cử hành theo lời Lễ sinh xướng.

- **Bổn hội viên chức tề ban:** đứng nghiêm
- **Phân ban:** tắt nến, ai về chỗ người đấy.
- **Củ soát lễ vật:** mỗi người kiểm tra lễ vật ở bàn mình xem đầy đủ chưa, riêng Chánh tế kiểm tra bàn La liệt.
- **Bổn hội viên chức đồng khán sắc:** các vị khán sắc vào chỗ.
- **Thọ sắc:** bung hộp sắc lên.
- **Chuyển sắc:** đem hộp sắc xuống.
- **Giai quy:** các vị khán sắc quỳ xuống, Chánh tế cũng quỳ, hai tay bung hộp sắc.
- **Khai sắc:** mở hộp sắc ra.
- **Khán sắc:** xem sắc







- Hiệp sắc: thay vàng bạc, cuộn sắc, cho vào hộp đây lại.
- Thượng sắc: đưa sắc lên.
- An sắc: trả sắc về chỗ cũ.

### 2.3-Lễ Túc yết:

- Chấp sự tựu vị: ba vị đánh mõ, chiêng, trống cầm dùi vào xá Thần.
- Chấp sự giã các tư kỳ sự: ba vị lui ra, ai về chỗ nấy.
- Khởi thái bình: đánh ba hồi mõ
- Khởi minh chinh: đánh ba hồi chiêng.
- Khởi đại cổ: đánh ba hồi trống lớn.
- Nhạc sinh tựu vị: ban nhạc khăn áo chỉnh tề vào chỗ.
- Nhạc sinh nghinh thần: ban nhạc xá lạy Thần.
- Khởi nhạc: đánh ba hồi chín chập nhạc lễ.
- Nhạc sinh hoàn cựu sở: ban nhạc về chỗ cũ.
- Thái bình, chinh, cổ, nhạc hòa minh: nhạc, trống, mõ, chiêng cùng đánh.
- Chánh niệm hương tựu vị: chánh niệm hương vào chỗ.
- Nghệ quán tẩy sở: chánh niệm hương lại chỗ để chậu nước và khăn lau
- Quán tẩy: rửa mặt, rửa tay.
- Thuế cân: lau mặt, lau tay.
- Chỉnh y quan: sửa lại khăn áo.
- Phục vị: vào chỗ đứng
- Phân hương: đốt nhang.
- Niệm hương: dâng hương.
- Thượng hương: cắm nhang vào lư.
- Nghinh thần cúc cung bái: cúi lạy.
- Hưng bình thân: đứng lên (lạy 4 lần như vậy).
- Xảo thoái: lui ra.
- Chánh tế, Bồi tế, Tả ban, Hữu ban, Đông hiến, Tây hiến, Tiền hiến, Hậu hiến tựu vị: mỗi người vào chỗ đứng ở bàn mình tế.



Trình diễn nghi thức cúng đình của miếu ông Đạ, thị xã Long Khánh



- Nghệ quán tẩy sở, quán tẩy, thuế cân, chỉnh y quan, phục vị: như chánh niệm hương đã làm.

- Nghệ hương án tiền: Học trò lễ vào, hai người đi trước cầm song đăng, hai người đi sau cầm chén than và hương. Các cô đào đi sau cùng, tất cả vào chánh điện.

- Giai quy: tất cả mọi người đều quỳ, kể cả các bàn khác.

- Niệm hương: chánh tế dâng hương ngang trán vái lạy Thần.

- Chuyên hương: đưa chén hương cho học trò lễ.

- Tân hương: học trò lễ đi lên bàn thờ (Chánh tế vẫn quỳ). Lúc này các cô đào thài:

*Trăm đàn phối kết năm mây*

*Mùi hương phảng phất nhẹ bay chín tầng*

*Hiển tuần hương là hiển tuần hương.*

- Thượng hương: Ban tế lễ tiếp hương đặt lên bàn thờ Thần. Học trò lễ và các cô đào quay ra ngoài.

- Nghinh thần cúc cung bái: các vị cúi lạy.

- Hưng bình thân: tất cả đứng lên (lạy 4 lần như vậy).

- Xảo thối: các vị lui ra.

- Bồn hội, viên chức, nam nữ đồng lai bái: tất cả nam nữ cùng vào lạy.

- Chánh tế, bồi tế tựu vị: chánh tế, bồi tế vào chỗ.

- Hành sơ hiến lễ: hiến tuần rượu thứ nhất. Học trò lễ chuẩn bị

- Nghệ tửu tôn sở: Học trò lễ đi vào chánh điện, các cô đào theo sau.

- Giai quy: tất cả cùng quỳ.

- Chước tửu: Chánh tế rót rượu vào ly, vái Thần, trao ly rượu cho Học trò lễ.

- Chuyên chước: Học trò lễ đứng dậy, những người khác vẫn quỳ.

- Tân chước: Học trò lễ đi lên bàn thờ. Đào thài:

*Kim phiêu phi lễ cựu phần*

*Sơ tuần tẩy thượng cầu Thần giáng lâm*

*Hiển tuần sơ là hiển tuần sơ.*

- Nghệ tửu chánh điện tiền: Ban tế lễ tưới rượu. Học trò lễ và đào thài quay ra.

- Cúc cung bái: các vị cúi lạy.

- Hưng bình thân: đứng lên (lạy 4 lần như vậy).







- **Nghệ độc chúc vị:** Hương văn vào trước chánh điện, Học trò lễ cầm đèn.
- **Giai quy:** Hương văn và Học trò lễ quỳ.
- **Chuyển chúc:** đem bản sớ vào, Học trò lễ soi đèn cho Hương văn.
- **Độc chúc:** Hương văn đọc bản sớ.
- **Hưng bình thân:** đứng lên xá Thần.
- **Xảo thôi:** Hương văn lui ra.
- **Hành á hiến lễ:** hiến tuần rượu thứ hai, nghi lễ như lần hiến tuần rượu thứ nhất.  
Các cô đào thài:

*Trung tuần tẩy thượng cầu Thần giáng lâm*

*Hiến tuần trung là hiến tuần trung.*

- **Hành chung hiến lễ:** dâng tuần rượu cuối. Nghi lễ vẫn như trước. Đào thài:

*Khôi khôi đức đội non đương*

*Thất văn phát hiến hữu thành tắc lâm*

*Hiến tuần chung là hiến tuần chung.*

- **Nghệ âm phước dị:** Học trò lễ lên bàn thờ Thần, ban tế lễ sớt rượu đã cúng Thần vào ly cho Học trò lễ bung ra.

- **Giai quy:** Học trò lễ và Chánh tế quỳ xuống.

- **Âm phước:** Chánh tế uống rượu Thần ban cho. Đào thài:

*Âm phước thọ nhờ ơn thần thánh*

*Âm phước rồi khỏe mạnh dưới trên.*

- **Xảo thôi:** Chánh tế uống rượu xong lui ra lau miệng.

- **Phục vị:** Chánh tế vào chỗ cũ

- **Điểm trà:** Học trò lễ bung trà, đi thẳng vào chánh điện, Ban tế lễ tiếp trà dâng lên bàn thờ Thần. Các cô đào thài:

*Voi voi chén ngọc ve vàng*

*Ô long phát nhiễu phụng loan giao đầu*

*Điểm trà phô là điểm trà phô.*

- **Tạ thần cúng cung bái:** tất cả lạy Thần 4 lạy theo nhịp Học trò lễ xướng.

- **Hưng bình thân:** đứng lên.

- **Xảo thôi:** tất cả lui ra.





- **Phần chúc:** Hương văn đốt văn tế.
- **Lễ thành:** Học trò lễ và các đạo lạy Thần.

**2.4- Lễ Hậu bồi:** đây là nghi lễ tế các vị tiên nhân đã có công lập làng, dựng đình. Lễ phẩm cũng gồm rượu, trà, bánh trái, hoa quả nhưng nghi thức tương đối đơn giản hơn lễ Túc yết. Ngoài ra, hàng năm đình tổ chức cúng vào các ngày (âm lịch) như sau:

- Ngày 25/12 (giáp ần): cúng vịt, xôi, chè.
- Ngày 3/1 (khai sơn): cúng gà tại đình Thần, miếu Ngũ hành và bàn thờ ông Hổ.
- Ngày 15/8 (trung thu): cúng bánh, trái cây, trà.
- Ngày 10/10 tổ chức cúng vía Bà ở miếu Ngũ hành nương nương.

Nhìn chung lễ Kỳ yên ở đình Xuân Lộc về cơ bản tương tự như đa phần các đình Nam bộ khác. Tuy nhiên do tính địa phương nên cũng có một vài đặc điểm khác biệt, chẳng hạn như tại đình Xuân Lộc, người ta cúng Tiên hiền, Hậu hiền chung trong lễ Túc yết chứ không chia ra. Khi làm lễ Túc yết, các học trò lễ cũng dâng luôn rượu, trà... lên bàn thờ Tiên hiền, Hậu hiền.

### C.- NHỮNG VIỆC LÀM CỦA BẢN THÂN ĐỂ PHÁT HUY VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.

Bản sắc văn hóa dân tộc là tổng hòa những giá trị văn hóa bền vững, được hình thành, phát triển gắn với lịch sử dựng nước và giữ nước, đó là những giá trị bền vững, những tinh hoa được hun đúc trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc. Bản sắc văn hoá dân tộc phản ánh diện mạo, sắc thái, cốt cách, tâm hồn, tâm lý, thường xuyên được hun đúc, bổ sung và lan tỏa, trở thành tài sản tinh thần đặc sắc, tạo nên sức mạnh gắn kết cộng đồng và để phân biệt sự khác nhau giữa dân tộc này với dân tộc khác.



Bảo tồn bản sắc văn hóa được hiểu như là các nỗ lực nhằm bảo vệ sự tồn tại của bản sắc văn hóa theo dạng thức vốn có của nó; Phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là những hành động nhằm đưa bản sắc văn hóa dân tộc vào trong thực tiễn xã hội, coi đó như là nguồn nội lực, tiềm năng góp phần thúc đẩy sự phát triển đất nước bền vững về mọi mặt, mang lại những lợi ích vật chất và tinh thần cho con người, thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”. Trong giai đoạn hiện nay, với vai trò của một người thanh niên,







việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, em thấy bản thân cần phải làm những việc như sau:

1- Là thanh niên, cần phải nhận thức rõ tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc để có những hành động đúng đắn trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc mình, làm phong phú thêm nền văn hóa của nước nhà. Có nhận thức sâu sắc, đúng đắn về vai trò của bản thân trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động, nêu cao tính tiên phong gương mẫu của người đoàn viên về đạo đức cách mạng “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”. Muốn vậy, em phải có lối sống trong sạch, lành mạnh, sống có lý tưởng, luôn rèn luyện, trau dồi đạo đức để trở thành người có ích cho xã hội. Không sống theo lối sống thực dụng, ham danh lợi, hưởng thụ; chây lười, gây mất đoàn kết nội bộ, vi phạm pháp luật Nhà nước, các tệ nạn xã hội.



Giao lưu văn hóa công chiến Tây Nguyên

2- Có lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - tổ quốc. Có lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, giản dị trong lối sống. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, nếu không có ý thức đầy đủ sẽ dẫn tới tình trạng đánh mất bản sắc dân tộc trước sự “quốc tế hoá” của văn hóa, khoa học và công nghệ.



Giao lưu thanh niên với tình yêu biển đảo quê hương

Xây dựng bản lĩnh dân tộc được xem là vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Bản lĩnh dân tộc được kết tinh trong lối ứng xử mềm dẻo, khôn ngoan dựa trên nguyên tắc giữ vững tính độc lập, tự chủ trong giao lưu và hội nhập, không đóng cửa khép kín nhưng cũng không được buông lỏng tùy tiện, “không chồi từ” tinh hoa văn hóa nhân loại, nhưng cũng

“không sùng tín” các yếu tố ngoại lai không phù hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Có lẽ trước hết cá nhân em phải nhận thức được tầm quan trọng của việc giữ gìn bản sắc văn hóa theo cách nghĩ: mọi cái sẽ đi qua, cái còn lại của mỗi dân tộc là văn hóa. Vì vậy, em cần phải xây dựng các chuẩn mực giá trị đạo đức, gương mẫu làm công việc tốt, có lối sống đẹp. Tích cực học tập, nghiên cứu về truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc để có cách nhìn đúng đắn về việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.



3- Tiếp bước cha anh, có nhận thức đúng tình hình và nhiệm vụ, nêu cao chí tiến thủ, phát huy phẩm chất tốt đẹp và thể mạnh của tuổi trẻ, xung kích, đảm đương những việc khó, nơi khó, chấp nhận mọi gian nan, thách thức, chủ động, sáng tạo, góp phần tạo nên những thành tựu mới to lớn và có ý nghĩa xã hội. Trở thành tấm gương thanh niên tiêu biểu trong lao động sản xuất, trong hoạt động văn hóa - xã hội, cũng như trong nhiệm vụ bảo vệ, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện đền ơn đáp nghĩa, vì cuộc sống cộng đồng. Tích cực tham gia thực hiện các cuộc vận động “Nghĩa tình biên giới, hải đảo”; “Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” và thực hiện tốt phong trào “5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”, “4 đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”. Giúp người dân đẩy mạnh phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống; đấu tranh bài trừ mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội, giúp đỡ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn.



Ngày hội giao lưu văn hóa sinh viên

4- Kiên quyết đấu tranh chống sự xâm nhập và ảnh hưởng của các hiện tượng phản văn hoá, sự chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm trong đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn



Nghệ nhân công chiền xã Túc Trưng biểu diễn

và miễn dịch với nó. Tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới một cách có chọn lọc, học tập ở Bác Hồ sự gắn bó chặt chẽ giữa truyền thống và hiện đại. Theo Người, mọi hiện đại, tiên tiến đều bắt nguồn từ truyền thống tốt đẹp. Từ tầm nhìn của một nhà văn hóa lớn, Người luôn nhắc nhở chúng ta phải biết quý trọng vốn cổ dân tộc, “dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”. Vì vậy, việc phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc là rất cần thiết, là việc phải làm, nhưng quan trọng hơn là phải biết vận dụng và phát triển những bản sắc ấy vào cuộc sống. Đó chính là cách tốt nhất để bảo vệ và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

5- Phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc phải luôn đồng hành cùng việc tuân thủ pháp luật, bởi vì pháp luật chính là cái thước để điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội. Pháp luật giáo dục con người tính tự giác, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng xã hội, trong đó có ý thức về việc giữ gìn và phát huy





bản sắc văn hóa truyền thống. Giữ gìn và phát huy thuần phong, mỹ tục, phát huy truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn, hiếu thảo, thủy chung của dân tộc; thực hiện các hành vi ứng xử văn minh trong giao tiếp, ăn, ở, đi lại; phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, bài trừ các hủ tục trong ma chay, cưới hỏi, thờ phụng. Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, giúp đỡ nhau xử lý tốt các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.

**6- Chấp hành Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL, của Bộ VH-TT&DL về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.** Khi có việc cưới, việc tang phải tuân thủ các nguyên tắc không trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc; không tổ chức các hoạt động mê tín dị đoan; không lợi dụng việc cưới, việc tang để hoạt động nhằm chia rẽ



đoàn kết dân tộc, gây mất đoàn kết trong cộng đồng, dòng họ và gia đình; không làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn công cộng; không tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức. Việc cưới, việc tang phải tuân theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch, pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về y tế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**7- Nâng cao trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chống văn hóa ngoại lai.** Luôn luôn chăm lo giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đó là truyền thống yêu quê hương đất nước, sẵn sàng chiến đấu hy sinh, xả thân vì sự nghiệp độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội; gắn bó với thiên nhiên, với cộng đồng, đoàn kết thủy chung, nhân ái, quý trọng nghĩa



tình, cần cù, yêu lao động, dũng cảm, kiên cường, hiếu học, sáng tạo, sống có đạo đức, có lý tưởng, vì nước, vì dân; ... em cố gắng học tập, lao động để hình thành nên các chuẩn mực, các giá trị đạo đức tốt đẹp trong quan hệ gia đình, cộng đồng xã hội, phù hợp với yêu cầu tồn tại, phát triển của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Bốn phận của em là phải gìn giữ được giá trị tốt đẹp của văn hóa gia đình

**8- Có nhận thức đúng về các giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc để tích cực tuyên truyền cho cộng đồng, gia đình, bạn bè, lối xóm** hiểu tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, để bản sắc văn hóa dân tộc không bị mai một. Tham gia tuyên truyền, vận động, khơi gợi mọi người về trách nhiệm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giúp người dân có cách nhìn đúng, đánh



giá và xác định đúng nội dung bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam ngày nay là lòng yêu quê hương đất nước sâu sắc, là quyết tâm, chung lòng, đóng góp của bản thân trong xây dựng đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Thông qua công tác tuyên truyền, vận động người dân có ý thức và giúp người dân biết giữ gìn những gì đã có, hiểu rõ đâu là cái cần phải giữ gìn, bảo tồn không những cho hôm nay mà còn cho mãi mãi về sau và cái gì cần phê phán, loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội, cũng như không nên ôm ấp tư tưởng vọng ngoại; vận động nhân dân tích cực quảng bá và giữ vững bản sắc dân tộc khi giao lưu, hợp tác quốc tế. Ngoài ra, thông qua các di tích lịch sử cách mạng, địa chỉ đỏ để giáo dục truyền thống dân tộc cho đoàn viên, thanh niên; Phát huy vai trò bảo tàng, di tích lịch sử, địa chỉ đỏ trong giáo dục thanh thiếu niên hiện nay thông qua mô hình “Học cùng di sản và trải nghiệm thực tế”.



**9- Tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa do Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức** để cùng có trách nhiệm với cộng đồng trong việc góp phần phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc; chú trọng giữ gìn, bảo vệ những nét văn hóa độc đáo mà cha ông ta đã chắt chiu, vun đắp; khơi dậy niềm tự hào, ý thức kế thừa văn hóa trên tinh thần sáng tạo. Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại trên tinh thần tự chủ và bản lĩnh Việt Nam, thích ứng với nhu cầu và điều kiện thực tế của xã hội. Trong giao lưu văn hóa luôn giữ vững nguyên tắc, sự trao đổi văn hóa là bình đẳng, làm cho cộng đồng quốc tế hiểu rõ và chấp nhận, tôn trọng giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam.

Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thanh niên là lực lượng nòng cốt xung kích trên mọi mặt trận. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, đang đặt ra những yêu cầu mới, đòi hỏi thanh niên phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, kế thừa phát huy cao độ bản sắc văn hóa dân tộc. Để tiếp nối truyền thống vẻ vang và tự hào, em sẽ phấn đấu, cống hiến hết sức mình để giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng và phát triển đất nước, xứng đáng là thanh niên thời đại Hồ Chí Minh./





## **THÔNG TIN VỀ NGƯỜI DỰ THI**

- Họ và tên: **TRƯỜNG THỊ ÁI DUYÊN**
- Sinh ngày: 9 tháng 12 năm 1991
- Giới tính: Nữ
- Nghề nghiệp: Nhân viên
- Dân tộc: Kinh
- Đoàn viên: Đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
- Đảng viên: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam
- Đơn vị công tác: Văn phòng Tổng Công ty Cao su Đồng Nai
- Nơi thường trú: 186/38 Nguyễn Trãi, phường Xuân Hòa, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: 03 49 49 48 48
- Địa chỉ email: [aiduyen.truong@gmail.com](mailto:aiduyen.truong@gmail.com)

